

Tác Giả và Tác Phẩm

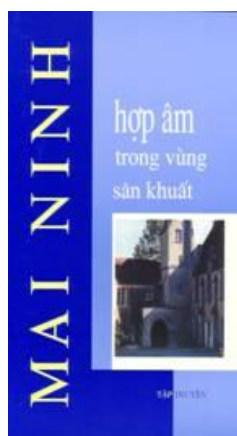
Mai Ninh

Tiểu sử

Tên thật: Trần Thị Mai Ninh. Sinh năm 1950 tại Sài Gòn. Hiện đang sống ở Normandie, Pháp.

Tác phẩm

Hợp âm trong vùng sân khấu
Đời tôi (dịch từ Ma Vie của Marc Chagall) - Áo đăng (tuyển tập 14 truyện ngắn)



Mục Lục

| |
|--|
| Hợp âm trong vùng sân khấu – 2 |
| Nỗi cô vọng của Mai Ninh – Thụy Khuê - 6 |
| Ấm ướt những cơn mưa – 10 |
| Mưa đá âm dương – 17 |
| Phòng vấn Mai Ninh - Lê Quỳnh Mai – 22 |
| Vách mặt trắng – 29 |
| Gặp lại Mai Ninh – Nguyễn Ngọc - 37 |

Phụ đính I:

Độc Cổ Ngự qua Đêm Nghi Ngại
Mưa mùa xa – Ngồi mãi bóng đêm - Biển đầm
Những chiếc kéo sau cơn địa chấn - Áo hoa sương núi
Đào trụi - Đoàn khúc vùng sậy khô – Dấu nứt đêm
Con đường đôi cát

Phụ đính II:

Miên, một bước đi dài hơn thế kỷ

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Hợp âm trong vùng sân khấu

Nắng chỉ nghiêng xuống khoảng sân hai giờ một ngày là nhiều nhất. Từ nơi tôi đứng, nếu nhìn chéo về bên trái sẽ bắt gặp những con chim phượng thiên trên mấy tấm màn cửa sổ được kéo ra mỗi ngày trong cùng khoảng thời gian ấy, để đón nắng cho óng ả chậu cây xanh của người đàn ông màu tóc đã bạc phơ. Còn trước mặt, tầm nhìn bị chặn ngang bởi bức tường bọc quanh khu vườn toà lâu đài cũ xưa. Bao nhiêu cảnh phong bím sâu trên đá tổ ong lồi lõm, điểm những cụm hoa dại nở tùy mùa. Nhưng ngoảnh sang tay phải, tôi sẽ lọt hẫng vào hai khung kính to, trong vắt, treo lơ lửng trên vòm cổng dẫn vào mảnh sân chung lát những hòn đá xám, kê vuông vức bằng nhiều lần cỏ xanh chẳng bao giờ được cắt xén. Thỉnh thoảng người bạn ghé qua, đứng gần bàn viết cạnh cửa sổ, thốt một câu đã hỏi nhiều lần. Thế nào được, với bức tường lừng lững ngang đầu và các hình chữ nhật lẫn ô vuông đóng khung bên trái, bên phải, dưới chân. Tôi cười lãng đãng, hiểu làm sao thế giới ấy, những con người loanh quanh trong vùng sân khấu lấp.

Ngay dưới tầng lầu tôi ở, người đàn ông cỡ tuổi bốn mươi chạy ra chạy vào với thằng bé phụ bếp. Cả hai đến từ miền Nam nước Ý, mang theo màu da nâu ngăm, giọng nói đục, và cái cười không dè sẻn. Quen thuộc nhất là những buổi chiều khi nắng ngả, tôi nghe vọng lên tiếng huýt sáo mấy âm điệu " *Torna a Sorrento* " lẫn với mùi sốt cà chua và các loại lá thơm. Tất cả như bốc thành hơi lên lối trong vườn chanh xanh um lá, ửng quả vàng cạnh bờ biển mà anh ta một năm đóng cửa hiệu ăn hai tuần để trở về thăm viếng. Mỗi lần, anh đem thằng nhỏ đang phụ bếp trả lại, rồi dẫn sang đứa khác. _ Signora à, tuổi này lơ mơ là lêu lổng làm bậy ngay. Tôi cười. _ Chẳng biết có phải hẳn là thằng nhỏ đã xì lốp xe tôi trước tiệm cà-phê làng Sorrento thơ mộng của anh không ? Anh ta cãi. _ Đâu có chuyện đó ở quê tôi, chỉ xảy ra ở Naples thôi, chính mấy đứa này tôi đem từ đó tới. Nói rồi, miệng búng thẳng cái hạt ô-liu bay vọt. Giá những khe cổ có nhiều đất hơn, với bao nhiêu hạt anh ta đã nhổ, hẳn một ngày sẽ có cây ô-liu mọc lên trong mảnh sân này. Anh đưa tay vò vò mái tóc dày đen của thằng bé vừa lọt tuổi trưởng thành, đang cán những sợi mì trên chiếc bàn gỗ kê gần cửa ra sân. Nó lắc đầu tránh né làu nhàu bằng tiếng mà nhờ nghe quen tôi đoán ra ý nghĩa. Mỗi thằng nhỏ khi nói được ít câu tiếng xứ này, để bắt chuyện với tôi và người đàn ông già có chậu cây xanh, thì lại lên đường về quê. Đôi lần tôi hỏi anh chủ, sao chẳng để chúng học nghề lâu hơn, anh ta khua tay cười cười, cặp lông mày rậm nhuộm lên chùng xuống. _ Còn nhiều chuyện để làm, còn lắm thứ để làm... Signora.

Tiếng hát " *Come back to Sorrento* " ấy là của buổi chiều. Đến chín giờ tối tới phiên những nốt dương cầm trong bản concerto thứ 26 của Mozart tuôn xuống từ khung cửa có màn chim phượng. Âm thanh từng chuỗi reo trong rồi bùng lên cùng với dàn nhạc mạnh mẽ đặng quang. Người đàn ông tóc trắng nghe nhiều nhạc cổ điển, nhưng cứ ở khoảng đêm tối đó ông ta để đĩa nhạc này. Ông sống một mình, ít người lui tới, thường đi ra ngoài rồi trở về lúc gần trưa, khi anh phát thư dặt chiếc xe đạp vào qua vòm cổng. Hai người hay trao đổi vài câu trước thùng thư của tôi. Thỉnh thoảng tôi về ngang lúc ấy, ông già nghiêng đầu chào và anh phát thư vội vàng rút lại xấp thư đã bỏ vào thùng, đưa cả cho tôi. _ Nhiều thư và sách báo quá, làm sao đọc hết. Ông già tự nhiên nhún vai đáp hộ. _ Cũng phải hết. Một lần, ông ta đề nghị mang giùm tôi lên lầu. Căn gác tôi ở chỉ có mỗi khung cửa sổ nhìn xuống vùng sân ấy, không đủ ánh sáng nên tôi để nó trần trụi, không màn, không cây cảnh. Ông già có vẻ ngạc nhiên trước không gian nhỏ hẹp, đọc cái giường đầy gối chiếm hết góc phòng và một bàn viết với ba cái ghế. Những thứ ấy nằm gọn giữa những bức tường che kín bằng kệ sách. Tôi quay vào bếp cắm máy cà-phê, ông ta đến gần bàn để chồng thư từ lên đó. Vừa mở tủ lấy hộp đường tôi vừa nhìn ra, cái túi ni-lông đặt trên sàn gỗ lồi thanh bánh mì dài và cộng tôi tây.

Ông ấy đang đứng trông ra mấy cây bạch dương mọc cao trên vùng đất phía bên vườn lâu đài, mái tóc sáng rưng rưng như lá bạc, bỗng nói thản nhiên. _ Cô chong đèn khuya lắm. Tôi đáp vớ ra. _ Tùy khi tôi hứng. _ Thế à, ngày xưa... tôi có làm thơ, nhưng thích đọc hơn. Tôi bụng khay cà-phê đến gần. _ Bây giờ thì không ? Người đàn ông quay lại, tôi ngỡ ngàng bắt gặp, trên khuôn mặt đậm dấu thời gian, một ánh mắt xanh bàng bạc. _ Hồi xưa, mở tờ báo ra là thấy thơ, bây giờ, muốn đọc thơ phải tới nhà sách, phải đi tìm mua mới có, phải bới lục trong cả rừng tạp chí và sách báo. Ngay cả, cô không thấy sao, tiểu thuyết truyện dài, tự truyện đầy ối, nhưng truyện ngắn khó tìm.

Khi ông ta cầm túi ni-lông đi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng bước chân chậm chạp, khác hẳn những câu nói mau mắn, rõ ràng vừa qua. Từ trên cửa sổ tôi nhìn theo dáng ông hơi gù lưng thững đi về nhà mình, dừng lại trước hộp thư, mở ra, trống lốc, rồi từ từ đóng lại. Lúc ấy tôi chỉ mong đến chín giờ đêm, để âm thanh lỏng lẻo rộn ràng của bản concerto đề lấp giùm tôi cảm giác bùi ngùi. Tôi trở lại bàn viết, những con rối của tôi đang múa may trên nhiều trang giấy dờ dang với những nếp đời bừa bộn quá. Con này mang bộ mặt thảm đạm đến quái đản, luôn luôn chực chờ rập rình, tưởng mình sắp cho ra đời thứ triết lý hiện thực nhất để chứng minh sự tận diệt của con người. Con kia từng bừng bùng thả tâm hồn lẫn thân xác trong bất cứ giờ phút sống nào, nhưng chỉ cần trong một giây nhìn lại quanh mình, bắt gặp cái " không thời gian, không không gian, không một ai ", là đủ để rít lên tiếng kêu oằn oại của loài chim trúng tên, sa từ đỉnh núi.

Có nhiều giống chim lạ vỗ cánh về trên những cành cây bên kia khu vườn rộng. Có con chim xanh lông rất mượt với mỏ vàng hay xà xuống tìm sâu trên viền cỏ ô vuông, rồi bay vút lên đậu ở đôn gỗ chia ra nương những mảnh ngói. Dưới đó là hai khung kính treo trong vắt thường thấp thoáng bóng người đàn ông cuối cùng của thế giới tôi. Gã thanh niên độ chừng hai mươi ba tuổi, ít nói nhất trong bốn người chính thức ngụ trong khoảnh sân này. Không biết chàng ta sống bằng gì, nghe đâu học Beaux Arts (*), người dong dỏng, ra dáng lắm với tấm cạc-tông kênh càng dựng tranh cặp dưới nách. Tóc óng ả, mắt trong như người Bắc Âu, nhưng anh chàng thường thích vào tiệm Sorrento ngồi trước miếng lasagne vàng màu, thơm nhiều lớp. Tới khuya hiệu ăn đóng cửa, chủ và khách còn tiễn nhau với ly rượu trong tay dưới cửa phòng tôi, cười đùa dạy nhau những câu nói lóng và tục. Như ngầm thoả ước, thời gian của âm thanh nơi đây chia đều cho từng người. Chen giữa đầu buổi chiều dành cho anh người Ý trút nỗi sầu xứ trong mấy đoạn *O sole mio...* và chín giờ đêm của bản concerto vừa thánh thót vừa lừng lững là khoảnh khắc lúc ngày tàn, mơn trớn dập dềnh điệu jazz của gã thanh niên. Còn tôi, có quyền đánh thức những người đàn ông này vào buổi sáng. Tùy theo hứng thú vui buồn, thời tiết tốt xấu, mưa gió hay nắng đẹp, tôi tha hồ tung ra từ Barbara, Brel, Beatles tới Collins... có khi rất ngược đời bằng giọng Joan Baez xót xa một thứ Farewell Angelina đã cũ. Không biết tự bao giờ đã như vậy, không ai phản đối ai. Mỗi người sung sướng hân hoan với giờ phát thanh của mình và tôn trọng vùng âm thanh trong người khác. Cũng nhiều lần gã thanh niên về với một tên bạn, chợt những tiếng cười vang lên cùng điệu rock hay disco sầm sầm sau đó. Anh tiệm ăn liền chạy ra sân, tay tung hứng cục bột mì đang nhào nặn, người lác lư uốn éo theo. Thành nhỏ phụ bếp chừng như bừng ngủ, quay tròn bàn tay múa máy với những sợi mì vàng đượm, dù trước đấy nó đã trở mắt trên từng bước đi đom đàng của tên bạn B.A.(*). Còn người đàn ông già dường như ngầm thích thú với sự khuấy động bất chợt trẻ trung. Tỉnh thoảng ông vắng mặt đôi ngày, trước khi đi bê chậu cây để một góc sân nếu trời chưa trở lạnh. Khi trở về xăm xăm mở hộp thư, dù vẫn trống, trừ vài ngày mỗi tháng có phong bì nhà băng và vài hoá đơn điện nước. Những lần như thế, đèn nhà ông tắt sớm, tiếng dương cầm chưa thả hết một mouvement đã ngưng bật, ông ta có vẻ mệt mỏi. Chẳng hiểu ông đi đâu và có xa không. Hình như dáng ông càng ngày càng còm, mái tóc bạc chừng dài hơn vào lúc đông về, tiếp trùng với màu sân đầy tuyết phủ. Vào những ngày không gian mịt mù trắng xoá này, anh chàng thờ dài, những món ăn nức thơm gia vị miền nam như đông đặc, lạc lỗng. Sáng chiều anh quán tạp-dè, chùm mũ len, cầm xẻng hốt những

đóng tuyết trước cửa ra vào cho mỗi nhà chúng tôi, miệng lầm nhảm than tiếc cái nắng vàng tươi trên màu biển xanh ngắt. Có cả những câu lầm bầm tự trách, Sao đã về rồi lại đi. Ông già nằm im trong căn gác. Chỉ có tôi và gã thanh niên vẫn lục xục vào ra vùng sân khuất, cùng nhịp độ.

Đã một dạo, vắng mái tóc vàng dày của chàng Beaux Arts sau hai ô cửa kính bao giờ cũng được anh ta chùi sạch bóng, cang trong suốt hơn trên bờ tường rêu đã bám xanh. Thời gian ấy, khi vệt sáng cuối ngày thu gọn lại chỉ còn đốm nhỏ thoáng trên ngọn bạch dương, ông già đã bắt đầu mở nhạc, như thể ông không chịu được khoảng trống âm thanh của người thanh niên để lại. Nhưng ít lâu sau chàng ta lại về, trời bắt đầu mùa xuân, khoảnh sân sáng lên với nắng ngập ngừng. Tên bạn trai gần nhất của B.A. từng đến và ở lại hai ba hôm bây giờ ghé vội rồi đi, cuối cùng vắng biệt. Không hiểu sao anh ta tự nhiên đổi lấy khúc blues chờn vờn mơn mõi. Từ cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy anh chàng bước nhẹ tênh qua vòm cổng buổi chiều, dáng trở nên phật phờ, xiêu ngã. Chẳng còn gọn ghẽ trong chiếc blouson, tấm áo mưa rộng chum người, dù trời nắng tạnh cổ áo vẫn kéo cao. Một hôm giữa trưa tôi về, ông già còn đứng trong sân, húng hắng ho. _ Dạo này tắt đèn sớm, cô không khoẻ. Tôi loay hoay tìm chìa khoá, lắc đầu. _ Tôi lười. Hết hứng sao ? Tự nhiên tôi ngược về căn phòng người thanh niên, ông già cũng ngừng theo. Hai ô kính vốn trong veo bây giờ loăn ngoăn những vệt mưa khô, hiện rõ dưới ánh mặt trời. Rồi chúng tôi quay lại nhìn nhau. Tôi chán, những nhân vật của tôi, chúng không cho tôi nói hết lời, chúng chẳng chịu nhìn ra điều tôi thấy. Ông già lại ho vài tiếng, đưa tay đỡ hộ tôi mấy cuốn báo vừa rút từ thùng thư, rồi đứng sau lưng chờ tôi mở cửa. Đột nhiên ông nói, như một mình. " Ta thấy, ta thấy. Người thấy gì ? Ta chẳng thấy. Có màu gì ? Ta không thấy. Vấn đề không phải điều gì nhìn thấy được, mà là tự nhìn ra. Cái không màu... Sự trong suốt ". Tôi ngẩn ngơ, chiếc chìa dừng trong ổ khoá. Anh chàng Sorrento bỗng từ trong nhà chạy tuồn ra sân cỏ, ngồi bẹp trên mảng gạch, gục mặt giữa hai đầu gối, nấc lên. Ô, Mamma.

Trưa ấy anh ta khóc, thì đến đêm trời đổ cơn mưa. Nước xối xả trên mái ngói, chảy như sông, cơ hồ làm lún sân mảnh sân hơn nữa. Hiệu ăn Sorrento đóng cửa, người chủ đang sửa soạn lên đường. Tôi nhìn qua hai bên hàng xóm, những ánh đèn từ đó hắt ra, nhoè nhoè sau màn mưa dày đặc. Ông già không vặn nhạc đêm nay. Tôi nằm cong người giữa đồng gối, nhắm tính quãng đường dài từ đây đến ngôi làng ven bờ Tyrrhénienne bên Ý. Không biết anh ta có về kịp đám tang. Vẫn chấp chờn trước mắt tấm ảnh người đàn bà mập mạp, quần khăn quàng rực rỡ. Chỉ thoáng qua, tôi đã thấy cặp mắt sâu nhìn thẳng như muốn nói biết bao điều. Chiều ấy tôi mới được biết, chính người đàn bà này đã bắt con trai út của mình cư mang những đứa trẻ học nghề. Thăng anh của anh chàng Sorrento đã chết trong một cuộc đụng độ băng đảng ở Naples khi vừa hai mươi tuổi. Sáng sớm hôm sau, tôi ngỡ ngàng nhìn bao nhiêu cành lá và những nụ hoa vừa chớm nở từ bên kia khu vườn đã tơi tả bay rụng trên vùng sân sũng nước. Ông già dậy sớm đang lục đục quét gom trước cửa nhà. Người đàn ông trung niên mạnh mẽ, rộng lòng để giúp chúng tôi những lúc ngổn ngang đã đi rồi, trong đêm. Trước đây mỗi lần có biến cố, tên B.A. cũng xuống đảm đương công việc một phần, bây giờ im im. Tôi xắn quần, xách chậu và chổi bì bõm, lòng nao nao khó tả.

Mấy hôm sau đó mây nặng nề trên sân gạch xám. Tôi không làm được gì hơn, đi về tự nhiên hụt hẫng. Thiếu giọng ồ ồ của Sorrento đã đàn, gã thanh niên ít xuống lầu, nhạc anh ta có bật lên cũng chấp chờn, đứt quãng. Còn ông già như sợ tiếng động làm phiền chàng hàng xóm đối diện. Tối tối vẫn cùng bản hoà âm nhưng tiếng phát ra nho nhỏ, tưởng chừng hoà tan, lẫn quẩn với lá đêm. Tất cả như thoi thóp trong không gian bất ngờ hẹp hẫng lại. Có ông y tá ngày hai lần leo lên căn gác chàng thanh niên, nhưng đi qua sân cỏ quá vội vàng. Tôi và ông già cùng nhau lên thăm B.A., vẫn đầy nụ cười có nét gì dịu như con gái, nhưng má trứng sâu và làn da bệch hẫng đi vì thiếu nắng. Lúc trở xuống, dưới chân cầu thang nhà anh ta, ông già cúi nhặt một hạt ô-liu đen khô quắt, để trong lòng bàn tay rồi nắm lại thật chặt. Ngoài công

việc ra, lúc ở nhà, tôi hay đứng gần cửa sổ hơn, nhưng để nhìn mà không thấy như ông già đã lầm nhảm lời J. A. Valente, văn hào Tây Ban Nha, hôm nào. Cho đến một hôm tôi đang bực bội gạch bỏ bôi xóa trên những trang giấy, chợt nghe tiếng chân nhẹ nhưng khác thường và ngập ngừng bước trong sân. Vợ đứng dậy ngó xuống, ông già bên trái cũng đang vén bức màn chim phượng. Một cô gái mặc áo mưa xám, đeo cặp sách đỏ đang ngược nhìn những khung cửa bờ tường bao quanh, cô cầm một tờ giấy nhỏ. Mái tóc đen tròn quay vòng một lượt rồi dừng lại trên hộp thư của B.A.. Nắng ngày vẫn còn đủ để tôi nhận ra đôi mắt to và hai gò má thật hồng trên làn da mặt mỏng. Cô gái lên căn gác đó một chốc rồi xuống cùng ông y tá lầm lì. Hai người trao đổi với nhau vài câu trước khi ra khỏi vòm cổng.

Bầu trời thật im lặng, màu ẩm ướt đọng trên mái ngói và ngấm sâu vào những viên gạch trên mảnh tường ngăn chia không gian còn sống bên này và thế giới cổ độ bên kia. Tôi cảm thấy ngột thở từ mấy hôm nên mở tung cửa sổ, các con chim chẳng biết đã đi đâu bỏ những lùm cây lá bạc đứng yên trong bầu không khí chùng hẫng xuống. Ông già trượt chân trên sân gạch trơn ướt tối hôm qua. Tôi đã bước sang nhà ông sáng nay, cái chân băng bột duỗi ngang trên nệm ghế. Mới thoáng đó thôi mà bất chợt tôi thấy ông cỗi xua như sắp đi hết năm tháng của đời người. Lần đầu tiên, ông đưa bàn tay có những ngón dài khô nắm nhẹ tay tôi lắc lắc. Trên chiếc bàn con cạnh chậu cây xanh, một trang thư bỏ dở, nét chữ khá to, mới ghi được mấy dòng ngày tháng. Tôi không thể giấu vẻ ngạc nhiên khi thấy một xấp phong bì và giấy viết thư nằm ngay ngắn. Ông già kéo cao tấm chăn đắp lại nửa người, chậm rãi. Tôi có thằng con trai cỡ B.A. đi Martinique không về, tôi vẫn viết thư dù nó ít trả lời. Rồi chắc miệng tiếp. Kệ, như vậy tôi đã giữ lời hứa với mẹ nó khi bà ấy qua đời. Ông lại tìm tay tôi, vỗ vỗ. Người ta thường nói, nếu những củ hành năm nay mọc nhiều lớp thì mùa đông tới này lạnh lắm, cẩn thận. Tôi rời ông, bước lại khung cửa, túc những con chim phượng sang hai bên, nhìn thẳng trước mặt. Hai vũng tối âm u hút mắt giữa ban ngày làm tôi choáng người, đưa tay ôm lấy bờ vai. Mãi sau tôi lại có cảm tưởng trước hai ô cửa đối diện ấy có những bóng lá lung linh, và bên kia chúng là dáng dấp gầy thanh của chàng B.A. thấp thoáng. Rồi mắt chợt thấy ánh nắng mong manh nghiêng trên mảnh sân, đang sáng lên màu áo mưa bạc thủy ngân của cô sinh viên y khoa đã đến chăm sóc B.A. vào những tuần lễ sau này. Ba tối mỗi tuần, cô gái nhỏ đạp xe thẳng vào sân ngay lúc bản concerto vỡ bờ như sóng lũ, tựa hồ nâng đỡ người đàn ông già ngày càng chìm xuống trong cuộc sống đi về đơn độc. Cô dựa chiếc xe đạp vào bờ tường, dưới hộp thư B.A., rồi ngược đầu lên về phía phát ra âm thanh đang rộn ràng lay động những con chim phượng dưới ánh đèn. Tôi có cảm giác cô gái ưỡn vai, hít thở, mở toang buồng ngực để lắng nghe một chốc rồi mới mở cửa bước lên cầu thang. Thịnh thoảng tôi thấy cô đứng sau khung kính không còn trong vắt nữa, như thể muốn thu giữ nốt những hợp âm tròn đầy trước khi hạ đèn. Từ đó, còn mỗi bóng đèn chong thấp nhỏ cho đến sớm hôm sau, khi cô ra về nhường chỗ cho người y tá. Nhưng trong đêm, vắng tiếng chàng thanh niên la hét, tôi nhòm dậy chạy ra cửa sổ. Đèn bên ấy bừng sáng lên, bóng cô gái di động, một lát sau tất cả mới trở về với thình lặng của đêm. Và lá trong gió lại tiếp tục rì rào. Tôi trở vào ngồi trước bàn viết, những trang bản thảo đầy chữ mà trống rỗng. Quanh quẩn trong không gian hạn hẹp chỉ có tôi cùng ba người đàn ông ấy, nhưng mỗi cá nhân rã rời như những nốt nhạc riêng lẻ lếch lạch, chẳng kết nối thành một hợp âm nào. Những cảnh sống đơn điệu âm thầm trượt qua nhau. Phải đợi đến những đêm khuya xao động như thế này cùng sự xuất hiện của cô sinh viên trẻ trung đó, với tấm áo sáng bạc và cặp sách đỏ thắm, mới có được vết màu tươi trên bức tranh đời xám ngắt. Nhiều buổi sớm ông già nhẹ nhàng giữ cô gái lại, hát cái nhìn về căn gác B.A., gương mặt hao đi sau một đêm thiếu ngủ của cô tỏ nét ái ngại. Nhưng cuối cùng, bao giờ cô cũng mở nụ cười còn đầy chất hồn nhiên để chào ông và vợ vã đến trường.

Khoác chiếc áo mưa vào người, tôi xuống cầu thang. Những bực cỡ cựa mình đáp trả từng bước một, chậm, lẻ. Dừng lại ở ngưỡng cửa, trên bệ đá gần đấy còn rỏ vỏ chanh của anh Sorrento. Những miếng vỏ đã gọt vàng thơm để đệm hương vị cho nồi thịt bê osso-bucco,

bây giờ quần quoe lên màu âm mốc. Mấy viên gạch nung anh ta vẫn dùng ló lờ nướng pizza ngổn ngang dưới chân tường bên cạnh một hai cái nồi lật úp. Tật bày bừa ra sân của anh Sorrento thường làm ông già càu nhàu, nhưng sau nụ cười đồng lõa với cặp mắt và cái gạt đầu lia lia hứa hẹn, Si, si, sẽ đâu vào đó, đâu sẽ vào đó, Signor... thì tất cả vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Cũng may không có thức ăn gì bày hớ hênh để quyến rũ bọn mèo đêm từ vườn trên đồ xuống. Qua khung kính đục mờ của nhà bếp, ẩn hiện hình thù các vật dụng nấu ăn và chập chờn ánh kim khí sắc lạnh của muối dao muỗng nĩa chung quanh cái lò nướng mở toang đen mờ, rỗng toác. Tôi rùng mình, kéo sát hai vạt áo. Liệu anh ta có về đốt nóng không khí ẩm ướt này. Biết đâu người đàn ông ấy sẽ ở lại với những màu tường vách đá vàng cam rực ối trong cơn nắng miền nam hào phóng. Chẳng hiểu căn nhà bà mẹ anh ta nằm lẫn khuất giữa vùng đất trồng chanh xanh ngắt, tiếp giáp với bãi cát trắng thênh thang ngoài vào biển. Hay nó là một trong những ô nhà ngang hẹp cao lênh khênh lựng chừng trên vách núi. Có bao cành bông giấy đỏ thắm lượn leo từ chân lên đến đỉnh, níu vào những thành vịn cầu thang vòng vèo bao nhiêu khúc, đưa xuống tận chân sóng đập rì rào. Tôi đã từng qua đó, một khách du lịch vô tư nhìn ngắm cảnh lạ, không nghe ra tiếng cười lẫn nhìn thấy vết nám trong tâm hồn người bản xứ tựa anh ta.

Người phát thư vừa dắt xe vào giữa khuôn sân trống, tay khua khua tấm bưu ảnh đến từ Sorrento, vui mừng ra mặt. Anh hiệu ăn nấn nót viết tên ba người theo thứ tự, ông già, tôi, rồi chàng B.A.. Mấy hàng chung bảo sẽ về, và một dòng ân cần nhấn riêng B.A. hãy đợi. Cuối chiều, tôi bước lên đưa cho B.A. tấm thiệp, ở đầu cầu thang chột đưng ông y tá lăm lì tuôn từ trên xuống, suýt đâm sầm vào nhau. Ông ta chạy vội ra cổng rồi lại chạy vào cùng với tiếng còi xe cứu thương rú lên như bay qua mái nhà rồi từ trên không chụp xuống. Tôi nép vào bờ tường, tất cả quay mòng trước mắt. Chẳng bao lâu lại thêm vòng xe đạp lăn tròn của cô gái lợt qua vòm cổng. Cô chột khựng lại, vội vàng nhảy xuống, ngo ngác trước cảnh tượng đang náo động trên sân cỏ này, buông ngang chiếc xe đạp đổ nhào xuống đất. Chưa ai kịp phản ứng, cô bé đã chạy bổ tới cạnh chiếc băng-ca, hai người đàn ông mặc áo blouse trắng vội vàng thu vén nốt những dụng cụ cứu cấp rồi khiêng đi. Ông già cố bước nhanh choàng ôm cô bé lại. Tôi lúp húp chạy theo ra tới ngoài, đèn xe đèn đường phố phờng nhoè sáng. Rồi tiếng xe cứu thương bất ngờ xé rách không gian. Bước quay vào, trong góc sân gần nhập nhoà bóng tối, cô gái gục trên vai người đàn ông tóc trắng. Có tia sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo đầu bờ tường đá ong đang rọi xuống, rưng rưng trên màu cặp sách đỏ nằm giữa vuông gạch xám, kẻ viền bởi cỏ xanh.

Nỗi cô vọng của Mai Ninh Thụy Khuê

Truyện ngắn *Âm Ướt Những Con Mưa*, theo lời tác giả là truyện ngắn khai bút của Mai Ninh(1), đã xác định một phong cách viết: hướng về những niềm đau sâu khuất của con người. Từ truyện ngắn này, chớm nở những mảnh puzzle Mai Ninh, những mẫu cô đơn mọc lên trong trời đất: đó là những phận người, cùng yêu, cùng sống, nhưng không thể "đột nhập" vào địa phận của nhau, vào bề dày tâm thức của nhau; như chàng tóc dài và chàng họa sĩ, một cặp tình trai mở quán ăn có cái tên rất lạ "Vali tham ăn"; như Lise và cô bạn, một cặp tình gái; như M., người xưng tôi trong truyện, đan đậm những cô đơn và bí mật gần gũi vóc dáng tác giả.

Mai Ninh dường như muốn khai mở phần đất cô đơn trong hồn mình, hồn người, như một vùng bí mật, thăm sâu, đầy chông gai trở trác, đầy huyết mạch thông lưu, nhưng đồng thời cũng lại muốn rắc lên nó một lớp sương mù, muốn vọng về nó như một tuyệt vọng.

Tất cả những nhân vật này gặp nhau, thử yêu thương, thử tìm hiểu, thử tình bạn, thử tình yêu, nhưng rồi tất cả đều chỉ là sống "thử". Những khối cô đơn ấy không thể tan nhập vào nhau, dù họ có thay đổi cách kết hợp cuộc sống, từ đồng tính trở sang lưỡng tính, để làm vừa lòng một xã hội lắm điều, hay để làm vừa ý cái "lương tâm xã hội" của mình.

Những cá nhân "mất hướng", "lệch trục sống" ấy, dù có muốn tìm một hướng mới, "chính trục" hơn, cũng là ảo vọng, họ chỉ tìm được những kết hợp tạm thời, chờ lần chia tay sắp tới. Từ Mai Ninh, người đọc tiếp nhận những nỗi đau sống hợp âm trong một tấu khúc đốn đau, rồi tất cả lịm dần, chìm đi, tắt ngấm như những nỗi chết của tâm hồn. Nỗi đau riêng của những mối tình trai, tình gái đã thăng hoa thành nỗi đau chung của tình người.

Truyện ngắn *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất* (2) là một khúc tứ tấu cho nỗi cô đơn đó. Bốn thân phận chia nhau một khoảng sân: Một ông già, một cô gái, một cậu thanh niên, một gã trung niên. Gã trung niên chủ quán, cỡ 40 tuổi, người gốc Ý, ưa huyết sáo bản Come back to Sorrento buổi chiều; ông già tối nào cũng nghe bản Concerto thứ 26 của Mozart. Cậu thanh niên chừng 20 tuổi, hình như người Bắc Âu, hình như học Beaux Arts, có biệt danh B.A, ưa bạn trai và nhạc Jazz và cô gái rơi xuống như một fausse note: nhân vật xưng tôi, sống một mình, nàng ưa giọng Barbara, Brel, Beatles, Baez...

Họ chia nhau một cái sân, cùng tấu với nhau một đoàn khúc. Đạo đầu là sự lạ lẫm, gắt gỏng, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Nhưng khi họ đã quen với những giờ giấc và tập tính trái khoáy của nhau, đã "hợp âm" rồi, thì bắt đầu khuất biệt. Chủ quán Sorrento, về Ý tang mẹ. Anh chàng đẹp trai BA thừa dần khách trai và ít xuống lầu. Ít lâu sau BA chết. *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất* giao hưởng âm thanh, màu sắc và mùi hương của những mẫu đời cô đơn và lạc lõng này.

Spaghetti đi, đem theo hương chanh, hương cam, hương bưởi về Sorrento gập ghềnh và thơ mộng. Bắc Âu phóng đặng đem về cõi chết nỗi bí mật trong nếp sống Beaux Arts tự do buông thả của mình, còn lại cô gái và ông già tóc trắng với những vết thương của những *"cảnh sống âm thầm trượt qua nhau"* (trang 51), không bắt được nhau, và cũng không nhập được vào dòng sống.

Mười truyện ngắn, mỗi truyện như cời thêm vào vết thương thắm đỏ, khơi rách mãi ra. Mỗi nhân vật của Mai Ninh vừa là đơn âm của nỗi buồn, vừa là hợp âm của những đợt sóng đời xô đẩy. Họ là những vết hư ảo của cuộc đời, tình cờ gặp nhau, chạm nhau, trong một không gian mù sương bất định. Những buổi hẹn định trước, thường lỗi hẹn, người được chờ thường không đến, như Luân, trong truyện ngắn *Đêm Rượu Đợi*, chờ đợi bóng mình. Mà cũng lại như có một khoảng cách vô hình và vô tình nào đó luôn luôn sẵn sàng ngăn trở người gần lại với người, cũng lại như có một phép màu nào khác làm những nhân tố, chẳng hẹn, chẳng định trước, xích lại gần nhau:

"Không ngờ, giữa không gian hư ảo sương mù nửa đêm, trên cõi sông nước, đá cổ mơ hồ này tôi lại đứng bên nàng, thật gần, cơ hồ chạm cả vào vuông khăn trắng cứ chực bay theo làn gió nổi đưa từ biển. Tôi định nói một câu gì thật nhẹ, lại thôi. Nàng lặng yên, quay người xuống cầu, tà áo lụa cuốn theo bước chân thần thoát. Thoáng chốc bóng tím như biển như hiện chớp chới giữa các ngõ ngách đường đi lẫn khuất. Tôi có thể đi nhanh để bắt kịp nàng nhưng tôi chậm lại, bỗng thấy nàng như con bướm đêm trở về giữa gạch đá ẩm đục của biển đêm để tìm một nhụy hoa đã mất" (Biển Đầm, trang 87)

Những nhân vật của Mai Ninh, ít nhiều đều là những cánh bướm đêm, như Mélisa, như Luân, như G, như M, như N, họ vờn vũ trong một không gian nhục cảm thiên nhiên nửa hư, nửa thực:

"Thành phố này mọc từ biển lên núi, vừa nhấp nhô khép mình ẩn náu lại chứa đựng số sàng."

Biển xanh dưới chân chừng hoang mang, cứ chực men lên, hóp lầy những màu tường hồng đủ gam đậm nhạt" (Vách Mặt Trắng, trang 116)

Hình như Mai Ninh đang cầm bút lông vẽ một bức tranh chuyển động bằng lời khiến người đọc có thể hình dung một Sorrento, hay một Le Mont Saint Michel... mọc lên từ biển. Những thành phố này có những giác quan dị lạ:

"Có những trưa nằm im, chim chóc ngủ. Tôi leo lên thành cửa sổ rộng, ngồi đó, chông chênh ngó nắng. Tháp chuông nhà thờ trắng tinh vượt ròi những lớp nhà gọn hồng lên xuống. Biển bình an hút tôi về chân trời, giao tuyến của thực và ảo. Mênh mông đấy nhưng vẫn là hình ảnh một khoảnh khắc. Trời vừa kéo sang xuân, cây cối lừng lờ màu tươi non. Mái ngói đỏ cũng nhòa đi trong ánh sáng. Chỉ có vách núi mang mãi một sắc thẫm sẫm, nặng chùng chùng của đá. Hàng mạn mọc cao trước núi đã báo mầm thức giấc cùng tôi, bồn chồn.

Váng vất chưa qua bỗng đâu cơn gió quạt tới bất ngờ. Khi tôi quay trở lại căn nhà, những nụ hoa mạn mọng búp mà tôi nổi hứng phác chơi trên tấm bố trước khi đi bỗng nhiên bị nở tung bành bệch." (Vách Mặt Trắng, trang 121)

Nhân vật xưng tôi, trong đoạn văn trên đây có thể là một người, cũng có thể là một con mèo hay bất cứ một vật thể nào khác "chông chênh ngó nắng". Và những vật thể như cây mạn, chưa chắc đã là mạn thật hay chỉ là mạn trong tranh. Mai Ninh lồng không gian thực vào tranh, rồi nhắc chúng từ tranh ra như một sinh vật sống. Ở chỗ đó, người viết đã phù ảo hóa những vật thể quanh mình, làm tĩnh cái động, làm động cái tĩnh để tạo thành một thế giới Mai Ninh đẹp, lạ, liêu trai và bí mật.

Mây Một Ngày là một chuyện hóa thân. Hai nhân vật nữ, cùng ẩn một bóng tên: Mây và Vân, sống một ngày trọn vẹn với nhau trong xác và hồn, giữa mơ và thật. Có thể gọi là fantasmе, gọi là liêu trai. Gọi là gì cũng được nhưng trước hết là một phân thân: *"Mây bây giờ đắm mùi quen thuộc, mùi của chính tôi(3) của kem thoa da và nước hoa táo xanh tôi ưa thích."* (*Mây Một Ngày*, trang 15)

Sự phân thân này dẫn đến một hóa thân toàn bích: *"Tôi, trong quần jean và áo thun ngắn, khác Mây, với bộ bà ba vàng nhạt. Tôi vắt chanh vào hai tô phở, Mây lừa đũa vài ba lần, liếc gã đàn ông mắt dài làm tôi đắm bực, giục ăn đi. Mây bỗng đẩy ngay bát phở qua bên, giọng gọn lỏn. Không ngon bằng phở bà Lùn. Tôi bật cười. Sao không bằng. Mây chẳng đáp, cúi xuống mân mê cọng giá trắng muốt. Đột nhiên nàng nói to. Phở bà Lùn năm trăm một tô, mẹ bảo Vân gửi cho Mây một ngàn, Mây ăn năm trăm, còn để dành cho cu Tuấn. Rồi tự dung Mây trọn mắt giận dữ. Mấy người nói láo, lường gạt, ta biết nó chết, nó chết lâu rồi phải không? Người đàn ông rằng vàng không cười nữa..."* (*Mây Một Ngày*, trang 16)

Đó là không khí Mai Ninh, một vùng thực ảo chấp nối, một vùng sống chết kết hợp. Chú ý đến những cử chỉ của Tôi và Mây: rõ ràng có hai "người": một người mặc quần jean, áo thun khác với một người mặc bộ bà ba nhạt. Nhưng nếu đã là hai người thực, thì tại sao lại phải có chữ "khác" ở đây? Chính cái chữ "khác" ấy, đã nói lên tính chất "chối", tính chất "lừa", lừa mình (tác giả) và lừa người khác (độc giả), về thực chất của không khí Mai Ninh: Một mà hai, hai mà một. Những động tác nối tiếp sau đó là của một người mặc dù với hai chủ thể:

"Tôi vắt chanh vào hai tô phở, Mây lừa đũa vài ba lần... Mây bỗng đẩy ngay bát phở qua bên ... Mấy người nói láo, ta biết nó chết..."

Có một chủ thể chính đang ngồi trước bát phở, nhưng động tác và suy nghĩ của người này lại bị chi phối bởi một "chủ thể" khác, như một thứ "lệnh" phát ra từ tâm linh, từ ý thức hay tâm thức của cái thể xác kia. Đồng thời, hợp âm của cái linh và cái xác kia lại cùng bừng tỉnh một lúc để nhận thấy "mình" tức là "nó" đã chết rồi, chết lâu rồi.

Sự "ngộ" này cho thấy ít nhất có hai "mơ" chùng chập. Một kẻ xé hai: cô đơn nói chuyện với

cô đơn, sống nói chuyện với chết. Tạo nên một cách "vọng" mới: vọng hồn, vọng xác. Một thể đồng điệp trong tâm hồn, có thể xảy ra cho bất cứ ai mà không để lại dấu vết "hiện hữu". Chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Mai Ninh tạo ra thế giới đó, một thế giới: Chỉ có mình mình biết. Mình mình hay.

Ở một khía cạnh trần thế hơn, hầu như tất cả những chất liệu biển, đá, mưa, nắng, cô đơn, nỗi buồn, cái chết... kết hợp nhau trong chữ nghĩa để tạo thành những nhân vật của Mai Ninh. Cái mà tác giả gọi là hợp âm, chính là hợp âm của những chất liệu này: Chất liệu đầu tiên là biển với hai thành tố nước và sóng, chúng chao đảo trong toàn bộ truyện ngắn của Mai Ninh như một từ trường nguyên thủy. Và chất liệu sau cùng là cái chết, cái chết ở đây là lối mở, mở vào cái ảo, cái không biết, cái vô cùng.

Biển và chết, tự khởi thủy đã là nguồn cội của những giấc mơ. Bachelard có những dòng thật hay về biển và chết: *"Như thế, sự vĩnh biệt ở bờ biển vừa là vĩnh biệt đau đớn nhất và cũng vẫn chương nhất trong những vĩnh biệt. Chất thơ của nó khai thác cái đáy sâu, xưa của hào hùng và mơ mộng. Nó đánh thức trong ta những vang âm đau thương nhất. Tất cả khía cạnh tâm hồn đêm tối của chúng ta được giải thích bằng huyền thoại của cái chết, xây dựng như một cuộc khởi hành trên nước. Đối với người mơ mộng, khởi hành và cái chết sẽ chuyển hóa không ngừng. Với một số trường hợp mộng mơ khác, nước là một chuyển động mới mời gọi vào những chuyến đi chưa thực hiện bao giờ. Cuộc khởi hành hữu hình này kéo ta khỏi cuộc sống hữu hình trên trái đất. Cao thượng, dị kỳ biết bao, câu thơ sau đây của Baudelaire, chứa đựng một hình ảnh bất ngờ, như muốn đột nhập vào hồng tâm của mỗi bí mật trong ta: Hỡi thần chết! Thuyền trường có tri, giờ đã điem! Hãy nhổ neo!"*(4)

Thâm ngôn của Bachelard dường như được viết ra để giải thích nhiều trạng thái phức tạp của tâm hồn liên quan đến giấc mơ và biển cả.

Biển và cái chết đã là nền tảng cho bản giao hưởng của Mai Ninh trong *Mưa Đá Âm Dương*, tạo nên những nét nhạc bấp bênh, bên bờ vực thẳm của tử thần, bên bờ vực sâu của trời đất, trong cái vũ bão của sóng, gió và mưa... Cuộc đi trầy từ một vùng biển hữu hình nào đó, -sao chẳng Normandie?- dữ dội, sóng luôn luôn gầm thét, thịnh nộ, những cơn bão sóng, những cơn gió hú vọng về từ vực sâu trầm khuất dưới đáy đại dương hay đến tự trời như những cơn mưa tận thế.

"Phượng đứng chết rũ trên mặt cát cuốn xoáy. Nước dâng lên ào ạt rồi rút đi tức khắc thành luồng chảy xiết. Mưa như chưa bao giờ mưa thế, như biển sắp cạn khô nên trời đất nổi cơn cứu độ. Mưa táp tơi bời cùng gió. Phượng dang hai cánh tay, chiếc poncho rùng nước phàn phật tung bay. Cánh vẫy thành dơi, dơi hoang từ núi khuất chỉ xuất hiện giữa ban ngày khi mặt trời bị chìm chết trong mưa ừng xám. Phượng mở miệng đón những hạt nước rớt từ trên không, nhỏ dòng từ đầu mũi và cuốn chùm tóc vắt qua môi. Nước có vị mặn chát của sự rã rời và của những ruộng muối trải dài trên con đường nàng đã đi qua. Hai cánh dơi chao đi trong ngọn gió bỗng chuyển chiều, vật xoài Phượng úp mặt vào lòng cát." (*Mưa Đá Âm Dương*, trang 106)

Ai đã từng đặt chân đến Le Mont Saint Michel, đến thăm gió, sóng với những bí mật của vùng này sẽ thấu được nỗi buồn trong *Mưa Đá Âm Dương*. Không chắc gì Mai Ninh đã có chủ đích viết về vùng biển này, hay về một Sorrento u tịch và trắc trở khác, nhưng biển, nơi Mai Ninh, như phát tự tâm, từ hồng tâm bí mật của con người. Từ biển, phát xuất một từ trường, bào ảnh của một cuộc đi, một cuộc tình dữ dội giữa đá và biển, giữa Phượng và Kinh, giữa âm và dương.

Như bước vào cõi nguyên khai, như đi thẳng từ truyền thuyết, Phượng Hoàng được Kinh Ngư đẩy vào *"cuộc hành trình đi tìm cửa nguồn khởi từ đêm ấy"*.

Cuộc chạy tìm này cũng là cuộc đuổi bắt giữa con người và định mệnh. Ngư, kinh cá chạy trốn định mệnh của mình. Định mệnh ác nghiệt của một ngày, một giờ, một phút, một giây đã

chao đảo cuộc đời Ngự, đã chia rẽ anh em Ngự, đã tuyệt tình Ngự-Phượng. Ngày ấy, hai anh em Ngự còn trẻ, chạy chơi trên vùng biển núi hoang dại. Thằng em dương nỏ bắn chim, người anh đứng trên đồi chênh vênh ngắm nhìn trời nước và vực thẳm.

Một con phượng hoàng lướt qua, bay về phía người anh, em giơ nỏ bắn "viên đạn đá nhọn hoắt lao đi. Chỉ một giây thôi, một tiếng kêu thất thanh rớt đi từ trên đồi, rút xuống vực, rồi tắt ngấm. Cùng lúc ấy, con chim may mắn thoát đạn đập cánh hoảng hốt bay vút lên ngọn cây." (Mưa Đá Âm Dương, trang 113)

Người bắn chim là Ngự và con chim là Phượng.

Sự gặp gỡ xé thân, bắt thằn và xuất thằn dữ dội như mũi tên hòn đạn giữa Phượng và Ngự mở đầu một cuộc tình, một cuộc tìm kiếm những vết thương, khởi thủy những bí mật của cuộc đời. Sau sự trao thân đón đau "Phượng xóa tóc, hai cánh tả tôi bay về phía mặt trời lóe sáng." (trang 113) và "Ngự đột ngột bỏ đi, cơ thể cuộn dài như thân cá, đuổi theo dòng nước rút ra biển" (trang 106).

Mưa Đá Âm Dương là một thể nghiệm bút pháp rất mới mà nhiều hình thức tư tưởng huyền thoại triết lý Đông Tây gặp gỡ trong một bài thơ hội họa dài: Hai nhân vật chính, Phượng và Ngự là những ảo vật, luôn luôn biến dạng, thoát thân, từ hình này sang hình khác, từ thân này sang thân khác, lúc họ là chim, là cá, lúc họ là đá, là sóng, lúc họ là cát, là biển, lúc họ là đêm, là ngày, là núi cao, là vực thẳm.

Bản tình ca tha thiết của nhục thể, quần quai, chênh vênh quỵến rũ mê hoặc đưa nhau vào cõi chết. Họ gặp nhau trong hành động hủy diệt đầu tiên: Ngự cầm súng bắn Phượng và hai kẻ cô đơn, thương nặng ấy tìm nhau trong hủy diệt cuối cùng: sự nhập hồn giữa tình yêu và cái chết.

Paris tháng 3/2001

Chú thích:

1. in trên *Hợp Lưu* số 36, tháng 8 và 9 năm 1997
2. trong tuyển tập *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất*, Thời Mới, Toronto, Canada 2000.
3. tôi là Vân
4. *L'eau et les rêves*, Bachelard, Biblio Essais - Poche 1998, trang 90

Âm ướt những cơn mưa

Tác giả Mai Ninh chỉ vừa mới xuất hiện trên văn đàn hải ngoại trong vòng vài năm nay nhưng đã gây được khá nhiều chú ý. Nội dung các truyện ngắn của Mai Ninh luôn đầy chặt tình tiết mà cao điểm truyện thường đưa đến kết thúc khá bất ngờ. Được diễn đạt bằng thứ ngôn ngữ đẹp và tinh lọc, nổi bật trên những mẫu tâm lý được tác giả nắm bắt khá đạt là những quan sát ngoại cảnh tinh tế. Người ta dễ có cảm giác đang được nhìn ngắm một bức tranh nhiều màu sắc qua nét cọ của một họa sĩ nhạy cảm thấp thoáng suốt câu chuyện. Kỹ thuật cũng là một quan tâm lớn của Mai Ninh như như người đọc đã thấy thể hiện trong nhiều truyện ngắn khác trước đây.

Điều đáng lưu ý là những trang văn sau đây lại là thể nghiệm văn chương của một nhà khoa học. Hiện Mai Ninh đang làm việc tại một viện nghiên cứu nguyên tử lớn tại Caen, Pháp và chị đã sống xa quê hương trên ba mươi năm nay.

Phạm Việt Cường

Vô tình tôi đi qua quán sách cũ buổi chiều hôm ấy. Sau cơn bão vừa tạt qua thành phố mấy bữa trước, trời đang lặng yên, bỗng còn nuối tiếc, đổ xuống một trận ào ào. Tốt hơn cả là chạy vào quán sách, vừa nhân thể chào cô bạn chủ quán vừa tìm một cuốn gì về đọc cuối tuần. Thời tiết xấu và sau những ngày lễ tết cuối năm, túi tiền hơi hẫng lại thêm thuế má đuổi bắt sau lưng, mọi người như sợ la cà phố quán.

Cô bạn đang lui hui xếp lại mớ sách trải đầy trên sàn gỗ, nghe tiếng tôi gọi sung sướng cười. Hoá ra nàng đang ế khách, có người nói chuyện hãnh thích đó thôi. Thường thường giờ này, đủ hạng người, già trẻ lớn bé, nhất là học trò sinh viên chen nhau trong cái phòng không được bốn chục mét vuông. Sách trên kệ, dưới sàn, trên bàn và cả những bực thang gỗ dẫn lên căn gác, nơi uống trà đọc sách của khách nhàn hạ.

Nhưng tôi nhàm, cô ta chẳng chút buồn tình, còn đang mừng có dịp xếp dọn mớ hàng hoá vô cùng bừa bộn sau những ngày tết mà thiên hạ đổ đến mua sách cũ làm quà. Trước đây, tôi không tưởng được người ta có thể gói lại trong giấy bóng một cuốn sách, nếu chẳng đến nỗi cũ mềm thì cũng cong góc hay nhạt màu bìa để đem tặng ai đó. Sau này, đôi lần phải một quyển đã tuyệt bản mới thấy thế nào là quý.

Nụ cười rạng rỡ khác hẳn ngày cô ngồi gọn lỏn trong chiếc ghế bành với hai đứa con nhỏ, đứa ôm cổ đứa kéo tay. Một mình sau đám tang người chồng, nàng loay hoay tìm cách sống. Lắc mái tóc buộc gọn sau vai :

- Tao bán nhà, lấy tiền mở tiệm sách.

Tự nhiên tôi bật cười :

- Sách gì, khoa học, văn chương ? Mà biết chi mà buồn với bán.

Cô ta ngừng lên, đôi mắt mở to thất vọng, đáp thông :

- Sách cũ.

Tôi ngỡ ngàng nhận ra câu nói vô duyên của mình. Lâu rồi tôi nhìn cô qua hình ảnh một bà nội trợ có chồng chức phận, ở nhà nuôi con và quản lý cả trang trại lớn. Tôi quên bằng bạn mình vốn có kiến thức trên xa mức trung bình. Lòng bỗng rộn ràng với khung cảnh một cửa hàng sách, nhất là sách cũ, với mùi giấy của thời gian không giới hạn và nét vàng khắc chạm trên bìa nổi, dấu ấn một quá khứ.

Hai chúng tôi rủ nhau lên gác, tâm sự đủ chuyện. Tôi mới hay, cô bạn vừa mở thêm một phòng triển lãm tranh trên con phố gần đây. Trời dứt cơn mưa, chỉ còn vài giọt lất phất, ngoài kia gió đã ngừng. Tôi đẩy cửa ra về, cô bạn nhấn theo : - Nhớ ghé qua xem tranh, chắc chắn mày sẽ thích. Kèm theo nụ cười dụ dỗ khác thường.

Phòng tranh nằm sát con đường phố cổ chật hẹp, không được bốn thước chiều ngang. Một chiếc xe chạy qua là đủ nghẽn, cũng chẳng có vỉa hè. Những ngôi nhà hai bên trầm ngâm màu gạch cũ, không rong rêu nhưng đượm nét u hoài với các ô cửa kính cong cong và mái ngói sậm màu. Tôi đứng ngoài một ít lâu. Tật vẫn thế, thích có cái nhìn bao quát trước khi vào một phòng tranh nhỏ. Chừng hơn chục tấm xếp đặt mỹ thuật trên ba bức tường không thẳng góc. Cô bạn cho biết trước, đây là một họa sĩ mới trong vùng.

Người đàn ông ấy đang đứng xem tranh phía trái, tóc dài chấm vai. Ánh lá mạ của chiếc áo

pull sáng trước nền xanh mẫm liệt đan những vạch trắng và đốm nâu của bức tranh trầu tượng. Anh ta có vẻ chăm chú, lại gần rồi lùi xa. Nơi chiếc bàn góc phải, cô tiếp tân đang chú ý đầu vào một cuốn truyện. Tất cả yên ắng, trầm tư. Đã đặt tay trên nắm cửa nhưng tôi bỗng ngại ngần không dám mở ra, sợ làm rộn người khách đang xem. Buông tay quay lưng định đi, quả nắm kêu lên tiếng động nhỏ. Người đàn ông quay lại hơi nhíu mày, nhưng liền sau đó, bắt gặp sự lúng túng của tôi, anh ta mỉm cười. Thoáng đôi mắt xanh như mặt hồ thật dịu. Đã lỡ, tôi quyết định không vào. Chút ánh sáng cuối ngày vừa biến đi trên con đường nhỏ. Trời lại sắp đổ mưa.

Chẳng ngờ, tôi gặp lại người đàn ông tóc dài ấy ba bốn tháng sau, nơi một quán ăn gần biển. Cũng cô bạn hàng sách bầy têu, nhân ngày sinh nhật. Chẳng hiểu tiền định thế nào, cô và tôi sinh cùng ngày và tháng. Lần này cô gọi :

- Đừng ngồi nhà, sửa soạn theo tao đến chỗ này. Giọng cô reo lên đầy hứa hẹn điều thú vị.

Từ biển quay vào thành phố, nối tiếp làng mạc là những cánh đồng thẳng tắp. Vào mùa hạ những hoa gai dẹt vải xanh lung linh, bình bông lan khắp chân trời. Lúc này cuối đông đầu xuân biển thường hay động, từng bầy hải âu oang oác rù nhau vào đất liền, theo chiều gió. Xe qua vài con đường nhỏ viền hai hàng bạch dương, chúng tôi dừng trước ngõ dẫn vào một quán ăn khuất lấp sau lùm cây nguyệt quế. Vừa bước xuống xe, tôi ngạc nhiên bật cười, một tấm biển nhỏ dựng cạnh bụi cây, kẻ chữ hồng : Chiếc vali tham ăn.

Lối đi trải đầy sỏi trắng đưa đến căn nhà tường phủ sọc gỗ nâu, tiêu biểu của vùng tôi ở. Hôm ấy trời đầy mây u ám. Có ngọn gió đông bắc lùa về căm căm nhắc nhở câu ngạn ngữ kỳ lạ của xứ sở này : Vào tháng tư không được rời một sợi vải. Dù ban ngày, sau cửa kính thấp thoáng ánh đèn ấm áp. Không chờ cô bạn đang khóa xe, tôi hấp tấp đẩy cửa như bị cuốn hút bởi không khí ấm bên trong. Nhưng tôi đã khựng lại ở ngưỡng cửa một phòng ăn có những chiếc bàn phủ khăn hồng nhạt, nổi bật đĩa ăn màu rượu chát. Ánh pha lê từ các cái ly cao cổ long lanh. Cành hoa trắng trong chiếc bình thấp đặt ở mỗi bàn mang vẻ cô độc đầy thanh lịch. Trên hai bức tường đá vôi là hai bức tranh sơn dầu khổ lớn. Ngoài ra chẳng còn gì khác. Tôi chưa nói đâu về những tấm tranh này, vì điều đã khiến tôi không thể bước thêm bước nào chính là người đàn ông đứng gần nơi quầy rượu. Anh ta đó, chàng tóc dài xem tranh chiều mưa nọ.

Tiếng chân cô bạn đến đằng sau, anh chàng nở nụ cười tươi, cặp mắt rất dịu lần trước sáng hẳn lên chào cô bạn đang nghịch ngợm nghiêng đầu. Trưa ấy trong tuần, vắng khách, người bồi phụ trách hai bàn xa hơn. Chúng tôi được chính chủ quán tiếp món ăn. Cô bạn giới thiệu đây là bạn thân của người họa sĩ triển lãm hôm nọ. Tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Bạn rất thân mà sao anh ta đến xem tranh với phong cách của khách thường lãm không quen. Kỳ lạ thật.

Chàng tóc dài hôm nay vẻ ngoài thay đổi, một bộ complet cắt khéo, trịnh trọng ông chủ nhà hàng, nhưng chẳng che đi màu tím nhạt của chiếc sơ-mi cũng nhẹ nhàng như màu áo lá mạ bữa ở phòng tranh. Anh rất hoạt bát, nói đủ thứ chuyện một cách dễ dàng. Vừa nghe tôi vừa đảo mắt nhìn quanh. Tất cả nơi đây toát ra không khí ấm cúng và lịch sự. Đối diện lối vào có hai khung cửa mở ra khu vườn, những nhánh phong đã bắt đầu trổ lá. Cây hoa đào rủ cành, hồng thắm góc sân. Bức tường sau quầy rượu treo tấm tranh vẽ một ngôi nhà cổ cheo leo bên triền núi. Có một thứ nắng trời rực rỡ chiếu sáng các bờ đá và những cành cây mọc nghiêng trong không. Nhưng khi mắt dừng lại trên tấm tranh thứ hai thì tôi bị một luồng điện

mạnh rút qua. Những mảng màu đập vào nhau, bắn ra như máu, như nước, như lửa cùng một lúc. Nó làm hồn tôi bắn loạn. Cô bạn chừng nhìn thấy, đưa mắt hỏi anh chàng tóc dài :

- Hấn đâu ?

- Dưới bếp, để gọi lên.

Vài phút sau, hấn đó. Một dáng người to cao vững vàng, chiếc áo ca-rô xanh hài hoà với màu quần xám, bên ngoài còn khoác cái tạp dề đầu bếp. Người mới đến ôm hôn cô bạn túi bụi, rồi quay lại chia tay cho tôi, bàn tay ấm nhưng mềm mại. Bạn tôi giới thiệu :

- G., đầu bếp tham ăn, họa sĩ cuồng !

G. cười hiền lành. Tôi vẫn có tật hay nhìn người đối diện vào đôi mắt, và mắt anh ta lại thần nhiên lạ lùng

Cô bạn cùng hai người đàn ông nói chuyện vui vẻ, thân thiện quá, tôi đóng vai thính giả ngồi nghe im lặng. G. ít nói nhưng rất ý nhị. Chàng tóc dài hài hước vui tếu hơn. Có lúc anh ta đặt một tay lên đùi, tay kia choàng qua vai G. kéo lại gần. Họ nhìn nhau, ánh mắt trao đổi vuốt dài. Tôi ngẩn người trong giây phút, đến nỗi cô bạn tinh ý đá chân dưới gầm bàn, cười tủm tỉm.

Chúng tôi ngồi rất lâu sau bữa cơm. Khi bước ra khỏi chiếc vali thì trời đã tối. Một mùi hương bay lượn trong không, hình như là mùi thủy tiên dưới những gốc cây lẫn với mùi biển. Tôi kéo cao cổ áo, ngừng đầu nhìn trời. Mảnh trăng trên cao lẻ loi trong vát. Hơi lạnh ngấm người, và chẳng hiểu vì sao, tôi bỗng ngoái nhìn. Sau cửa kính, hai người đàn ông quàng sát vai nhau vẫn đứng đấy, đưa tay vẫy chào. Màu đèn sau lưng họ vô cùng ấm áp.

Từ đó, tôi trở thành bạn. Cô hàng sách và hai người chủ chiếc vali tham ăn thường tụ họp gặp nhau vào những ngày nghỉ, tôi được mời cùng đến. Tôi cũng thường ghé qua quán ăn mỗi lần ra biển, có khi thêm ai đó, lúc một mình. Tôi gọi họ là tóc dài và họa sĩ. Hình như với thế giới bên ngoài G. vẫn luôn ít nói, dường như lời nói của anh đã là màu phá ra từ sơn cọ, là mùi thơm bốc trên những món ăn bày biện mỹ thuật. Còn với không gian sâu kín hơn, anh dành để nói với tóc dài bằng những cái nhìn thắm lắng. Tôi dần quen với cử chỉ thân mật đôi khi táo bạo có phần lộ liễu của họ. Trong tôi không còn hình ảnh những chàng gay mặc áo màu yếu điệu với hai bàn tay thích xoè từng ngón, vung vẩy trong mỗi bước đi.

Chàng tóc dài kể, G. sinh trưởng tại miền biển này. Ngay tuổi thiếu niên đang lớn G. sẵn đẹp mạnh mẽ rắn rỏi và tâm hồn bông bênh nghệ sĩ, nhưng G. hờ hững với tất cả những cô gái cố tình. Chàng bỏ nhà ra đi về thành phố lớn khi không còn chịu đựng nổi tiếng thờ dài của mẹ, cặp mắt vừa dò hỏi vừa đau xót của cha. G. bắt đầu vào làm bồi bàn rồi học thêm phụ bếp cho một hiệu ăn nổi tiếng. Tự nhiên khám phá thêm năng khiếu nấu ăn đặc biệt. Riêng tóc dài là con nhà giàu, học hành rất giỏi, làm việc trong ngành ngoại giao khi vừa hai mươi sáu tuổi. Hai người họ gặp nhau ở hiệu ăn G. làm. Một người vẫn tiếp tục nấu ăn và vẽ, người kia di chuyển nơi này nơi khác. Những chuyến đi như thế của tóc dài chẳng thú vị gì, lắm lúc là một khổ hình khi bắt buộc che giấu phần đời thực. Anh kể, có lần, một nhà ngoại giao Nhật bản đãi bữa tiệc có những nàng geisha chuyên nghiệp. Saké chuốc từ đầu buổi đến tàn đêm. Các cô lơ lả, ông nhật say mềm sốt ruột. Nhưng anh là khách và vẫn ngồi yên tự tại, mặc cho các nàng có ý giục giã. Nhà ngoại giao Nhật khổ sở chịu trận, cuối cùng mắt

kiên nhẫn đành nói thẳng :

- Nếu ông không thích các cô gái kiểu này, chúng tôi có thể mời mấy cô tân thời điệu nghệ khác.

Tôi gọi vào cho ông chọn nhé.

Tóc dài chẳng có cách nào hơn là vội vã đứng dậy chấp tay :

- Thưa ngài, xin miễn cho, chả là...hôm nay kỷ niệm đám cưới vợ chồng tôi, và...tôi rất yêu nàng.

Ông Nhật cười ha hả :

- Không ngờ, không ngờ ! tây phương các ông lại có người lịch sự với vợ đến thế ! Bái phục !

G. đã chán ngán thành phố lớn ồn ào, thèm muốn trở về với biển. Khách đến quán vali tham ăn, nếu chẳng biết gì thì vì khẩu vị các món ăn và nơi chốn thơ mộng. Còn không, họ ghé lần đầu với sự tò mò. Số còn lại trở thành khách quen cời mờ, đồng tình. Nhiều người mua tranh G. và cũng không ít các bà các cô mê mệt phong cách lịch lãm, duyên dáng trong lời ăn tiếng nói của tóc dài.

Một lần, tôi hỏi G. tại sao anh thích nấu bếp. G. trả lời : - Tôi thích mọi thứ nghệ thuật. Nấu ăn là một, có phần đặc biệt hơn, nó giúp tôi giữ được thăng bằng trong con người. Nhờ nó, tôi trấn tĩnh, kìm hãm những sôi sục đảo điên thường đẩy tôi đến bờ vực. Tâm tôi vốn chẳng mấy bình an, tranh vẽ hiểm khi thanh thản. Trước khung bố, tôi không bao giờ biết trước rồi bức tranh sẽ ra sao, vì không thể kìm giữ được trạng thái tâm hồn mình, nhiều khi tôi trút cả bức xúc, ẩn ức, giận dữ vào đó. Thứ xúc động cao điểm ấy là một trong những cá tính của bọn người như chúng tôi. Người che giấu được, người càng đẩy điệem càng bùng nổ. Còn nấu ăn là một nghệ thuật có qui tắc. Người làm bếp không thể tùy tiện, dù óc sáng tạo cũng là điều vô cùng cần thiết, chẳng kém gì các ngành nghệ thuật khác. Khi nấu ăn, phải điềem tĩnh, canh chừng. Trần nhánh rau thế nào cho xanh, cho cọng nui mềm vừa phải. Quậy món sốt cần mạnh tay lúc đầu nhẹ tay phút cuối...

Tôi cũng đem thắc mắc về buổi gặp gỡ đầu tiên nơi phòng tranh hỏi tóc dài. Chàng cười bảo :
- G. vẽ và tôi mê tranh, nhưng không bao giờ tôi nhìn hẳn vẽ. Giản dị, chỉ vì tôi biết mình sẽ can thiệp vào việc làm của G. Tôi xem hẳn như một...người vợ và có thói xấu là luôn luôn thích bảo vệ phái yếu. Tôi tỏ vẻ thông hiểu nhưng vẫn thấy có gì ngược đời. Hai người này đã chẳng bình thường, càng nghịch lý hơn khi G. vạm vỡ to con lại được che chở bởi anh chàng mảnh dẻ thư sinh mang đôi mắt dịu hồ trong suốt.

Quen họ một thời gian chẳng biết bao lâu và không có gì ngăn cản tôi yêu thích sự có mặt ấy trong cuộc sống của mình. Đôi lần họ tổ chức họp mặt giữa những người đồng cảnh, mời tôi đến chơi. Tôi háng hái nhận lời. Nhưng lần đầu tiên, đã ngồi trên xe, lúc mở máy tự nhiên tôi ngẫm nghĩ : - Khùng quá chẳng, khi mình đàn bà lạc vào đám đàn ông đồng tình luyến ái? Àu ngại lo âu, rồi buổi họp sẽ đi đến đâu, làm sao chuồn về nếu họ quá đà sau đó? Nhưng lỡ nhận lời. Thôi, đi. Cuối cùng, nơi nhà riêng của họ tối hôm ấy, ngoài mấy cặp bạn trai còn có một đôi bạn gái. Mọi người đón tôi tự nhiên cời mờ, tôi mỉm cười chế nhạo đầu óc tưởng tượng phong phú của mình trước khi đến đây.

Một trong hai cô gái mang tên Lise mà tôi rất thích. Dáng người cô cao và cân đối, một cô gái

đẹp. Người bạn Lise mập mạp hơn, bộ ngực núng nẩy, mặt tròn nhưng nét cười thiên thần, hàm răng trắng bóng. Lise và cô bạn khi ngồi gần cầm tay, lúc ngồi xa chạm vài chiếc hôn gió. Cho mãi đến khuya, tôi đứng dậy cáo lỗi ra về thì sự cố mới xảy ra. Đang từ biệt G. cùng tóc dài ở thềm cửa, tôi nghe hai cô gái to tiếng với nhau. Lise trách cô kia điều chi đó, rồi cô bạn ngúng ngẩy quay đi. Lise ào tới vật cô ta ngã dài - chẳng ngờ Lise mạnh đến thế - ôm chầm lấy, cào cấu dữ dội. Mặt nàng đầm đìa nước mắt. Dường như cô bạn tròn động lòng nên quàng ôm Lise, rồi họ hôn nhau mê mải. Tôi bước ra khỏi cửa. Thêm một lần, tâm hồn mất hẳn bình an.

Trên con đường đêm, ngồi trong xe qua những cánh đồng rạ tối, tôi nghĩ về tôi, về G. và chàng tóc dài, rồi về hai cô gái. Hình ảnh Lise chúi mặt vào khuôn ngực dày của cô kia hết như một đứa trẻ tìm vú mẹ. Nếu tôi là nhà tâm lý, sẽ kết luận ngay đây là hậu quả của thứ tuổi thơ thiếu tình mẹ. Không thể nào che giấu, sự vuốt ve trao đổi giữa hai cô gái làm tôi vương vương khó chịu. Khác hẳn những lần tôi thản nhiên trước cử chỉ âu yếm của cặp vợ chồng chiếc vali, như thể một chuyện bình thường. Tại sao trong tôi có sự phân biệt giữa hai cặp tình nhân ấy? Vì sao tôi chấp nhận phái này mà không là phái kia? Do hai người đàn ông vốn bạn thân quen, còn hai cô ấy là người lạ mặt?

Đường đêm hun hút, thỉnh thoảng vài con thỏ hoang băng ngang dưới đèn xe rồi biến vào bên kia bờ ruộng tối. Lúa cỏ cao rạt từng làn theo gió. Con đường này có những khúc quanh khá nguy hiểm, nhưng tôi không rời được suy nghĩ miên man. Cứ mỗi lần đôi môi Lise trơn ướt, cặp mắt nàng lóng lánh nhìn cô gái nọ hiện ra là tôi rờn rợn thịt da. Cuối cùng về đến nhà, tắt máy xuống xe, tôi tự nhủ : - Chẳng có chi lạ, mình là loại đàn bà mang xúc cảm định sẵn, nên không chấp nhận hình ảnh hai cô gái kia vì ngỡ tưởng một người đàn bà khác đang làm những động tác ấy trên chính mình, nên sờ sợ, thể thôi.

Tôi không có dịp gặp lại Lise sau đó. Cô hàng sách ngày càng bận bịu, mở thêm gian hàng mới, giao thiệp với họa sĩ, điêu khắc đến từ các nơi. Hơn nữa có gương mặt mới xuất hiện bên đời cô, thân thiết, nên dù vẫn vào mua sách, tôi ít dịp hàn huyên tâm sự. Tôi hay ghé phòng tranh những chiều cuối tuần, một mình hay với tóc dài, trong khi G. sửa soạn các món ăn. G. vẫn vẽ, nhưng có điều gì nơi G. làm tôi lo âu. Mỗi lần xem một bức tranh vừa hoàn tất của anh ta là hồn tôi nếu không hỗn loạn thì trĩu xuống. Tranh G. càng ngày càng táo bạo. Có khi, một con đường sâu hun hút với một hình nhân trần truồng nửa chạy nửa bay, rất thơ nhưng rất lạnh. Lúc toang đỏ những tầng màu như máu, không hình không thể mà thường tôi chẳng thể chịu đựng lâu hơn. Tôi sợ và nói ra điều ấy với tóc dài. Tiếng thở ngưng lại trên khuôn mặt anh đăm chiêu, đong buồn.

Một thời gian sau, tôi nằm bệnh viện. Tóc dài vào thăm buổi chiều hôm ấy. Trời mưa. Tôi với anh ta cùng những cơn mưa ướt át như thể có duyên hội ngộ. Sau các thăm hỏi bệnh tình, anh kiếm chiếc ghế nơi góc phòng, một mình buồn người. Thời gian chùng dừng lại. Cả tôi và anh cùng im lặng nhìn ra ngoài trời. Những dòng nước đan mờ không gian xám. Lúc lâu, chẳng thể đợi nữa, tôi gọi nhỏ tên anh. Tóc dài quay mặt nhìn, tôi không tả nổi màu mắt đùng đục nhờ nhờ buồn thảm. Anh thở ra :

- Có lẽ bọn này đóng cửa chiếc vali.

Chẳng chờ tôi phản ứng, anh tiếp luôn một tràng giận dữ, vỡ bờ đập nước :

- G. nó điên rồi. Không thể nào chịu nổi ! Hẳn nấu nướng bậy bạ, cháy khét vô chừng, trong

khi khách hàng càng lúc càng đông. Bảo kiểm đầu bếp, hẳn không chịu. Tranh chiếc thì cọ quẹt tưng bừng loạn đảo, chẳng cái gì ra cái gì. Tôi sẽ điên mất.

Tóc dài ám ức kể thêm những sự việc xảy ra trong đời sống họ sau này, những bất mãn của khách hàng, cãi cọ đập đổ hàng ngày của G. Cơn giận làm tóc dài nhồm lên ngồi xuống, khua tay vò đầu. Tôi không còn thấy đâu hình ảnh người đàn ông lịch lãm tử tôn, bông đùa quen thuộc. Cuối cùng thấm mệt, chàng ngồi lại, hai bàn tay không ngừng vuốt mái tóc rất mềm, vàng óng ả. Lại im lặng. Rồi tôi cũng phải nói một câu gì. Chẳng đơn giản là một câu nói bởi tôi linh cảm anh ta chưa kể hết sự thực, một sự thực đã dấy lên nỗi bức xúc điên cuồng. Nhẹ nhàng tôi hỏi :

- Còn gì nữa không ?

Tóc dài lặng thinh nhưng hai vai rung nhẹ nhẹ. Tôi với áo khoác, bước ra khỏi giường, đến gần đặt tay lên mái tóc anh ta. Một lúc sau, anh buông thõng :

- G. nó trốn tôi, nhất định không cho tôi đụng đến người hẳn nữa !

Tôi có cảm tưởng cả mớ ruột anh ta đã trút hết ra ngoài. Tắm thân người rũ rượi trên ghế kia hoàn toàn trống rỗng. Tôi im lìm nhìn những chiếc lá trĩu xuống dưới làn mưa. Chúng quằn quại hơn hờ đón cơn mưa móc sau nhiều ngày hạ nắng. Tình dục trong thế giới G. và tóc dài không đơn giản là một nhu cầu thỏa mãn sinh lý, mà hơn thế, đó là phương cách biểu lộ và xác định sự hiện hữu khác người của mình với cuộc đời chung quanh. Nơi vốn xem chuyện tình yêu đồng phái là một chứng bệnh hoặc thứ giien khó chữa trị, hay một hội chứng tâm lý bất bình thường, phản xã hội. Họ phải chống đối ý tưởng bị xem là một sự vật biến thái, đưa đến thái độ công khai bợc lộ giới tính trước thế gian như thách thức.

Chẳng bao lâu sau, một ngày cuối hè, tôi đi xa về, đẩy cửa vào nhà chưa kịp đặt hành lý, chuông điện thoại reo. Cô hàng sách báo tin G. vừa mất. Hai hôm trước, sau khi đập nát một lô bát đĩa trong hiệu ăn, G. bỏ ra vườn, ngồi đấy rất lâu, rồi đứng dậy lái xe đi. Tóc dài không có đó. G. đi dọc bờ biển lên phía bắc, vùng này có những vực sâu. Xe G. đã lao xuống một bờ cao và dốc đứng.

Tôi không còn nhớ gì, hay trí óc đã từ chối ghi nhận những điều xảy ra sau đó.

Thời gian qua đi lâu lắm, tôi không hề ra biển, mãi đến một lần có khách phương xa. Lúc quay về, chẳng được nữa, tôi rẽ xe vào con đường có hai hàng bạch dương. Bụi nguyệt quế ở cổng mọc um tùm che gần lấp đường vào. Tấm bảng kẻ chữ hồng đã bong sơn nhưng vẫn còn đó. Lối sỏi mọc rêu và màu nâu của những thanh gỗ bợc tường đã bạc đi trong mưa và gió biển. Cửa đóng chốt từ. Nhưng lạ lùng chưa, hạ qua lâu rồi mà còn lấm tấm vài bông hoa đào cuối góc vườn kia. Lá rụng nhiều mùa rã ra với mưa nắng, phủ dày các lối đi. Nhớ còn người bạn ngồi đợi trong xe, đành trở ra. Nửa chừng không ngăn nổi, tôi ngoái lại. Mấy cánh cửa đang từ từ mở rộng, có ánh đèn vừa thấp lên trong ấy. Và sau ô kính, hai người đàn ông âu yếm sát bên nhau đưa tay vẫy vẫy.

Tóc dài đã bật tin từ độ ấy. Quán ăn không bán lại cho ai, đóng cửa bỏ hoang chẳng biết đến bao giờ. Tôi cũng sờ nhận ra, một quãng đời hằn dấu ấn của mình vừa chấm dứt. Sao G. bỏ thế gian này, bỏ những bức tranh vô hình vô thể toang bao nhất màu làm khủng hoảng hồn tôi. Còn tóc dài đang ở nơi đâu ? Anh ta có lượm lại được mớ ruột của mình để nhào nặn nó thành một sự sống khác hay chẳng ? Tại sao họ đã đến đây, đem thứ tình yêu ngoại khổ làm hỗn loạn, phá vỡ cái trật tự bình thường trong tâm hồn tôi, rồi vội vã bỏ đi.

....Chắc M. nghĩ tôi đã chết ở một bờ bụi nào rồi, nếu không cũng nằm trong một viện tâm thần đâu đó. Chẳng thể nào kể hết cho M. những gì tôi đã sống, đã làm trong quãng thời gian qua.

Những ngày tháng đầu, tôi tự hiểu phải rũ tất cả ra đi. Đi khắp nơi như hồi tôi ở trong ngoại giao nhưng không cùng mục đích và công việc. Tôi tìm đến nơi tụ tập của những kẻ như tôi, như G. Một xã hội nhỏ nhoi trong cái xã hội mênh mông của loài người. Vì chỉ ở nơi ấy, tôi mới tìm ra cho mình câu trả lời về những ngày tháng cuối cùng của G. Ngày nào chưa hiểu nguyên nhân nỗi đau mà trước nó tôi đã bó tay, chẳng làm được gì cho G., thì tôi không thể tiếp tục sống bình yên. Tôi nghĩ mình đã tìm ra M. ạ. Đơn giản thôi, chỉ do một thái độ chấp nhận hay không. Tôi chấp nhận con người tôi, nên tôi yêu cuộc đời này. G. thì bị dằn co, mặc cảm. Nhất là từ ngày trở về vùng biển tuổi thơ ấy. Có lần chúng tôi đi qua ngôi nhà xưa của G. nay thuộc về chủ khác. Cha mẹ G. đã dọn về L. sau khi G. bỏ nhà đi. Tôi cao hứng nhìn vào khu vườn im vắng giữa nắng trưa, hỏi han G. đôi điều về quá khứ. Nhưng G. cúi kinh giục tôi lăn bánh. Tôi đã vô tâm, chẳng nhận ra kịp thời những chối từ vương vất, dẫn vật, thêm thái độ sống bông lỏng đùa cợt của tôi chẳng đem lại chia sẻ nào cho G. cả.

Tôi lang thang đó đây, thay đổi cảnh, thay đổi người tình để lắng dịu những ngọn lửa bùng bùng mà tôi đã bắt buộc ủ đi từ ngày G. chẳng tha thiết gì với cuộc sống chung. Tất cả mọi điều phải có cái thời của nó, và cũng chỉ có một thời mà thôi. Muốn rút ngắn con đường cũng không được nào. Muốn đổi thay, làm một cuộc cách mạng cũng phải chờ cái thời này đi qua, thời kia mới đến.

Tám thiệp kèm đây, M. đủ hiểu tôi đang ở xa thành phố M, nơi G. say ngủ, cả ngàn vạn dặm. Nhưng tôi đã ra khỏi buổi chiều vào bệnh viện thăm M. Chẳng phải tôi đang sung sướng, chỉ là một sự bình lặng của mặt nước hồ sau cơn giông. M. sẽ ngạc nhiên nếu biết tôi đang sống chung với Lise trong cùng một căn nhà. Trên con đường tìm kiếm, tôi đã gặp lại Lise, nàng cũng lang thang mất hướng. Cô bạn Lise đã thay người tình khác. Riêng tôi, sau những trận tình vội vã từ các hộp đêm, những buổi tiệc xô bồ, tôi bắt đầu mỗi mết. Tôi cần một người bạn cuối ngày, một tâm hồn nhạy cảm, như Lise. Có đôi lần tôi nghĩ, chả lẽ mình chẳng thể xúc động trước một người đàn bà đẹp như Lise? Chúng tôi đã trao nhau một lần thử nghiệm. Kết quả không là thiên đường, nhưng một giao hòa yên tĩnh.

Lise đã trải qua một thời làm vợ bị tên chồng hành xác. Nàng đi tìm một người nữ biết dịu dàng với thể xác nàng hơn. Cùng một phái, hiểu tận tường ngõ ngách cơ thể và cách truyền giao cảm xúc, dễ cùng nhau đi đến vùng trời mà ở đấy con người không còn đau đớn nữa. Tôi và Lise cho nhau chẳng được nhiều. Mọi thứ tự nó có giới hạn. Nhưng chúng tôi nhìn nhau an tâm.. Hiện thời Lise làm việc trong một nhà giữ trẻ. Còn tôi, cả đời chưa từng mó tay vào bếp thì lúc này đang xoay nồi xoay chảo, linh tinh kiểu bánh này món thịt nọ.

M. hiểu rồi phải không. Chúng tôi sẽ về, mở lại chiếc vali. Làm sao đóng nó một đời trong ẩm ướt của những cơn mưa và hơi biển mặn. Nhất là, tôi đã đem về áp ủ trong đó tất cả những tấm tranh mà M. vẫn bảo cuồng điên, trước lúc ra đi...

Mưa đá âm dương

Ngư ơi, mưa đục xoá trời trắng bao nhiêu biển
làm sao em tìm ra được cửa nguồn cuối ngọn cho anh?

Phượng đứng chết rũ trên mặt cát cuốn xoáy. Nước dâng lên ào ạt rồi rút đi tức khắc thành luồng chảy xiết. Mưa như chưa bao giờ mưa thế, như biển sắp cạn khô nên trời đất nổi cơn cứu độ. Mưa tấp tời bởi cùng gió. Phượng dang hai cánh tay, chiếc poncho rùng nước phần phật tung bay. Cánh vẫy thành dơi, dơi hoang từ núi khuất chỉ xuất hiện giữa ban ngày khi mặt trời bị dim chết trong mưa ừng xám. Phượng mở miệng đón những hạt nước rớt từ trên không, nhỏ dòng từ đầu mũi và cuối chùm tóc vắt qua môi. Nước có vị mặn chát của sự rã rời và của những ruộng muối trải dài trên con đường nàng đã đi qua. Hai cánh dơi chao đi trong ngọn gió bỗng chuyển chiều, vật xoài Phượng úp mặt vào lòng cát.

Phượng nằm như thế đã lâu. Mưa nhẹ dần, luồng cát không còn cuộn cuộn mà nhip nhàng chuyển động, quán quít. Phượng bỏ rơi mình lảng lảng trong cảm giác rạt rào bất chợt tuôn trào từ bụng, thốn lên co cứng hai đầu ngực. Nàng cọ nửa mặt vào những hạt cát li ti xoay tròn một sắc hồng kỳ diệu, rướn người ủ ấp từng đợt nước dồn rung động dưới thân. Nàng chẳng còn thấy gì ngoài đôi mắt Ngư nửa cười nửa thách thức. Ngư dội lên nàng những dùi chuông chắc nịch dịu dàng. Thế rồi Ngư bỗng hất nàng xuống, đột ngột bỏ đi, cơ thể cuộn dài như thân cá, duỗi theo dòng nước rút ra biển nhanh không ngờ. Mưa tạnh lúc nào Phượng chẳng hay. Hai cánh dơi nằm chết trên mặt cát óng ánh dưới sắc cầu vồng lừng lững góc trời. Phượng hoảng hốt thu cánh, nhòm dậy nhìn về phía màu xanh mênh mông đang hiện rõ dần. Thoáng một bóng xám bạc lao thẳng vào ngọn sóng dâng cao.

"Chim hay cá hồ Ngư?"

"Anh đấy, loài cá bị giam cầm trong biển kín, chim mãi là em, hãy đứng dậy, chắp cánh bay đi, can đảm tìm ra hộ anh cuối dòng sông ấy."

✧

Tám bản đồ nhiều nếp gấp đã mòn trải trên chiếc bàn nhỏ. Hai góc cong lên phập phồng với làn gió lọt vào phòng. Phượng đẩy cửa ra ngoài hành lang, những lát gỗ dưới chân kèn cựa. Đêm xuống, ngoài xa vài ánh đèn tàu lênh đênh. Thấp thoáng những đụn cát nhỏ nhô lên như bộ ngực dậy thì. Phượng đứng dựa lan can, hai bàn tay luồn vào trong áo, chà xát da thịt mình tìm hơi nóng. Nhớ mênh mang thuở trước Ngư hay cười :

"Tay em lạnh máu cá, còn anh ấm như lông vũ."

Phượng liếc cặp mắt đuôi dài âu yếm:

"Nhưng mắt anh băng giá, sao lạnh đời như cá chết trên sạp chợ chiều?"

Ngư đáp giọng buồn, xác định :

"Bao giờ em sờ tay lên hòn đá âm dương khoanh vòng bên trắng bên đen ở cửa sông ấy là em giải thoát, gỡ thả anh về bơi lội trong thế giới của sự sống."

Chẳng bao lâu sau, Ngư đã bỏ nàng im lặng ra đi, đến một vùng đất ngút ngàn, địa đầu trái đất. Ở nơi ấy, biên giới giữa ngày và đêm tràn trải trên bao tháng trời rỗng rã. Tám tháng một năm không có mặt trời, vạn vật chìm trong ánh sáng khắc khoải. Chỉ tưởng tượng vùng đất

phủ toàn râu cỏ xanh xao và những mảng băng chìm nổi, Phượng đã gào lên :

"Tình yêu hay Đày đọa?"

Và tiếng Ngự vọng về u uất từ bóng tối bắc cực :

"Đá âm dương sẽ trả lời, em đừng hỏi nữa."

Dù không hình dung ra được tảng đá trong định mệnh của Ngự, lời gọi kêu tha thiết này đẩy Phượng vào cuộc hành trình đi tìm cửa nguồn khởi từ đêm ấy. Có lúc nàng bơi, có lúc nàng xoải chân dọc theo các bờ biển, đến những nơi trên bản đồ có lần vẽ dòng sông. Phượng từng đứng trước nhiều eo biển chết lặng như mặt hồ, không thấy gì ở đó ngoài nỗi câm nín bức nghẹn. Càng về phía nam càng nhiều những ruộng muối xám. Mắt nàng hốc khô vì gió, thân thể và đôi chân dài xơ rã, da nứt ròn rợn xác muối, nhưng vẫn cố trườn đi như con trăn hối hả muốn về rừng.

♪

Trên bãi biển đêm, cô gái lắc đầu xoắn tung mái tóc, cả tấm thân không ngừng uốn lượn theo điệu trống và tiếng vỗ tay của đám thanh niên thiếu nữ ngồi quanh đồng củi. Máu tóc rụng sáng từng đợt lửa bùng cháy. Phượng chưa từng thấy một đôi mắt nào vừa thơ ngây lại man dại đến thế. Cô gái còn trẻ lắm, nhưng hai bầu ngực đầy căng như chỉ chực bút đứt sợi dây vải cột mảnh áo bó sát thân, cũn cõn trên cái váy xoè nhiều màu, để lộ lổm xoáy tròn xoè giữa bụng. Một chàng thanh niên mặc áo trắng rộng đứng dậy bỏ thêm củi vào đồng lửa, cô bé chụp ngay lấy hắt hàm ra dầu, lôi chàng ta lượn theo vòng váy sặc sỡ.

Bên ánh lửa bùng bùng bãi tối, lau sậy đứng im trong đêm thiếu gió. Sau cơn mưa động, sóng bây giờ không còn ồn ào nổi loạn. Đàn chim chẳng sợ bóng đêm sà xuống đùa bỡn với bọt nước. Khoảng giữa nền trời trong vắt, mây cuộn thành đụn, chập chùng ở đường mặt biển. Thoắt chốc, trước mắt Phượng, chúng bắt đầu dập dềnh chuyển động, biến thành bầy gấu trắng bắc cực gù lưng phục phịch, dất dúi nhau trên những mảng băng xanh lạnh mướt. Ngự mặc áo choàng da thú vác gậy dài đằng sau, rù rù trong họng một âm thanh ngẫu đục. Mũ lông che gần hết khuôn mặt, chỉ có cặp mắt loé ra ánh sáng lạ lùng khiến Phượng rùng người. Chiếc gậy trên vai Ngự vụt hoá thành lưới giăng. Ngự vung cánh tay chém phập xuống mảng nước đá dày, những mảnh băng bắn tung lấp lánh, từ bầu trời đêm xanh đậm thẳng vào mặt biển. Bầy chim trúng băng nhọn oác kêu thất thanh, bay tứ tán. Phượng nhắm nghiền mắt trong nỗi sợ hãi không cùng.

Khi Phượng tỉnh dậy, đêm tràn trề. Đám thanh niên quanh vòng lửa đã biến mất, chỉ còn lại vài khúc củi cháy dở lụi tàn trong mớ tro than. Ngoài khơi, đèn tàu xa tấp hầu như lặn chìm trong biển, sóng đập nhẹ lao xao với gió vừa nổi. Chợt tiếng cười khanh khách cùng chân người ulla tới sau lưng. Chưa kịp ngoái nhìn, một bóng trắng ôm níu một thân thể nâu đầy, trần truồng đổ xuống từ đồi cát. Phượng nhận ra ngay mái tóc bông của cô gái du mục rớt tận đường rãnh đáy lưng. Tới gần mép nước họ dừng lại, đột ngột nhập hẳn vào nhau. Cô bé co cặp đùi nở nang quần cứng dưới vành móng của chàng trai chỉ còn mảnh áo trắng mỏng manh, đang dạn chân cử động dồn dập, vừa cố giữ thăng bằng trên mặt cát nhão mềm cuộn trong luồng nước rút. Quỳ trên cát khô, Phượng mở bừng mắt, hai gò ngực nhức căng. Hơi thở gấp rút của gã trai và tiếng đờ con gái lúc gằm gừ như thú mắc bẫy, lúc ré lên như chim săn thấy mồi rung đứt những sợi thần kinh run rẩy của Phượng. Nàng đang tan thành chất lỏng, như ngọn nến chảy trong môi lửa. Phượng ngược nhìn trời cát tiếng gào bất lực.

Không, Ngự, đừng phủ dụ, em kiệt lực rồi. Tận cùng tình yêu của anh chỉ là sự chạy trốn. Nhưng điều gì ? Em muốn, ngay bây giờ, được đốt cháy, bùng mê với hai thân trần quần quại trước mắt kia. Em không đi tìm, không đợi chờ nữa. Không thể là vật tế thần cho tảng đá âm dương.

Ngoài rìa nước, đưa con gái bắt thần hét lên một tiếng gọn khô, mê dại, xé toang mảnh vải cuối cùng còn thông trên vai gã thanh niên. Cả hai tấm thân quắp vào, xô nhau đổ xuống. Thấp thoáng manh áo lênh đênh trôi dần ra khơi. Cánh chim hoang xoải thênh thang trên mặt sóng.

Bỗng nhiên Ngự lại hiện ra lửng lững giữa nền trời băng xanh lạnh giá, gương mặt vương vất buồn dưới ánh trăng yếu nhạt. Chàng cúi xuống, đưa tay vớt chiếc áo ướt rùng, rũ liệt như hình hài của Phượng, cất giọng trầm, năn nỉ :

"Đừng bỏ cuộc, đứng lên đi, em sắp đến nơi rồi."

♪

Chẳng thể ngờ một ngày, trong cuộc hành trình hoá giải cho Ngự, Phượng đặt chân đến chốn này, nơi mà tiếp giáp với mặt biển là sa mạc cát. Và sau hừng hà sa số những lần kỹ hà vế trên cát vàng cháy lại có thể xuất hiện vùng xanh xám mông lung của khu rừng đầy thông và những vòm cây lá bạc. Nhưng khu rừng không đầy như Phượng tưởng. Sau nó, một bên là đồi đá, bên kia là con đường ẩn giữa nhiều loại cây cong cành đan díu. Những con chim đang nhẩn nhơ trong không gian im kín, nghe hơi lạ xục bay lên, trốn lủi vào cây cối. Thế rồi cuối con đường dẫn đến mảnh sân vắng, phơi trần một ngôi nhà nhỏ có nhiều khung cửa kính. Mái lợp bằng đá sáng phản chiếu, hắt lên hàng dương cao vút sau nhà, từng vệt nắng. Bên cửa ra vào chặn một khối đá to độ nửa thân người, lồi lõm nhiều dấu biển. Gió nổi từ ngoài khơi, hút qua cánh rừng, rồi xoáy tròn trên đầu các ngọn cây. Những cửa kính trần và sự vắng lặng quanh ngôi nhà vừa thu hút lẫn đe dọa. Phượng mon theo bờ cây đi vòng ra sân sau. Đây đó những hòn đá nằm ngời lớn nhỏ, xám và trắng ngồn ngang. Dưới chân tường đầy các lon sơn nhiều màu chùng chắt, lẫn lộn với dao, đục, đá mài, cọ vế.

Người đàn ông ấy xuất hiện lúc nào Phượng chẳng hay. Nàng suýt thốt tiếng kêu khi chợt thấy thân hình cao, cân đối trong bộ quần áo đen lạ lùng giữa nắng. Ông ta không có vẻ ngạc nhiên về sự có mặt của cô gái, ánh mắt hết sức thản nhiên. Phượng áp úng, nàng chỉ kịp ngượng nghịu chớp nhanh đôi mắt, thì người đàn ông ấy đã quay lưng, để rớt lại một câu ngắn gọn: - Phía sau này không có lối ra ! Bây giờ Phượng mới nhận ra dáng đi khập khểnh, tay phải cầm nặng, và một ống quần rỗng phất nhẹ.

Khuôn mặt còn nét trẻ trung nhưng vẻ căm lạng vừa cuốn hút lại lạnh lùng ám ảnh Phượng suốt cả buổi chiều nàng trở về bãi biển. Có lẽ vì ánh nhìn, dáng dấp như đã gặp, đã quen. Không, một điều gì lạ thường, ray rứt hơn thế nữa. Khi trời đã tối, Phượng dò dẫm trở lại con đường nhỏ. Căn nhà thoáng thoáng ánh đèn sau rặng cây âm u. Bất giác nàng nhìn xuống, quần áo ướt mà hơn bộ bụi đường lúc ban trưa. Phượng bước ngập ngừng về phía những khung kính vừa bật sáng. Ông ta đã đứng giữa căn phòng đó như cố ý đợi chờ, ống điều cài trên miệng, vành môi dưới trễ xuống cùng vài sợi tóc rơi trên trán. Cánh cửa mở ra, và cô gái bước vào, mắt mở to thích thú trước muôn màu sắc tưng bừng dưới những ngọn đèn chiếu sáng. Những viên đá đủ cỡ được đeo mài hình dạng khác biệt, và được sơn vẽ lên nhiều hình ảnh, bày trên kệ và mấy tủ kính. Cô say mê nhìn, tựa ngày còn bé theo mẹ vào cửa hiệu đồ chơi lộng lẫy. Người đàn ông không nói câu gì, im lặng thả khói nơi ghế sofa trắng giữa

phòng. Cho đến khi cô gái quay người, bật tiếng kêu sững sờ trước một hòn đá chỉ to hơn nắm tay, một nửa sơn trắng thô ngăn chia với nửa kia đen bóng bằng một đường cong sắc nét. Nó được bày riêng biệt, kê trên cái nà bản chim màu gỗ cũ quàng sợi dây cao su khô quần tít. Mắt không rời hòn đá, cô gái lắp bắp :

"Sao lại thế, sao âm dương lại ở nơi này!"

Người đàn ông chẳng biết nghe thấy gì không nhưng đã đứng dậy, lên tiếng:

"Nó chẳng lạ gì!"

Giọng buồn thối, hơi gằn khiến cô giật mình. Ông ta bước tới, gõ đầu ống điếu vào cái gạt tàn gần đấy, chiếu vào mắt cô cái nhìn không chớp, nghi ngờ, rồi chột hỏi: "Có hòn đá tự nhiên đã y như thế, cô muốn xem không?" Cô gái như còn trong mơ, lảng lạng gạt đầu.

♪

Đồi đá không cao lắm nhưng đủ thấy biển xanh vây kín bởi dãy núi lô nhô và bãi cát ngoằn ngoèo những lằn ngựa vằn vàng đẫm. Người đàn ông sáng nay vẫn hà tiện lời nói, chống nạng và leo rất chậm nhưng không gặp khó khăn gì, như thể đã lên xuống vô cùng quen thuộc. Ông ta dừng lại ở một gốc cây, cảnh vượn khỏi bờ đá. Bầu trời nhiều mây, không khí nặng. Dưới kia, lũ chim hồng đang gục mỏ đào bới trong một đầm cát cạn. Tiếng nước vỗ dồn dập thật gần. Người đàn ông vẫn im lìm từ lúc lên đến đây, nhưng gương mặt và nhất là ánh mắt đột nhiên trầm trọng. Dù biết nàng chờ đợi, ông ta chỉ khẽ nhếch miệng rồi đến dựa vào thân cây cheo leo, quơ nạng chỉ xuống dưới sâu. Phượng bước lại gần, hỏi hớp. Gió bắt đầu thổi mạnh. Mây đen chốc đã chiếm lĩnh bầu trời dọa nạt. Nhưng từ đó trông xuống, vẫn thấy rõ một dòng nước bạc chảy xiết giữa sườn đá dốc bên này và triền đất đầy cây rậm rạp bên kia. Vừa cúi nhìn, nàng hét lên thảng thốt, chới với níu lấy cành cây chĩa trong không. Con sông không rộng nhưng nước dội vào một khối đá trắng đen kỳ dị, đổ nằm giữa lòng, ồ ập và giận dữ.

Cùng một lúc, người đàn ông đứng sau lưng cũng bật ra một âm thanh thô đặc. Rồi tức khắc dang vòng tay vũ lực ôm choàng cô gái, chiếc nạng hất ngang, cả hai ngã lăn trên nền đá. Trời tối sầm và gió cuồng lên. Chim chóc sợ hãi đập cánh hoảng loạn. Mưa đột nhiên quật xuống những hạt nước tròn vo đông cứng. Người con gái bị dằn trên mặt đất sững sờ nhận ra trong cặp mắt gã đàn ông đang miệt mài và tuyệt vọng dốc sinh lực trên cô, cũng một ánh nhìn đầy chết của loài cá mắc cạn. Giận dữ và đau đớn, cô vừa vùng lên với tất cả sức lực vừa hét khản:

"Ông là gì của Ngư?"

Người đàn ông bị hất mạnh bất ngờ im lìm một lúc, rồi ngồi dậy, ôm mái tóc đã sũng mưa trong hai bàn tay, giọng đặc sệt:

"Bây giờ nó ở đâu?"

Cũng lúc ấy, ở một đường vĩ tuyến ngút cao, mặt trời vừa loé lên tia sáng đầu tiên sau những tháng dài ẩn nấp. Ngư quỳ giữa một hồ băng trong suốt. Trong đèn nổi vừa cúi nhìn đã hiện ra rõ ràng khuôn mặt hõm sâu với vành râu tua tủa của bao nhiêu ngày tháng tự lưu đày. Chàng đưa bàn tay mang găng da thú vuốt lên từng trũng mắt. Mặt băng bỗng lung linh bóng Phượng, những sợi tóc nàng bện vào nhau xơ xác, hai con mắt đuôi dài vẫn đen láy nhưng

buốt sâu uẩn ức. Ngự vội vàng cúi xuống kẻ đôi môi nứt nẻ. Phượng né tránh quay đi, dội tiếng cười ròn rợn :

"Anh đã hài lòng chưa? Chạy trốn cùng đi tìm định mệnh!"

Âm thanh sắc cao, vọt lên đồi núi trong khi Ngự gục xuống trên mặt nước đá đang chảy ra, tan loang hình ảnh nhập nhoà của hai khuôn mặt thanh niên tươi trẻ lẫn lộn vào nhau. Hai gã con trai đùa nghịch đuổi chạy trên đồi đá. Người trẻ hơn cầm ná tìm chim. Thuở xa xưa, vùng biển ấy hoang dại hơn cả bây giờ, chim về từ bốn bể, vui thú trên ngọn đồi đầy ấp những chùm trái đỏ ửng cuối hè. Chàng trai lớn tính dịu dàng, không thích bắn chim, nhưng mỗi mùa về đây nghỉ hạ thường theo em lên đồi ngắm màu biển và cát. Chàng ta hay đứng dựa gốc cây chênh vênh bên sườn đồi, để từ đó thấy cả cửa con sông rạt rào chảy qua lòng đá. Đặc biệt đá ở đây hình dạng lạ lùng, màu sắc biến ảo như thể một cõi tạo riêng tư, kết hợp âm dương dấu kín của trời đất lúc hỗn mang. Thằng em giương ná nhắm con chim đang khoe đuôi xanh óng, bay sà theo hướng người anh mãi ngó dòng sông. Sợi cao su căng lên, bật rung dưới sức kéo mạnh, viên đạn đá nhọn hoắt lao đi.

Chỉ một giây thôi, một tiếng kêu thất thanh rớt từ trên đồi, rút xuống vực, rồi tắt ngấm. Cùng lúc ấy, con chim may mắn thoát đạn đập cánh hoảng hốt bay vút lên ngọn cây.

Ngự điếng người ngừng theo bóng chim. Lưỡi dao vẫn dùng đục băng sần cá sắc nhọn vung lên cùng tiếng gầm thống thiết. Như mìn nổ từ đáy sâu, mặt băng chấn động nứt tung, lộ một hố trống sâu thẳm, hút trọng thân thể thằng anh như dưới một lực cuốn vô hình cuồng vũ. Hoảng hốt quăng dao, Ngự cuống quýt thò tay chụp giữ anh mình, nhưng hắn đã rơi xuống đáy, nằm sấp trong dòng nước, chân sổng sượt trên một tảng đá chặn giữa con sông. Nước sủi ngầu bọt chung quanh, nhưng không che lấp được hình thù khoanh tròn hai nửa trắng đen huyền hoặc. Khi Ngự đứng dậy, mắt chói loà, cuống cuồng níu giữ. Phượng xoã tóc, hai cánh tả tơi đang bay về phía mặt trời loé sáng.

Ít lâu sau trời lại thật trong. Chim chóc rủ nhau ríu rít trên ngọn đồi có người đàn ông đứng sững nhìn ra biển. Thật ra ông đang ước tính khoảng cách từ nơi đây tới vùng băng hồ giá buốt. Chắc chắn nó không dài bằng thời gian đằng đẵng trôi qua, kể từ buổi ông tỉnh dậy với một ống chân dập nát trên tảng đá. Nó chẳng thể mệnh mông hơn cõi vắng lặng của căn nhà khuất sau rừng cây. Cũng không cảm nín hơn những hòn đá ông đã đeo mài sơn phết thay cho từng giờ phút mà nỗi hận đau khi cúi nhìn cái chân cắt cụt chông chéo với sự quay quắt, lúc hồi tưởng khuôn mặt trẻ dại thân thiết của thằng em. Nếu cô gái ấy không đặt chân đến cửa nguồn này, ông cứ tưởng tất cả sẽ mãi rộng thênh tan tác nhưng đồng thời vây khếp như ngày tháng vui lấp tuổi trẻ nơi đây.

Ông cũng như Ngự, tự giam cầm biển kín. Nắng choá mặt nước sáng, gió lùa bung vào đất liền, nhưng người đàn ông ngỡ mình sắp cuốn ra khơi. Cửa biển đang mở ra, mở rộng vô cùng. Bây giờ đến phiên ông khởi sự hành trình đi về phương bắc.

Người đàn ông ấy đã quỳ trên mặt đất, hai tay thành khăn khếp lại vạt áo dẫm nước trên khuôn ngực trần của cô gái, xốn xang lời tạ tội về hành động nhất thời trút hận lên cô. Cặp mắt phượng nhìn ông, mở to câm lặng. Sau khi cho biết Ngự đang ở nơi nào, người con gái đã đứng dậy, lưng thũng xuống đồi. Khi ấy trận mưa đá cũng vừa ngưng, hồng hạc lại hơp đàn la đà bình thản nơi cửa con sông.

**Phòng văn Mai Ninh
Lê Quỳnh Mai**

(tạp chí Hợp Lưu)

Theo thống kê của La Presse Canada 15/11/01. Mười lý do thúc đẩy chúng ta đọc sách:

- a) Bồi đắp sự thông minh
- b) Tạo ra sự tưởng tượng phong phú
- c) Tăng sự hiểu biết
- d) Có thể đi du lịch qua đọc sách
- e) Cho phép đọc giả tự đánh lừa giữa khoảng cách của sự sống và cái chết. Giúp đọc giả chấp nhận sự hiện hữu - những ước muốn không thể thực hiện được -
- f) Mang lại những điều tốt đẹp nhất, cho đọc giả hiểu rằng bản thân con người không phải là một cái máy, mà là một 'être vivant'.
- g) Đòi sống đầy những nghịch lý. Đọc và viết xóa bỏ những nghịch lý ấy.
- h) Đọc có khuynh hướng dẫn đến viết, là một trong những 'sở thích và thú vui' đẹp nhất của con người.
- i) Đọc và viết là hành động tự do, không bị ép buộc, là hành động 'cho không'. Điều 'cho không biếu không' này trong đời sống rất khó xảy ra!
- j) Từ đọc -> viết -> có thể mang lại cho tác giả một quyền lực (puissance) khi chính mình tạo dựng cốt chuyện và nhân vật.

Trong lời tựa của tác phẩm đầu tay, nhà văn Mai Ninh tuyên bố 'Còn viết, hãy cứ viết đi, nếu không người đọc thì giữ đấy, có biến đi đâu. Rồi sẽ một ngày hoặc có thể chỉ khoảnh khắc sau, chỉ cần mình đọc lại mình...' Chị có đồng ý với 10 điểm thống kê trên hay không?

- Nói chung, MN đồng ý với đa số lý do tại sao đọc sách theo thống kê của La Presse Canada nhưng cũng có điểm không.

Người ta đọc sách để bồi đắp sự hiểu biết, tìm giải đáp cho những điều mình gặp khúc mắc. Trừ trường hợp giản dị là thú tiêu khiển thì đọc khiến con người ít nhiều phải tư duy, và một khi đã dùng đầu óc hẳn nhiên không là cái máy nữa. Đúng là ta có thể du lịch qua sách vở, nếu còn có thêm óc tưởng tượng phong phú sẽ, chỉ qua những giòng chữ, nắm bắt dễ dàng hơn những hình ảnh, âm thanh, con người, đời sống thuộc về bao nơi chốn, cảnh thổ xa xôi, khác biệt. Đọc sách không những tạo ra sự tưởng tượng mà còn ảnh hưởng đến cách suy nghĩ và phát triển khả năng lý luận, phân tích.

MN đồng ý với lý do là đọc có khuynh hướng dẫn đến viết. Trong lúc đọc thế nào chúng ta cũng bắt gặp những cảnh tượng, những quan điểm mà chúng ta chia sẻ hoặc không đồng ý với tác giả? Từ chia sẻ, con người có thể cảm thấy còn nhiều thứ khác cũng cần được bày tỏ, đưa tới hành động viết. Bất đồng trong cảm nhận cũng có thể thúc đẩy người đọc cầm bút. Ngoài ra như đã nói, một khi đọc tạo thêm tưởng tượng thì nó dễ bắt nguồn cho hứng thú viết. Những nhận xét này cũng đúng cho người viết vì người viết là người cần đọc hơn cả.

Những điểm MN không hoàn toàn đồng ý:

MN không cho là đọc sách bồi đắp thêm sự thông minh, thông minh là một thiên phú, của trời cho như mình nói hôm na, của bẩm sinh. Ngoài lợi ích để tăng sự hiểu biết, đọc sách giúp con người phát triển hay giữ gìn trí nhớ, như một cách tập thể thao vận động bộ não mình vậy.

Viết có thể khơi ra những nghịch lý, còn đọc cho mình cơ hội nhận chân ra điều đó? nhưng cả hai hành động này không chắc gì xóa bỏ được nghịch lý. Hơn nữa, trong đời sống, xóa bỏ chỉ

là một điều tương đối.

MN cũng dùng sự tương đối này để nói về quyền lực của tác giả khi tạo dựng cốt truyện và nhân vật. Trước khi bắt đầu dĩ nhiên người viết nghĩ đến điều mình muốn bày tỏ qua cốt truyện và các nhân vật tạo ra. Nhưng lúc thực sự viết sẽ có nhiều vấn đề từ đâu xuất hiện mà tác giả lắm khi chưa nghĩ tới hoặc không ngờ trước. Chúng nảy sinh do tương tác giữa cốt truyện và văn phong, giữa bối cảnh và tâm tính lẫn tâm tình nhân vật, hay từ sự ma sát giữa các nhân vật nữa. Một khi nhân vật đã định hình nghĩa là có bản chất, tiếng nói riêng thì người viết không phải muốn điều khiển thế nào tùy ý. Văn chương cũng có cái lô-gích của nó.

- Âm nhạc là một nghệ thuật tồn tại theo thời gian, nên thời gian là yếu tố căn bản của âm nhạc. Yếu tố này được phân biệt làm 3 thành tố: nhạc điệu (tempo), nhịp vận (meter) và tiết tấu (rhythm). Trong âm nhạc, hợp âm là một nhóm ba hay nhiều nốt nhạc đồng phát ra. Nhà văn Mai Ninh đã diễn tả được trọn vẹn một hợp âm của chính mình hay chưa? Khi chị viết trong lời bạt 'âm thanh lẫn hình ảnh, ý tưởng từ trí tâm cùng trở dậy, so chạm lựa chọn để tìm ra một nhịp trùng kết thành - hợp âm - trên mặt chữ)

- Hợp âm là một kết hợp của một nhóm nhiều nốt, nhiều âm được phát ra cùng một lúc. Sự thành công của một hợp âm trước nhất là sự hài hoà của những âm ấy. Nhưng trong nghệ?thuật, hài hòa này phải tạo ra sức quyến rũ, sự mới lạ mới tồn tại. Chính tồn tại ấy là yếu tố thời gian. Một hợp âm trọn vẹn thì dư âm còn ở lại thật lâu với người nghe ngay cả khi nhạc khí đã ngừng.

Theo MN, viết là một đi tìm hợp âm giữa con chữ và những điều mình muốn viết ra (ý tưởng, âm thanh, hình ảnh, tâm tư...). Niềm vui, thích thú của người viết là lúc đang trên con đường ấy. Khi còn viết là còn trên một con lộ, bởi thế không thể nói đã tìm ra được một hợp âm hoàn tất của chính mình.

- Somerset Maugham đã từng tuyên bố 'tiểu thuyết gia nào mà cứ nghĩ rằng mỗi chữ của mình viết ra đều có tính cách thiêng liêng rằng hễ bỏ đi một dấu phết, đổi chỗ một dấu chấm phết thì tác phẩm sẽ hỏng, là nhà ấy điên khùng' (1) . Chị có đồng ý với lời tuyên bố của nhà văn đã từng ghé thăm Saigon hay không?

- Trước hết MN nói thẳng, nếu đọc một tác phẩm nhiều lỗi chính tả, câu văn rườm rà, chấm phết ầu thì MN bị mất nhiều hứng thú. Người viết không thể xem thường điều ấy, đó cũng là thể hiện sự không xem thường người đọc.

Còn người nào xem mỗi một chữ mình viết ra là thiêng liêng thì theo MN nếu không điên cũng quá cực đoan. Đành rằng trong một áng văn từ ngữ và những chỗ chấm phẩy rất quan trọng, để làm nổi bật, nhấn mạnh một ý tưởng, để làm cho câu văn mạch lạc rõ nghĩa hay đẹp, sắc sảo, trọn vẹn hơn. Tuy quan trọng là vậy?, nhưng không phải suốt bài viết bả? cứ chữ nào được sử dụng, trong bất cứ câu nào cũng là một cân nhắc, chọn lựa suy nghĩ nát đầu đến nỗi nếu dời đi một dấu phẩy sẽ làm hỏng cả tác phẩm. Chẳng lẽ giá trị của tác phẩm chỉ gom vào ở một chỗ có dấu chấm phết ấy thôi sao? Câu của Somerset Maugham từng khiến MN liên tưởng tới âm nhạc. Khi người nhạc sĩ đàn một bản nhạc nếu tuân theo chính xác từng đơn vị thời gian của mỗi nốt, mỗi dấu lặng như tác giả đã ghi thì những âm thanh ấy sẽ ít nhiều bị đơn điệu, mất đi một phần độ rung cảm, còn đâu cảm nhận và tài năng riêng biệt của người nhạc sĩ. Để diễn tả những dòng nhạc của Lizt, Debussy, Chopin.có lúc người nhạc sĩ cần đánh nhanh hơn để biểu lộ sự dồn dập, thôi thúc, quên đi tempo trong khoảnh khắc, rồi sau đó thư dần ra, trả lại hơi thở. Điều ấy được nghệ?thuật âm nhạc cho phép, dĩ nhiên với điều

kiện là phải bắt lại cho đúng nhịp ở cuối câu. Thí dụ này hẳn không liên quan gì đến lời tuyên bố của Maugham, nhưng để thấy là chính xác lẫn uyển chuyển, cả hai đều cần thiết trong mọi nghệ thuật.

- Tình Sầu của Kawabata Yasunari (tác giả Ngàn Cánh Hạc), kể lại chuyện tình của một văn sĩ nổi tiếng với nữ họa sĩ của trường phái tranh thủy mặc Nhật Bản. Vì sự phản bội 'kiss and tell' của người yêu, nữ họa sĩ này đã chuyển hướng tình yêu sống với người học trò trẻ đẹp cùng phái tính. Trong tiểu truyện Mây Một Ngày (2), Mai Ninh cũng tả chân về sự liên hệ xác thịt của nhân vật Vân và Mây, hoặc trong Ấm Ướt Những Cơn Mưa (3) với những mẫu tình ngắn ngủi của người đồng phái tính. Chị nghĩ sao về tình yêu này? Khi tả đoạn Mây và Vân, chỉ là do tưởng tượng hay từ kinh nghiệm có thật?! (đoạn văn tả rất 'điệu nghệ')

- Trong tập truyện Hợp Ấm Trong Vùng Sân Khuất, nhiều độc giả cho rằng Mây Một Ngày là một truyện ngắn viết về mối tình đồng tính như trong Ấm Ướt Những Cơn Mưa. MN tôn trọng cảm nhận ấy của người đọc. Nhưng, với MN, chỉ Ấm Ướt Những Cơn Mưa mới là truyện chủ tâm viết về đề tài này. Mây Một Ngày thì khác, rất khác. Suốt truyện không có một chữ 'yêu' trong liên hệ giữa Mây và Vân. Nếu ở trên bề mặt của câu chuyện, cái gọi là tình trong MMN chính là chia sẻ, cho đi, dâng hiến và bù đắp nỗi đau khổ, trống vắng và thất lạc của một cô gái/ thiếu phụ có số phần may mắn dành cho người bạn thời thơ ấu thân thiết của mình đang quần trí, bất lực trước định mệnh cay nghiệt. Còn đi vào trong phần ẩn, người ta đụng chạm cùng một lúc hiện tại và quá khứ, thời thơ thiếu lãng mạn xa xưa và bây giờ thiếu phụ với bức xúc trần lụy đa đoan, cuộc đời trong chiến tranh và sau khi nó chấm dứt, ra đi rồi trở về, người ta cũng thấy một vóc dáng đàn bà son phấn chợt ẩn chợt hiện bên cạnh một ni cô nâu sồng ra vào sân chùa u uẩn, tất cả đều trong cùng một không gian ấy. Thứ không gian hoàn toàn nhập nhoạng của buổi sáng năm giờ, của thành phố cúp điện cuối chiều trời đổ mưa giông, một đứng trưa loang nắng trên ruộng cỏ, một đêm lóng lánh vại nước, nhập nhòa đốm thuốc, hay một khuôn mặt là mảnh vuông thắm tối mang đốm nâu ở giữa nhòa nhòa. Vậy, Vân là ai và Mây là ai trong vùng không gian ấy? Khi không phân chia, tách biệt được Mây và Vân thì có thể nói đến chuyện đồng phái tính nữa chẳng? Cũng từ đó, câu hỏi: những cảnh tả trong truyện là kinh nghiệm thật hay không? đã được trả lời. Và chẳng, MN thiết nghĩ, khi đã cảm cái đẹp của văn chương người ta không quan tâm đến nó phát xuất từ chuyện thực hay là do tưởng tượng nữa.

- Marguerite Duras đoạt giải thưởng Goncourt với tác phẩm L'Amant (Người Tình). Cho đến nay chưa một nhà văn nữ ngoại quốc nào đã thành công qua cách dùng bối cảnh Đông Dương lồng trong chuyện tình của mình để viết thành tác phẩm được xem là best seller của một thời. Cũng trong lời bạt chị viết 'Nếu phần lớn các hành động của con người đều do tình yêu dẫn dắt và chi phối, thì viết, với tôi cũng vì lẽ ấy'. Mai Ninh có ý định kể lại chuyện tình đẹp nhất của mình hay không?

- Nhìn quanh đời, MN vẫn thấy đa số hành động con người do tình yêu chi phối, nên hiểu tình yêu theo cái nghĩa rộng của nó. Mỗi lần MN ngồi xuống khởi sự một câu chuyện là lúc muốn viết ra những điều mình đang cảm xúc. Xúc động này có thể đến từ thương cảm của chính mình, hay từ tình yêu bất gặp giữa con người, đời sống, cảnh vật chung quanh. Còn chuyện tình của mình, trong nghĩa tuyệt đối thì người ta chỉ biết được chuyện tình nào đẹp nhất ở giây phút cuối cùng, trước khi khép lại đời sống. Đối với MN, một chuyện tình khi đã gọi là đẹp thì nó đáng quý vô cùng và mình muốn giữ gìn, trân trọng, cho nó một chỗ ẩn náu rất riêng tư. Tuy nhiên, với người viết, một khi viết bằng cảm xúc thì không dễ gì tránh khỏi ảnh hưởng của một số xúc động đến từ tình yêu và cuộc đời của mình. Chúng sẽ lãng đãng trong những gì ta viết ra vì vốn có mặt thường xuyên trong ta rồi. Không nhất thiết phải đúc kết đem ra kể lại, viết thành một truyện. Còn như M. Duras đã thành công với chuyện tình đầu đời của

bà, làm được một best-seller thì hay thôi.

- 'Nghe từng mẩu chuyện, nhìn từng người bạn một, diện mạo thay đổi đã đành, tôi còn ngạc nhiên biết bao trước những thay đổi về cung cách, về con người. Hình như chẳng phải do thời gian, mà chính là đời sống và cách sống đã làm con người ta thay đổi đến như vậy' (4). Nếu không có thời gian, làm sao có sự tiếp nối về đời sống và cách sống. Mai Ninh có mâu thuẫn với chính mình khi viết như vậy không?

- Không có sự mâu thuẫn trong đoạn văn này. Trong đời người thời gian như một dòng sông đưa thuyền, đưa người trôi đi. Nếu không có những ghềnh đá thì con thuyền sẽ bình lặng trôi từ thượng tới hạ nguồn cũng như con người sẽ bình thản đi qua ngày tháng, từ lúc sinh ra, lớn lên cho tới lúc già cả với cùng bản chất. Thời gian có tác dụng trên thể chất nhưng những thay đổi về tâm tính, cách suy nghĩ là do sự đụng chạm với môi trường, đời sống chung quanh. Những thứ này càng nhiều, càng dày đặc? hỗn độn bao nhiêu con người phải thay đổi để thích ứng bấy nhiêu. Cứ xem một người sống ở thôn quê giản dị, họ ít thay đổi hơn người thành thị.

- Nhà văn Mai Ninh hình như là rất tin định mệnh và nghiệp báo? Vì chị đã viết 'Mày không biết con nít đến tao chữa, toàn là con của họ. Ấy! bọn chính khách chuyên dối gian thánh tướng nên lũ con thường ngọng cả!' (5)

- MN tin vào số mệnh nhưng thấy nghiệp báo thì huỷ hoại, không kiểm chứng được. Câu viết trong truyện Bão Cát này chỉ là một cách nói của người đời, nói cho có chuyện, vậy thôi.

- Chị đã đến sa mạc Sahara và đã thực sự hưởng trận bão cát nào chưa? (6)

- MN đã chơi với cát trong trận bão cát ở Sahara thời sinh viên, năm 23 tuổi. Thấy mình may mắn có được kinh nghiệm ấy.

- Người ta nói văn là người. Tác phẩm HATVSK là một hòa điệu giữa tình yêu đam mê và sự đau đớn vì tình yêu giữa người và người. Hermann Hess (Nobel 1946) đã viết 'Dù bị đau đớn quần quai, tôi vẫn thiết tha yêu thương trần gian điên dại này' (7). Mai Ninh đã có lần nào cảm thấy thù ghét trần gian điên dại này trong lúc viết về sự đau đớn vì tình yêu giữa người và người không?

- MN không thù ghét trần gian mà chỉ là thương cảm và nỗi buồn. Văn thường ngấm nghĩa trần gian như một quả bóng trong đó chứa đựng đau khổ nhiều hơn hạnh phúc và nó có thể vỡ tung ra bất cứ lúc nào. Nghĩ cho cùng, nếu không thương yêu trần gian thì nỗi đau sẽ bàng bạc chứ không quần quai. Trong đoạn cuối 'Câu chuyện của dòng sông', Siddhartha của Hesse thiên hơn, không phải 'thiết tha yêu thương trần gian điên dại' mà 'chỉ mỗi điều quan trọng là yêu lấy đời này'.

- Nhà văn Mai Ninh thật sự là ai? Khi đọc giả đọc được những dòng chữ 'Tôi muốn được một lần trả lại cho anh sức nóng đốt cháy của tình cảm, chứ không phải, như anh nghĩ, tự bao giờ, trong tôi chỉ là thuần trí tuệ, một thứ trí tuệ giá băng lạnh lẽo. Đã lỡ làng rồi. Trí tuệ là chỉ biết nhận lấy. Tình cảm là thanh thần cho đi' (8)

- Một người trần gian, mang hệ lụy. Càng đi sâu vào cuộc đời, phần trí tuệ càng nhường chỗ cho tình cảm. Ngay như đang làm việc khoa học bỗng nhảy vào viết cũng là tự vương thêm ràng buộc mặc dù MN không thích hai chữ này chút nào cả.

- Concerto là một hình thức viết cho dàn nhạc và thường có một nhạc cụ độc tấu như piano hay violon. Chị có nhắc đến - Come back to Sorrento - Concerto 26 Mozart (9) . Mai Ninh có sử dụng piano hay violon không?

- MN học piano hồi còn nhỏ, trước khi học đánh đàn. Nhưng một thời gian bệnh nặng lúc khoảng 12 tuổi và một phần do hoàn cảnh đã phải bỏ cả học chữ lẫn học đàn. Sau đó đi du học, không có thời giờ tập đàn cho đúng đắn nữa. Bây giờ chỉ thỉnh thoảng ấn vài nốt cho đỡ nhớ.

- 'Sau lần tự tử hụt thứ nhất... Đó là một chứng tử rõ rệt, là cáo trạng gắt gao về những sự băng hoại mà con người không được phép che đậy, không thể để đào thoát' (10) Hiện nay theo thống kê mới nhất, thanh thiếu niên là thành phần có chỉ số tự tử cao nhất. Nhà văn Mai Ninh nghĩ gì về việc - tự hủy hoại đời sống - của giới trẻ?

- Việc tự hủy hoại đời sống của thanh thiếu niên luôn luôn làm MN rất đau lòng. Tuổi trẻ là một thân cây còn xanh mướt, đầy mầm non, đang chờ đợi để nảy nở thành cành thành lá, thành sự sống, đẹp đẽ và sinh động biết bao. Không có sự sống vươn lên ấy, thế giới này sẽ tan biến trong u buồn và già cỗi. Khi một người còn trẻ bị bệnh hay tai nạn chết đi ta đã thấy định mệnh phi lý, nên đứng trước sự tự vẫn của một thanh thiếu niên ta càng đau đớn bàng hoàng. Từ lâu nay các nhà tâm lý, xã hội học rất chú trọng đến hiện tượng này, tìm hiểu những nguyên nhân ngõ hầu ngăn giảm sự tự vẫn đó. MN nhiều lần trò chuyện với giới trẻ: con MN, bạn bè chúng, với sinh viên của mình thì chúng cùng xác định phần lớn hành động tự vẫn do thất vọng tình cảm, thêm vào đó là thiếu sự thông cảm của gia đình. Nhưng tại sao càng ngày càng tăng, cũng như thời nay tình trạng depression 'khủng hoảng tinh thần' nhiều hơn thời trước? Như vậy rõ ràng là vấn đề thời đại. Đời sống văn minh lỗi con người nghiêng về phần vật chất, con người phải chạy theo phương tiện nhiều hơn. Và sự mất thăng bằng trên phương diện nào cũng có thể làm cho chúng ta trở nên mong manh, dễ bị thương tổn.

- Tác phẩm đầu tay HATVSK của Mai Ninh tràn đầy những sóng biển, màu xanh của nước biển, cát biển... Mỗi tác giả đều có một phần đời liên hệ mật thiết với trăng, đá, tuyết... Tại sao chị nhắc đến biển nhiều lần trong hầu hết những truyện ngắn?

- MN sinh ở Saigon và lớn lên trong thành phố ồn ào chật hẹp ấy. Bản tính thích du lịch, mơ tưởng tới những phương trời xa. Trong thời niên thiếu mỗi lần được đi xa là về đồng quê như Mỹ Tho, ra biển là Vũng Tàu, xa nhất là Đà Lạt. Miền quê khung cảnh yên bình nhưng cũng hạn hẹp dù có là ruộng thẳng cánh cò bay. Đồi núi cao nguyên đẹp, hùng vĩ trong mắt nhìn thuở ấy nhưng giữa rừng người ta cô độc. Còn biển, con người nhỏ nhoi trước biển thật nhưng biển vừa bao la vừa bao dung. Mình có cảm tưởng khi chìm vào trong nó bao nhiêu hệ lụy cuộc đời sẽ được tan đi, rừng thì giữ lại.

- Ngày 11-9-2001 xảy ra biến cố lịch sử về khủng bố tại Hoa Kỳ. Lúc ấy nhà văn Mai Ninh đang ở đâu? làm gì? phản ứng đầu tiên ra sao? Cảm giác như thế nào?

- MN nhớ rất rõ, lúc ấy khoảng 4 giờ chiều bên Pháp, đang ngồi trước máy tính và cho chạy một chương trình vẽ các nguyên tử trong một cấu trúc của chất siêu dẫn. Ngoài hành lang rộng, một số đồng nghiệp tụ họp sửa soạn ca cà phê buổi chiều. Một cô sinh viên làm luận án đi đâu về, chạy học tốc vào và hốt hải nói, cô nghe đài phát thanh trên xe mới hay có mấy phi cơ cảm tử khủng bố đã lao vào hai toà nhà World Trade Center Nữ Ước và Ngũ Giác Đài ở Hoa Thịnh Đốn. Cô ta bảo hình như còn mấy máy bay nữa đã bị nhóm khủng bố cướp nhưng chưa biết họ sẽ tấn công vào đâu. Vì chưa thấy hình ảnh trên truyền hình nên không tưởng tượng nổi sự kiện kinh hoàng đến tầm mức nào. Điều sợ hãi đầu tiên là nghĩ đến thế chiến có

thể bùng nổ bởi những hành động điên loạn.

- Một phụ nữ Mỹ gốc Việt, bà Kathy Nguyễn, nạn nhân thứ tư qua đời vì bệnh than (Anthrax). Được mô tả là người hiền lành, ngoan đạo, sống độc thân tị nạn tại New York. Mai Ninh, một người làm trong ngành khoa học từ hơn 30 năm qua, có thể cho biết ý kiến về bệnh Anthrax. Và theo chị, cuộc sống của chúng ta nói chung có còn giống trước biến cố 11-9-01 nữa không?

- Đối với kẻ khủng bố thì người hiền lành ngoan đạo hay dữ dằn vô thần cũng như nhau. Trong hành động của họ, càng giết được nhiều người, càng gây được chấn động bao nhiêu càng tốt. Nhưng đối phó với hành động cực đoan, tàn ác là đừng rơi vào sự khiêu khích cố tình của họ. Về bệnh anthrax thì MN cũng như chị Quỳnh Mai, như các thánh giả đều được những người nghiên cứu trong ngành vi khuẩn, sinh học cho biết những tác động và hậu quả của nó. Thật ra khi đã nói đến độc tố thì chất nào cũng ghê gớm. Có những thứ truyền nhiễm thật nhanh chóng và giết người trong chớp nhoáng như anthrax hay vi khuẩn đậu mùa, có những thứ nạn nhân chết dần vì các tế bào trong cơ thể bị biến hóa từ từ như trường hợp các độc tố hoá học, hay bị nhiễm phóng xạ. Đó là chưa kể trong hai trường hợp cuối, ảnh hưởng còn di truyền tới thế hệ sau. Những trái bom nguyên tử, những chất nổ hoá học cũng giết người độc hại như anthrax vậy thôi.

Nói chung tinh thần chúng ta, nhất là những người đang sống trong các nước yên bình đều bị tổn thương, lắm người vẫn không ngừng hỏi tại sao lại có thể xảy ra một điều khủng khiếp như thế trên đất Mỹ. Đã nhiều nhà chính trị, bình luận gia báo chí, những người nghiên cứu về tôn giáo, về vấn đề thế giới đưa ra những trả lời. Chỉ có điều, dù với tất cả những trả lời đó, một người thường dân đường phố, không tham vọng quyền lực chính trị hay kinh tế, không tôn thờ một thần thánh chủ nghĩa nào, vẫn chưa hiểu được tại sao hận thù lại tới mức này. Chẳng biết sẽ có một lúc nào không, họ hiểu được điều gì đã xảy ra. Sau biến cố 11 tháng 9, người thường dân đặt bao câu hỏi. Trong đó có một thắc mắc như thế này: Những đàn áp man rợ, những đôn đầu của dân tộc Afghanistan mà các nhà lãnh đạo cường quốc, báo chí, media trên thế giới đang tung ra hàng ngày để cho mọi người thấy là phải tức thời giải phóng xứ sở này ra khỏi những thống khổ ấy, là những điều không mới lạ gì. Người đường phố không biết đã đành, nhưng họ, ít nhất, họ đã biết từ 4, 5 năm nay khi tập đoàn Taliban lên cầm quyền, nhưng tại sao không có tiếng gọi khẩn thiết, cứu nguy cho dân tộc Afghanistan ngay từ lúc ấy? mà phải đợi đến bây giờ, với cái chết của mấy ngàn công dân cường quốc?

Chúng ta không thể còn như trước vì càng ngày chúng ta càng thao thức bởi bao nhiêu câu hỏi tại sao và làm thế nào.

- Là một người hoạt động trong lãnh vực khoa học, chị có tin vào sấm truyền Nostradamus không? (sau 11/9/01, sấm Nostradamus bàn về New City đã lan tràn trên internet!)

- Sấm truyền Nostradamus hay sấm Trạng Trình cũng chỉ là những điều người ta cố ý gán ép vào những biến cố, những sự kiện khi chúng đã xảy ra rồi. Vì thế MN không mấy quan tâm.

- Sự thành công ngoài sức tưởng tượng của tác phẩm Harry Potter trong giới sáng tác (40 triệu độc giả) cũng như điện ảnh đã đưa J.K.Rowling từ một bà mẹ độc thân nghèo nàn nuôi con trong căn phòng không sưởi tại Ái Nhĩ Lan, trở thành người giàu có nổi tiếng khắp thế giới. Điều này khẳng định được chỗ đứng quan trọng của người phụ nữ trong mọi lãnh vực hoạt động, nhất là trong lãnh vực sáng tác. Mai Ninh có đồng ý không? Chị nghĩ gì nếu có một người phụ nữ VN đoạt giải Nobel đi vào văn đàn quốc tế?

- Một buổi chiều trên đường phố Việt Nam, MN mua một tập sách dịch Harry Potter. Trước đó đã dự định đọc cho biết nhưng chưa có thời giờ, nay cô bán báo vội nên mua. Nhưng đọc vài trang xong bỏ đó. Mới đây MN có xem phim, vui và được hơn hai giờ giải trí thích đáng. Rồi nghĩ lại thấy phục bà Rowling. Dùng điện ảnh để dựng một phim thần tiên đầy ảo thuật không khó, nhưng dùng chữ mà diễn tả đến độ lôi cuốn được bao triệu người đọc vào một thế giới huyền hoặc thì đấy là tài năng. Nếu có thời giờ, MN sẽ tìm đọc nguyên tác hay bản dịch sang Pháp ngữ xem sao, vì đã không đọc bản tiếng Việt rồi.

MN không bao giờ nghi ngờ khả năng của phụ nữ, nên không nhất thiết phải chờ có sự thành công của Harry Potter để khẳng định chỗ đứng quan trọng của người đàn bà. Dĩ nhiên sẽ rất vui mừng và hãnh diện khi một người Việt Nam, bất kể phái nam hay nữ, đoạt giải Nobel, hoặc một giải thưởng đáng kể khác.

- 18 năm sống tại quê hương và hơn 30 năm sống trên đất Pháp. Mai Ninh yêu quê hương nào hơn? VN hay Pháp quốc?

- 'Yêu quê hương' là sao?

Là sống và chết tại nơi đó? Thời gian MN sống trên đất Pháp gần gấp đôi ở VN. Và vẫn tiếp tục đây, đến khi nào? Chẳng biết. Còn chết ở đâu? Không chắc chi có thể chọn lựa. Nhưng mỗi lần nhớ tới mẹ mình đau đáu một ước muốn yên nghỉ trong lòng quê hương thì MN không khỏi rơi nước mắt.

Hay 'Yêu quê hương' là nhớ thương khôn nguôi về nơi đó, thấy mình là một giọt nước của dòng sông ấy? Dù muốn dù không, đời sống lôi con người theo dòng chảy của nó, cuốn mình vào trong không gian thực tại của xứ sở mình đang có mặt. Nhưng thực là MN không thấy mình hoàn toàn rơi chìm, hoà tan vào một nơi nào cả. Khi ở nơi này MN nhớ nơi kia. Có lẽ đó là tâm trạng chung, thật sự chệnh vênh, của những người ở thế hệ MN chăng? Những người luôn luôn xao xuyến bùi ngùi trước một lời hát gì của Trịnh Công Sơn: chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà.

Nhưng có một điều rõ rệt, VN là nơi ám ảnh và làm MN nặng lòng nhất, như với một người thân yêu mà mình vương mắc một món nợ tinh thần.

Chú thích:

- (1) - Kiếp người - Of Human Bondage - bản dịch Nguyễn Hiến Lê, trg 10, Văn Nghệ xb 1988
- (2) - HATVSK, trg 15, Thời Mới xb 2000
- (3) - HATVSK, trg 94
- (4) - HATVSK, trg 24
- (5) - HATVSK, trg 24-25
- (6) - HATVSK, trg 23
- (7) - Câu Chuyện Dòng Sông - Đường Về Nội Tâm
- (8) - HATVSK, Bao Cát, trg 42
- (9) - HATVSK, trg 44
- (10) - HATVSK, Ngồi Mãi Bóng Đêm, trg 82

Vách mạn trắng

Nhà xoay lưng với những tiếng sấm rền ra từ vách đá. Con giông đã qua đây, băng suốt dãy núi cao để thẳng thừng đập xuống cả thành phố mấp mênh gần mặt biển. Căn nhà ấy, giờ này, cũng quay lưng lại với quãng thời gian không biết ngắn hay dài, yên ả hay bão tố, mà tôi vừa cố tình đoạn tuyệt.

Hôm đầu tiên khi thuyền ghé bến, tôi còn loay hoay với chiếc vali và cây dù dài thì một cô gái cao, da nâu, môi đỏ tới gần chào hỏi. Tôi nhận ra ngay giọng nói đã trao đổi vài lần qua điện thoại để tìm căn nhà cho thuê. Càng nhớ hơn tiếng cười rung rúc của cô nàng lúc tôi hỏi liệu có thể chia thời gian thuê nhà với một người nào khác, và tiếp liền, ngay cả một người đàn ông. Cô ta vẫn cười như có tôi trước mặt:

- Già hay trẻ?

Tôi giễu:

- Vừa vừa

- A, cỡ đó hấp dẫn nhưng tính nết hay khó chịu đấy!

Rồi lại khảnh khách chào từ giã. Tôi cũng thăm cười, hẳn cô này tưởng tôi có ý đồ riêng. Nhưng kệ, việc gì trả tiền cả tháng khi mình chỉ đến ở phân nửa thời gian.

Cô gái đã một tay nhấc bổng chiếc vali, tay kia hót lấy cây dù trên tay tôi, quay quay vài vòng, chỉ vào mặt nước dập dềnh dưới bến:

- ở đây ba tháng mới mưa một lần, tôi vớt nó xuống đây nhé. Nói vừa dứt lời, cô nàng liếc tôi cười to rồi quay người bước đi. Cặp móng tròn đánh nhịp với bờ vai đầy bưng mắt, giữa cổ áo buộc nơ và vành tóc búi cao. Tôi lững thững theo sau, hơi ngợp giữa đám đông, người đi người đến ở bến tàu. Nhưng ngừng nhìn xa hơn, bắt gặp nửa vành nắng khoanh trên đọt cây nghiêng xuống những mái ngói đỏ au, lại thoả lòng thanh thản. Tự dưng tôi linh cảm, những ngày qua đây làm việc sẽ xảy ra điều gì đó, lạ, mới. Sao không cho được, khi trước mắt là cả một khung cảnh khác hẳn nơi tôi ở. Thành phố này mọc từ biển lên núi, vừa nhấp nhô khép mình ẩn náu lại chĩa đứng sỗ sàng. Biển xanh dưới chân chừng hoang mang, cứ chực men lên, hớp lấy những màu tường hồng đủ gam đậm nhạt.

Sau khi leo gần mấy chục bậc đá mòn trũng, tôi đã theo cô gái bước vào một căn nhà rạng nắng chiều như thế. Cô ta mở tung những cánh cửa với cửa chỉ mau mắn, khỏe mạnh. Tôi yêu ngay phòng khách rộng nhìn xuống sân vườn có các cây cao trụi mùa đông chen chúc với những đám lá xanh ngọc suốt năm. Sau đó là vách núi. Nơi đây đất hiếm, cây cối hoa lá mọc lẫn với nhà cửa và len lẩn vào đường đi ngõ ngách quanh, nhỏ hẹp. Cô gái đang huyền thuyên khoe căn nhà của bà mẹ dành cho thuê, chột tiếng trẻ con gọi ới dưới cầu thang, vội chồm ra cửa trả lời rồi chạy xuống. Tôi chưa kịp hỏi thăm điều gì, đành tiếp tục khám phá chốn trọ mới một mình. Căn phòng ngủ gọn hơn, nhìn ra biển cùng hướng với ngăn bếp nhỏ. Đẩy toang cửa sổ, tôi rơi mình trên tấm nệm trần, nằm hít một hơi dài. Không khí xanh bốc từ biển đang bay vào phòng như một bức họa Chagall.

Hai tuần thuê nhà đầu tiên mang mang trôi đi trong hơi sương tỏa từ núi sớm, trên những bước chân vụng đường lát đá ô vuông, đi và về đến chỗ làm việc mới, lẫn lang thang phố biển. Tôi chỉ gặp cô gái đôi lần vội vã, nhưng lần nào cô cũng để lại con mắt dài đong đưa. Chiều tối thường có tiếng cô ròn rã cười đùa với thằng bé trai. Lắm khi một bản nhạc nhịp điệu tây ban nha rộn ràng ủa lên từ tầng lầu dưới, nơi cô ở với đứa con. Tôi ló đầu ra, thằng bé ngồi trên tầng đá xám trong vườn, hai tay nghiêm chỉnh trên đùi, chiêm ngưỡng người mẹ trẻ đang nâng cao gấu váy, xoay tròn.

Chưa ở bao nhiêu ngày, thế mà lúc ngoảnh trông căn nhà đến hạn trả tôi đã mong chóng được trở về đây. Nhà ít đồ đạc, trong phòng ngủ, tủ quần áo ẩn vào tường, để thềm thang chiếc giường rộng. Gần cửa sổ phòng khách, lung linh mặt bàn kính trong suốt trên chân sắt uốn xanh hồ thủy. Những khi nắng trưa rưng lên từ vách núi, cây cao ngoài vườn ngả lên đó tất cả hình hài. Hai chiếc ghế bành vàng anh đối mặt nhau trước lò sưởi gạch thẫm, vật duy nhất đậm màu trong không gian nhẹ nhàng với bàn tủ ghế giường bằng gỗ thông thanh nhạt. Cô gái đã nhìn tôi chăm chăm từ đầu đến chân và chặc lưỡi:

- Đã mấy người thuê, nhưng căn nhà này dường như để dành cho cô.
- Tại sao?

Cô không đáp thẳng:

- ở dưới lầu, tôi chẳng chắc nghe cả tiếng chân cô trên sàn gỗ. Rồi tự nhiên nện gót giày thật mạnh bước rầm rầm xuống cầu thang. Tôi nhìn theo, nghĩ:
- Lạ.

Nửa tháng sau quay lại, căn nhà vẫn chênh vênh trên cao đón nắng. Cô gái tỏ ra ân cần giúp tôi mua sắm những thứ cần thiết, màn voan trắng, khăn bàn, thức ăn... Thêm tấm thảm xanh trải giữa phòng. Tôi luôn ngại hơi lạnh, dù mùa đông nơi này chỉ đủ se người vào sớm mai. Buổi trưa có hôm tôi về, buông mình thiếp giấc trong giọng cô ta hÿt rất trầm. Không hiểu ban ngày, khi đưa con đi học cô làm gì. Hầu như chỉ tung tăng lên xuống những bậc thang đá, ra vào phơi phóng mớ quần áo, rồi ngồi chơi nắng bên bệ cửa. Lần thứ nhì tôi trả nhà, cô nhất định tiễn ra bến thuyền. Tôi chực nhớ, hỏi có tìm được ai thuê nhà trong hai tuần vắng mặt, cô nheo mắt, lững lơ: - Vội gì, đợi người tương hợp.

Lần ấy tôi trở về sớm hơn những kỳ trước. Ngang qua lầu dưới, cửa nhà cô gái khép kín. Vừa bước vào phòng khách, tôi nhận ra ngay có sự khác thường dù hầu hết vẫn ở nguyên vị trí. Chỉ lạ là bức màn trắng lơ lững vén sang bên và một mùi hương hoà trong không khí ẩm. Buông xách tay, tôi chạy vào phòng tắm. Tấm gương trên tường và kính cửa sổ trông ra vách núi sau nhà còn mờ những giọt nước trải sương. Mùi xà phòng nồng hơi như ai vừa tắm gội. Tôi nhìn quanh, chẳng có gì khác ngoài những vật dụng của mình để lại. Quay sang phòng ngủ, nệm vẫn trần như trước khi đi tôi đã tháo ra giường. Chợt thấy trên bàn ngủ một mảnh giấy nhỏ. Một tên đàn ông, một số điện thoại bằng nét chữ cứng cáp, đẹp. Đã có người chia thuê nhưng lạ lùng, chẳng lẽ vừa rời khỏi đây chừng mấy phút? Chưa kịp xem kỹ hơn, chân cô gái bước về, hát nho nhỏ trên những bậc thang mòn. Cứ ngỡ cô sẽ leo lên khoe với tôi về người trọ mới, nhưng không tiếng động nào sau đó. Khi tôi vào bếp pha cà phê thì sự có mặt kia được xác định bằng chiếc bình còn lửng nửa một màu đen ngուi đặc. Cầm lên bao thuốc lá vỏ xanh chữ vàng lạ lẫm, lúc lắc vài điếu không đầu lọc. Lại ngạc nhiên, sao chẳng một tàn thuốc trong nhà.

Không dừng được, tôi mở tung mọi ngăn tủ bếp. Các lọ gia vị bày hàng vàng nâu đen đỏ, nôi niêu bát đĩa xếp lớp nắp như tôi đã sắp đặt theo ý hôm nào. Rồi trở ra phòng khách, hai chiếc ghế bành bọc vải vàng tươi vẫn chầu vào nhau trước lò sưởi trống vì chưa kiếm được củi về. Tấm màn voan kéo ra nhưng có lẽ vì tôi quên không khép lại? Sau nửa tháng, mấy chuốt tử đinh hương tím đã nhạt màu sao mà lá còn xanh và mực nước trong lọ khá đầy. Chợt nhớ ra, lại vào phòng ngủ mở tủ. Quần áo tôi treo một bên chẳng có gì thay đổi, ngăn còn lại trống vắng trống. Tôi ngả nằm xuống giường, dang tay thập tự bật cười. Mình mới kỳ khô, nhà mình đâu mà thắc mắc lục tìm như của riêng tư. Nhưng nửa đêm, cùng hương biển

xa xa len vào qua cửa sổ hé mở tôi còn nghe mãi một hơi người. Có thể chỉ là cô gái nửa thời gian thuộc quyền cô ta. Tôi mỉm cười trong bóng tối.

Cho đến cuối tuần, cô gái im lìm. Thằng con trai nghịch một mình cạnh hồ nước nhỏ dưới gốc cây mận vườn cạnh khô ngang cửa gác tôi. Mỗi lần tôi về qua, cậu ta ngược đôi mắt rậm lông mi cong nhoẻn miệng. Thằng bé ít nói, ngay cả với cô gái. Tôi thường bắt gặp nó ngồi yên nhìn mẹ. Tuy thế, chắc chắn nó ngóng nghe tất cả vì vẻ mặt linh động và đôi môi chúm lại chăm chú. Thành phố biển miền nam vốn tấp nập, nhà cửa leo lờ lững lại san sát vào nhau. Vậy mà tầng lầu dưới với mảnh vườn khuất của mẹ con cô ta tựa một chốn vắng tách rời. Không phải nhà họ hoàn toàn thiếu người lui tới. Tôi từng thấy loáng thoáng nhiều người ghé qua, từng vọng lên tiếng đàn ông chào hỏi phóng túng hay thì thầm mơn trớn. Cô đáp lại bằng giọng cười có khi rúc rích, lúc vang cao một chuỗi chuông ồn ả. Nhưng lạ lùng, tôi vẫn nhận ra thỉnh thoảng có những ngừng bật đột ngột, bất thường của một giọng nhạc bị bắt thần cắt ngang. Đàn vút đứt dây trên tay người nhạc sĩ sau khi cố sức rung lên đến cung bậc tột cùng.

Trời thứ bảy cao trong, từ trên gác nhìn xuống, biển nhả một vệt cọ xanh phẳng lịm cố tình. Trái lại không khí bỗng cảm lạnh cơ hồ rút nốt cái rét cuối đông. Tôi choàng thêm áo, định lần này phải vào sâu trong núi nhặt ít củi khô về nhóm lò sưởi đêm nay. Mẹ con cô gái đang bày mấy trái bí đỏ lên thành cửa. Mùa Halloween qua đã lâu rồi. Thằng bé xúng xính trong bộ đồ người dơi. Thấy tôi, nó hí hửng phoi hai cánh rộng, lần đầu tiên nói hồn nhiên:

- Quà mới của cháu, đẹp không?

Người mẹ chột sa sầm níu tay con, cúi kính:

- Cởi ra đi, mặc mãi thứ quỷ quái.

Thằng bé không bằng lòng, vót vát:

- Mấy lần trước toàn đem cho đồ chơi, con thích cái này!

Tôi định xen vào, cô gái vụt nói sang chuyện khác, muốn cùng vào núi, rồi thay ngay quần áo, quần bó sát chùm áo len rộng. Trông khác hẳn mọi ngày, trẻ trung hơn, một cô sinh viên ngoài đường phố. Càng lên cao, những nấc thang đá thay dần bằng các đòn gỗ to chèn đất. Con đường leo quanh co, cỏ cây chen lấn. Cô gái săn sóc, dừng lại giơ tay kéo đỡ tôi thật dịu dàng. Những lúc ấy, cô ta khác hẳn ngày thường, mất hết vẻ chế giễu lảm khi khiêu khích. Tôi không ngừng ngạc nhiên trước sự tường tận của cô về thảo mộc và các loại đá miền núi, cả về những hiện tượng thiên nhiên. Nét thông minh không hề tương phản mà lại đậm thắm hơn cặp mắt đuôi dài, bờ môi và dáng đi khêu gợi.

Lúc quay về chúng tôi vòng qua con đường đổ thẳng xuống bãi đá. Phía bên ấy ít nhà cửa, cây leo chằng chịt và chim muông láu chấu suốt vách dốc dài. Gần đến chân biển, cô ta kéo tôi vào mảnh sân sỏi một cửa hiệu thủy tinh. Những con thú trong muốt, các khung ảnh, chụp đèn lung linh màu sắc. Một người đàn ông đang dọn dẹp trong góc quay ra. Gương mặt nâu nắng, nụ cười vạch đuôi khoé mắt. Ông ta mừng rỡ ôm hôn cô gái, âu yếm nhìn theo cô chạy vòng qua những bóng thú, sờ mó nâng lên đặt xuống, cười nói khen chê bằng giọng đùa nhí nhảnh hồn nhiên. Người đàn ông tỏ vẻ ngạc nhiên, còn tôi càng thấy băng khuâng lạ lùng trước hai con người khác biệt trong cô. Trên mặt bàn giữa hiệu, hòn đá vân biển nâng đứng một chiếc đĩa to vành trắng rằm. Trong lớp thủy tinh óng suốt những đốm bọt không khí rơi rắc như sao. Cô gái ghé sát mặt vào đó, vẫy gọi tôi đối diện. Qua khuôn trăng đôi mắt mở to rạng sáng. Bàn tay bỗng đưa ra nắm nhẹ những ngón tay tôi, nụ cười rọi sang xao xuyên. Người đàn ông đứng sau lưng chẳng biết nghĩ gì, cất tiếng:

- Mà được thế này ta mừng lắm cháu à. Ừ, quên đi. Phải quên...

Lời nói ông ta như làn mây xám vụt kéo về che lấp mặt trăng đang rực rỡ. Mọi ánh sáng tự nhiên tắt lịm. Trong khoảnh khắc ấy, đôi mắt thơ trong khép lại. Lúc chúng từ từ mở ra, hai hạt nước ở ngấn mi lăn rơi giữa những bọt sao lấp lánh.

Qua lần lên núi ấy cô gái thu kín hơn cùng với sự hiện diện đã rõ ràng của người thuê chung căn gác. Những khi tôi hỏi, cô ta trả lời quanh quất: - Một người bình thường, chắc chẳng ở lâu. Có khi cố làm như không quan trọng: - Nào có gì đáng để ý. Nhưng mỗi lần ra đi rồi trở lại, linh cảm đàn bà vẫn đem đến cho tôi những thắc mắc hay bức mình lẫn băng khuâng liên tưởng vu vơ. Dần dần những đồ vật của người đàn ông ấy xâm chiếm không gian tôi. Trước kia là bình cà-phê bỏ dở với bao thuốc lá, sau này là những đĩa nhạc bày tung đây đó. Ra giường cuộn đồng vất trong tủ áo với những cánh cửa mở lửng chừng. Lại hay chuyển dịch đồ vật, một trong hai chiếc ghế vàng anh lồi đến gần cửa sổ, bàn kính bị đẩy ra xa hơn, mất đi bao nhiêu hình cây nghiêng ngả. Nhưng không thể chối rằng đôi lần trở lại đây đúng buổi chiều có sương ẩm lạnh, mùi củi núi cháy thơm mà ông ta hay chàng ta, tôi nào biết, đã đốt còn vương lại khắp căn nhà, ươm áp quanh tôi bao nhiêu ấm áp. Từ dạo đó tôi thích nhóm lò sưởi, ngồi ghế bên này gác chân bên kia đọc sách. Hình như người đàn ông đã cố tình khuân lên cho tôi những khúc củi to để giữ lửa lâu hơn. Bao diêm, cành khô và tờ giấy báo vo tròn sắp sẵn. Cũng tự lúc nào chẳng biết, cả hai cùng bắt đầu trang trí căn gác chung. Tôi thay chụp đèn vải thô trong góc phòng bằng vòng lá bấp ép mỏng của thổ dân bên kia đảo. Ông ấy treo lên tường lò sưởi tấm gương to mà tôi biết chỉ tìm thấy ở những hiệu đồ cổ trên miền bắc. Hôm đầu tiên, tôi đã dừng lại bồi thêm son môi và mỉm cười qua tấm kính trước khi ra khỏi nhà, băng khuâng. Một người đàn ông dù trẻ, già hay vừa vừa cũng đâu cần gương to, có phải. Qua bậc thang ngang lầu dưới, cô gái đang phơi quần áo trong sân, tôi cất tiếng chào vui vẻ. Cô nhìn theo lặng lẽ khiến nắng ngày từ đấy tan loang. Nhiều câu hỏi lẫn quần, về cô gái, về người đàn ông chưa thấy mặt nhưng thực sự có đó. Và cả về tâm trạng mênh mang vô định của chính mình.

Có những trưa nằm im, chim chóc ngủ. Tôi leo lên thành cửa sổ rộng, ngồi đó, chông chênh ngó nắng. Tháp chuông nhà thờ trắng tinh vượt rờn những lớp nhà gọn hồng lên xuống. Biển bình an hút tôi về chân trời, giao tuyến của thực và ảo. Mệnh mỏng đấy nhưng vẫn là hình ảnh một khoảnh khắc. Trời vừa kéo sang xuân, cây cối lửng lơ màu tươi non. Mái ngói đỏ cũng nhòa đi trong ánh sáng. Chỉ có vách núi mang mãi một sắc thẫm sâu, nặng chùng của đá. Hàng mạn mọc cao trước núi đã báo mầm thức giấc cùng tôi, bồn chồn. Váng vất chưa qua bỗng đâu cơn gió quạt tới bất ngờ. Khi tôi quay trở lại căn nhà, những nụ hoa mạn mọc búp mà tôi nổi hứng phác chơi trên tấm bố trước khi đi bỗng nhiên bị nở tung bành bệch. Tôi buông ngay sắc hành lý xuống sàn, cúi bực cầm tấm tranh lên, úp ngược:

- Vô duyên, dám tự tiện bôi bác tranh người ta!

Nhưng sau, tôi lại lật lên, đến gần cửa sổ. Sững sờ nhận thấy vài chấm sơn tường như thò như vụng ông ta đã quệt lên lại làm những đóa hoa trắng sáng rưng rưng, tựa đang mở bung dưới nắng. Tôi đem đặt vào giá vẽ, bấy giờ mới để ý tới mẫu giấy dán bên. Hai chữ " " xin lỗi" " gọn lỏn trong nét chữ đẹp tôi đã thấy hôm đầu.

Trên đường từ chỗ làm ra, tôi ghé qua phố chợ. Như đa số thành phố ẩm miền nam, sự sống bùng lên khi chiều xuống. Con người sau giấc ngủ ngày choàng dậy, sẵn sàng bỏ hết sinh lực để tung bừng cuộn vào cơn thức đêm. Sóng cũng thích cuồng quít, lộng lên ồn ào khi ngày

tất. Suốt dọc đường lên đèn chong sáng, đầy cửa tiệm chưng bày rau trái xanh tươi đủ màu, cá tôm cong đuôi sáng bạc. Tôi vào mua khúc cá hồi hồng lịm, vài trái cà chua đỏ chót và quả ớt tây xanh. Với thêm lọ ô liu đen mọng trên quầy. Ở bậc thềm bước ra, vừa ngược lên bỗng chạm thẳng đôi mắt bên kia lề con đường hẹp. Tôi dừng đứng. Người đàn ông, điều thuốc trên môi quay bước, một tay vắt vật gì vào thùng rác dưới cột đèn. Tôi muốn băng ngay qua, nhưng dòng xe vừa ào tới. Cái vỏ bao thuốc lá màu xanh chữ vàng nhãn hiệu khác thường còn nằm ngửa trên rác vụn, giấy báo, chai lọ linh tinh. Tôi định nhặt lên nhưng ngại ngần. Biết đâu chỉ là ngẫu nhiên trùng hợp. Tuy thế vẫn loay hoay gom góp trong trí nhớ khoảnh khắc không ngờ ấy, cố tượng hình một khuôn mặt, một dáng người. Nhưng không tạo ra được, giữ lại được gì ngoài ánh mắt xoáy sâu như thể đã theo tôi tự lâu rồi. Nỗi buồn dềnh lên với sự tổn thương. Sao người đàn ông ấy biết tôi mà tôi thì không. Sao bấy lâu thầm lặng kiên bình, vậy mà bây giờ tôi thờ thần nôn nả kiếm tìm. Tìm gì? Một hiện hữu. Thực và hư. Thân thiết cùng xa lạ. Dù cố tình cưỡng lại nhưng cuối cùng tôi vẫn bị lôi hút vào cánh rừng có bao cảnh vật biến ảo, đứng đó, hoang mang. Cũng chẳng hiểu do đâu, tôi muốn tự mình tìm biết dù có thể hỏi ngay cô gái rõ hơn về người chia nửa thời gian. Một phần nào, thái độ hồ hững gần như che dấu lẫn mĩa mai của cô ta làm tôi khó chịu chạnh lòng. Biết bao thắc mắc xoay vần. Ông ta hay chàng ta. Làm gì. Ra sao. Giải đáp chỉ vồn vện trong căn gác mấy chục thước vuông. Thế mà, rõ ràng rồi lẫn lộn. Thứ cụ thể, thứ hư ảo. Tôi từng vuốt lên dỖng dập vừa tầm của mấy bộ quần áo veste treo trong tủ, vài mềm lòng tay. Những chiếc T-shirt, sơ-mi nếu không đen hay xám thì nhũ nhạt. Tuy thế có lần mở cửa tủ, rơi tung xuống sàn vài cái lạ, màu mè rộng cỡ XL. Người đàn ông đem về rất nhiều sách báo, vật dụng riêng tư vung vãi nhưng không có gì đủ cho tôi biết về ông ta hơn dù cùng một không gian. Chẳng nhìn thấy mà cứ mang mang vướng vất. Trên những con đường đang vờn dốc rồi bắt chợt lại đổ thẳng xuống một khúc quanh lấp bởi bụi hoa đậu tía ngã cành, tôi cứ cảm tưởng có cặp mắt dõi theo. Đôi khi một tiếng giầy nửa mạnh nửa ngập ngừng thoáng nghe đằng sau cũng làm tôi hồi hộp.

Ngày hôm qua mây đen đổ xuống từ bên kia núi, trời hầm hập oi ả. Biển trở xám, lớp hơi dày chùng trên mặt nước chẳng thể bốc lên vì không khí nặng từ trên đè xuống. Cây cối đứng im, không gợn gió. Từ sỖng sớm, côn trùng, sâu bướm ở đâu bay về vật vã lao vào cửa kính như không chịu nổi áp suất ngoài trời. Đầu óc tôi căng cứng, thân thể bứt rứt. Vài giọt mưa đồm độp rồi ngừng bật càng làm không khí nóng hực, quay cuồng. Cuối chiều, chẳng ngờ cô gái lên, đem theo chiếc quạt máy. Tôi đang ngồi ở bếp nghe đài khí tượng báo tin cơn giông hãn hữu sẽ ào qua đây và kêu gọi thuyền bè trở về bến. Cô khoác áo mong manh trên chiếc váy tuột luôn hàng nút. Gương mặt hay cười giấu bấy giờ có vẻ bồn chồn. Nhưng vừa tìm chỗ cắm quạt cho tôi cô vừa nói rất ân cần:

- ôi dào, có gì mà rộn lên, vài tiếng đồng hồ là qua. Cô chỉ cần ở yên trong nhà, đừng mở cửa để sâu bọ bay vào.

Tôi rút mời tách cà- phê, cô ta đứng dựa thành tủ bếp, rút điều thuốc lá của người đàn ông vẫn có thói quen để đây, châm lửa hút. Không tỏ chút ngạc nhiên về cái bao khác lạ, như tôi đã từng. Đôi mắt cô theo tôi trong mỗi cử chỉ nhưng không phải ánh nhìn dò xét mà dịu và buồn. Tôi có cảm tưởng cô ta đang nghĩ về điều gì khác, thả theo cuộn khói chữ o tròn bay lên. Mãi hôm nay tôi mới biết được thế nào là mùi thuốc lá thân thuộc của ông ta. Cô gái gĩa một chân gác lên ghế, vạt váy mở khuy vệt hằn sang bên bày tất cả vuốt đuôi dài trần mịn. Bất gặp tôi nhìn cô cười, mắt hơi nheo lại, sự hóm hỉnh của những ngày đầu tiên. Tôi hỏi lảng:

- Cô nói ở đây ba tháng mới mưa, nhưng cơn giông này...

- Thật đấy, thường chỉ giông gió vào mùa hè, giữa xuân như vậy rất hiếm.

Rồi cô ta đứng xuống vòng ra phòng khách, tôi bước theo. Cả hai ngược về phía núi. Tôi chắc miệng:

- Tội nghiệp, hoa mạn đang trắng đẹp quá...

Cô gái không cho tôi dứt lời, buông ngay một câu:

- Tinh nguyên bao nhiêu cũng tiêu ngay trong giây phút.

Ngạc nhiên trước sự gay gắt, tôi quay lại. Cô ta đang cầm bức tranh trên tay, biết tôi nhìn nhưng vẫn xoay lưng, nói tiếp:

- Cô nhẹ nhàng giống mẹ tôi... ngày còn sống, bà cũng yêu hoa mạn.

Bỗng dừng ngang, đổi thái độ bất ngờ, đặt mạnh tấm tranh, mở cửa đi một mạch ra ngoài. Tiếng gót giày nện trên đá vang lên trong khi tôi còn ngỡ ngẩn. Tiếp ngay lúc đó, trảng sấm ùng ùng nổ rền trong không, gió bắt đầu từ biển quạt vào lồng lộng. Tôi chạy về cửa phòng ngủ nhìn ra xa, sóng đang nhào lên lộn xuống như những thân rồng vẫy vùng cuồng giận. Mấy chiếc tàu trở về neo bến đảo theo, nghiêng ngửa chừng sắp đập nát vào bờ. Những chiếc xe còn trên đường đang cố chạy thoát tìm đến nơi ẩn trú, nhưng đang bị sức gió khủng khiếp kìm hãm, hùng hục như trâu cái nặng nề. Vụt nhiên điện tắt ngấm. Cả thành phố đen sầm trước mắt tôi, chỉ còn đỉnh cao nhà thờ vươn lên một màu xám quái dị. Tôi thấy mình rùng lạnh. Lạnh giữa cơn giông bức sốt oi nồng. Vội vào giường, kéo chăn cao. Tôi nằm đó, nghe gió vờn hú đuổi nhau quay bốn hướng, nghe sấm bọ không ngừng tiếp tục điên cuồng tạt sát trên các ô kính. Co ro trong chăn, tôi cố giương mắt nhìn đồ vật trong phòng, như thể muốn tìm sự trấn an ở những hình ảnh quen thuộc. Không gian thơ mộng Chagall đã thối đi, chỉ còn thoáng màu áo trắng ma trời lất phất. Mấy cây cypres trên tấm tranh Van-Gogh mà người đàn ông treo đối diện đang oằn đen tang tóc. Không. Tôi chồm dậy, trong lúc này tôi chỉ nên nhìn cảnh mạn nở hoa trong sáng. Lần mò ra phòng khách, thấp được ngọn lửa trên hai chân nến Hy Lạp vòng xanh rần lục mà ông ấy đã ân cần bày lên một ngày lập xuân, mang tấm tranh để lên bệ lò sưởi. Ánh nến chảy trên những nụ hoa mong manh. Tôi đã nhầm, chúng chẳng còn rực sức sống như mới đây, từng cánh trắng muốt kia sắp bị rung đứt, bứt rụng khỏi cành. Gió gào rú từ bề, nhưng không khí trong căn gác nặng im, ngạt thở. Cảm giác có điều gì khác thường và đe dọa sẽ xảy ra làm thân thể đang run rẩy bỗng dậy cơn bứt rứt, bùng bực. Đưa tay kéo cao chiếc áo lạnh dài gót chân, tuột hẳn ra khỏi đầu. Vươn vai, chạm mắt trên hai mọng ngực trần trong gương. Thời gian ở đây đủ dài thể mà thân thể chưa hong nổi nắng, lại nhớ màu da thắm trên đùi cô gái. Như có lực vô hình cử động hộ bàn tay, tôi cởi nốt mảnh vải cuối người. Lâu lắm mới nhìn mình toàn diện, trong thứ ánh sáng mờ ảo mộng lung, để khám phá trên hình hài đằm thắm kia còn vương đọng một nỗi buồn, từ đáy mắt xuống những đường cong rồi qua bóng sẫm. Mặt gương chợt chao đi, có cặp mắt sau lưng cũng mở to đang cùng nhìn tôi từ cửa sổ. Vội vàng quay lại, không có ai ngoài bóng mờ những cành cây vật vờ trong gió và gần hơn, xác côn trùng bám đầy khung kính. Tôi cuống cuống chạy đến khép chặt mấy tấm màn, trở lại giường, nằm im trong bóng tối. Hai ngọn nến vẫn tiếp tục cháy trên lò sưởi ngoài kia.

Mưa bắt đầu đập, rào rào rầm rập. Các khuôn cửa đã đóng chặt, cô lập căn gác với thế giới bên ngoài, nhưng tôi biết rằng cơn mưa đá đang dội xuống cả thành phố nhỏ bé bấp bênh, chừng như chỉ dựa chênh vênh vào vách núi. Sự sợ hãi vụt tràn đầy không gian tối, cùng với nó nỗi cô đơn từ đáy vực trời lên. Cả hai bùa chú giao nhau trên thân thể tôi trần truồng tẻ dại. Tại sao mình không giữ cô gái ở lại trong cơn giông yêu quái này? Chẳng ta hay ông ta

bây giờ đang ở đâu, có biết chẳng những đóa hoa lung linh đang tả tơi ngoài mưa gió? Những giọt lệ nối nhau, tôi chết cứng trên giường, không thể đưa tay chùi nước mắt. Cuối cùng rồi cũng thiếp đi trong cuồng phong vẫn vũ.

Chập chờn màn cửa phất phơ. Không khí đặc im trong căn phòng kín đang chuyển mình để bốc hơi, đang từ từ nâng tôi lên khỏi mặt giường. Chừng cả gió nữa đã len qua khe cửa, dịu dàng vuốt trên da thịt từng liếm ấm. Đầu óc mê man, thân thể mê muội, tôi cong người chịu theo một lực đỡ êm ái, mộng mị dưới lưng. Thấp thoáng ồng tay áo vải mềm tím đậm tôi đã thấy trong ngăn tủ người đàn ông. Muốn mở mắt ra nhưng hai mi tại sao vẫn khép. Lâng lâng, chơi vơi. Cảm giác rạt rào ứa dưới bụng nhưng có gì như thực như hư, không đạt được. Bỗng đâu hai núm ngực tê cứng, rõ ràng vật gì vừa đụng tới rồi vụt buông ra. Tôi bật choàng ngồi dậy, bàng hoàng nghe tiếng chân người chạy qua phòng khách. Ánh sáng vàng của ngọn nến thoáng bị che đi rồi trở lại. Tôi chết điếng một lúc cho đến khi cánh cửa ra vào đập thình thình với gió. Thu cả can đảm, chụp lấy chiếc áo khoác vẫn để ở chân giường, vừa xô tay vừa chạy ra ngoài. Mưa đã ngừng, nhưng trời đất cây cối vẫn hú gào cuồng nộ. Sấm rền ừng ực trên không, cành cây bay rụng chấn hết lối đi nhưng chẳng thể cản trở tôi. Phải xuống tìm cô gái, tôi chỉ còn cô ở lúc này. May thay, ánh đèn nhạt chờn vờn trong nhà cô ta. Nhưng đến bậc thang có thể nhìn vào thì tôi dừng sững lại. Cô gái mặc áo ngủ trắng mong manh, tóc vệt sang bên, đứng dựa vào thành chiếc thang gỗ dẫn lên căn gác lửng. Cô đang nói gì với một dáng đàn ông ngồi mép ghế đối diện, khuất ánh cây đèn dầu để trên đầu tủ. Hoá ra cô ta không một mình đêm nay. Tôi thất vọng định quay lên thì cánh cửa vào nhà cô, chẳng đóng như nhà tôi, đã bật ra cùng với giọng nói gay gắt :

- Tại sao anh còn quay về đây?

Tiếng người đàn ông ảm, chừng hơn cô gái vài tuổi, có vẻ chán nản:

- Có những điều không phải vì ngẫu nhiên...Dù sao thì chỉ còn chúng ta với nhau.

- Đừng biện hộ! Anh thừa hiểu tại sao, anh thừa biết điều gì xảy ra sau ngày anh bỏ đi.

Người đàn ông im lìm. Có gì hút tôi mãnh liệt, men gần tới bờ tường đá sát cửa, nép mình vào đó để chống đỡ trận gió quật ngang ngửa. Mưa lại đổ xuống ào ào, chảy xối xả trên thân thể, mảnh áo khoác ướt đầm dính chặt da thịt. Cô gái ngừng một lúc rồi nói sáng:

- Bây giờ anh đã về, tôi đi, giao lại nhà cho anh.

- Đừng, anh làm gì với cái nhà này. Chàng ta cuống quít.

- Bán đi, chia tay.

- Không được! Còn cô ấy nữa.

Tôi giật mình trước thái độ chột bùng lên giận dữ:

- Đây, tôi lập lại, cấm anh từ giờ không được đụng tới cô ta. May tôi lên kịp. Mà...mà anh là thứ người gì? Tôi...tôi không hiểu được. Tên bạn vẫn đi về với anh đâu rồi?

Hoá ra ông ta, chàng ta đó. Tôi tưởng mình sắp ngất đi, hơi thở vừa bị chặn đứng, một vòng dây chột xiết qua cổ, một quả tạ vừa bung vào ngực. Trong kia, chàng thanh niên chột nghiêng mặt ra ngoài Ỗnh sỖng ngọn đèn. Tôi vội nhònm người, cố nhìn nhưng chẳng kịp. Tôi muốn thấy mặt người đàn ông đã ngang nhiên đi vào đời tôi trong những ngày tháng vừa qua. Đã dám chạm tới da thịt tôi, không báo trước. Đã tàn nhẫn đùa cợt với hồn tôi quay quắt. Những mảnh quần áo lạ màu khác cỡ đang từ ngăn tủ bay ra khỏi cửa sổ, ào ào trong gió đáp xuống mặt tôi, phất phới trên người. Nhưng chàng ta đứng dậy rất nhanh và càng lúi hơn vào bóng tối. Tôi nghe tiếng nói vẫn ảm, chậm nhưng mai mỉa:

- Hình như em đâu khác gì anh. Đừng tưởng anh chẳng thấy. Không dung đối đãi hết sức dịu dàng với cô ta.

Cô gái hực một tiếng cười nhạo :

- Nhảm, nhảm to, tôi chẳng hề giống anh chút nào. Còn anh, anh tìm gì nơi cô ấy?

Vọng từ khoảng tối:

- Những thu hút... không hiểu được. Bất chợt, chẳng ngờ, người ta khám phá ra mình khi bất gặp rung động lạ lùng như thế. Đâu đó, có nét cười, ánh mắt dịu dàng của em...ngày xưa.

Tôi nghe tiếng chân người xê dịch, có phải chàng ta sắp đến dưới ánh đèn. Nhưng không, chỉ có cô gái ghen ghen:

- Những điều tôi bị cướp mất khi mới mười sáu...

Câu nói chưa kịp dứt đã có tiếng đứa bé trai thẳng thốt hét:

- Mẹ, mẹ. Giữ lấy, giữ chặt lấy, gió tốc nhà mình.

Tôi đứng vụt dậy, thằng bé có lẽ từ gác lửng chạy xuống, mặc áo ngủ thụng dài. Không hiểu sao trong không gian lập lờ mái tóc nó sáng loá bạch kim như thiên thần nhỏ. Cũng ngay lúc ấy, lằn sét buốt màu lửa nung nham thạch xẹt ngang dọc trên bầu trời. Ánh sáng rợn người của khoảnh khắc lóe lên chiếu thẳng vào căn nhà. Nhưng tôi chẳng nhìn ra ai ngoài gương mặt trắng nhợt và hai tròng mắt hút sâu sợ hãi của đứa bé. Nó dang hai cánh tay áo rộng, vụt lao ra cửa như bị gió cuồng cuốn đi. Hai người lớn kêu thất thanh.

- Dừng lại. Dừng sợ, đừng sợ, cháu.

Đèn dầu vụt tắt ngấm, cánh cửa đập bung tường vỡ toang cùng tiếng người con gái khản đặc:

- Cháu gì! Sao không nói cho đúng, nó là em anh. Anh biết cả mà, tôi đã nhìn thấy anh hé cánh cửa phòng. Rõ ràng hai con mắt anh cũng trợn trừng thao láo. Tôi ú ớ cầu cứu. Bỏ chặn miệng tôi và quay đầu lại. Nhưng anh đã sợ hãi, vội vàng khép cánh cửa sau lưng anh.

Chàng thanh niên cuống cuống đáp trả nhưng tôi không còn nghe ra gì được nữa, cả người run bần bật. Sấm nổ tung xẻ đôi trời đất, rầm rầm ồ ạt. Bao nhiêu luồng điện phần nộ chọi những lằn sét xanh rực kim khí, điên loạn chém ngang dãy núi. Trước mắt tôi cả vách mặt trời gốc quay cuồng với đất đá đang từ núi cao đổ sập xuống cõi trần, vùi phủ căn nhà tôi đã đến thuê. Thế rồi, một lúc sau, không gian đêm đen bỗng trắng rưng huyền ảo. Muôn triệu cánh hoa lộng lên trong gió. Tôi thả người rơi xuống, bập bênh như mảnh thuyền vừa vỡ tan giữa sóng.

Gặp lại Mai Ninh Nguyễn Ngọc

Năm trước chúng ta đã một lần được gặp Mai Ninh, qua tập truyện ngắn *Áo Đắng* của chị, và đã có dịp ngạc nhiên một cách thích thú làm sao một người phụ nữ sống xa Tổ quốc dằng dặc đến hơn ba mươi năm, làm việc trong một ngành chuyên môn có vẻ rất xa với văn học, lại có thể, không chỉ rất tinh tế trong khi đi vào những ngõ ngách phức tạp của tâm hồn con người, các nhân vật vừa quen vừa lạ của chị, mà hơn nữa còn giữ được một ngôn ngữ văn chương Việt thuần nhị, giàu có, tinh khôi và hiện đại đến thế. Tôi vẫn tin rằng người cầm bút có tài là người phải biết luôn làm mới các từ tưởng chừng đã rất mòn, rất cũ, lau chùi và hồi sinh cho chúng, hơn thế nữa, phát hiện ra những tiềm năng không ngờ vẫn ẩn dấu trong ấy, làm giàu mãi cho cái giàu có bất tận của tiếng nói dân tộc. Và điều đó hoàn toàn không hề chỉ

là chuyện vẫn quen được gọi là «hình thức», bởi trong nghệ thuật, như ta biết, hình thức chính là nội dung được bộc lộ ra đó. Sự giàu có và tinh vi trong ngôn ngữ của một nhà văn là biểu hiện rõ nhất sự giàu có và tinh tế trong tâm hồn, cùng trải nghiệm sống phong phú của chính người viết ấy. **Ao Đàng** một năm trước đã khiến ta mừng. Hy vọng. Và chờ. Và Mai Ninh đã không lỡ hẹn.

Lần này chị đến với chúng ta qua một cuốn tiểu thuyết - có lẽ là cuốn tiểu thuyết đầu tay của chị - và điều đầu tiên ta rất vui nhận ra là chị không hề đánh mất chỗ mạnh đã có ấy, điều rất dễ xảy ra khi từ truyện ngắn người ta chuyển bước đi vào thể loại dài hơi này.

Mà cuốn tiểu thuyết lần này Mai Ninh đưa đến cho người đọc chúng ta thì quả là dài hơi, tất nhiên không phải vì số trang - số trang của nó thậm chí ngắn, gọn, súc tích đến ngạc nhiên so với một cuốn tiểu thuyết loại này - mà vì tầm bao quát dường như tác giả muốn gửi cho nó, cả về không gian lẫn thời gian: một đại gia tộc có gốc từ tận bên Tàu, bị cuốn thốc vào những biến động dữ dội của đất nước ta cả thế kỷ qua, lang bạt sang tận trời Tây, xuyên suốt mấy thế hệ, một thứ vòng xoáy tròn ốc các số phận con người trong không-thời gian, nhiều khi gây cảm giác quay tít đến chóng mặt. Đúng là cuốn tiểu thuyết được cấu trúc theo một thế xoáy tròn ốc, càng về sau vòng xoáy càng cao lên mãi, ráo riết hơn, nhanh hơn, dữ hơn, đau đớn hơn, mà cái trục tưởng chừng phi lý đến kỳ lạ của vòng xoáy chừng bắt tận đó là một lời nguyền, một định mệnh kép có vẻ gì đó thật quái dị: tất cả những người đàn ông trong cái đại gia tộc đó đều phải chết yếu, chỉ còn lại toàn đàn bà, những số phận đàn bà, trong chiến tranh và trong biến động cuồng phong xã hội; tất cả các câu chuyện ở đây đều do những người đàn bà kể lại - bởi vì đàn ông thì đã chết yếu cả rồi! -, còn những người đàn bà ấy thì đều dành tình yêu say đắm nhất và vô cùng bi kịch, vô cùng bế tắc, đến tuyệt vọng của đời mình cho những người đàn ông là họ hàng thân thích gần gũi nhất của họ. Những bị bi kịch ngẫu nhiên, được dồn nén lại một cách ngẫu nhiên trong một gia tộc được lịch sử và xã hội chọn ra một cách tình cờ chẳng? Cũng rất có thể. Nhưng như ta đều biết, trong cuộc đời, cái tất yếu bao giờ cũng chỉ có thể được biểu hiện qua những tình huống, những số phận ngẫu nhiên. Trong tiểu thuyết thì lại càng như vậy. Tôi nói thế này có thể là hơi quá chăng: rất có thể đây cũng là một kiểu tiểu thuyết lịch sử-xã hội. Một chăng lịch sử-xã hội dữ tợn, được cổ tình kể một cách ra chiều nhẹ nhàng. Và tất nhiên, kể được như vậy thì hẳn đòi hỏi một ngòi bút thật có bản lĩnh.

Trong một chương gần cuối sách, Mai Ninh đã để cho một nhân vật của mình thổ lộ: «...em thấy mình đang cầm một máy quay phim, chú tâm cố gắng rọi ống kính sâu suốt vào mỗi mảnh đời của người thân, thu chụp lọc bắt những gì ẩn kín làm nên con người, định mệnh của họ. Em đã quay như thế, đã chiếu lại cho chị xem rồi đấy, tất cả những khuôn mặt ...». Thủ pháp nghệ thuật của Mai Ninh trong cuốn tiểu thuyết này là như vậy. Chị không tin rằng trong văn học còn có thể, như ngày trước văn học có thời từng tin chắc, có một tác giả là một Thượng đế thấy tất cả, biết tất cả, thấu tất cả, đứng trên tất cả, và cứ thế mà đầy tự tin «khách quan» kể tường tận, chi li tất cả cho ta nghe. Chị biết rằng cuộc đời, hiện thực bao giờ cũng chỉ có thể là cuộc đời, hiện thực *của* từng người, được cảm nhận qua trải nghiệm chủ quan và số phận của từng người. Không có một hiện thực **nói chung**, cho tất cả. Cho nên chị đã trao máy quay phim cho họ, từng người, ở mỗi chương lại là một người khác được trao và cầm máy, «cố gắng chiếu rọi ống kính» vào cuộc đời. Bằng cách ấy nghệ thuật của chị gọi cho chúng ta nhiều cách nhìn cuộc đời vốn là rất đa dạng, đa chiều đến vô cùng. Tôi nghĩ đây cũng là thêm một đóng góp của Mai Ninh lần này cho nghệ thuật tiểu thuyết Việt. Hoặc cũng có thể còn hơn thế nữa, cho cách quan niệm hiện thực cuộc sống của chúng ta. Cảm ơn Mai Ninh vì đóng góp mới lần này nữa của chị. Và chúng ta lại chờ chị, bởi sự hứa hẹn mà cuốn tiểu thuyết lần này của chị đem đến hoàn toàn cho phép chúng ta hy vọng.

Hà Nội 20 tháng 6 năm 2004

Phụ đính:



Đọc Cổ Ngự qua Đêm Nghi Ngại

Tôi đã đọc truyện ngắn của Cổ Ngự trên đôi tạp chí hải ngoại, không thể nói là nhiều, cái thú bất gặp một tâm cảm trùng hợp thì đã có - như cùng người bạn nhìn lên vòm trời hiu hắt mùa thu và bỗng thấy nhớ về một không gian nào đó còn đầy vun trong trí nhớ. Nhưng đến khi được cuốn Đêm Nghi Ngại, đọc suốt 19 “truyện” của Cổ Ngự, lại nhận rõ thêm : không gian ấy rộng và thân quen hơn nửa đồng thời cũng cô đơn đến độ nào, cho những người sống ngoài quê hương, nhạ cảm.

Để chữ truyện trong ngoặc kép vì trong Đêm Nghi Ngại một số sáng tác khá gần với tùy bút hay ký, hai thể loại dễ khiến cảm xúc của nhân vật thấm sâu vào người đọc. Trong một tập gồm nhiều truyện ngắn đến thế, thường đọc giả ít tìm ra đường chỉ nối giữa những câu chuyện có nội dung khác biệt, thế nhưng cuốn Đêm Nghi Ngại vẫn để lộ một mẫu số chung : mảng màu nổi bật trên nền truyện Cổ Ngự là từ những vệt cọ vẽ lên tâm tình di dân. Và điều đặc biệt hơn nữa là những tâm tình ấy không mấy liên quan đến hoàn cảnh, mưu cầu, điều kiện sinh sống như đã tràn trải dưới nhiều ngòi bút Việt Nam khi họ viết về những người lìa xứ đến nay. Nói chung, di dân trong Đêm Nghi Ngại ít gặp (hay cả là không) hoàn cảnh khó khăn, họ hội nhập vào đời sống sở tại : công việc, ngôn ngữ, sinh hoạt, giao tế...tất cả đều có thể xem là bình thường, có những thành công hơn cả mức bình thường. Rồi tình yêu, rồi hôn nhân với người “cùng quốc tịch không cùng giòng giống” ở quê hương thứ hai ấy phần đông cũng đến rất tự nhiên, đầm thắm, không vướng mắc, có cả hạnh phúc rạng ngời : “Hoa đèn lấp lánh. Rượu champagne với gà tây quay sau lễ Nửa đêm. Con Josiane và thằng Denis tranh nhau mở quà. Mắt ông, mắt Sylvie gặp nhau, say sòng sánh. (...) Ông Hạnh ao ước có Sylvie ngồi bên cạnh mình lúc này để thăm thì tình tự...”[1].

- Vậy điều gì rút ra hay để lại từ các câu chuyện ngoài quê hương trong tác phẩm Cổ Ngự ?
- Tôi tìm thấy trên những dòng văn ấy nỗi hoài nhớ, sự chênh vênh cùng niềm cô đơn dài dặc.

Truyện Cổ Ngự dù có dẫn ta lạc vào khu phố hỗn độn phía sau ngôi thành cổ một xứ Bắc Phi lạ hoắc, quần quanh thế nào cuối cùng cũng đẩy ta trở về với ước mơ một chuyến bay đáp

xuống Sài-Gòn quen thuộc, một Sài-Gòn bốc mùi bùn sinh đọng trong con lạch giữa thành phố (Tản Mạn Một Chuyến Đi). Truyện có mở ra trong một quán đêm rượu tràn nghiêng ngửa với “những cao bồi già vừa ngã ngựa và những đoá phù dung về chiều chờ rã cánh” thì sau đó lại trải dài trên con đường thời thơ thiếu của một quê nhà xa biệt, có lá me rơi trên áo dài và lót thảm chân guốc mộc (Truyện Cửa Hấn). Nhưng tưởng nhớ ấy không chỉ là một cái hoài mong lung bời hồi lãng mạn, trong văn Cổ Ngư nó nghẹn thở, nín hơi, đâm nhói vào màng óc : “Tôi một mình vùng vẫy, chống chọi. Không có ai để chia để xẻ nỗi nhớ dùm tôi, không có ai để tôi xả đi, để tôi vút bớt cho nhẹ gánh quá khứ. Michel ngồi kể bên, tỉnh queo. Làm sao nó hiểu nỗi về mặt đời dẫn dắt độn của tôi lúc này. Nó vẫn giữ nguyên cái háo hức của kẻ phiêu lưu tìm vùng đất lạ. Như tôi đã từng có, những giờ phút đầu, khi chưa bị nỗi nhớ hành hạ đến phát điên, phát sốt lên”[2]. Cái cô đơn ấy được tác giả mô tả chi li, hình tượng cùng cảm giác xoáy sát không ngờ : “Và thống khoái hả dạ trong cái đau như thời bé tí cầm cây kim gút nhấp nhấp rồi đâm lút vào chiếc mụn bọc mưng mủ. Chát lỏng phọt ra. Nhói. Sợ. Nhưng cái tưng tưng của da bị căng, cái nhưng nhức của thịt bị nén cũng mất. Sướng. Thoả mãn. Nhẹ nhõm. Tôi chợt nhận ra nỗi nhớ cũng như chiếc mụn độc, cần được giữ cho chín, rồi phải đem khơi, đem cạy, nặn cho vỡ toé ra, để lỗ chân rãnh ngò ngoèo của nó không còn kịp đâm sâu vào những giấc mơ...”2.

Mà nào tác giả chỉ nói đến nỗi hoài nhớ se sắt trong lòng di dân Việt, còn có cái đau đau “lâu lắm rồi” của một ông già Ả Rập nương thân trên đất Pháp :

“- Cậu đi chơi Maroc thật à ?

- Vâng, cuối tháng này.

Ông Aziz ngập ngừng nhìn tôi đang lựa mấy trái cà chua trong cửa tiệm chạp phô nhỏ xíu của ông.

- Tôi...tôi muốn nhờ cậu một chuyện. À, mà cậu định đi thăm những đâu ?

- Tôi cũng chưa biết nữa. Tính tôi thích lang thang...nhưng có lẽ tôi sẽ chọn miền nam Maroc.

- Vậy thì tuyệt quá ! Nếu có ghé thành phố Ouarzazate, cậu chụp hộ tôi một tấm ảnh nhé ?

- Ouarzazate nằm ở đâu vậy ông Aziz ?

- Cậu không biết Ouarzazate à, nó là cửa ngõ chính để vào sa mạc. Ngày xưa tôi ở đó. Lâu lắm rồi...”2.

Vì đâu con người ngóng vọng về quá khứ, về một chốn kia đã không còn là cuộc đời thiết thực hiện tại ? nếu chẳng do một phần từ nỗi cô đơn; và cũng vì cảm thấy một mình trên con đường dài xa lạ, xa lạ và gay gắt nắng nên người ta mới ngoái tìm một bóng cả thân cây quen thuộc thời nào. Hoài vọng với cô đơn thường là cặp bài trùng. Cái vọng tưởng khiến cho cuộc hành trình trên con lộ mới càng nặng nề khó bước, dù đã là chọn lựa dần thân vẫn có gì vô định, hụt hẫng, đơn độc. Hẳn nhiên, đã bao năm xuôi cuộc đời, trong văn chương Việt nỗi cô đơn ấy không chỉ xuất hiện dưới ngòi bút Cổ Ngư. Nhưng ở những trang viết này, nó không đi qua một cảnh đời, một câu chuyện rồi dứt. Cô đơn sôi sục dưới sóng biển, vạt vờ giữa thành phố, toả loang trên đồi núi. Nó thư thả gặm nhấm linh hồn một thiếu phụ đương xuân ở truyện ngắn Xanh Mơ: “Tôi ngã vật xuống giường. Cứ để nguyên áo váy mũ giày. Cứ để nguyên tóc cuộn rối trong khăn quàng cổ, tóc đổ ra che khuất cả mặt mày, che tối tăm mờ mịt năm tháng (...) Mùa xuân vẫn về, bình thường hay bất thường, với người hay với tôi ? Nhắm mắt lại, muốn quên hết, muốn xoá nhoà, muốn quét dọn, để làm lại từ đầu”, rồi đốt lụi tâm hồn một ông lão 70 đã thu ẩn đời sống về một triền núi quạnh hiu, hạnh phúc rục rờ vụt bay đi mất hút nhường chỗ cho ánh đêm lấp loà ngày tháng trong Đồng Vọng : “Ông Hạnh cứ ngồi như thế, nhìn phần sáng từ từ lặn dần phần tối của từng vật thể cho đến khi bóng đêm chiến bại, trốn sâu trong những kẹt tủ gầm bàn, ông mới kéo chăn rời giường, và nhận ra tiếng chó tru rờn rợn trong đầu cũng vừa dứt.” Trong truyện Bướm Đêm, Cổ Ngư đã tài tình biến cô đơn vừa thành kẻ đồng hành vừa là con mắt người ngoại cuộc ngó xuống bước chân

rời mòn mỏi: “Paris nhìn Tuyên đi qua bằng những con mắt khép hờ. Một dáng còm cõi, xiêu xiêu. Lầm lũi trở về như con dơi mù bay theo đường siêu âm. Lầm lũi leo lên sáu tầng lầu. Lầm lũi vào nhà, không gây tiếng động để khỏi làm thức giấc con, chỉ đủ cho vợ hé mắt nhìn...”. Lời văn ở đây gợi vọng tiếng chân Bruce Springsteen trên con đường đêm Philadelphia³:

*“Tôi bước trên đại lộ cho đến khi chân nặng như đá
tôi nghe giọng những người bạn tắt dần rồi mất đi
ban đêm tôi có thể nghe máu mình trong mạch
đen và thi thào như mưa...”*

Và để hoàn tất tâm trạng di dân, tác giả không quên cái phần thứ ba là nỗi lao đao giữa hai miền đất. Trong tập truyện ấy, người đọc sẽ gặp một người đàn ông Pháp thế hệ “chân đen”⁴, sinh sống ở Algérie với cả thời thơ ấu hồn nhiên trong vườn ô liu xanh ngát tình bạn của mấy đứa trẻ hàng xóm Ả-Rập, với tuổi đôi mươi mê đắm hạnh phúc vợ con nơi thủ đô phồn hoa, vậy mà sao ông ta không thoát khỏi những trăn trở trong sự lựa chọn giữa hai quê hương, hai dân tộc ? Để lúc lên tàu vượt biển Địa Trung Hải về giải phóng đất tổ Pháp quốc khỏi bàn tay quân Đức, vẫn xao lòng khi nhận ra “Đất nước bên kia biển đóng xăm cửa lại sau lưng. Đất nước bên này biển dần lòng mở ra nẻo sống, dừng dừng lạnh nhạt”⁵. Và có đó, một người đàn ông Việt nhìn xe cộ rào rạt vô tình bên bờ sông Seine nhưng hồn xoay trở, ray rứt về một tình bạn thuở đôi mươi mà bây giờ, mấy mươi năm sau, nó bị căng thẳng chỉ chực đứt lìa giữa hai đầu sợi dây ý thức, hai vị trí đối lập : bên đây tên tù binh sĩ quan biệt phái chế độ cũ, phía kia kẻ chiến thắng giảng viên tuyên huấn. Nhân vật đã đặt câu hỏi : nếu bất ngờ nhìn thấy bạn trong đám du khách dạo chơi nơi bờ sông thơ mộng này, nơi mà tác giả gọi một cách bùi ngùi là “chỗ-tôi-ngồi-mà-không-phải-của-tôi”, thì hai ông già mặt đã nhăn nheo sau bao năm tháng sẽ làm gì cho phải phép ? Để rồi tự trả lời bằng ước mơ giản dị, đáng thương : “Chỉ một điều mà tôi hằng mong mỏi, là đừng thấy cảnh con cái tôi hẳn thù chém giết con cái Tạo, dù đối với nhau, chúng là người dưng, không ràng buộc tình nghĩa”⁶.

Nội dung xúc tích khí hậu chuyển đổi, 19 truyện trong một tập là nhiều, dù đa số tương đối ngắn, có truyện chỉ hơn ba trang, nhưng không gian mờ mờ mà tôi cảm nhận thường xuyên hơn cả vẫn là khung trời cảnh vật Paris. Tác giả cư ngụ ở đó nên Paris phà không khí thờ, rải ánh sáng ngày và đèn đêm trên nhiều màn kịch đời dựng lên trong tác phẩm. Con người sáng chiều hồng học đuổi bắt xe điện giờ đi làm giờ tan sở, métro ồn ào ngoằn ngoèo, đầy đầy người ăn xin và thất nghiệp, métro dưới hầm che dấu những vết thương loang lổ giùm cho cả thủ đô mệnh danh ánh sáng trên mặt đất. Nhưng đừng quên, với tác giả “métro trác táng khi đêm về và văn hoá giữa ban ngày ban mặt”⁷. Hầm métro có những dàn nhạc di động: ghi-ta, phong cầm Tây Âu Đông Âu đua chen với những điệu kèn Nam Mỹ và giọng a capella của cô gái du mục xứ Ru-ma-ni. Người ta nhìn tháp Eiffel cao vút rục rục đèn huyền hoặc trong đêm và người ta cũng thấy cả những con đường chật chội lát đá trọ gót giày, xỉ ám bụi thời gian. Paris trong truyện Cổ Ngư đầy hỗn tạp và mâu thuẫn, để thương yêu, chê trách và hoà đồng...cho dù thế nào đi nữa.

Những cảm nhận về đời sống, về con người dồn nén rồi vỡ ra trên từng trang viết mà hầu hết xuyên qua những câu chuyện tình. Vâng, tình yêu tràn ngập trong Đêm Nghi Ngại. Mong manh hồn nhiên, thể xác dục tình, đắm thắm đam mê, lưỡng lờ nghi kỵ...đầy đủ tất cả bản chất mạnh mẽ nhất trong tặng vật lạ lùng và quý giá này của tạo hoá dành cho con người. Cổ Ngư đã tận dụng con chữ, văn phong uyển chuyển, linh động. Không phải do viết về cô đơn hay hoài niệm mà văn ấy lúc nào cũng buồn hay man mác. Có vòng métro-boulot- dodo rất sôi nổi vui ý nhị. Có cuộc hội ngộ trong quán cà phê khu phố Latin của đôi tình nhân cũ, dí dỏm lầy hờn như vẫn thuở hai mươi. Có những câu chuyện thực như đời sống đang xảy ra trước

mất, nhưng có cả cái viết huyền ảo trong truyện cuối cùng mà tác giả đã dùng làm tựa sách. Truyện ngắn Đêm Nghi Ngại, một truyện viết chặt chẽ, mang khí hậu lạ, một cô gái Tây Ban Nha đứng đường chờ khách, một chàng thanh niên gốc Bắc Phi, cộng thêm đôi linh hồn vật vờ của thời thế chiến. Trong đêm đông Paris trắng chết, những con người này đã “gặp nhau” hay không gặp nhau (biết đâu là như thế) ? Và có nên chàng đặt thêm câu hỏi : ta đang ở đâu, thời điểm nào, đây có phải là thời của chúng ta ? Hay chỉ cần biết ta đang rơi giữa đêm, cùng bóng tối phủ đầy nghi ngại.

Cuối tháng 11, 2005.

[1] truyện Đồng Vọng

[2] truyện Tản Mạn Một Chuyến Đi

3 Streets of Philadelphia, lời và nhạc của Bruce Springsteen, giải Oscar 1993 về nhạc trong phim Philadelphia.

4 Tác giả Cổ Ngư chú thích : người Pháp gốc Âu, sinh sống tại các nước Bắc Phi (nhất là nước Algérie) từ nửa sau thế kỷ 19 cho đến khi các nước này tuyên bố độc lập, trong thập niên 60 của thế kỷ 20.

5 truyện Chuyện Kể Của Một Người Pháp Bình Thường.

6 truyện Bên Sông Nước Cuốn.

7 truyện Luân Quần Métro-Boulot-Dodo.

Mưa mùa xa

Lời giới thiệu:

Là một nhà văn nổi tiếng ở hải ngoại, nhưng với một độc giả, thí dụ như tôi, và có lẽ, với chính tác giả, đến bây giờ, cả hai mới nhận ra giọng văn đích thực, của mình.

Hy vọng sẽ có dịp nói thêm, về một thứ tùy bút, giống như mưa mùa xa, theo nghĩa chưa từng có, chợt về với khí hậu văn chương Việt Nam.

Nhưng cũng không hẳn như vậy, bởi vì đọc Mưa Mùa Xa, bỗng nhiên tôi liền tưởng tới... Mưa Mùa Khác:

Mưa vô mùa, nghĩa là hết một đợt dài lưu diễn, tôi về quê, má tôi chặt lá, giúc nếp cặm cùi ngồi gói bánh cà bắp, nấu một nồi tám đầy vun bánh, tôi hỏi má gói chi nhiều vậy, má cười...(1)

Như vậy, đâu phải bốn, mà chỉ có hai mùa, mưa và nắng, nhất là mưa, ở trong Mưa Mùa Xa: "Mưa Sài Gòn độ rất nhỏ.."

Và "nhất là" những câu như thế này:

"Rồi tôi, cô bé mười ba bấy giờ biết những chấn động đầu tiên trong đời qua màn mưa phả suốt đêm giới nghiêm, ngập ngựa những tờ truyền đơn ướt nát, những manh biểu ngữ rách bươm và gậy gộc lẫn nhang đèn vung vãi trên vỉa hè sau cuộc biểu tình tuyệt thực rầm rộ trước nhà, loa phóng thanh rền rĩ niệm kinh suốt buổi chiều. Lẫn trong tiếng nước đập rộn rã vào cửa liếp và những chậu kiểng mẹ trồng thay hàng dâm bụt với gốc tầm ruột xanh từng chùm đã đốn đi, thỉnh thoảng rú lên hụ còi xe quân cảnh tuần tiểu chạy rút giữa lòng đường."...

Bạn nhận ra ngay, Sài Gòn của những ngày xuống đường, ở trong Mưa Mùa Xa,

Bạn nhận ra ngay, Miền Nam ở trong Xa Mùa Mưa,

Tôi nghĩ, những nhà văn miền bắc chưa từng nghĩ đến những câu văn dài, như được thơ, mưa, và hơi thở của chữ, và nhất là nội lực chuyển tải, một khi câu văn chấm dứt, là bạn cảm thấy gần như kiệt lực...

Thí dụ như những câu như thế này, đã từng được viết, cũng từ những năm xuống đường đó: Niên học cuối của Lan Hương ở bậc trung học bắt đầu bằng những buổi sáng sớm giá lạnh xô đẩy trí nhớ tôi tìm lại Hà Nội, tôi thức giấc sớm, thân thể rét run, bàng hoàng tưởng như đang run rẩy trong một buổi sáng nào đó trong Hà Nội, tưởng như chiến tranh đã hết.....

Những Ngày Ở Sài Gòn (1965)

Những ngày Mậu Thân căng thẳng, Đại Học đóng cửa, cô bạn về quê, nỗi nhớ bám riết vào da thịt thay cho cơn bàng hoàng khi cận kề cái chết theo từng cơn hấp hối của thành phố cùng với tiếng hỏa tiễn réo ngang đầu....

Cõi Khác (1969)

Trong những đêm chập chờn mất ngủ, hồn thiêng của thành phố thức giấc ở trong tôi, tôi tưởng hồn ma của chính mình đang lang thang trên những nẻo đường cũ xưa, sống lại cái phần đời đã chết theo cùng với thành phố, bởi cái phần đời đó mới đáng kể.

Lần Cuối Sài Gòn (1994)

Hay như câu này:

Cây cầu kêu dưới bánh xe với tiếng nước xoáy lạnh dưới chân trong buổi chiều ngất ngư chưa muốn ngã... trên chòi canh, hai con mắt người lính gác tôi đen nhìn qua núi.

Thanh Tâm Tuyền, Bếp Lửa (1957)

Cũng Thanh Tâm Tuyền làm người đọc như được cùng chia sẻ cái cảm giác kiệt sức, kiệt lực, hết hơi, sau khi viết xong một câu văn, qua câu nói sáng khoái sau đây, của một nhân vật của ông:

Em ơi, Em biết tay anh chưa? (chửi tục)! [Hình như trong Ung Thư]

Đúng là một câu văn thần sầu, hết nghĩa của "sáng tạo": Le Dur Désir De Durer!

Tôi nghĩ những câu văn "già" trên, đã tìm ra những câu văn "trẻ", có cùng một nhịp thở chung, cùng một hơi mưa...của chúng...

Jennifer Tran

Mùa ấy tôi về phố phường lao đao giữa những cơn mưa đập nứt mái nhà và trận nắng rơm tủa nước nôi dưới manh áo. Nhiều năm qua, nhiều lần đi lại, từng mùa trôi nhưng hình ảnh một mùa ấy hình như là điều gì thuần nhất, keo kết thành biểu tượng bất biến trong tôi khi nói đến một chuyến về. Hóa ra bỗng dưng mùa ở đây bao gồm vừa thời gian, không gian, hình ảnh, âm thanh và kỷ niệm tình cảm nhận được cho đi, từ bao thứ ấy.

Không kể ra cứ ngỡ mình quên, chẳng nhắc lại cứ tưởng trí nhớ đã vỡ bung như bong bóng nước rơi xuống sân sau ngôi nhà đồ ngói tuổi lên năm lên sáu mỗi lần mưa giạt từ tàn cây gòn ngất ngưỡng. Mưa Sài Gòn độ nhỏ rất rõ mùa, từ tháng tư dương lịch trở đi bầu trời đang chói nắng chợt đùn lên mây xám. Sấm đùng đùng vài tiếng, gió chẳng biết từ đâu nổi lướt qua đọt cây rồi là xuống hát tung mấy tấm áo quần phơi ngang sợi dây kẽm. Chỉ kịp chạy ra giũt vội vào nhà, thế là đập đập trên mái ngói những hạt nước đầu oi bức. Mưa đe dọa mưa cầm chừng mưa nặng nề như thế một đôi tuần cho tới cuối tháng, bấy giờ mới được ào ào tuôn xuống hả hê. Nhớ về thời thơ ấu, tôi luôn thấy khuôn sân gạch tàu đồ sậm nẩy tung tầng những bong bóng nước, chúng nhảy nhót trong mắt đứa bé ngồi chồm hồm trên bệ gạch, tay sẵn sàng chiếc thuyền giấy và cây đũa tre làm chèo. Rồi mưa mạnh hơn, làn nước xối xả tuôn đổ chan hoà. Con thuyền ra khơi, cây đũa đẩy đưa khều chống, nhưng trong tích tắc dòng nước đẩy tuột ra xa, con thuyền vụt vào lòng rãnh cuối sân theo cùng những chiếc lá ngâu chưa tới kỳ đã rụng. Mưa giữ chân tuổi thơ bằng trò chơi như thế cho đến ngày, theo đà xây cất của khu phố sầm uất, căn nhà trệt thấp sau vòm cổng bị đập đi và thay thế bằng lưng lững mấy tầng lầu cao với ban công, sân thượng. Không rõ tôi có vui sướng hơn với ngôi nhà to lớn hẳn ra, nhưng vương sân gạch với lu sành mẹ hứng nước mưa pha trà cùng các hòn gạch đen đũi dùng luộc bánh chưng vào mỗi chiều hai mươi chín Tết thui thui một

góc, cả mái hiên xòe những viên ngói cũ cho con sẻ non trốn mưa, rúc rúc rửa lông rửa cánh xong ngơ ngác nhìn trời là hình ảnh chất chiu của thời thơ ấu.

Rồi tôi, cô bé mười ba bảy giờ biết những chấn động đầu tiên trong đời qua màn mưa phủ suốt đêm giới nghiêm, ngập ngụa những tờ truyền đơn ướt nát, những manh biểu ngữ rách bươm và gậy gộc lẫn nhang đèn vung vãi trên vỉa hè sau cuộc biểu tình tuyệt thực rầm rộ trước nhà, loa phóng thanh rền rĩ niệm kinh suốt buổi chiều. Lẫn trong tiếng nước đập rộn rã vào cửa liếp và những chậu kiểng mẹ trồng thay hàng dâm bụt với gốc tầm ruột xanh từng chùm đã đốn đi, thỉnh thoảng rú lên hụ còi xe quân cảnh tuần tiểu chạy rút giữa lòng đường. Trò tôi chơi thuở ấy là những ván cờ tướng với một anh chàng sinh viên trong phong trào Phật Giáo chống chính quyền. Mẹ cho anh trốn trong nhà một thời gian. Ngoài những khi lén đi đâu rồi về, anh đọc, anh dịch và viết những tờ truyền đơn mà tôi chỉ đọc qua lời lẽ đã vô cùng ngượng mồm. Giữa các lúc đó anh dạy tôi đánh cờ. Bàn cờ nhiều lần bắt thần bị lừa hất vào gầm giường cùng lúc với thân thể gầy gò của anh, khi chợt vọng lên từ dưới lầu hay trên sân thượng một tiếng động khác thường. Nhưng một buổi chiều giữa cơn mưa rạt xém con đường, tôi đi học về đến cửa thì anh cũng ở đó bước ra, người khoác chiếc áo mưa rộng, mũ chụp giấu gần hết khuôn mặt. Thấy tôi, anh sững lại, giơ vôi một bàn tay nhưng rồi hạ xuống nói rất nhanh: " Bàn cờ vẫn dưới gầm giường, em giữ lấy ". Sau này tôi mới biết bà cô tôi dọa mẹ, " Cho nó trốn mà lính xét nhà bắt được, hốt cả con bé đi thì cứ gọi là hết đời ". Tôi đó tôi ghi một dấu hỏi thật to chồng lên những nét vẽ xước sỗ dọc và ngắt quãng, tượng trưng một mảnh mưa vào cuốn sổ bìa xanh gọi là nhật ký.

Sau những năm tháng đó, chiến tranh hiện rõ hơn nhưng vẫn còn mênh mênh mơ hồ, vương vất chất lãng mạn của các cô học trò thành thị mười sáu mười bảy bắt đầu ngấm ngấm thương vay nhỏ lệ vì " đêm nghe tiếng đại bác " (*), những cô bé mới bước vào tình yêu bằng hai bàn " tay nhỏ che trời rét " (*), dù rét Sài Gòn chỉ đủ làm quần đôi cánh lá. Cho đến bất ngờ súng đêm mừng một Tết giữa mùa khô nổ ran thay tiếng pháo. Tôi ríu người sau cửa sổ căn phòng lầu thượng, những tấm áo quan vôi vã chạy ra từ khu xóm đông đúc bùng lửa khói, xé bên kia con đường rộng, lúp thúp mấy kẻ bươn bả theo sau. Bất chợt vang rân tiếng hô hoán, một chiếc quan tài ghép ván thô sơ bị chặn lại đập tung, rơi xuống trên vỉa hè những khẩu súng trường đen đúa, dăm đàn bà và mấy đứa nhỏ đang léch thếch kêu khóc cùng ba thanh niên khiêng áo quan co chân chạy nhưng không thoát, liền bị thúc súng còng tay, đẩy lên xe nhà binh đã lổn nhổn đứng ngời một số người mặt mũi áo quần lạ lẫm hỗn độn. Đoàn người khăn gói chạy loạn tiếp tục lướt qua những căn nhà mấy tầng mặt tiền bê tông đá ốp mà các thanh cửa sắt cao đã kéo kín thành trì. Chiến tranh không ngờ bắt thần xuất hiện như đám mây đen sững giông và gió chụp phủ cả thành phố từ bấy lâu vốn tượng trưng sự bình an cuối cùng của tôi vừa qua năm mười bảy.

Hơn hai mươi năm sau, tôi đặt chân trở lại nền đất quê hương dưới những vạt mưa Ngâu tháng bảy oi nồng. Hành khách khệ nệ tay xách nách mang nặng nề, đi bộ từ chân máy bay vào dãy nhà có bảng ghi nơi đến. Nước nhỏ rờng trên những đầu người và cả trên bím tóc vàng hoe của mấy con búp bê mặc váy voan xòe xanh đỏ thoáng chốc đã ướt mem cụp vào thảm hại. Mấy người đàn bà đi làm hay đi học ở Đông Âu vừa than trời vừa che chắn bao nhiêu thứ hàng và đồ chơi đem về bán hoặc cho con cháu. Người đàn ông luống tuổi ngồi cạnh trên máy bay đã chẳng ngừng chép miệng khi qua cửa sổ thoáng thấy màu đỏ sông Hồng ngập ngụa. Dù nghĩ rằng mình dư bình tĩnh, ruột tôi vẫn thắt, ngực nặng nề. Câu hát " Trời hành cơn lụt mỗi năm " (**) từng nghe có phải là đây ? Lạy trời, đừng giông bão, đừng gây nạn lụt chặn con đường trở lại làng quê xưa. Tôi, con bé sinh ra ở Sài Gòn, gọi hộp quẹt thay bao diêm, hột dịch thay trứng vịt, rời quê hương bố mẹ trên chuyến tàu cuối cùng vào Nam mùa di cư ấy ở bến Hải Phòng. Ông bác giàu có, con đàn cháu đống nhưng vẫn thích đùa ghẹo đứa cháu gái Nam kỳ " đi lấy cho bác cái hộp...hộp ghọt để châm thuốc lào ", ở mỗi lần nó từ Sài Gòn theo mẹ về quê. Sau 54, tôi thường hỏi mẹ bao giờ mình về thăm bác, dù trí nhớ chỉ còn lờ mờ dáng người chấp tay sau lưng, đùng đỉnh hiên từ, ông chính là hình ảnh xứ Bắc của tôi cùng với hương hoa bưởi toả lan suốt khu vườn. Cũng khu vườn ấy tôi

trở về bây giờ thiếu phụ, buổi chiều xanh xanh ánh lá cây ngọc lan tắm mát sau trận mưa hôm qua. Ngưng lại ở mảnh sân đất nện đọng bùn và loáng thoáng vài viên gạch dầu tích một nền xưa, tôi lặng nhìn gian giữa ngôi nhà người con trai trưởng của bác. Tôi cố mở hết những cánh cửa của từng khoang trí nhớ mà mình vẫn tự hào về khả năng ghi giữ thật lạ lùng các hình ảnh tuổi lên bốn lên ba. Nhưng moi móc bao nhiêu thì tấm phản gỗ nhợt nhạt màu, kê trước cái tủ thờ phủ vải điều cùng những bức ảnh im lìm trên đó, với đôi liễn bạc thếp sỗ dọc hai cột nhà cũng không lóe lên sự quen thuộc nào. Nhìn mái ngói chênh chao khắp khênh tôi chẳng tìm đâu ra dáng mềm mại mà đỉnh đặc của ngôi nhà chính trong khu vườn năm xưa. Căn nhà ấy trong ký ức lớn nhường bao sao bây giờ u tối, bé thấp gần như sắp bò trên mặt đất. Mắt trẻ nhỏ thấy gì cũng to tát hay cái nhìn thiếu phụ hẹp dần theo năm tháng ? Người con của bác nay đã tuổi ông ngày nào nhưng gầy ròm vẫn đứng sau lưng thình lạng, hình như lúc này hiểu được câu hỏi trong tôi, anh cất tiếng :

" Đây là nhà anh chị cô ạ, ngôi nhà cô về ngày bé không còn của gia đình mình từ khi bố anh bị đầu tó. "

Hai tiếng ấy cuối cùng đã bật ra trên môi anh, run run như lời mẹ mỗi lần nói tới là tức tưởi xót đau : Bác Chánh bị trói gô ở sân đình, con Ngoan xắn quần xía xói :

" Thằng kia, mày có biết tao là ai không ? "

" Dạ thưa chị Ngoan tôi biết, chị là đứa bé sơ sinh người ta bỏ rơi trước cổng nhà, tôi đem về nhận làm con, nuôi chị đến ngày nay " .

Tôi còn đang xúc động, có tiếng chào nhẹ nhàng, một người đàn ông trung niên trông già dặn dắt xe đạp vào sân, mắt nhìn tôi mở lớn, môi nhếch cười. Bỡ ngỡ không nhận ra nhưng tôi đoán ngay chẳng thể là ai khác hơn thằng cháu Q của tôi mấy mươi năm trước. Trong phút giây hình ảnh ba người : tôi, Q thằng cháu nội cưng của ông bác cùng bốn tuổi ngày ấy và chị Ngoan hiện ra trên con đường vào làng này, dưới cơn mưa. Hai đứa bé rủ rê nhau đi đến nhà một người bác họ phải băng qua cánh đồng, nhưng Q vốn sợ bò. Tôi đoán chắc với Q là mình không ngán và bò ở giữa ruộng xa đường đi, lại nữa hai đứa cùng nắm tay nhau thì chẳng còn gì phải sợ. Đâu ngờ nửa chừng trời đổ mưa, chúng tôi co núp dưới một túp lều chưa được bao lâu bỗng có tiếng bò rống bư bư sau vách rạ. Thế là hai đứa ba chân bốn cẳng vùng chạy. Nhưng thằng bé Q chừng quá hãi, chỉ vài thước rồi không nhấc nổi chân, đứng ì dưới làn nước tuôn dầm trong khi tôi vẫn cầm đầu băng băng, mặc cho Q gào đằng sau " Bớ cái con cô N, mày bỏ ông ". Bất ngờ một bàn tay to chụp lấy gáy tôi nhấc lên, cùng giọng quen thuộc chị Ngoan ken két " Này, chạy đi đâu con ranh ". Sau đó tôi có dây dựa thế mấy cũng không thoát khỏi, chị Ngoan kéo lét tôi đi và bế thằng Q đặt vào một bên thúng, chị ta ở chợ về. Mẹ thuật lại, khi vất đựcch tôi ướt mềm như chuột trên thềm cửa trước mặt bác, chị lớn giọng kể tội, bác bật cười " Nó con gái bắt nó che chắn thằng con trai là thế nào, Tây nó cười cho " . Dù từ đấy tôi không ưa chị Ngoan, nhưng tôi vẫn không thể tưởng tượng được đe dọa nông nổi nào khiến chị nhẫn tâm đứng giữa sân đình giật giọng tố khổ một người như bác. Có phải vì người trong làng không ai chịu đứng ra kết án ông là địa chủ tàn ác nên chị bị chỉ định hi sinh làm mồi cho một phong trào đấu tranh giai cấp ? Nghe nói sau đó chị Ngoan bỏ làng đi biệt, rồi mấy năm qua một hôm người ta thấy trên núm đất chôn bác cắm một bó hoa dại. Có người ở sát bên nói rằng đêm ấy vắng nghe tiếng khóc đàn bà khấn khứa : Con cất cổ ngậm vành, xin thầy tha tội. Giờ, chỉ còn lại đây tôi và Q đã hai con, nụ cười mỉm của Q khiến tôi yên lòng về trí nhớ của mình. Hoá ra những kỷ niệm thời nhỏ xíu ấy Q không quên như tôi, những thứ chỉ nói ra rằng mình nhớ đã thấy lạ lùng. Hỏi Q có còn sợ bò, Q đáp nhẹ " Cháu chỉ sợ người " .

Sau bữa cơm với gia đình anh chị, tôi trở về Hà Nội. Trời lại hội cơn vần vũ. Những làng mạc đi qua trũng hơn trong màn nước. Tôi nhận ra mưa càng làm lộ liễu sự khốn khó và mưa ngoài cửa xe cũng đang từ từ dội trôi lớp màng ảo tưởng để tôi thấy rằng cuộc hành hương không những chẳng bốc bay thêm được náo nức chờ đợi ở một chuyến về, không khơi mở được bao uẩn khúc vẫn tự động trong tiềm thức mà trút sâu, thắt thêm vào tâm trí những bận lòng, lẩn cấn hơn những câu hỏi bấy lâu vẫn đặt ra cho chính mình. Khi từ già, da bàn tay

sạm khô của Q rạm xước lòng tay tôi. Đứng lại với nhau ở cái nơi gọi là đầu làng chỉ có giăng cây sắn xoè lá xanh tươi, Q bỗng nói " Bố cháu can đảm lắm mới sống sót được những năm tháng đó và nuôi anh em cháu học hành xong xuôi. Cô học bao năm bên ấy, có nghĩ trở về làm được gì không ? ". Xúc cảm nhất thời bùng dậy, tôi đã mạnh miệng trả lời, tôi sẽ không bỏ Q lại bên bờ ruộng như mấy chục năm về trước. Thế mà, không bao nhiêu cây số, về tới Hà Nội vừa lọt vào thành phố lù mù, người đi người lại lo ngại bì bõm, tôi đã thấy chắc khó lòng đi đến đầu kia con đường Láng nước dâng trên đầu gối, để chỉ giản dị làm nốt một thăm viếng người thân.

Tôi lên con tàu ở trạm ga Huế khi trời vừa tạnh ngưng một đám mưa chạy rạt từ mạn núi ra biển. Mưa giỡn chơi như thế hơi kỳ lạ giữa hạ đang bức nóng trên mặt nước sông Hương. Tấm vé tàu đỏ đèo Hải Vân xuống Đà Nẵng chỉ nhỉnh hơn giá ba tô bún bò đầu con đường ở trọ. Anh chị em bạn bè thân sơ kẻ đạp xe, người xinh xịch trên honda cũ mềm kèm hai bên chiếc xích lô đồ tôi xuống cửa nhà ga chộn rộn những người gánh gồng bị túi. Chị bạn Huế mẹ vốn quen đi đứng chậm rãi khoan thai thoảng hoảng hốt kéo tay áo, e rằng tôi không chịu đựng nổi năm giờ di chuyển giữa người vật ngổ ngang. Một người đi, năm bảy người đưa tôi lên toa tàu có quạt, đặc biệt dành cho người du lịch không hàng hoá. Tôi hơi ngỡ ngàng khi đám bạn bè tiến mình ồn ào leo cả lên xe. Lách trước mặt một ông cụ già ngoài bìa, tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ. Băng ghế gỗ cứng trải chiếc chiếu cói vừa vặn. Chưa yên chỗ thì chị bạn vừa xuống tàu đã vội leo lên đưa cho chai nước lọc và chiếc ly giấy ọp ẹp. Những người còn lại tụ dưới cửa sổ dãn dờ, đi đường cẩn thận, đừng ăn uống lung tung mà đau bụng, tới nơi cứ đợi ở ga đừng leo xe ôm...Tiếng còi hự chuyển bánh, một anh còn vội vã mua cho chiếc quạt giấy, biết đâu nhớ quạt máy hư. Tôi quạt nhẹ hai giọt nước mắt cuối mi khi bóng họ đã nhỏ dần, mờ đi trong làn mưa lại phun toả không gian ngoài con tàu cũ kỹ.

Hai mươi cây số một giờ, xe lửa bò giữa làng mạc và những mảnh đất nửa đồi nửa ruộng. Trời mưa nhưng không khí hầm bức, và đúng như tiên đoán của anh bạn, chiếc quạt máy gần bằng ghế tôi ngồi chao quay vài phút sau khi con tàu khởi hành rồi dừng lại. Tôi mỗi một nhắm mắt thiếp đi. Khi chợt thức dậy, một thoáng gió nhẹ qua tai, ông cụ ngồi bên cầm chiếc quạt giấy phẩy cho tôi cử chỉ nhẹ nhàng. Tôi nói cảm ơn và ông hỏi " Cháu từ ngoài vô ? ". Chẳng rõ tại sao tôi lúng túng, không muốn nói với ông cụ tôi là Việt kiều, cái âm kiều tôi không thích cả từ ngày bé, chẳng hạn Hoa kiều. Giản dị là thế chẳng? Hay cũng vì trực nhớ lời dặn dò của chị bạn Huế " Thời buổi ni cẩn thận, đi đường một mình đừng để người ta chú ý, biết mình ngoại quốc về " . May thay tôi chưa biết phải nói dối hay không thì ông cụ đã tiếp " Lần đầu đi chơi, bạn bè lo lắng nhiều hỉ ". Tôi vui mừng đáp một tiếng Vâng gọn băng, cũng hơi ngỡ ngàng thấy ý chừng ông cụ tưởng tôi là con cháu nhà giàu từ Hà Nội vào Nam du lịch. Nhìn qua cửa định hồi tàu đã đi đến đâu thì chẳng ngờ khung cảnh ấy hiện ra trước mắt, ngoài tưởng tượng. Hai bên đường rầy ngổ ngang những ngôi mộ chen chúc nằm trong, ở ngoài, chính giữa, bên trái bên phải những nóc nhà sơ sài tường vách. Trời bốn năm giờ chiều u uẩn đã đành nhưng chưa bao giờ tôi thấy mưa phù phàng tàn nhẫn dội trên trần thế như vậy, dù cơn mưa này nào xối xả bằng bao nhiêu trận đã từng đổ xuống.

Những tia nước làm tan hoang mái lá, làm xiêu lệch mái tôn, làm mảnh vách lờ nghiêng muốn sụp nhào lên ụ đất có cây thánh giá cắm leo heo. Mắt tôi chạy theo dòng tóc cô gái đang tắm gội, cô mặc nguyên quần áo ướt sất rạt, ngửa mặt hứng nước toé tươm từ một đòn tre vắt ngang hai nắm mồ cùng châu vào cái cô đang ngồi tựa. Xa hơn, hai ba người đàn ông trần lưng đập đá dưới một miếng tôn. Mấy chị đàn bà hì hục đào mương, các dòng nước chạy lòng vòng quần quanh mộ kia sang mộ nọ. Xe lửa trườn đi, dứt tôi từ tùm nhà với mồ này đổ sang tùm khác. Nhấp nhô ngôi mộ xây xi măng mang tấm bia sát cạnh cửa căn nhà, đâm thẳng góc vào một mộ khác chỉ là nắm đất vun vun nằm dọc theo hàng hiên. Sự hỗn độn cho tôi cảm tưởng xác người đã đổ xuống nằm đâu người ta an táng ngay vị trí ấy, không dời đi, không sắp xếp lại. Và bao nhiêu căn nhà như túp lều này, mọc trên chính bãi chôn người cũng thể hiện những cuộc đời tả tơi, không thể tư hào một xếp đặt nào cho đời sống. Bao câu hỏi tại sao, nào bực bội băn khoăn nào bất mãn từ lúc đặt chân về trên xứ sở này còn nên

chăng, còn là quyền của tôi đâu khi tôi không phải là người đang sống lẫn lộn giữa tha ma và trần thế.

Tôi mở mắt thao láo, ngóng về phía trước, ngoái lại đằng sau. Ông cụ bên cạnh lặng thinh từ bấy lâu bất chợt cất tiếng "Đoạn ni coi như tiếp nối "Đại lộ kinh hoàng" trước kia đó cháu". Tôi điếng lặng. Tất cả xác người nằm trong mồ mả vụn phá toang đất phủ nhất loạt vùng đứng dậy, những thân thể thương tích máu me nghiêng ngả, ồn ào tán loạn hoà nhập vào đám người đang đập đá đào mộ, vào những đũa trẻ bụng ồng vào các cô gái tóc dài rũ rượi. Họ diu nhau bước đi, chạy vọt theo con tàu. Họ họp thành đoàn đi đòi quyền sống. Trùng trùng một dãy Trường Sơn xương sống nước Việt, vẫn thiên thu lừng lững đằng sau để ngó xuống dưới chân bao nhiêu máu thịt rơi đổ trên cát bỏng ruộng cằn. Những linh hồn chết vướng vất bờ vờ, những linh hồn sống dật dờ xoay sở.

Sài Gòn ngày đầu tiên, cảm giác trống hoang dù phố phường ồ ạt người và xe gắn máy tủa ra sau trận mưa mau của buổi chiều tháng tám. Tôi đi ngang con đường cũ chỗ mất tìm ngôi nhà thơ thiếu mẹ đã bán đi, những cánh cửa đã đổi màu xanh nhưng chiếc lan can ngày xưa tôi đứng trên nhìn xuống đờn gánh chè khuya xuất hiện đầu con ngõ vẫn đấy, song song dọc dọc mấy thanh sắt đan nhau. Những sợi mưa từng óng ánh xuyên qua đèn đường rồi rớt trên chiếc áo tơ bà cụ già mà giọng rao chè quen thuộc ngân nga ngọt lịm, chẳng biết đã bao năm. Cả con phố xưa nghe nói không còn mấy người ở lại. Năm tôi mười tám, họ đến tiễn con bé sắp đi học bên Tây. Ngay cả cô gái bán ba đường Tự Do thuê một phòng trong căn nhà năm tầng gần cận, tuy chẳng quen biết gì nhưng nghe ai nói nên thoáng gặp tôi ở lẽ đường cũng nắm cánh tay lắc lắc, chúc mừng "đi Tây rồi ở lại bên í cho nó sướng em ạ, chứ như chị thế này...cả đời cóc dấm nhìn ai". Nhưng nghe đâu, cuối tháng tư 75 cô được ông bố Mỹ cấp lên máy bay trước cả mọi người và vài năm sau cô đeo vàng trở lại khu phố, cô ghé thăm mỗi nhà xem ai mất ai còn ai đi ai ở và rộng lượng giúp đỡ người này kẻ nọ. Con cháu tôi khoe cô đẹp như tiên cô nói cười rộn rã, không quên hỏi thăm con bé du học ngày nào có về VN và làm được gì không?

Tôi, con bé đã về mà chẳng biết nên làm gì để được, đứng trú mưa trước công viên Lê văn Tám. Giọt nước chảy ròng ròng mài miệt đan thành tấm màn lung linh biến ảo, những cái thấy thực tại nhập nhoà quá khứ. Các thân sao già trắng tấp hai bên con đường dẫn hút vào sâu nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi ẩn kín, đang vút bay lên trời nhường chỗ cho những thân non còn thấp, cây mới được trồng nên khu đất khơi khơi trống trải lạ lùng. Băng đá rải rác cùng cầu tuột trò chơi trẻ em màu sắc vuông tròn chòng chéo lên bia mộ trước kia nhiều chiều tôi vào đấy ôn bài thi, lá đã thả bóng lấp loáng trên các phiến đá hoa cương hay vân thạch. Những ngôi mồ giàu sang thời ấy nghỉ ngơi ngay trung tâm thành phố, lắng yên gần nắp trong cây cò dù mưa hay nắng, không ngửa nghiêng lặn đạn như mã và người trên chặng đường tàu tôi mới đi qua. Gương mặt trên các tấm bia trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi dấu già trẻ, Việt hay Tây, với tôi đều an tĩnh. Tôi ngồi giữa họ không sợ hãi, cùng mảnh giấy nguệch ngoạc các công thức, các hàm số phương trình, tôi ngoáy cong cong mái tóc và vành môi chúm chím một cô gái nằm dưới chỗ tôi ngồi đã mười bảy năm. Trên tấm ảnh, cô không cười nhưng cặp mắt lá dăm này quá giống chị Bé ở trong nhà mấy năm về trước.

Chị Bé mười sáu, má chị thường đem gạo từ Sóc Trăng lên Sài Gòn đong cho mẹ tôi. Một hôm bà ta bảo tên phường trưởng hiếu sắc chặn đường chị Bé dọa nạt sẽ tố cáo ba chị theo Mặt Trận, nên bà lo ngại xin cho chị lên Sài Gòn lánh nạn. Tên là thế nhưng chị không bé, không thấp lùn mà người vừa cao vừa nẩy nở, hai bàn tay con nhà nông thô cứng. Mỗi khi giúp tôi cọ lưng chị xát thật mạnh tưởng tróc da. Ít nhất chị Bé dội nước ba lần một ngày, chị nói ở quê lội sông suốt buổi. Về thành phố chẳng còn sông chị đắm thêm tấm mưa. Bề quét đầu máng xối ra khỏi vai nước, cũng mặc nguyên quần áo như cô gái bên đường xe hỏa xuyên bãi tha ma, chị Bé ướt người dưới dòng nước ồ ạt. Đôi lúc ánh chùng thấy vướng vịu, chị lột tấm áo bà ba, rồi đảo mắt một vòng quanh khoảng sân, yên bụng chẳng có ai chị tụt luôn chiếc quần, cả tấm thân uốn căng như con cá cong tươi lóng lánh. Hình ảnh ấy làm cho tôi thèm thuồng, chắc chắn chị Bé đang tràn đầy khoái cảm. Với chị, lần đầu tiên tôi được mở

mắt chiêm ngưỡng trọn vẹn một thân thể đàn bà, được thấy cái đẹp đầy đặn, sống thật, căng phồng hồn nhiên chứ không phải là những thứ để nhìn lén, tưởng tượng qua lời nói, hình ảnh mập mờ ẩn dụ. Khi nhác thấy tôi chị cười tít cặp mắt lá dăm, vẩy ra tấm cùng. Mới đầu tôi ngần ngại, mẹ bảo rằng tắm mưa rất độc. Thật lạ, bà có thể đi phát truyền đơn, giầu " phản tử phản động " trong nhà, và sau này bà cũng không cực lực phản đối khi tôi, đưa con gái độc nhất, lăm le đòi học nghề phóng viên chiến trường, nhưng lại kiêng kỵ bao nhiêu thứ tỉ mỉ liên quan đến phụ nữ, nào là quần áo con gái đàn bà không phơi qua đêm, nào ngày kinh nguyệt không được bước qua tử thờ hay chỗ rượu nếp vừa ủ. Sau này chẳng còn sân gạch tàu, tôi trèo lên sân thượng buổi tối trời mưa. Không có ai ngoài tôi và cây cối mẹ trồng xum xuê như vương vườn nhỏ. Mọi thứ đều ướt đẫm, đều rũ lá liêu trai. Mặt đất cao hơn và mây thấp xuống, nhưng tôi ở giữa đất trời sung sướng đón những hạt nước tưới tuôn, cảm giác chỉ con người mình sáng long lanh chum bóng nước, thanh thanh toàn diện.

Suốt thời gian ngoài xứ sở không còn thấy cảnh tắm mưa, thế mà về đến nơi thì nó đã bày ra đấy. Vùng ngoại ô An Phú Đông mất điện lập loè lửa nển, những thân cây gì không biết tên ngã nghiêng hai bên con đường đá trộn với bùn. Dây nhà viền lộ lợp tôn thấp chũm, chẳng xoè nổi một khúc hiên cho tôi đứng trú, phải co ro dưới tấm bạt của ông già sửa xe đạp. Gió phần phật cơ hồ có thể giật đứt rời những mảnh vải rách của chiếc áo ông ta. Con đường mới đó xe đạp xe ba bánh xích lô người đi người lại chợt trống hẫng, chỉ còn mưa xiên bay tới tấp và mấy đứa bé ở trần vừa tắm vừa chạy đuổi nhau trên mặt lộ. Tấm bạt của ông già vụt thốc lên với gió, kéo sập hai đòn gỗ chống. Thế là trong giây phút nước quật xối người tôi, cùng khắp. Nước tuôn dọc theo những sợi tóc, áo quần đẫm dính vào người. Ông sửa xe lúi đi đâu chẳng biết, hộp keo vá bánh và cái bơm đặt trên mấy hòn gạch, những thứ còn lại lăn lóc trên mặt bùn. Mấy căn nhà và quán lá chung quanh cũng đang vật vã, đám người lao động cùng xe đạp quang gánh đứng lại bên lề rờn rờn nhể nhãi. Mưa đổ chưa đầy nửa giờ, cả vùng đất trước mắt cơ hồ thụt lún xuống với con người. Thêm một lần, mưa phơi bày rã rượi nhếch nhác. Bao năm thêm tắm lại một trận mưa chẳng được, bây giờ bắt ngờ tôi đứng đây giữa trời, trên mảnh đất ngoại ô sũng lầy, bên cạnh những con người nặng nề u uẩn âu lo. Trong không gian nhem nhem tối này chắc gì ai nhìn ra ai, và dù áo quần còn dính trên da, tôi lại thấy mình thông thoáng. Nhưng tôi lấy gì đây che đậy? Bao nhiêu con người đang quay lại, mưa lột trần người đàn bà Việt kiều trước mắt họ. Nhưng họ có thấy tôi, con bé năm nào tắm mưa phơi phơi, thoải thuê tự do, giờ đây là một thiếu phụ lạc lõng co cụm ngọt ngọt.

Thông thoáng mà ngọt ngọt. Giữa đám cành lá ôm ấp đồng lõa trên sân thượng bắt thân mọc những con mắt xoáy. Chúng xoáy vào trống lốc, sục bới vào đặc nghẽn. Cũng vẫn thân thể đẫm ướt ấy đã trở về, nhưng cái phần trần truồng bày ra không phải là hình hài thân xác, nó là những căn nhà, những bức tường trong tâm linh từng được loay hoay đắp bồi xây cất bằng tri thức và ước mơ. Nước cứ thế phũ phàng đập, nhà và tường như cát lở, tuôn tuột từ đầu xuống chân, hòa nhập vào muôn thứ lá cây đất đá rác rưởi đang ùa theo dòng ngập lụt lênh láng, như con thuyền giấy thời bé con cuộn vào cống rãnh.

Tật hay liên tưởng thường lồi tôi đi rất xa, đang ở một nơi tôi bay vụt bao ngàn cây số sang chốn khác. Vì thế tôi từng cảm câu nhạc " Nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xa " của anh Sơn đến thấm lòng. Một chiều leo xe qua vùng núi Pyrénées trời chập choạng tôi đã sợ, tôi vốn sợ khoảng khắc hoàng hôn nhất của một ngày, nó có thể choáng lên cái đẹp hào quang của mặt trời đỏ rực nhưng vẫn nhuốm phủ một nỗi gì bấp bênh, chia lìa, âm khí. Vậy mà lúc ấy thêm mưa, mưa chẳng dòn dập như người ta thường nói mưa miền núi, một màn khin khít bụi nước li ti. Tôi lại bắt chợt bay đi, rớt xuống, ngồi chênh vênh trên chiếc ghé con dưới mái hiên một quán cà-phê Hà Nội. Chiều mùa Giáng Sinh đã lách tách rì rả cơn mưa phùn. Cậu sinh viên tên T đến tìm tôi ở khách sạn với cô bạn cùng lớp, tôi vừa có một buổi nói chuyện khoa học với các sinh viên ngành Vật Lý tại đại học hôm qua. Trước lúc bước vào giảng đường, tôi đã đứng lại ở bìa hành lang quét gió, ngó xuống khuôn viên đại học, mắt bỗng ngợp những tà áo dài trắng sáng rưng sân trường Gia Long tôi cũ. Xao xuyến hơn bao giờ, hơn tất cả các lần thuyết trình trong hội thảo đồng người, trước mặt sẽ không phải là đồng nghiệp mà những

em sinh viên cũng trẻ như tôi ngày nào. Trên đất nước mình, tôi sẽ trực diện với chính tôi của bao nhiêu năm trước. Khi rời bục gỗ tôi bút rứt băng khuâng, cảm giác vừa qua một tương phùng ngậm ngùi lẫn ngỡ ngàng xa lạ. Không, không thể quay ngược thời gian. Và càng đặt câu hỏi tôi càng thấy mình trĩu nặng trong bầu trời ẩm ướt.

Cũng may, chiều nay T và cô bạn đã đến đây, mời " cô " đi uống cà-phê, chúng tôi trò chuyện thân tình về đời sống. Khi chia tay, đứng trên vỉa hè nhìn họ chòm áo toại đạp xe song song rẽ sang con đường cuối phố, tôi chợt hỏi những điều mình đã giảng hôm qua, nào định luật siêu dẫn, nào phản vật chất, nào lỗ đen và vượt thời gian... đem lại được gì cho họ ? Tất cả đều xa vời, không thực tế, chẳng dính dáng gì tới việc chất than củi vào lò nung gạch cậu ta phải vội về giúp bố, tới việc gò lưng đánh máy tài liệu mỗi đêm để kiếm tiền của cô sinh viên bờ vai vốn mỏng. Nhưng chẳng ngờ, gần một năm sau, tôi nhận được email của T. " Em đã tốt nghiệp, đáng lẽ với hoàn cảnh gia đình em phải đi tìm việc nhưng em muốn tiếp tục làm luận án, những đề tài nghiên cứu cô nói hồi nào thật thích. Cô nghĩ sao ? ". Trong phút giây tôi ngẩn người, lẩn cấn, với thực tế đời sống bên nhà tôi biết khuyên T thế nào cho hợp tình hợp cảnh. Nhưng lòng lại vui vui ngẫm nghĩ : hoá ra, chẳng phải việc làm nào cũng vô nghĩa. Nhớ đến khuôn mặt lạnh lùng, giọng nói rõ không e dè, các câu hỏi tìm hiểu chính xác của T, tự dung loé lên niềm hi vọng : biết đâu đang khởi đầu một cái gì sẽ khác. Tôi viết cho T những suy nghĩ của mình. Nhiều ngày qua, im hơi lặng tiếng, ngỡ T đã theo hướng đi phù hợp với hoàn cảnh nhất, tôi chỉ mong dù là con đường nào em cũng đi được tới đích. Thế nhưng, một email khác : " Em đã quyết định theo ngành nghiên cứu nhưng chưa biết nên chọn Vật lý ứng dụng hay Vật lý cơ bản. Cô cho em ý kiến ". T lại làm tôi thêm ngạc nhiên, sao trong đời sống ấy em còn có thể phân vân như thế được ? Tôi tức thời bảo T, con đường ứng dụng mới đưa đến cơ may, T nên thực tế hơn, tuy tôi nhớ ai đó từng nói người khoa học mơ mộng lãng mạn nhất, và dẫu rằng vũ trụ được xây trên những điều cơ bản. Xã hội, văn hóa và con người cũng thế, tôi từng đi tìm điều đó ở mỗi chuyến về.

Viết đến đây nhìn ra ngoài trời, con trăng vừa tròn hai bữa trước đã lên sớm, chênh chếch trên mái nhà hàng xóm cách một vườn bên. Gió đang ngắt đi những cánh lá cuối mùa, chao chao mãi mới rơi chạm vào mặt đất rồi lại bị gió bốc bay. Lá rụng về cội, ngày tôi đi du học mẹ nhắc nhở thế. Hôm tôi trở lại ngồi bên mẹ đêm ngày trước khi bà mất, đã lẫn lẩn rồi nhưng vừa nói " Con mới về " thì bà hỏi " Bao giờ con đi ? ". Giọng mẹ quá yếu nhưng bình thản, không vương vấn muốn giữ chân tôi tựa bao lần trước, thế như vốn sẽ là vậy. Trời lúc này không mưa nhưng chạnh thấy những manh lá rơi, lại nhớ. Xứ này bốn mùa thay hoa đổi lá, thiên nhiên chuyển biến ngoạn mục với muôn sắc thái, mà sao lòng mình không cất nổi những mưa xa.

Mai Ninh

(giữa tháng 12. 2002)

(*) Truyện và thơ Nhã Ca.

(**) Lời nhạc Phạm Duy

Jennifer Tran giới thiệu

[trích Diễn Đàn Forum]

Ngồi mãi bóng đêm

Giữa khuya, tôi choàng tỉnh, hắt tung tấm mền, lưng dẫm ướt mồ hôi. Chân thốc mạnh vào thành chiếc giường sắt, bật tiếng chửi thề. Chợt nhớ tới thằng bạn cùng phòng. Mà không, hẳn đã đi phép sáng hôm nay. Khung cửa sổ khá cao, sáng như có đèn chiếu. Xoay người nằm lại ngay ngắn, tôi mở mắt nhìn con trăng trong veo, sắc lạnh. Đã mười tháng, mười

tháng của một năm rưỡi phải qua đi. Mười tháng ! Sao chưa quen được với cái giường sắt, với tấm nệm cỏ và bộ đồ lính dày cộm. Tự dưng tôi đưa tay vuốt tóc, chạm phải làn da đầu gàn như trần trụi, ướt ướt. Không biết bao giờ mới bỏ được cái tật đưa tay sờ tóc. Cái thằng luôn luôn đứng xếp hàng cạnh tôi để chào cờ, vào căng tin, để tập bắn, hít đất và đôi khi tắm rửa tập thể... vẫn nhăn mặt, bĩu môi khi tôi trực giờ bàn tay lên. Một lần, hình như trái mắt quá, nó máng thẳng : - Thằng chó, ở cái chỗ mày đang đứng, không được quyền có thói quen !

Tiếng máy con bẹc-giê sửa từ xa , quen thuộc, rộn người. Tên T. sắp đi tuần ngang đây. Cái thằng chửi tôi kia đã có lần làm bầm :

- Ở cái trại lính quân dịch thời bình, việc đéch gì phải đi tuần với chó ! Một thứ gì đầy ứ từ dạ dày cuộn cuộn trào lên. Chát buồn nôn đã tới tận cổ, cơ thể sao trĩu nặng vô cùng. Tôi muốn ngồi dậy, nhưng cả người hồ như bị dán dính vào tấm nệm. Mờ nhờn nhợn ấy không tuôn ra được, nên lại ngoan ngoãn quay ngược trở vào. Trăng chiếu từng vệt qua các chấn song, ngả trên bàn gỗ, lướt ngang khung ảnh An và những tờ giấy viết thư còn trắng bóc. Tiếng chó lại gầm gừ rất rõ trong đêm. Dường như chúng gấu ó với những lần roi và tiếng chửi thề từng chập của tên T. Giá tôi có thể ngồi dậy, tung cửa, chạy thoát ra biển. Chỉ có năm trăm thước. Biển chỉ cách chỗ tôi nằm năm trăm thước, sao tôi không thể nào chạy tìm đến biển. Ý nghĩ bất lực càng đóng đinh tôi vào với chiếc giường.

Thằng bạn đã đi phép. Khi nhét nốt cuốn sách và bộ quần áo lót vào túi đeo vai, nó ngừng nhìn tôi đang đứng ở thềm cửa theo dõi từng cử động. Cặp môi dày nhếch nhẹ một bên, nó định nói điều gì, lại thôi. Nó chẳng cần nói ra, tôi đã hiểu. Thường ngày, hai tròng mắt nó vừa bốc cháy căm phẫn vừa lặng chìm đau đớn, nhăn nhuc. Nhưng sáng nay, trước khi bước ra khỏi cửa, tuy miệng cười khẩy, những tia mắt nó đảo qua tôi đầy thương hại. Tôi trở vào, giơ tay vuốt tóc, ngồi phịch xuống thành giường. Tôi thừa biết điều cuối cùng nó muốn nói : - Tới phiên mày đó, để rồi coi.

Mấy con chó đã ngừng sủa, nhưng tiếng chân chúng và tên chủ rõ mồn một trên con đường dẫn đến khu nhà trệt này. Từ một tháng nay, thứ lính quân dịch có học thức được tuyển chọn làm việc văn phòng như chúng tôi dọn ra ở riêng, cách biệt hẳn khu trại đông đúc bên kia. Bọn cấp trên bảo đó là đặc ân. Hai đứa vào một phòng, trong căn nhà bê tông dài hơn hai chục thước, gần biển nhất. Nhưng tổng cộng chỉ có bốn thằng lính sinh viên được cất cử lo việc văn phòng và điện toán cho cả trại. Hai đứa một phòng, vị chi hai phòng cả thầy. Một ở đầu hồi, một ở cuối. Có la hét kêu gào, phòng đầu kia cũng không hề nghe thấy. Họa may nếu có cơn gió thổi ngược từ đất liền ra biển, hai tên cuối khu nhà mới nghe được tôi chằng. Tôi cố nhòm người, liếc nhìn chốt khóa và cái ghé tôi đã cẩn thận chặn ngang cửa phòng trước khi vào giường. Một việc làm thừa hiểu vô ích, vẫn làm.

Vàng trắng khuyết, lạnh như kim khí vẫn treo cao. Dưới khung cửa sổ là cái giường thằng bạn. Chăn gối xếp gấp cẩn thận, trong một thứ trật tự nhà binh. Hình như nó chưa đi phép, đang đứng đấy, ở cuối giường, đầu ló qua khung cửa một chút, tối đen vì ngược ánh trăng. Nhưng cái áo may-ô và chiếc quần đùi nó mặc trắng toát. Tôi vẫn nhìn ra hai cánh tay buông thõng, cả cơ thể nó đang run rẩy. Rung lên nổi bất lực và sợ hãi. Chênh chếch trước nó, quay lưng về phía tôi là cái khối đồ sộ, đứng dạng chân, chắc nịch trên nền gạch. Bàn tay phải tên T. chòn vờn trên báng khẩu súng lệch ra khỏi cái thất lưng đã mở tung. Bàn tay trái hẳn loay hoay làm gì trước bụng, tôi không rõ. Cơn buồn nôn lại dồn lên, nghẹt thở. Tôi chồm đầu ra khỏi giường để cố oẹ. Không. Không có gì trào ra nổi. Quay nhìn cửa sổ, chỉ có chiếc giường trống. Tôi thở dốc, lòi vệt tím chần trùn kín đầu. Ở phải, tên T. còn trên con đường đi tuần, hẳn chưa tới đây. Biết đâu chừng hẳn sẽ đi thẳng đến căn phòng cuối dãy. Tôi có cường tráng gì cho cam. Bọn chúng thường gọi tôi là thằng nhỏ, như mẹ tôi năm xưa. Thằng anh và thằng em tôi bao giờ cũng lớn và đáng nể, trước mắt bà. Tên T. thềm gì thằng nhỏ. Nó chẳng ghé vào đây đâu. Tấm chăn trắng phủ trùm như màn sương, mà mờ hôi là từng giọt sương đọng lại, rịn rịn khắp trên lưng. Bỗng dưng tôi lịm đi. Hình ảnh thằng bạn co rúm trong hai

cánh tay rắn chắc đầy lông vàng hoe của thằng T. biến mất. Và, tôi cũng chẳng còn nhìn thấy tấm ảnh An trên chiếc bàn gỗ nữa.

Tôi trở về thành phố giữa mùa hè. Con tàu điện rít hời còi rồi trườn vào ga lúc đứng trưa. Người ta và hành lý đông nghẹt, chộn rộn trên sân ga. Mùa này thiên hạ di chuyển, dời chỗ. Mỗi người đều thấy cần phải đi, phải đến một nơi nào khác hẳn ngôi nhà hằng ngày. Chỉ có tôi, tôi trở về nơi cư ngụ, một căn phòng trọ sinh viên. Tàu đã ngừng hẳn. Người tên toa lỏi hành lý xuống, hồi hả chẳng kém gì người dưới đất chăm chăm khuôn xách chỉ vội leo lên. Tôi đứng dậy, từ từ kéo chiếc ba lô để ngăn trên đầu. Lại chạm vào ánh mắt gã đàn ông lông mày rậm đen ngồi phía trong. Hắn ta bực bội thấy tôi cứ thản nhiên ngồi lì, không đứng lên cho hắn đi ra. Việc gì phải gấp gáp. Tôi muốn kéo dài, thấu nhận thật sâu cảm giác được trở về cõi bình yên.

Gã kia đi sau, thỉnh thoảng húc chiếc vali vào bắp vế tôi. Hề chi. Tôi vẫn chậm rãi giữa hai hàng ghế. Mãi tới cửa toa, tôi mới nhìn ra dáng An đang nép vào bờ tường gạch đỏ. Áo cánh trắng mong manh trên váy màu xám nhạt. Thấy tôi ngỡ ngàng, An cười. Nụ cười của An không bao giờ là nụ cười vui rạo rỡ, nhưng hồn nhiên và tự tin. Nàng không thích chen lấn, vẫn đứng yên chờ tôi rẽ đám đông đi đến. An thong thả choàng hai tay qua cổ tôi. Tóc nàng bốc thơm mùi nắng. Chắc chắn An vừa nằm phơi nắng ở sân nhà trước khi đến đây. Tôi ôm lưng nàng bằng hai bàn tay tự nhiên lỏng thong, không dám xiết chặt. An ngừng lên, từ cầm nàng đến bờ môi dưới cong cong là đường rãnh mơ hồ đã từng ám ảnh tôi trong nhiều giấc mơ. Tôi có thể lướt môi mình trên đó, nuốt lấy vị ngọt và mùi hương An ngay bây giờ, rất thực. Nhưng hai bàn tay lại xoay nhẹ người nàng, đẩy về lối cửa ra.

Tôi quen An hai năm cuối trung học, trên chuyến xe buýt chật ních giờ tan trường. Nàng và tôi cùng cố len vào góc xe cho dễ thở. Xe vừa chạy đi lại bất ngờ thắng gấp, An ngã chúi vào tôi. Khi tôi đỡ nàng đứng thẳng dậy, An ngượng nghịu vén mấy sợi tóc ra sau tai, hai vành đỏ hồng. Tôi tiếp tục rẽ lối cho An tới cuối xe. Chúng tôi tìm được chỗ đứng bình yên, nhìn ra ngoài cửa kính. Cận ngày lễ Giáng Sinh, đường phố giăng mắc đèn màu và tuyết đang rơi từng cụm nhỏ. An chụm môi thổi hơi ấm vào hai bàn tay lạnh cóng. Tôi tuột ngay đôi găng đưa cho nàng. An cười và nhận lấy tự nhiên. Không ngờ, tới mười sáu tuổi, thằng con trai mới làm quen với một cô gái lần đầu. Sự làm quen này sao tình cờ và dễ dàng đến thế. Từ hôm đó, mỗi chiều, không hẹn, nhưng chúng tôi cố tình đợi nhau ở trạm xe. Thằng em kém tôi một tuổi thỉnh thoảng cũng về cùng chuyến. Những lần ấy, An và tôi lặng thinh như thể không quen. Hai anh em tôi giống nhau như sinh đôi. Chỉ trừ, nó tóc ngắn, còn tôi tóc dài. Ngày nào vết sẹo còn hằn bên tai, ngày ấy tóc tôi không thể cắt ngắn. Chỉ một vài lần thấy thằng anh cả rồ rồ mô tô cạnh xe buýt, tí tí bấm còi, rồi tên em vội vàng nhảy xuống, hai đứa phóng đi, không ai đã động đến tôi, thì chẳng cần thông minh như An cũng hiểu mối thân tình giữa tôi và anh em thật là giới hạn.

Suốt thời gian quen An, chẳng ai hoài tâm đến chuyện tôi có bạn gái. Anh em tôi nào dư thời giờ. Nếu không bận bịu lau chùi chiếc mô tô thật bóng nhoáng, thằng em loay hoay tổ chức những buổi hẹn hò cho ông anh. Thời gian còn lại dành cho những trận đá banh quanh vùng mà hai người họ là thành viên cổ võ hung hãn nhất. Đôi khi, nổi hứng, trực nhớ tới sự hiện hữu của tôi, họ rủ tôi đi một vòng trên chiếc xe quí báu. Bà mẹ vội cản : - Ấy, để nó yên ! Từ bao nhiêu năm, cứ thấy đứa bé èo ụot, khó nuôi ngày nào dần dần lớn lên, đêm ngủ không còn những cơn mơ la hét đánh thức cả nhà, là mẹ tôi hài lòng. Nó cứ bình lặng đến trường, rồi loanh quanh trong căn phòng riêng biệt của mình, không quấy rầy ai, là bà yên tâm. Khi tôi đủ can đảm rủ An đi chơi xa, hai đứa thường đạp xe ra bờ sông. Một gói bắp rang để An thả cho mấy con thiên nga và đàn vịt, một phong kẹo cao su cho tôi, và một quả táo cho nàng. Thành phố tôi ở giữa đất liền, sông hồ không thiếu, và nhiều rừng cây giữ mưa mùa lũ. An thường bảo nàng không thích sông bằng biển. Dù sông có dài hay rộng bao nhiêu vẫn nhìn thấy bên kia bờ, vẫn có một giới hạn. Cho đến năm ấy, tôi chưa từng được đi xa, ngoài

một lần để vào bệnh viện lãnh vết sẹo chân rết bên tai. Mẹ tôi viện lý do, tôi hay đau ốm ngay từ lúc mới sinh. Làm sao tôi nhìn thấy biển bao la và ngửi ra mùi của nó. Năm chúng tôi vào đại học, bố An giữ lời hứa với con gái, dời đi miền tây bắc, có biển cho nàng. Tôi không có cách gì hơn, vật vờ ở lại, xa An ba năm. Cuối cùng, một buổi sáng, tôi nhảy lên toa tàu xe lửa. Bỏ lại, sau những hàng cây phong đã đến mùa đỏ lá, cái trang trại to lớn của gia đình và những nhánh rẽ của dòng sông chảy về qua đó. Tôi biết, một đời tôi đi theo An, theo ánh mắt dịu dàng, yêu đời và tự tin. Theo chiếc váy ngắn trên đôi chân dài cùng cái mũ bê rê nghiêng nghiêng trên mái tóc nâu phơ phất. Tôi đã đi tìm tới biển, yêu An và tiếp tục học hành nơi đó cho tới ngày phải vào trại lính quân dịch, ở một vùng biển khác.

Lúc tôi quay ra với ly rượu rum nóng pha đường thật ngọt cho An, nàng đang đứng gần lò sưởi. Chiếc quần jean đen, đầm nước mưa nhiều khoảng, bó chặt từ hông xuống cặp chân dài. An đã cởi chiếc áo len. Những đường hoa đặng ten khoanh tròn bộ ngực hiện rõ ràng dưới làn vải T-shirt ướt dính trên da. Mắt An nhìn tôi không chớp. Ánh mắt cuốn hút kiểu ấy luôn luôn là một dấu hiệu gọi bảo. Hiển nhiên, tôi sẽ không cầm cự nổi, phải lao theo nó, cuộn vào cơn lốc cuồng mê. Tôi sẽ đến trước mặt nàng, kề ly rượu vào miệng An, đợi nàng nuốt xong một ngụm. Rồi cúi xuống, hút chất nồng đọng ở đôi môi mềm ẩm, cuốn lưỡi trên những chiếc răng trắng lạ lùng. Mấy nhánh củi tôi nhóm lên, khi hai đũa gặp mưa ướt loi ngoi từ biển về, đã đủ sức nóng. Những ánh lửa sáng làm hồng thêm hai bàn chân trần của An trên sàn gỗ. Nàng nghiêng người tì má vào cánh tay chống vào bệ đá lò sưởi, vẫn im lặng. Hôm nay nàng bỏ rơi chiếc váy ngắn rất thiếu nữ hồn nhiên thường lệ. Trong quần jean khít khao, vòng hông cong tròn như một thách thức, thu hút thật đàn bà. Ly rượu trong tay nóng bỏng hơn. Nôn nao trên bước chân, tôi đã đến thật gần nàng. Thốt nhiên, một vật gì lao tới tựa viên đá ném thẳng vào lồng ngực. Choáng váng, không tự chủ, tôi vội vàng đặt ly rượu trên lò sưởi, cạnh cánh tay nàng rồi quay ngang, đi lại góc phòng. Cây ghi-ta vẫn nằm ngửa trên giường từ sáng. Tôi ngồi xuống gương gạo cầm đàn lên, không dám nhìn An, bối rối :

- Để anh hát một bài mừng sinh nhật em. Một giọng hát trơ trẽn, lệch lạc bật lên. Không phải của tôi. Chẳng thể là tôi. Nhưng tôi vẫn hát.

Không biết từ lúc nào, An đến ngồi cạnh giường, dưới chân tôi. Nàng xòe nguyên bàn tay chận đứng những sợi dây đàn. Ngón tay kia An héch cầm tôi lên. Trái hẳn với cử chỉ khẳng định, gương mặt nàng vẫn dịu dàng với vài sợi tóc mai xòa trên trán. Nàng cất tiếng hỏi : - Hôm nay An mấy tuổi hờ Kim ? Tôi hơi ngỡ ngàng : - Hai mươi bốn. An gật đầu, mắt không chớp : - Kim có biết rằng năm mẹ An hai mươi bốn tuổi đã sinh ra An rồi không ? Tôi chưa kịp nói gì, bờ ngực hồng dưới cổ áo rộng của nàng phập phồng. An đưa cả hai bàn tay giữ lấy khuôn mặt tôi, giọng nghèn nghẹn : - Từ ngày Kim miễn quân dịch về, mấy tháng rồi, tụi mình chưa yêu nhau... Tại sao ? Một lưỡi dao từ đâu xoáy vào bụng tôi. Câu nói này như chất xúc tác kinh khủng nhất, cồn cào lên cơn buồn nôn nghiệp chướng, chất nhờn lợm lẩn thứ gì mặn như máu. Tôi vùng dậy, suýt xô An bật ngã, lao vào phòng tắm, xoay cái khóa cửa, gập người, nôn khan hào hển, rồi ngồi bệt xuống sàn. Hình như có tiếng An kêu gọi phía ngoài. Đối diện với tấm gương, mái tóc lờm chờm trên đầu chưa che nổi vết sẹo trước vành tai. Đấy, hẳn vẫn đó, đã chồm hồm sau lưng. Hẳn đưa ngón tay tròn to đầy tàn nhang như quả chuối châm hương, vuốt một vệt dài theo lần sẹo. Tôi chưa biết phải chạy hay la hét thì đã bị hấn đè lên, đẩy chồm về phía trước, nằm gục trên nền gạch.

Nhoài ra khỏi những bụi lau, tôi chỉ còn đủ sức buông người lăn long lóc qua suốt triều cát khô ráo, để đáp sấp sống soài trên cái nền ẩm ướt. Cho đến lúc một vật gì sót qua, cào ngang mặt đánh thức tôi thẳng thốt. Nhòm đầu, tôi chỉ kịp nhìn ra cánh chim trắng chập chờn bay ra biển. Cả thân thể trườn trượt lún dần, mặt phẳng dưới người đang chuyển động. Hóa ra biển đã dâng, nước ngập đầy vũng cạnh chỗ tôi nằm.

Không thể ngồi dậy, tôi đành thả đầu, áp tai vào cát. Sóng ngầm đang đập vỡ tàn phá dưới đó. Sâu hẳng bao nhiêu thước, nước đang sôi sùng sục. Nham thạch cùng kim khí bị lửa trái

đất nung chảy, bung lên một nhiệt lượng khủng khiếp, xuyên thấu qua đất đá, qua chiều dày của biển, qua sỏi cát, đốt cháy da thịt, ngũ tạng tôi. Không, hình như cái nóng rực bỏng rát này chẳng phải từ lòng đất mà từ bụng dưới và đáy lưng thốc lên, rằm rập. Một hòn lửa chín đỏ đang lăn từ sâu giữa hai mông, bò lên lưng, rồi qua ngực. Đi tới đâu đốt đến đó. Ấy, nó đã chạy tới cổ họng, bỏng vọt ra, bay vút lên trời. Tôi lại thảng thốt ngừng nhìn theo. Hòn lửa phóng thật nhanh như làn chớp, nhập vào mảng trắng đang ngất ngưỡng, chênh vênh. Trắng tóm lửa, sáng rực. Tôi chợt thấy một vết máu đỏ ói loang dần trên màu trắng lụa ngà trinh bạch. Bỗng nhiên, từ đó tuôn ra những làn nước xối xả, thẳng đứng, mạnh mẽ, giập dữ. Như trận mưa nào đã đổ xuống trên sa mạc đỏ, khi thẳng bé tôi vừa tròn năm tuổi.

...Buổi sáng tinh mơ ấy, tôi theo mẹ lên chuyến xe lửa đầu tiên. Mùa đông năm đó thật dày, nặng trĩu. Mấy tiếng đồng hồ tàu chạy, tôi không thấy gì ngoài một bầu sương trắng. Thảng hoặc mới nhìn ra vài rặng bạch dương trần trụi, ngất nghểu bọc rìa những đồi thông cao vợi. Lần đầu được đi xa, nhưng tôi chẳng mấy chú ý đến cảnh vật. Chiếc vali nhỏ mẹ đặt trên băng ghế đối diện, trong đó mẹ xếp đặt nào quần áo, nào con thỏ bằng vải cùng đôi giày bông, đã làm tôi thắc mắc, bồn chồn lo lắng. Mẹ bảo dẫn tôi đi chữa cái mụn kènhang càng bên tai. Theo bà, chính nó là thủ phạm những cơn khóc đêm, đái dầm, mê sảng. Nó làm tôi lười ăn, èo uột, không lớn được như những đứa trẻ bình thường, như anh và em tôi. Bà dỗ, đi một lúc rồi về. Làm sao tin được, một chốc rồi về mà phải linh kinh bao nhiêu đồ đạc cho riêng tôi, trong cái vali ấy!

Khi tôi bừng tỉnh, một bên mặt xốn xang đau nhức. Tôi vùng đưa tay sờ đầu. Đầu tôi quấn một lớp băng dày cộm. Tôi nhắm mắt hét lên gọi mẹ. Có hai cánh tay vội ôm tôi, giọng đàn bà ôn tồn: - Không sao, đừng sợ, mẹ em sẽ tới bây giờ. Tôi mở mắt ra, cô y tá đón ở cửa nhà thương hôm qua đang ngồi cạnh. Hơi thở dồn dập, thái dương nhói buốt, nhưng tôi lẳng lặng nhìn cô, không nói gì. Điều quan trọng, mẹ tôi không có đây. Bà đã bỏ đi. Đi đâu? Suốt ngày tôi nằm vùi trong chăn, cắn răng chịu cơn đau. Tôi không còn muốn khóc. Có lẽ mẹ đã bỏ đi vì chẳng thể nghe tôi quấy rầy hàng đêm nữa. Cũng từ hôm ấy, tôi không còn biết khóc.

Một đêm qua đi, sáng hôm sau, rồi trưa đó, cho đến buổi chiều... Buổi chiều, không gian xám ngắt. Lâu lâu mặt trời cố xuyên thủng màn sương, đẩy xuống vài tia nắng hiu hắt. Con chim sẻ sẽ lững thững trên thành cửa sổ, gõ mỏ lóc chóc vào ô kính. Dáng chừng nó đói, đòi ăn. Tôi cố ngồi dậy, cầm mẩu bánh mì lần ra mở cửa. Cô y tá bước vào, níu tôi đẩy lại giường, rồi bật chiếc truyền hình nhỏ, tìm một đài đang chiếu phim hoạt họa, và dỗ: - Em xem đi, hay lắm, mẹ có việc phải về nhà, sắp vào đón đây. Tôi lơ là nhìn màn ảnh. Tim tôi nặng trĩu. Chiếc vali để trên bàn trong góc phòng không còn chứa đựng gì bí mật nữa! Con chim sẻ vẫn loay hoay một mình ngoài kia trời rét.

Bỗng nhiên màn ảnh sáng rực cát vàng. Một người Ả-Rập từ đâu xuất hiện, lom khom móc trong túi những nhánh xương rồng, rồi cặm cụi cắm vào cát. Nhưng cứ cắm tới đâu, gió tạt đến đó, bốc tung cành xương rồng cuốn bay đi. Nhạc nổi gió rít từng cơn. Ông ta vẫn lui hui, nặng nhọc lún sâu trong cát, dưới một mặt trời tròn to quá khổ, đang chuyển từ vàng cam sang màu máu. Tiếng nhạc chợt trở nên dồn dập, rầm rầm rơi xuống với những làn sét ngang trời. Bao nhiêu làn nước tuôn thẳng trên đầu người Ả-Rập. Ông ta ngừng mặt đón mưa, nhe hàm răng trắng và đôi mắt mờ trũng già cỗi. Sa mạc hứng đầy nước, cát tan biến, hoá thành dòng sông đỏ thẫm. Tôi nhắm nghiền mắt lại, trôi theo.

Hơn hai mươi năm đã qua, bây giờ cát dưới thân tôi cũng đang dần dần cuốn ra biển cả. Sóng đang đập ồn ào dữ dội. Tôi co hai chân, chống tay, cố bò dậy. Đầu óc choáng váng, tôi dang hai tay giữ thăng bằng để đứng được thẳng người. Ôi đêm. Chỉ mình tôi trước đại dương này. Biển không đen như tôi tưởng mà xanh đậm, ngoài xa hơn chuyển sang màu tím. Mấy con chim đêm về bóí cá dưới ánh trăng, nhào xuống lượn lên trên những cuộn sóng trắng xóa, cánh vỗ từng nhịp như tay ai vẫy gọi. Tôi chạy theo, lao vào biển. Vừa buông người trong nước, nửa mặt mang vết sẹo và một bên đùi đau rát. Tôi chơi vơi đứng lên, bấy giờ nhìn xuống, mới thấy mình gần như trần truồng, chỉ có chiếc áo lót ướt dính trên người

rách toang, lỏng thõng. Hoảng hốt, ngẩn ngơ, chưa kịp hiểu tại sao. Một cuộn sóng cao vọt từ xa xầm xầm rập tới, tôi vội vã chạy vào bờ. Nhưng không kịp nữa rồi, nó chụp từ sau lưng, hất tung tôi về phía trước. Trong khoảnh khắc, tôi chợt hiểu cái đau cắt thịt từ đâu ra. Tên T. đang vồ tới, cả thân người và cánh tay hấn dang rộng, vũ bão như sóng.

Từ khi thằng bạn đi phép, đêm đầu tiên rồi đêm thứ nhì tôi thấp thỏm đợi chờ thảm họa. Nhưng biến cố không xảy ra. Đến đêm thứ ba, trăng tròn và dịu dàng hơn, tôi tự nhủ : chắc nó chẳng thèm. Nhưng vẫn cẩn thận khóa chốt cửa và chặn cái ghế. Quá căng thẳng thần kinh trong hai đêm trước, tôi mê đi cho đến lúc, râm râm, cánh cửa và chiếc ghế bị hất tung. Tôi ngồi bật dậy. Tên T. đã đứng giữa phòng. Đèn treo ngoài mái hiên hắt vào, giao thoa với ánh trăng tràn trải thật dài. Tất cả sáng trưng trước mắt. Sáng hãi hùng. Ba con bẹc-giê thè lưỡi đỏ, dàn trận thẳng hàng trước tên chủ. Mấy cặp tai vểnh lên, dựng đứng, sáu hòn bi xanh quắc chiếu trùng trùng vào tôi. Không hiểu do sức lực nào, tôi đứng dậy được, lùi vào cuối phòng, gần cái giường của thằng bạn. Gã T. vẫn đứng tại chỗ, thản nhiên chờ đợi. Thấy tôi nắm lấy cái ly thủy tinh cao để trên bàn, bấy giờ hấn mở hàm răng rộng đến mang tai, khinh khỉnh bước tới. Lũ chó tiến theo, gầm gừ. Hấn đá phóc một cái, mấy con chó dừng ngay. Tôi đã tới sát thành giường. Đằng sau là bức tường kiên cố và khung cửa sổ cao. Đường cùng. Cách tôi một sải tay, tên T. đứng lại. Tay phải hấn vẫn cầm cái roi quất chó, tay trái hấn chậm rãi mở cái thắt lưng, mắt chờn vờn tôi như ngắm nghía con mồi. Từ bấy lâu nay, tôi chỉ nhìn hấn từ sau lưng đã thấy to lớn đe dọa. Bây giờ, ở vị trí của thằng bạn, đối diện với tên T., tôi nhận ra mình chỉ là cành lau bên thân sỏi đồ sộ. Cái quần đã mở tung, trĩ xuống quá mông, hấn khệnh khạng, khiêu khích bước thêm. Không nghĩ gì hơn, tôi đập mạnh cái ly vào song sắt. Một nửa rơi toang xuống đất, mảnh còn lại trong tay tôi chứa nhọn. Tên T. càng hứng chí cười hềnh hệch, giơ tay chụp lấy tôi. Chẳng đợi, tôi lao vào hấn với cái ly vỡ. Nào ngờ, hấn ta như đợi có thể, vung roi, quất một đường vào má tôi ngang lằn sẹo, một roi thứ nhì ngay đùi. Tôi ngã nhào xuống sàn, mảnh thủy tinh đâm ngược vào lòng tay. Tôi chẳng kịp nhận ra sự đau đớn, một tảng đá đã đổ ập xuống trên thân. Tôi bị đè dang tay như thập tự, nhận khổ hình. Không biết tôi tỉnh hay mê, chỉ nhớ rằng tôi còn nhìn ra dòng máu đỏ ứa từ bàn tay trắng bệch. Nhưng có lẽ tôi tỉnh. Vì sau đó, tôi đã lê người, chạy thoát ra khỏi căn phòng có ánh trăng đuổi theo, lết bết trên những bãi cát, qua mấy đồi lau, tìm đến biển.

Trời đất tối mù hung hãn khi cơn mưa đá đổ rào rào. Từ trên hai tầng lầu, sau lớp kính dày kiên cố nhòa nước đá tan, tôi cúi nhìn lo lắng. Dưới kia, người đàn bà dáng dấp mong manh ấy làm sao đứng vững trong cơn gió ngông cuồng và những viên nước đá to bằng đầu ngón tay không nương nể. Đáng lẽ tôi nên giữ cổ lại. Hai tay ghì chặt mép áo khoác dày, cô xiêu ngã tìm tới chiếc xe đậu trong góc parking dưới hàng dương uốn cong nghiêng ngửa. Tôi muốn xuống thang lầu, chạy ôm người đàn bà xanh xao đó trong cánh tay. Cô vừa qua cơn bệnh tử sinh đã vội đến thăm tôi ở tận nơi này.

Khi có tiếng gõ cửa, tôi đang nằm gác chân ngó trần nhà. Cũng may căn phòng không sơn trắng. Tường và cửa sổ, màn che cùng màu xanh dịu dịu. Tôi lặng thinh không trả lời. Mụ y tá với vàng trán và đuôi mắt đầy nếp nhăn chắc chắn sẽ ló vào, ném một câu thăm dò : - Cậu cần gì không, vừa ý chứ ? Tôi cần chi, và muốn được mãn nguyện điều gì ? Tất cả đã vỡ tan như những mảnh thủy tinh trong bàn tay tôi ứa máu. Tất cả đặc cứng lại rồi như chất nhầy đã đóng thành xi măng trong dạ dày, không còn có thể trào lên tọt xuống. Lại tiếng gõ cửa, tôi bực mình buông thõng : - Vào đi. Ai ngờ là cô. Tôi vùng dậy, ngơ ngàng nhìn cô ngập ngừng ở ngưỡng cửa, trong chiếc áo khoác đen và mái tóc còn lóng lánh những hạt mưa. Chắc cô ngạc nhiên thấy tôi nằm trên giường mà y phục lẫn giày vớ chỉnh tề. Tôi đã nghĩ, phải ra khỏi căn phòng này, nhưng đi đâu ?

Tôi mời cô đến ngồi ở chiếc bàn con cạnh những ô kính lớn trong phòng tiếp tân. Không xa, dưới chân nhà thương là con đường vòng đai thành phố. Mới bốn giờ chiều, những dòng xe đã chớp lóa ánh đèn đỏ vàng lên xuống. Mưa hình như đã từ lâu lắm. Tôi rót một tách nước trà, cô giữ nó trong hai bàn tay, xoay xoay sưởi ấm. Tôi nhớ đến đôi găng ngày nào đã đưa

cho An. Không gặp nhau chỉ hơn hai tuần, cô đã sứt hẳn đi, làn da trắng xanh, càng nổi bật cặp mắt đen và mấy đường gân hai bên thái dương. Bỗng dưng tôi thấy cô nhỏ bé vô cùng. Hơn cả những lần đứng cạnh cô bên các máy móc trong phòng thí nghiệm. Cô để tách trà xuống bàn, tay gỡ vài lọn tóc chưa khô và nói : - Định ghé mua chocolat có bạc hà mà Kim thích, nhưng mưa quá ! Tôi khoát tay : - Cô đến đây là đủ.

Giờ thăm bệnh nhân đã bắt đầu. - mỗi bàn, thân nhân ngồi quanh con bệnh lúng túng trong bộ quần áo xanh của nhà thương. Mỗi người một vẻ, mỗi người một kiểu. Cạnh đây, bà cụ tóc rụng gần hết, miệng cứ mếu máo kêu mẹ ơi, trong khi cô gái trẻ ngồi bên cầm tay bà đỡ dành. Bên kia, gã đàn ông ngờ nghệch nhìn mấy tấm ảnh trên tay người vợ đang vừa chỉ vừa giảng giải liên hồi, nhưng anh ta vẫn lắc đầu quầy quậy. Tôi ái ngại quay nhìn, cô đã phác cử chỉ tỏ dấu hãy yên tâm rồi cúi xuống uống một ngụm trà, nhẹ nhàng nói : - Mọi điều đều có nguyên do, nhưng làm sao để nói ra và tìm được người biết nghe nó, phải không Kim ?

Dường như cô còn nói thêm ít nhiều câu gì nữa, tuy chẳng hề động tới thương tích tôi.

Những hòn mưa đá vẫn ồn ào theo gió đập vào các khung kính, trong khi hồn tôi tự nhiên bình lặng. Bao nhiêu rối loạn hay lênh bênh lắng xuống khi tôi nhìn vào khuôn mặt, nhất là đôi mắt cô. Đó là sự dịu dàng cảm thông và nét trầm lặng của một người đã ném trái cuộc đời, đã kinh qua những nỗi đau. Nó không giống gì với ánh mắt, nụ cười thơ ngây của An. Ôi An ! Đã hơn mười ngày, tôi không nhìn thấy nàng kể từ buổi chiều hôm ấy. Tôi hiểu mình không thể áp láy đôi bàn tay lạnh của An, để cùng nàng chụm môi thổi phà hơi ấm nữa. Cũng như tôi biết, nếu muốn kể ra điều gì, tôi chỉ có thể nói với một người duy nhất. Đó là người đàn bà xanh mượt mang gương mặt điệu vợ đang ngồi ở đây thôi. Ngoài cô ra, không còn ai khác, ngay cả người bác sĩ tâm thần cứ lăm le rút tĩa từ tôi câu trả lời cho trăm chữ tại sao ? Càng không thể là An tươi thắm yêu đời. An ơi, tôi đã yêu em hồn nhiên từ ngón chân lên tới sợi tóc trên đầu. Dễ dàng bao nhiêu. Nhưng từ đây, làm sao tôi còn có thể ?

Người đàn bà xanh xao quay trở lại khu bệnh viện đúng hôm bố mẹ Kim đưa con về chôn cất ở vùng đất nhiều sông hồ và rừng cây. Mấy ngày sau, một người bạn Kim tìm đưa cho nàng một hộp giấy gói kín, của Kim đã nhờ chuyển trước ngày tự vẫn. Trong hộp nhiều thứ lẩn lộn, vài tài liệu việc làm của Kim với nàng, cây bút máy, thẻ thư viện, chùm chìa khóa văn phòng, và một phong thư dài nhiều trang giấy.

Nàng ngồi đọc những dòng chữ Kim từ khi nắng chiều còn vương hiu hắt trên những cành cây vàng lá mùa thu, cho đến lúc mọi vật sẫm tối một màu. Cảm giác bàng hoàng phần nộ, đau xót cùng dần vật ẩn sâu nàng trong lòng ghé. Phong thư bày ra mọi khuôn mặt đã dự phần trong cuộc đời ngắn ngủi của Kim, nó chứa đựng tất cả câu trả lời cho hai cuộc quyền sinh. Từ sau đêm biển thẳm, Kim đã chiến đấu ra sao để thoát khỏi nhục hình đọa xuống bởi tên T. và sự im lặng toa rập của bọn cấp trên, phải thỏa hiệp những gì để được rời trại quân dịch sớm hơn ngày hạn định. Sau lần tự tử hụt thứ nhất bị vào viện tâm thần, Kim đã suy đi luận lại thế nào để quyết định, thêm một lần thứ hai, từ bỏ cuộc đời này.

Nàng tưởng tượng ngôi mộ Kim chìm trong lòng đất, một tấm bia ghi khoảng cách ngày sinh ngày mất ngắn hạn. Không thể chỉ xem bức thư Kim là tiếng kêu, là giải bày của một thực thể mong manh, một hiện hữu khép kín hay bất lực, là biện bạch cho một chọn lựa chối bỏ, ra đi. Đó còn là chứng từ rõ rệt, là cáo trạng gắt gao về những sự thật băng hoại mà con người không được phép che đậy, không thể để đào thoát. Nhưng, khi lan man mường tượng tới chiếc mũ bê-rê nghiêng nghiêng trên gương mặt trong sáng của cô gái tên An, thì nàng lại nghĩ, hay thôi, hãy để phong thư kia là một lời tâm sự với hư vô. Và phải chăng, sẽ không bao giờ bà mẹ Kim nên biết rằng, đã có một sa mạc đỏ biến thành dòng sông trong buổi chiều có con se sẽ một mình.

Nhiều hình ảnh chợt hiện ra, chợt biến đi trong vũng tối không gian. Người đàn bà ngồi mãi với bóng đêm, bản khoản ray rút, và nhỏ lệ.

Biển đầm

Cánh cổng sắt sáng nay kêu rít và nặng nề hơn dưới làn mưa bụi ẩm. Tôi chưa kịp bước ra lề đường có tiếng gọi giật sau lưng:

- Mai anh về?

Ngập ngừng vài giây tôi mới quay lại. Hà còn áo ngủ trắng đứng dưới vòm cửa cong, những chấu cây thả lá xanh và tím trên mái tóc cô gọi ướt. ánh đèn vàng dịu ấm cúng sáng từ hành lang sau lưng. Câu hỏi của Hà vẫn là câu thường lệ nhưng dường như lần này cô thực sự đợi tôi trả lời. Đôi mắt tròn càng to, xoáy hỏi. Không, tôi nhiều tưởng tượng quá thôi. Hà vẫn như mọi ngày, người đàn bà của mọi ngày, đâu gì khác. Tôi đáp:

- ừ, ngày mai.

Vừa vội vàng xoay người khép cánh cổng, trong đầu tôi chập chờn:

- Có thể. Khi cho chiếc chìa khoá mở cửa xe đậu bên lề, tôi lại nghe mình tự hỏi:

- Ngày mai... hay bao giờ? Những tùm lá ngô đồng vàng úa đang cuộn vùn trên con đường còn vắng. Tôi nhấn mạnh ga, chiếc xe phóng đi, lao theo đám lá bốc bay tan tác và cánh áo nàng vẫy gọi. Bóng lụa tím chợt ẩn chợt hiện giữa hàng cây trơ cành trong bầu trời chưa kịp sáng.

Không khí hầm hờ không nóng lắm nhưng ẩm. Những lúc tiếng nhạc chợt im bật, ngòi sát tường tôi chừng nghe ra nước vỗ phía ngoài, đập vào nền đá hoa dựng trên những trụ gỗ thông đóng cọc dưới nước cả mấy trăm năm. Quầy rượu nằm sâu trong góc, dưới một vòng cung tuôn nhưng thắm từ trần, gần đây mặt nạ đủ hình thù, có cái trắng tinh, tròn xoe với cặp mắt ngây thơ nhỏ những giọt lệ, có cái ửng đen trợn trừng quỷ quyết dưới một mớ khăn bóng xanh rờn chen màu đỏ máu. Mặt nạ thầy thuốc khoằm mỏ, đeo kính tròn ngoài hai hốc mắt treo gần một khuôn mặt công nương tuyệt vời với mái tóc tủa cao những lông chim ngũ sắc đầy kim tuyến óng ánh. Hôm tôi mới đến, thằng bạn đã dặn, ít nhất mày phải tới quán rượu ấy một lần trước khi rời Venise. Hấn chỉ nheo mắt không nói rõ điều gì. Đã chín giờ tối, quán vẫn vắng. Ba gã thanh niên ý đang chơi bài nhưng không ồn ào lắm. ở quầy, hai người đàn ông Đức to con tán tỉnh cô gái rót rượu, giọng tiếng Anh rờ rờ cứng đực. Cô gái ra ngồi trước quầy, vắt vẻo trên chiếc ghế đầu cao, sơn phấn rực màu, quần sọt ngắn tận bờ mông tròn trĩnh, thỉnh thoảng hắc tiêng cười hăng hắc.

Đã cạn hai ly scotch, hút dăm điếu thuốc, vẫn thấy ngoài cái quầy quyến rũ về ma quái kia chẳng có gì lạ, tôi thất vọng định đứng dậy đi ra. Bỗng tiếng người ồn ào và cánh cửa mở tung. Một toán người y phục hoá trang cười đùa xô đẩy bước vào. Không khí đột nhiên bùng lên với mùi rượu nồng, tiếng nhạc và giọng hô lê rộn rã, cùng tiếng vãi vốc chạm nhau sột soạt. Đa số đều đeo mặt nạ, tôi chợt nhớ ra gần đến ngày hội giả trang nổi tiếng nhất của thành phố lênh đênh sông nước này. Ba gã thanh niên đã dẹp bàn bài, bấy giờ tôi mới để ý đến tên trẻ nhất, độ hơn hai mươi với khuôn mặt nhọn và cặp mắt đen dữ dằn dưới vòng chân mày bừa bãi. Hấn cầm ly rượu lắc người theo điệu nhạc, bất ngờ đứng lại, nhìn sững ra cửa vào, đẩy một tiếng kêu khàn. Hai người đàn bà vừa bước qua ngưỡng cửa. Một người áo vàng viền xanh lộng lẫy, mặt nạ trắng mịn màng với hai vòng mắt tô xám xếch tới mang tai, mũ đen cao rộng vành, điểm những ngôi sao rực vàng vương giả.

Tôi ngăn người khi nhận ra nàng, thiếu phụ đã cùng đến Venise, trên chuyến tàu đêm hai hôm trước. Nàng chỉ quàng chiếc áo choàng tím, một thứ lụa thật óng ả dưới sắc đèn. Nàng không che mặt, mái tóc ánh nâu cột lại bằng một vòng hoa trắng. Người đàn bà áo vàng đứng dừng một phút dường để mọi người có thời gian chú ý đến sự xuất hiện của mình. Một vài tiếng trầm trồ huýt sáo nổi lên. Sau vành miệng hồ cong yếu điệu của mặt nạ, lộ hai ba chiếc răng trắng sáng. Người đàn bà chậm chậm lướt vào. Tôi đứng gần nghe mấy chuỗi hạt pha lê lóng lánh màu, treo lỏng từ vành mũ trái sang phải chạm vào nhau theo từng bước đi, vang những tiếng reo lạnh canh trong trẻo. Thiếu phụ dường bệ bao nhiêu thì nàng càng đáng vẻ

ngõ ngang khép nép, tay bám vào cánh áo bà áy. Một gã đàn ông đi giày ủng đóng đầy đinh bạc, giả trang trong y phục toàn đen ràng thắt lưng to bản, mặt nạ dơi choắt cheo, bộ tịch nghiêng người hôn tay thiếu phụ. Bà bật tiếng cười khanh khách, quay sang vỗ nhẹ lên tay nàng như để giới thiệu với mọi người. Nàng e dè đảo mắt chung quanh, thoáng ánh ngạc nhiên khi thấy tôi đứng dựa bờ tường. Tôi đã định ra về, tự nhiên ngời trở lại nhìn theo hai người đàn bà áy đi về quầy rượu. Thỉnh thoảng thấp thoáng bóng lụa vàng lấp lánh và giọng cười thiếu phụ vang vang đùa cợt. Không khí trong hầm càng lúc càng nóng hơn, nhiều người bắt đầu cởi bỏ mặt nạ. Những mái tóc, khuôn mặt thật đàn bà trang điểm rực rỡ chuyển động kỳ ảo lẫn lộn trong ánh đèn mòng mị, dưới những mặt nạ chồn vờn trên tấm màn nhung đỏ. Trong men các ly rượu kế tiếp tôi dễ dàng nhập cuộc, kề cận với những gương mặt ấy. Cọ sát vải lụa, da thịt, rộn ràng giữa tiếng nhạc lúc bùng bùng dồn dập, lúc mơn trớn mê muội. Tất cả đặc quện trong khói thuốc cuộn tròn dưới vòm trần đá. Khi tôi đến gần quầy rượu thì cùng lúc ấy gã thanh niên chơi bài ngả nghiêng bước tới trước nàng. Gã ngoẹo đầu cười cợt, ô, bella mia, người đẹp của tôi! Một tay vờn lên vuốt đuôi tóc nhỏ. Nàng lùi giật lại, vòng hoa trắng buộc lơ lửng trên tóc tuột theo những ngón tay dài nhọn của gã thanh niên. Hấn giơ lên khoái chí, kêu oác như quạ. Tôi và thiếu phụ cùng vội vàng bước đến. Gã ta xô đẩy tôi, la lối nhưng rồi cũng dang ra, tung vòng hoa lên trần và chụp hứng. Nàng nói nhỏ bằng tiếng Pháp với thiếu phụ, Je m'en vais, tôi về đây. Tự nhiên tôi nhìn vào hai vùng mắt xám, con ngươi trong xanh của người đàn bà áo vàng đằng sau rọi thẳng lại, tia nhìn nửa dò xét nửa giễu cợt. Nhưng bà ta không tỏ ý ngăn cản khi tôi cùng nàng ra cửa, còn ngoái trông theo.

Bến Rialto cả ngày tấp nập tưng bừng như thế, nhưng giữa mùa đông nên gần nửa đêm đã chìm vào im lặng. Một vài quán ăn còn lấp lánh ánh đèn trong lớp sương trắng dâng lên từ con kênh lớn. Chẳng mấy chốc tựa như khói lan lẩn vào bờ, liếm phủ các mặt nhà cổ kính và luồn xuống những cây cầu gạch nhỏ. Chiếc vaporetto cuối cùng còn đậu ở bến, thoáng thấy bóng người, lái thuyền lên tiếng gọi. Bấy giờ tôi mới hỏi:

- Cô ở đâu?

Nàng đáp:

-Khu nhà hát Fenice.

Rồi ngập ngừng:

- Nếu không phiền, anh đưa tôi về đến đó được chăng?

Tôi vội vàng:

- Được chứ, nhưng cần đi thuyền không?

- Chẳng xa đâu, chúng mình có thể đi bộ, thềm không khí quá.

Hai chữ chúng mình trong giọng nàng thân mật lạ, tôi lảng lảng nghĩ, nhà hát Fenice không biết ở đâu, lạy trời nó rất xa, tuốt bên kia cái thành phố bỗng dưng lúc này trở thành cùn cùn.

Tôi sẵn sàng đi theo tà áo tím mềm mại, trải thật nhiều con đường, qua trăm cây cầu chạm trở muôn hình vạn vẻ, băng ngang những con lạch chi chít mà dòng nước chỉ còn là một giải thạch đẫm tối trong đêm. Chúng tôi bước đều bên nhau, tiếng gót giày khẽ vang trên những viên gạch lồi lõm cũ mòn. Thỉnh thoảng vài ba người trờ ra từ hiệu ăn hay quán bar nhỏ.

Giọng cười nói rúc rích, chừng như không thể thoát cao vì bị giam lại giữa tường đá dinh thự hay những ngôi nhà viên hai bên con đường quanh co quá hẹp. Càng xa bờ kênh lớn, sương lảng đãng hơn, lừng lờ trên mái ngói và những ngọn cây trong công trường nhỏ. Tới gần khu San Fantin chợt có tiếng phong cầm nổi lên từ lạch nước lọt giữa hai dãy nhà màu tường vàng viền những ô cửa xám. Nàng vội bước lên chiếc cầu gần đấy, gã chèo gondole ngẩng lên cười vẫy tay, cất ngay lời ca tình tứ. Chiếc thuyền lướt qua dưới cầu rồi xa dần cùng giọng hát tan biến vào bóng tối bên kia con lạch hẹp lại dần. Nàng tựa vào những thanh sắt uốn cong của thành cầu, kéo vòng mảnh voan trắng quấn quanh cổ. Yên lặng từ nãy đến nay, bỗng nhiên nói:

- Anh du lịch một mình.

Tôi lắc đầu:

- Không, tôi đến làm việc vài ngày.

rồi tiếp:

- Venise chừng quen thuộc lắm với cô.

Nàng nói nhỏ, như chỉ cho mình:

- Vâng, tựa một gắn bó.

Tôi ngấm dáng nàng mềm cúi nghiêng dòng nước:

- Cô thường đến đây mùa đông?

Nàng mỉm nụ cười mỏng lung nhưng đáp thật gọn, không dính dáng gì tới câu hỏi:

- Thăm Mélisa.

- Ồ, Mélisa, người đàn bà áo vàng.

Nàng chớp mắt xác định. Dưới ánh đèn lồng chiếu xuống từ hai đầu cầu, bây giờ tôi mới nhìn kỹ gương mặt đường nét dịu dàng nhưng hơi gầy, dù chiếc cằm lộ chút gì cương nghị, miệng khi cười lại thoáng trẻ thơ. ...n tượng nhất là nước da trắng xanh làm nổi bật trũng mắt đen sâu với hai đồng tử long lanh. Thật ra tôi đã xao động bởi cặp mắt này từ lúc đứng với Hà trên sân ga tối ấy. Hà líu lo dặt dờ, vẫn những lời trăm lần như một khi tôi đi công tác xa, rồi kiễng chân choàng tay qua cổ. Tôi cúi hôn Hà từ giã nhưng mắt bỗng chạm phải ánh nhìn vừa lướt qua của nàng, người đàn bà mảnh mai trong chiếc áo dạ đen với mái tóc cài cao quá gáy còn lóng lánh những bụi mưa vừa đi tới. Tôi đẩy Hà ra về khi tiếng chuông báo hiệu tàu sắp chạy. Hà quay bước còn ngoảnh lại dặn với:

- Nhớ chọn cái mặt nạ thật nhiều màu cho em. Leo lên bậc thang tàu tôi vừa gạt đầu:

- Yên tâm, Signora, vừa đảo mắt tìm, nhưng chiếc áo dạ đen đã biến đi vào một toa nào đó.

Không ngờ, giữa không gian hư ảo sương mù nửa đêm, trên cỏi sông nước, đá cổ mơ hồ này tôi lại đứng bên nàng, thật gần, cơ hồ chạm cả vào vuông khăn trắng cứ chực bay theo làn gió nổi đưa từ biển. Tôi định nói một câu gì thật nhẹ, lại thôi. Nàng lặng yên, quay người xuống cầu, tà áo lụa cuốn theo bước chân thoăn thoắt. Thoáng chốc bóng tím như biển như hiện chập chới giữa các ngõ ngách đường đi lẫn khuất. Tôi có thể đi nhanh để bắt kịp nàng nhưng tôi chậm lại, bỗng thấy nàng như con bướm đêm trở về giữa gạch đá ẩm đục của biển đêm để tìm một nhụy hoa đã mất. Cuối cùng nàng cũng dừng lại trước một khung cổng nhỏ, sau đó là khoảng sân vuông mù mờ dưới ánh đèn treo. Tháp thoáng bên trái có chiếc cầu thang cong lượn lên một hành lang nhìn xuống sân qua hàng cột tròn thẳng tắp. Nàng nghiêng người, tóc đã ướt sương, chìa tay cho tôi:

- Cám ơn anh.

Tôi nắm những ngón tay mềm hỏi nhỏ:

- Chúng ta sẽ gặp lại?

- Anh muốn thế?

Vuốt nhẹ bàn tay vẫn chưa rút về, tôi nói:

- Ngay từ trên sân ga.

Hai viên mắt chớp nhanh, nàng cười rồi bắt chợt dằm lại, vẻ ngẫm nghĩ:

- Còn ở đây, anh hãy gặp Mélisa.

Đợi nàng bước lên cầu thang và một ô cửa sau hành lang bật sáng tôi mới quay đi. Nhắm hướng ra con kính lớn tôi lững thững trên đường về khách sạn, lảng đãng trong đầu tự hỏi, sao nàng nhắc mãi Mélisa? Qua mấy khu phố tôi cảm tưởng cánh bướm đêm vẫn chập chờn trước mắt.

Chiều hôm sau tôi trở lại cổng sân ấy. ánh sáng cuối ngày vừa đủ làm nổi những nét khắc chạm trên thành lan can và những cột gỗ bọc hành lang của tầng lầu. Quả chuông treo chỉ leng keng ba tiếng đã có một người đàn ông mập mạp nhó ra từ cánh cửa khuất dưới cầu thang. ông ta mời tôi bước lên những bậc gạch, vừa tới đầu hành lang đã nghe vọng tiếng vĩ cầm kéo một giọng rồi ngừng lại. Người đàn ông mở một cánh cửa đi vào, ra dấu bảo đợi. Tôi ngừng nhìn mái trần cong mà màu mè, nét vẽ hình người bay lượn trong những giải mây đã ít nhiều phai nhạt. Mélisa xuất hiện ở ngưỡng cửa với một thằng bé độ hơn mười tuổi ăn mặc

tề chỉnh tay xách hộp đựng đàn. Thiếu phụ mái tóc hung đỏ màu lá thu ấy đúng là Mélisa, vì tôi nhận ra ngay ánh mắt xanh trong chế giễu ở hàm rượu. Mélisa trẻ hơn tôi nghĩ, dù bây giờ nhẹ nhàng trong bộ quần áo đơn giản vẫn cùng cái dáng đài các. Khuôn mặt phấn son kỹ lưỡng, một người từng trải và quyến rũ. Mélisa nheo mắt, cười rất tươi như thể biết rằng tôi sẽ đến. Tôi chưa kịp hỏi, Mélisa đã nói ngay bằng tiếng Pháp, giọng đùng đục, kéo dài:

- Cô ấy sang Murano xem thủy tinh, mai mới về.

Rồi không để tôi phản ứng đã tiếp:

- Nhưng anh uống rượu với tôi chứ?

Căn phòng khách rất rộng, tường xanh nhạt trên sàn gỗ nâu bóng, Ngôi nhà thật xưa nhưng cách bài trí trong căn phòng hài hoà giữa cũ và mới. Chiếc dương cầm cạnh cửa sổ treo màn trắng mỏng manh và cây vĩ cầm trên cái bàn chân cong gần đấy. Qua vòng ly trong suốt, hai con mắt Mélisa luôn luôn cười, giọng nói là lạ bây giờ quen tai trở nên ấm áp. Tôi ngà ngà trong men rượu Amazone đặc biệt ở vùng này, đỏ đậm dậy thơm và mạnh. Tôi ngây ngây trong cách nói chuyện tự nhiên đậm đà chen những tiếng cười phá lên khản khách của Mélisa. Khi tiễn tôi ra về, dưới chân chiếc cầu thang, một nửa đã chìm trong bóng tối, Mélisa đưa tay nắm cổ áo của tôi, đôi môi đầy áp một nụ hôn đủ lâu để tôi bàng hoàng hít tất cả mùi nước hoa và thân thể ấm trong sương lạnh. Và tôi lảng lảng trở về khách sạn, hơi nồng cùng giọng cười Mélisa tràn vang trong những phố đường quanh co như thực như hư. Nhưng đến chân chiếc cầu đêm qua, bỗng một bóng áo tím tựa từ con lạch bay lên cùng tiếng hát lẳng lơ của gã chèo thuyền, tôi dừng sững hoang mang.

Hôm sau vừa ở phòng họp ra, cô tiếp tân đưa cho tờ giấy nhỏ ký tên Mélisa, hẹn tôi ra ngay bến San Marco. Đầu buổi trưa nắng rực trên tất cả thành phố. Nắng mùa đông hanh sáng những mặt nhà đầy màu sắc hai bờ kinh. Mélisa và nàng đang xếp hàng xuống vaporetto. Tôi ngỡ ngàng trước hình ảnh nàng trong tấm áo dạ đen và chiếc vali nhỏ như ở sân ga. Trong ánh sáng ban ngày nàng càng mỏng manh tựa thiếu nữ bên cạnh Mélisa cao lớn chững chạc với áo lông màu thú. Khi nhận ra tôi nàng rất ngạc nhiên, mắt mở to và đôi môi máy máy. Mélisa lùi ra nhường chỗ. Những người lái thuyền ồn ào giục khách. Nàng nói:

- Tôi có việc bất ngờ phải về trước. Biết đâu lại gặp anh đâu đó.

rồi gật đầu ra dấu với Mélisa. Tôi không thốt được câu gì nhìn theo, nàng đến đứng ở đầu tàu, những sợi tóc ngang vai bay nhẹ. Bên kia cửa kính rộng, nắng nhóa bạc trên hai đỉnh tròn Salute sừng sững, mắt tôi nhoà xám. Mélisa bỗng chạy băng xuống thuyền, ôm chặt vai nàng, thì thầm điều gì đó, rồi hôn lên trán, lên má thật đầm thắm và sau đó phớt nhẹ lên môi. Tối hôm ấy tôi vào quán rượu, đi qua bao phố đêm với Mélisa, rồi cuối cùng ở lại căn phòng ngủ của nàng trông xuống vườn cây nhỏ. Thân thể Mélisa tràn đầy, mê rực, mãn khai. Nàng cuốn tôi vào trong thăm thẳm bạo vũ của rừng sâu, loài thú hoang gầm lên trong cuộc quần thảo chẳng nương tha để rồi dốc hết hơi thở, hát nhau ra, lịm đi sau cuộc chiến. Khi tôi mở mắt sáng hôm sau có tiếng chim hót rung rúc dưới mái ngói. Tia mặt trời len nhẹ qua tấm màn mở hé, chiếu vào chiếc mặt nạ nhiều màu lộng lẫy treo trên tường. Tôi bỗng nhớ tới lời Hà dặn, nỗi buồn đột chụp xuống cùng sự mệt mỏi chưa tan.

Lúc tôi đưa món quà, Hà thất vọng trông thấy. Chiếc mặt nạ đã mua trong buổi chiều trước khi rời Venise không màu mè rực rỡ. Khuôn mặt màu tím nhạt gần như trắng, trũng mắt vẽ hai viền tím đậm pha chút ánh lân tinh, mái tóc là vành voan xanh lung linh cài đầy hoa trắng. Lòng tôi nao nao ân hận khi Hà đem cất chiếc hộp vào tủ. Giá tôi đem về mặt nạ như của Mélisa, Hà sẽ hài lòng. Mélisa buông thả, đắm chìm và lộng lẫy đã tiễn tôi ra bến tàu. Cả hai không nói lời từ giã. Trong suốt ba ngày còn lại, đôi lần Mélisa đề cập đến nàng nhưng chỉ thoáng qua. Một buổi chiều, chúng tôi sắp sửa ra khỏi phòng khách, ông già béo mập đem lên những quần áo tiệm giặt vừa giao. Tôi và Mélisa cùng nhìn vào chiếc áo choàng tím. Mélisa cầm lấy ngay, đi về phía cửa sổ còn hát tia nắng cuối, giờ cao ngắm nghĩa, rồi dịu nhẹ ôm sát

vào người, chừng như không còn biết có tôi đứng đó. Bỗng nhiên thấy lại tấm áo nàng tôi nao nao xúc động, đồng thời cử chỉ Mélisa lại làm tôi lấn cấn lạ lùng, như lúc hai người họ chia tay ở bến thuyền. Mélisa chẳng bao giờ gọi tên nàng, chỉ là Cô ấy, Elle, Elle, tiếng kêu lạnh lùng, xa vắng nhưng cùng lúc như chỉ định và chiếm hữu. Từ khi trở về, trong những nửa khuya chợt thức, bên cạnh Hà tôi nhớ Mélisa, nhưng dần dần đôi mắt và giọng nói dịu dàng của nàng càng ngày càng hiện rõ trong bóng tối. Dù thế, tôi chẳng gọi Mélisa, cũng không đi tìm cánh bướm tím đêm sương.

Nhưng vô tình tôi đã gặp lại nàng mấy tháng sau trong buổi tiệc nhà người bạn. Và lần này, vừa chạm mắt, chúng tôi biết rằng sẽ rơi vào tay nhau. Không thể nào khác. Thoát ra khỏi khung cảnh cổ xưa, lên đèn biển đêm huyền ảo, hình ảnh nàng cũng đổi thay trong không gian mới. Tôi dần dần khám phá một người đàn bà hồn hậu, dịu trầm, thông minh nhưng lãng đãng. Chúng tôi chẳng gặp nhau thường. Nàng ở cách xa, và tôi còn Hà với ân tình nhiều năm. Nhưng những lần tôi đến tìm nàng nơi vùng biển tràn xám cát mịn và những vũng đầm đầy vỏ sò lấp lánh là tôi tách rời thực tại. Ngay cả ân ái với nàng cũng vô cùng khác lạ, thân thể mong manh nhưng đầm thấm da diết, mê muội đến tận cùng. Mỗi lần buông nhau ra, tôi muốn đêm say tràn ngập và ánh sáng ban ngày là điều không cần thiết. Lúc ấy nàng thả rơi chiếc gáy mảnh mai tuôn tận đáy lưng dịu dàng, ôm cánh tay tôi tìm nhịp thở. Nhiều lần, về sáng, tôi sửng sờ nhìn xuống khuôn mặt nàng thêm thiếp sự trầm lắng của mặt nạ tím mịn đã đem về. Tôi loay hoay sống giữa hai thế giới, một Hà ngăn nắp, quá thuộc từng phần thịt da và thói quen nhàm chán theo vòng thời gian, và nàng, mở ra cho tôi những trao đổi bén nhạy, chập bất sự tinh khôi ở mỗi điều trong cuộc sống. Nhưng lạ lùng giữa tôi với nàng vẫn có một khoảng cách. Sau những giờ phút chia nhau thân xác, nàng hút tôi vào hai con mắt tinh anh hiểu biết, bàn tán giải đáp mọi thứ, văn hoá, đời sống trong trêu chọc, nghịch đùa. Chúng tôi có thể nói với nhau cả những vấn đề, ưu tư trong công việc. Nhưng khoảng cách ở mỗi một điều, nàng chẳng bao giờ hỏi tôi về mảng đời riêng khi tôi rời căn nhà ven biển ấy. Lẽ đương nhiên, như thế, tôi cũng không thể đòi hỏi điều ngược lại. Phần nào đó, nó cho tôi cảm giác được phiêu bồng trong một cõi đời huyền hoặc. Tôi lơ khơ trong ảo tưởng bình yên, tránh bị trực diện hàng ngày với tấm gương mà phía bên kia là hình ảnh Hà lúc nào cũng sẵn đó, bèn bĩ im lìm, như khuôn mặt ngàn năm vẫn thế của chính tôi.

Tôi tự lừa mình trong sự yên lòng tạm bợ như vậy cho đến một buổi chiều. Hà vác ở đâu về một tấm gương cổ bảo tôi treo lên bức tường giữa hành lang. Xong Hà mở tủ lấy chiếc mặt nạ cài trên đầu gương, ngắm nghía quay qua quay lại, gật gù:

- Kỳ nhỉ, nó giản dị thế sao bây giờ treo lên lại thu hút lạ, anh thấy thế không?

Tôi muốn bảo, tôi thấy chứ, chỉ có Hà không nhận ra điều đó ngay từ đầu. Câu hỏi của Hà vô tình dềnh lên trong tôi nỗi gì buồn, nản. Tối ấy bước qua, ngừng nhìn, tôi giật mình, đôi mắt tím buồn theo sâu đắm. Cơn mưa đổ xuống sầm sập từ chiều, thảng thốt. Trong khi Hà ngủ mê man, hơi thở mạnh vô tư, tôi thao thức. Cứ nhắm mắt lại là tưởng chừng có tiếng áo lụa đang lướt vào phòng đem theo một mùi hương, không phải ấm nồng của lạch nước luôn dưới chân cầu đá mà là gió biển mặn thối về từ nơi nàng ở. Lần đầu tiên tôi nhớ nàng xa xót. Tại sao có khoảng cách. Vì sao ngoài lúc đêm tối đắm chìm trong nhau, nàng chưa từng nói yêu tôi. Nàng vùng chạy băng trên bãi cát cợn đầy dấu biển, khi tôi muốn ôm nàng trong vòng tay giữa ban ngày. Lúc dừng lại, gương mặt đột nhiên mênh mang khó tả mà tôi chỉ nhận ra được một điều là nỗi buồn. Không hiểu nàng ra sao những ngày tôi không có đó. Sau gặp gỡ vội vàng, tôi quay về sống tròn trách nhiệm đời thường với Hà. Còn với nàng, vừa rời xa nhau tôi là người lạ mặt. Một tình nhân hờ hững, không xẻ chia đời sống, chẳng săn sóc âu lo. Những dần vật ấy được bào chữa. Có thể nàng không yêu nên chưa hề bắt tôi trải rõ lòng mình hay chọn lựa. Nàng chẳng đòi, sao tôi phải xé mình ra. Cứ tiếp tục cuộc sống trật tự bao năm khi biết mình không thể cắt đứt ràng buộc với Hà, hưởng lấy sự an lành của giờ hưu chiến. Nhưng cõi bình yên này đang ngậm cơn bão biển. Đêm nay tôi bàng hoàng nhớ đáy mắt sâu tương phản tiếng nói có lúc nhẹ hẫng như không để người nghe thấy. Làn da nàng

xanh xao dưới những sợi tóc vụn cắt ngắn cũn cỡn tựa đoạn tuyệt một điều gì, không giải thích. Gió lại đập ầm ầm vào các cánh cửa. Biết đâu, nơi xa xôi kia, những đợt sóng biển đang bùng lên cuốn hút ra khơi tấm thân mong manh và tâm hồn cô đơn lạ lùng ấy. Để tôi chẳng kịp nói ra nỗi nhức đau vì ích kỷ, vô tình.

Sáu giờ sáng, máy cà phê đang ùng ục những giọt cuối cùng thì chuông điện thoại. Tôi vội nhấc lên, giật mình, Mélisa bên kia đầu giây, vẫn cái giọng khàn thấp nhưng run rẩy:

- Đến ngay đi, sợ cô ấy không qua khỏi.

Tôi ngần ngại:

- Chuyện gì không qua khỏi?

Mélisa lồng lên:

- Quelle question, còn hỏi! Cô ấy bệnh nặng bao năm, chẳng lẽ anh không biết.

Tôi muốn gục xuống, thần thờ:

- Nàng có nói gì đâu.

Tiếng Mélisa đầy phẫn nộ và nước mắt:

- Ngụy biện. Bất nhân. Biết thế tôi đã ngăn cản khi cô ấy cho biết hai người gặp lại nhau. Tôi cứ đinh ninh anh giúp nàng sống vui những ngày còn lại.

Dựa vào thành bồn rửa chén, chiếc điện thoại tí tí trong tay, đầu óc tôi choáng váng. Mélisa đã gác máy tự lúc nào. Mélisa đột nhiên từ quá khứ hiện ra sừng sững như vị thần khoác áo vàng tươi, tay giơ búa tạ. Bấy lâu nay, thẳng hoặc vô tình nhắc tới người đàn bà mê hoặc này nàng thường phớt nhanh với nụ cười bí ẩn, như thể liên hệ giữa họ là cõi riêng chẳng thể chia sẻ. Tôi thắc mắc nhưng cũng không muốn nói đến Mélisa. Những đêm rượu hầm và hơi thở hực nồng gấp rút trong căn phòng nhìn xuống sân vườn quyền rũ ấy là vùng sương mù mà tôi cố tình chối từ ám ảnh.

Hà bị đánh thức, ngái ngủ bước ra, cầu nhàu:

- Ai gọi gì sáng sớm?

Tôi vội nói, tôi phải đi đây. Hà mở to mắt ngạc nhiên, lắc đầu. Điều gì tôi có can đảm nói ra với Hà, với Mélisa, và với nàng bây giờ, đều đã muộn.

Những chiếc kéo sau cơn địa chấn

Ông ta bị giục lên xe lúc 2 giờ chiều, không kịp nói. Người đàn bà leo sau chắn ngang cửa, che mắt cô gái đứng dưới đường. Giọng cô lẫn giữa tiếng người gọi nhau và trong gió lùa dưới mấy tấm tôn đập mãi miết :

– Ông nhớ nằm nghỉ và thường thức trà nhà vua đấy.

Xe bắt đầu lăn bánh. Ông cố dướn đầu khỏi tấm vai dày của bà ngồi cạnh, tìm cô ta. Tấm khăn có mấy đường kim tuyến quấn cổ màu xanh ngọc ông đã quen thuộc cả tuần nay, lấp lánh trong ánh nắng hiếm hoi, đang lùi xa dần. Con đường bỏ lại xám, trống. So với sự nghiêng ngửa chóng mặt, hoang tàn hai bên thì nó trống trải phẳng phiu lạ kỳ. Tất cả những vật vữa, ngổn ngang cây cối, cửa nhà, xác xe xác tàu, bảng chỉ đường chồng chất bên trái bên phải chặn đứng tầm mắt, chặn đứng cả biển. Ông càng thấy con đường vô tận. Mọi người yên lặng, vài tiếng ngáp mệt mỗi lọt qua mảnh giấy khẩu trang. Không ai nói gì về mục đích của chuyến đi, về điểm đến.

Trên xe chỉ có một bà mẹ trẻ với đứa con trai khoảng 4 tuổi ngồi đối diện với ông, ngoài ra đều đã xấp xỉ sáu mươi hay hơn nữa. Chẳng chặt gì cho lắm nhưng bà bên cạnh thỉnh thoảng lại nhức nhích như thể chiếc váy nâu đọng muối biển, mặc đã nhiều ngày khiến bà ngứa ngáy. Mỗi lần xoay người là chiếc váy sột soạt, cái giỏ vải trên đùi bà ta lại chực rơi xuống chân. Ông phải vội chụp lên và nhận thêm cái gạt đầu cảm ơn. Vài người trong xe bắt đầu cởi khẩu trang, ông cũng gấp lại mảnh giấy phin xanh có sợi thun đeo tai đã vàng xỉn.

Nghĩ thầm mình nên vất nó đi, bẩn quá rồi, hãy dùng cái bằng vải con bé mới cho sáng nay. Ông đưa mắt tìm thùng rác trong xe. Không có. Nhưng vừa nhướn người lên để đút chiếc khẩu trang vào túi quần thì qua khung kính, núi rác khổng lồ hai bên đường lại đập vào mắt. Một thứ rác chưa từng thấy, nằm trong đó thì khó lòng ra khỏi. Những con người như ông, như cô gái, như anh bác sĩ, đang lom khom trên bãi phế thải ấy để miệt mài tìm kiếm. Nhưng tìm gì? Tìm thế nào cho ra? Ông khép mắt, tự nhủ cuộc hành trình còn dài, vừa bắt đầu thôi. Mình cần uống một cốc trà, mình cần biết bao.

Anh bác sĩ đã rót cho ông và cô gái một bát trà nóng cách đây hai ngày. Mi mắt anh chàng dày khiến lần đầu gặp nhau, thấy anh nằm ngửa trên miếng ván tàu ông đã tự hỏi sao anh này có thể ngủ dưới những tia nắng trưa đậm thẳng. Rồi hai hôm sau, cũng vẫn trong thế nằm ấy giữa màn tuyết trái mùa vật vờ cùng gió. Nhưng thật ra anh ta không ngủ, anh đang nhìn trời bằng một lần mắt mảnh như một đường bút lông nhưng rất sáng. Chẳng thế mà khi ba người họ cùng đào bới, chính anh đã nhận ra mấy nét chữ khắc li ti trên chiếc kéo của bà ngoại cô gái, dưới lớp gạch đất nhão nước biển. Anh cầm lên và cô ta đã vội giật lấy, nâng nó trong hai bàn tay, sưng sờ. Ngồi trên một cột nhà gầy, cô lấy vạt áo tì mẩn chùi hai lưỡi kéo bám đầy bùn cát, chỉ lộ ra một nửa nét tên Yumi của bà lão vừa đúng bảy mươi vào cái ngày sụp đổ ấy. Hai người đàn ông ngồi xuống cạnh cô. Ông già dựa lưng vào thân chiếc xe hơi chống bánh lên trời. Một cánh cửa xe vẫn còn nguyên tấm kính, gắn miếng nilông che nắng in hình nhân vật Manga với hai con mắt xéch chiếm gần phần ba khuôn mặt, trên cái cằm nhọn hoắt. Vợ ông đã mua cuốn cuối cùng vừa phát hành, chưa kịp gửi tặng sinh nhật thẳng cháu nội. Ở tiệm sách, bà cầm trên tay rồi đặt xuống, than phiền :

- Sao bọn nhỏ bây giờ thích mấy cái trò bạo lực đến thế!
- Ủ, hay mình tìm món quà gì khác.

Bà lại cầm lên, thờ dài :

- Nhưng nó bảo chỉ xin cái này.

Tuyết đã bớt dày hơn trong đêm, vài nụ lững thững, bám vào chiếc mũ len đỏ của cô gái và trên cành anh đào đang run rẩy vỗ về một ngôi nhà gỗ đã sụp hơn nửa mái ngói. Anh bác sĩ chăm chú ngừng nhìn những ánh hồng quá tươi. Anh nhớ sáng ngày hôm ấy, mình đã mỉm cười khi bắt gặp hàng cây chớm nở hoa bên đường tới bệnh viện, và thấy an tâm cho một ngày đặc biệt bắt đầu. Còn bây giờ, mùa xuân trên cây kia đang bung ra nụ cười phản bội, chế nhạo lòng tin của anh.

Khuôn mặt xanh xao, mỗi mệ của cô gái ngồi cạnh lúc này dù gì cũng nhiều thần sắc hơn con bé Mayu 10 tuổi. Mọi người đã cố gắng chăm sóc cô nhỏ trong thời gian dài để chờ một lần ghép thận. Anh và đồng nghiệp hi vọng rất nhiều vào cuộc giải phẫu. Mayu được người chú dẫn đến bệnh viện một hôm trời u ám hơn thế này. Nụ cười của đứa bé gái khi anh đưa cho viên kẹo chanh đã xoáy một lúm tròn giữa má. Trên bàn mổ 3 năm sau, Mayu đã cố cười với anh nhưng đồng tiền không tròn nổi. Mấy ngón tay trắng xanh níu chặt vạt áo anh chỉ vài phút trước khi anh ra khỏi phòng. Trước khi đất đá chuyển mình ngay dưới sàn bệnh viện. Cô gái đã lau xong chiếc kéo, đặt nó lên đùi. Anh lại ngó mái tóc so le của cô, bên trái lưa thưa ngắn ngang cằm còn bên phải dài gần chấm vai. Anh ước giá cô có thể nhìn cái kéo với lòng mắt long lanh của một đứa bé gái đang thích thú cắt vụn những mảnh giấy màu rực rỡ. Ngoài xa, nụ tuyết to như những bông anh đào bay trên biển xám.

Chiếc xe chạy vào một khu vườn rộng, cây cối bao la và không khí đầy hương thơm. Ông hít thật sâu nhưng không nghĩ ra nó thơm loại hoa lá gì. Thính giác của ông đã nghẽn. Nếu vợ ông có ở đây, bà sẽ nheo mắt, chế diễu cái mũi bít kín của chồng trước khi kể ra vanh vách các mùi hương đang lan tỏa. Giá bà cũng ở trong khu vườn hoàng đế này, bà đã mất biến rất

nhanh vào cây cối. Mọi người thủng thảng xuống xe, ai cũng mệt. Họ từ tốn đi vào tiền sảnh của dãy nhà xây thẳng góc với gian chính. Ban tiếp tân gặp người chào và họ cũng cúi đầu chào lại. Ông đến ngồi trên tấm chiếu thêu, khi cầm tách trà ấm trong tay, ông nghĩ đến lời cô gái dặn với theo lúc lên xe. Hương trà thơm như nắng xuân, nhưng chỉ một hộp thôi ông đã thấy ghen như nuốt một thứ nước quá ngọt. Người đàn bà mập mạp đẩy chiếc túi vải lại gần cái ba-lô của ông, nghiêng sang hỏi :

- Chúng ta có được thăm viếng dinh thự nghỉ mát của hoàng gia chứ?
- Thưa bà, chúng ta đợi xem.
- Ông đừng gì mà nặng thế, còn giữ được nhiều thứ lắm à?

Ông định hỏi :

- Mười năm đời người chỉ thu lại trong đó, vậy mà nhiều ư ? Ngay cái ba-lô cũng là một nhật nhật.

Nhưng thôi, cái túi vải của bà ta xem ra chẳng gom được gì mấy.

Hai ngày sau khi cô gái có được cái kéo của bà ngoại Yumi thì đến lượt anh bác sĩ. Biển nông cuồng từ đêm tiếp tục dỗi lên những ngọn sóng. Chúng đập vào bãi từng lọn lưới ngẫu bọt. Ông đã mệt trong suốt mấy ngày cùng anh ta và ba, bốn người đàn ông khác kéo rờ mớ xác tàu, sườn nhà, thân cây, dây điện... Họ chẳng làm được là bao vì phải dành nhiều thời giờ cho những bới tìm tỉ mỉ. Biển từng xanh mơn mớn ấy đã chồm phủ lên mảnh đất này bao nhiêu cuộn nước vũ bão. Những thân rắn đen oằn oại để lại lớp phế thải màu chì, nhão nhoẹt, đục bần. Tầng tường sụp mà ông đang ngồi lên sơn màu da trời, trong khi khoảng không cao trên đầu xám xịt mây. Bỗng nhiên ông buồn ngủ khủng khiếp, gương mặt ngó quanh tìm một chỗ nằm thì có tiếng người bật kêu phía xa. Nửa người trên anh ta bị che sau đồng gì trắng hếu, hình như một cái tủ lạnh đồ nghiêng. Nhưng ông nhận ra ngay ống quần vàng nghệ và đuôi áo bờ-lu của anh bác sĩ thò khỏi tấm *poncho* màu cái uá anh đã tóm được trong sóng biển tấp vào bờ. Chẳng cần đến gần, chỉ nghe tiếng “o” hay “a” gì đó hực lên là ông biết anh ta đã tìm được một vật gì xứng đáng. Ông bỗng tỉnh táo hẳn, nhồm ngay dậy. Bộ mặt thường đăm chiêu dưới các lọn tóc dính bết, ướt đầm của anh bác sĩ sáng lên như có ánh trời hé ra sau một vàng mây nặng trĩu rọi tới. Anh đến gần, chia vào ngực ông một chiếc kéo đuôi dài, thanh mảnh, sáng bóng không ngờ.

- Của anh ?
- Không.
- ...
- Gần như thế.

Thấy ông già ngược mắt dọ hỏi, anh tiếp :

- Kéo dùng trong phòng giải phẫu.

Ông chột áy náy, có phải chiếc kéo anh ta đang cầm trong tay ngày hôm ấy ? Chắc không, bệnh viện cách xa đây mười cây số. Anh bác sĩ đã nói là mình không chú ý tìm gì cả. Anh đã tới miền duyên hải này 3 năm trước với cái xách tay và một ba-lô trên vai, không gia đình và nhà cửa, ở trọ trong căn phòng dành cho bác sĩ nội trú của nhà thương, anh tự thấy mình chẳng có gì để mất. Ông đã mất rất nhiều, nhưng sau khi nhặt lại được chiếc kéo cắt cây và xiết lấy đầu vai vợ mình trong tấm dạ xám thì ông không còn chút ý định bới tìm gì cho mình nữa.

Iwako, đứa con của đá. Ngay từ ngày hội anh đào xa lắm, ông là gã con trai mười chín nổi bước theo sau, mắt dán vào hai bàn chân mang guốc gỗ của cô gái thoăn thoắt lượn qua các bụi dước thảo và cây cầu gỗ bắc ngang hai bờ suối trong vườn cảnh thành phố, cho đến ngày nàng mặc tấm áo thêu hoa và chim phượng đứng cạnh ông làm lễ thành hôn, và ngay cả trong buổi chiều bạo chấn ấy nữa, Iwako luôn là tảng đá vững chắc của ông. Mỗi sáng dựa vai vào đó, ông nhìn mặt trời ló dần trên mặt biển với niềm tin rồi sẽ có ngày cả hai đưa nhau lên ngọn đồi cao xa kia, để ở lại đó với hoàng hôn miền viễn. Như cha mẹ ông, như cha mẹ Iwako, như đá núi.

Chỉ trong một nháy mắt, rừng mình nghiêng đảo, quay như hòn bi trong chiếc đĩa xoáy thoi, lwako đã bị cây táo bắt thần trốc rễ, đè xấp trên mặt đất lung lay. Cái kéo sắt to nặng, lwako đang dang hai cánh tay dập lại để cắt mấy cành lá sâu ăn, rơi gác lên đùi. Ông đã đặt anh thợ rèn ở làng bên làm cái kéo ấy khi hai vợ chồng dọn về vùng biển này. lwako nằm xấp, không nhìn thấy căn nhà họ mới sơn lại các cánh cửa xanh vừa tan tành trên mặt đất. Một trong những cánh cửa vụt tới, rớt trên vại nước mưa. Nhiều miếng sành ghim thẳng vào chân, ông khụy xuống với cái gàu đang mức nước để tưới bụi hoa bướm bướm tím. Nhưng vợ ông là người của đá, bà thân nhiên hít thở hơi đất còn ấm vào 3 giờ chiều, kiên nhẫn chờ đợi ông cuống quít khắp khiêng đứng dậy, cố sức đẩy cây táo sang bên và lật bà trở lại. lwako mở mắt, mấy nếp gấp ở đuôi mắt mím cười, bàn tay nổi những lần gân xanh chạm vào ống chân ông, đầy máu. Hôm sau, người ta giúp ông đem bà đến một sân trường, họ đắp lên bà một mảnh khăn dạ xám. Ông ôm vai vợ, ôm tảng đá đã từ chối thiên chức của mình. Ba ngày sau, ông đi theo người ta – lwako và những người khác, trong đó có cô gái và bà ngoại Yumi – đến mảnh đất còn trống trong nghĩa trang.

Tất cả đã đi ra, ngoài một người còn nghiêng xuống ngôi mộ mới đắp. Bấy giờ ông mới để ý mái tóc bên dài bên ngắn tua tủa của cô gái chưa quen. Cả hai cùng bước khỏi vùng đất không tiếng người để rơi vào một không gian tịch tĩnh khác. Sau khi đã ăn hết miếng bánh bột gạo và củ cải muối ông đưa cho, cô gái bỗng cất tiếng, giọng cô khào khào như tiếng chim biển trong mưa :

– Hôm ấy Yumi đã định đi Tokyo nộp bản thảo “Cơn bão cuối”.

– Yumi.. ?

– Nhưng cháu cần dừng đi. Yumi ôm mộng văn sĩ mãi chưa thành. Cháu bảo thích Yumi mở tiệm cắt tóc nghệ thuật và dạy múa hơn viết văn.

– ...Cắt tóc nghệ thuật ?

Cô gái vụt đứng dậy lắc lắc đầu. mấy ngón tay di di giữa trán như thể muốn gạt bỏ khỏi đầu một ý nghĩ đen. Cô bước về phía biển, tấm bảng tiệm bán máy móc điện tử nằm dưới chân kêu lộp bộp. Nhưng chỉ phút giây đã quay trở lại, tay hất mấy sợi tóc xòa trước mắt ra sau.

– Bà ngoại Yumi có đôi bàn tay tuyệt đẹp, ông biết không. Bàn tay ấy lồi hai cái chân cháu ngoại ra khỏi bụng mẹ trước cái đầu của nó, vào nửa đêm trời bão, cây kêu răng rắc quanh nhà. Rồi cũng bàn tay ấy đã rửa sạch, lau chùi những vết máu trước khi mặc áo liệm cho con gái sáng hôm sau.

Ông chưa kịp nói, cô đã nằm xuống tấm tôn, hai đầu gối co lên ngực, lồi cổ chiếc áo len lên tới cằm và kéo vạt xuống tận mông. Một đàn chim yến trốn biệt mùa xuân cho đến bây giờ chợt bay ngang, vẽ mấy đường cong mềm mại rồi vút đi, thả những tiếng kêu chiu chiu. Khi cô thức dậy mặt trời đã lặn hẳn, biển tím thẫm. Không một ánh đèn của những con tàu xa. Tất cả đã bỏ đi, đã lịm chết sau cơn đại cuồng của sóng.

Hôm anh bác sĩ tìm được chiếc kéo ẩn giữa chiếc tủ lạnh và cái thùng nhựa, cô gái bảo phải ăn mừng. Họ cùng đi về dãy nhà tạm trú cho nạn nhân vô cư, tìm một góc nhỏ và mở ra hai hộp nui lạnh, anh bác sĩ xin được bình trà nóng. Đến nửa đêm trời đổ tuyết, ông nhìn màn sáng trắng lờ nhờ hắt hiu ngoài cửa sổ, rồi ngó lại chàng thanh niên và cô gái trẻ nằm bên. Tuy còn con trai, con dâu và thằng cháu ở bờ núi bình an bên kia, nhưng bỗng ông thấy mình mồ côi cô độc không khác gì cô gái và anh bác sĩ. lwako đang xén cành táo sâu, bà ngoại Yumi mới tỉa chưa được nửa mái tóc cho cháu gái. Cả hai đều đang làm một động tác nằm trong đời sống, rồi đột nhiên họ rơi vào lỗ phân tâm, quay tit mù, tối đen, mắt hút. Ông không kịp từ vại nước chạy đến lồi vợ ra trước khi thân cây nhào xuống. Cô gái chẳng chụp được bàn tay bà ngoại vẫn cầm cái kéo cắt tóc, để níu bà lại lúc con rồng biển chồm vào, ngón ngấu hớp ra khơi.

Người tiếp tân đem đến hai đĩa bánh đậu đỏ. Bà ngồi cạnh lúi ra dọn chỗ. Ông vội cầm ba-lô để lên lòng, đầu cái kéo cắt trong đó đâm vào đùi. Nhưng chẳng phải các thớ thịt giữa chân mà là ruột ông đau nhói. Người đàn bà nhìn ông nhíu mày, lập lại câu đã hỏi :

– Sao thế ? Gì mà nặng thế ?

Một buổi chiều, lúc đợt tuyết cuối của năm đã thực sự chấm dứt, mặt trời xuống ngang mặt biển hắt lên ánh tím hoang dại. Họ cùng ngồi ngắm hoàng hôn, cùng nhìn ra đèn nước yên lặng, loang loáng mênh mông. Lũ hải âu đã thả nhiên về đậu đó đây trên bãi phế thải, chẳng còn quác lên những tiếng kêu thất thanh, hải sọ đất trời đảo lộn. Họ, ông già, anh bác sĩ, cô gái và có thêm dăm người nữa đã ngồi với nhau. Họ chưa di tản, còn ở lì lại đây, nhưng vì cũng chẳng biết tìm gì hay là không còn gì để tìm cho chính mình nữa nên họ theo cô gái, ông già và anh bác sĩ lục bới, mò mẫm trong cái hiện trường vô tri vô thanh này. Biết đâu còn một tiếng kêu, một hơi thở, một nhịp tim đập nào đó. Biết đâu còn một cái gì có ý nghĩa cho sự tồn tại của họ. Và biết đâu, bỗng nhiên họ lại có niềm vui khi gặp được những chiếc kéo giữa hỗn mang đồ nát ấy. Khi cầm trên tay, chúng không còn là biểu tượng của cắt chia, phân xén, khoét tĩa, chúng là sự thân thiết dịu dàng của đời sống trước cái ngày hôm ấy. Chúng cũng là sự ngấm ngấm chia sẻ giữa họ về một đời sống vẫn tiếp diễn. Chẳng lẽ đời sống chỉ hiện hữu trước cơn địa chấn và đỉnh cuồng của đại dương.

Và hôm sau, ở cách đây hơn bốn ngàn cây số tôi thấy, trong bản tin thời sự, những con người đang loay hoay cúi tìm như thế, bên cạnh mấy chiếc xe xúc xe cẩu đang xúc lên tất cả thứ gì chúng bốc được. Một trong số họ đã đưa ra trước ống kính chiếc rô đưng những cái kéo nhỏ to, mũi thẳng mũi cong, đầu tròn đầu nhọn khác nhau. Rồi người ấy quay lưng, cầm rô trở về với mấy người bạn. Tất cả sững lại, những mảnh giấy báo cắt xén chồng chéo lên nhau. Một bức tranh giấy dán hỗn độn hình thể và màu sắc. Không tên, không tác giả.

Bretagne, tháng 7/2011, mưa.

Áo hoa sương núi

Mười năm trước tôi đến vùng tây bắc này, cũng một mùa đông. Trời rét buốt nhưng nắng chan hoà trên con đường từ nhà ga xe lửa lên núi. Mười năm nghĩ cho cùng chẳng mấy xa, nhưng lại thấy sao đạo ấy mình và bạn thơ trẻ không ngờ. Cả bọn hăm hở, ngồi sau xe ô-mo leo dốc trong khí lạnh căm căm, cười đùa không dứt. Bây giờ, sương mù che khuất núi non, bờ ruộng, thác suối. Sương cũng làm chùng nặng thêm cái mệt sau một đêm tàu hỏa ren rét nghiêng đường rầy, không thể nào thiếp ngủ. Ước mơ ánh trời sớm hửng lên, xem núi có già hơn theo người đã mỗi. Chỉ mong bắt gặp một người Dao hay Tày từ thung lũng đi lên với chiếc cần tre lưng lẳng dăm con cá suối. Chẳng cần chi nhiều, chục con cá nhỏ nhoi ngọt ngào đã đủ để nhắm với cốc rượu San Nùng đắng nồng hương thuốc bắc, cho qua rét cắt ngày đông.

Chiếc xe hơi rồi cũng bò lên tới con đường chính của thị trấn. Tôi hạ kính, ngó tìm căn nhà có lan can màu xanh là nơi đã ở đó mấy đêm cuối năm xưa. Nhưng chẳng thấy dấu tích gì, ngay cả hiệu ăn thấp chũm mà sáu người chúng tôi đã vào đó nếm cá suối nướng. Chủ quán đây bản nhạc “Trường Sơn đông Trường Sơn tây” chạy suốt từ đầu đến hết bữa. Chợt ngạc nhiên nhận ra mình đang lóng ngóng đi tìm dấu vết kỷ niệm chứ chẳng ngắm nhìn những người dân tộc trong áo quần màu sắc, vốn là cái quyến rũ nhất với khách phương xa. Họ lẳng lặng từ vỉa hè này sang vỉa hè kia, chập chờn bao quanh du khách. Các màu áo sặc sỡ chỉ được thấp sáng lên trong lớp sương dày khi có đèn pha xe hơi chạy qua. Con đường dường như đã được mở rộng, xe cộ ngược xuôi bầm còi ồn ả. Các quán ăn chen nhau hai bên bờ lẽ trơn trượt dầm sương. Mới năm nào con phố còn thưa thớt dăm tiệm cà phê và cơm bình dân. Bây giờ phần đông mang những cái tên ngoại quốc rất kêu, Anh Pháp đủ cả. Bảng hiệu huỳnh quang màu mè nhấp nháy, thực đơn với các thức ăn tây phương dựng treo cùng khắp.

Bỗng mắt dán vào một bà già người Dao đeo khuyên bạc to gần bằng nửa khuôn mặt hóp heo, kéo hai dải tai trĩu xuống cằm, đứng ngay lề đường. Xe dạt qua, sát ô kính. Ánh mắt đậm và cái nhíu mày kia rất cá biệt và chẳng thể không nhận ra. Muốn mở cửa, nhảy xuống xe để hỏi có phải bà ấy đã có mặt trong nhóm ca hát đêm nào, và còn nhớ một phụ nữ người Kinh nhỏ nhắn, hay cười, đã qua đây mười năm trước. Bà còn nhớ S. chẳng? S. đã hồn nhiên đưa cả đám đàn bà Dao Tây Ráy, chỉ chân trần trên mặt đất cứng buốt cái lạnh ba độ trong chiều mùa đông năm ấy, vào chợ mua cho họ tất cả mười lăm đôi dép, giục mang ngay vào chân. S. còn muốn mua cả giày lẫn vớ nhưng bà bán hàng ngăn lại. Vậy mà chỉ hơn mười phút, sau khi S. đã trở lên căn phòng nhà trọ thì từ ban công tôi nhìn xuống, đoàn phụ nữ đang hí hửng lon ton chân đất cầm dép trong tay, chạy trở vào chợ, bán lại cho chủ sạp giày. S. chẳng thể nào ngờ, những con người ấy sợ đói hơn sợ lạnh, chỉ cần tiền, gạo và cá. Họ không quen mang giày dép, dù mỗi ngày cuộc bộ bao cây số từ bản xa đến đây, trên mặt đường băng giá.

Mười năm sau, người đàn bà vẫn thế, quả táo vốn sẵn cằn teo quá đổi nên chẳng thể quắt queo hơn. Không ngờ vừa xuống xe, đã thấy bà ta chờ ở cửa quán ăn, rủ tối nay ra công viên nghe bà hát, khoe rằng mình có thể ca cả cái lương. Bạn tôi nói sẽ ra chợ, tối nay là phiên Chợ Tình. Bà chu môi, giơ ngón tay xua xua :

– Hết chợ, hết tình rồi, dỏm đó. No good, sir.

Rồi tự động gỡ chiếc kiềng lủng lẳng mấy quả chuông đeo vào cổ tôi, khen đẹp rồi rít. Tôi cười tháo ra, trả lại. Bà bảo ngay :

– Lấy rẻ mà, mười đô thôi, madam.

Tôi phải lác đầu mấy lần, bà mới chịu bỏ đi, tóm ngay một người khách khác. Nhìn ra xa, chẳng thấy được bóng núi, tôi thoát gọi thầm : S. ơi, người đàn bà S. từng đi bên cạnh, nói chuyện hỏi thăm và lắng nghe giọng hát ngọt ngào, người mà S. dịu dàng thương cảm suốt mấy ngày đồng đạo ấy đã như con phở này, không còn dấu tích gì của bao năm trước.

Khách sạn bây giờ mọc túa hai bên đường, đủ hạng đủ sao, người ra người vào. Nhóm này đôi người ngồi chờ xe xuống núi. Đám kia vừa đổ bộ, ồn ào hành lý, đợi phiếu ăn sáng. Chẳng như ngày xưa, ngoài một khách sạn năm sao đồ sộ trên triền đồi có xe riêng đưa rước, chỉ có vài phòng trọ đơn sơ. Bọn du-khách-xe-ôm chúng tôi đành trú lại trong hai căn phòng trên lầu một ngôi nhà nhỏ hẹp. Vợ chồng chủ nhà cam đoan sẽ có lò sưởi và chăn ấm ban đêm. Nhưng đến tối, muối sương đọng mờ khung cửa kính nhỏ xíu, người vợ đem lên mỗi phòng một bếp lò ba chân bằng đất nung, có vài cục than cháy đỏ. Chưa kịp hỏi làm sao đủ sưởi qua đêm thì cô ta đã biến mất dưới chân cầu thang. Suốt tối cũng chẳng thấy họ đâu. Chợ Tình không họp, chúng tôi theo S. ra công viên nghe hát. Trở về, S. lạnh cóng chân tay. Lục lọi dưới lầu tìm được chỗ chủ nhà cất than, vội vàng đem lên bỏ vào mớ tro còn ấm ỉ, lại kéo bếp để dưới gầm giường cho thêm ấm. Suốt đêm khí lạnh len qua khe cửa hở, tôi chập chờn co chân, rụt cổ, cố thu mình nằm gọn trong tấm chăn ngăn ngùn. May thay, cũng nhờ khe cửa ấy mà người mong manh như S. đã không chết ngạt vì khói than. Trời chưa kịp sáng, tôi nghe tiếng S. rên mơ hồ. Chóng mặt, khó thở, cố ngồi dậy tôi hoảng hốt thấy S. lả trên giường. Thế mà khi nắng lên S. đã tỉnh, lại leo đồi xuống bản. Bước theo những tấm váy rực màu lay động trong nắng tươi vừa tách màn sương xám. Chúng tôi cùng họ về nhà, xem đàn ông chạm kiềng căng trống, phụ nữ dệt vải thêu khăn, đan mây trên thềm. Họ vừa làm việc vừa cười đùa chòng ghẹo nhau, cả cho con bú. Nhịp sống chậm rãi, yên ả giữa núi rừng. Bây giờ khác hẳn, tôi không tìm ra một hàng hiên có người ngồi nhuộm chỉ, thêu may như mười năm xưa, dù đã đi qua vài thôn bản.

Tôi đã vậy, bạn ở xa đến VN lần đầu càng thắc mắc hơn. Câu hỏi đã được trả lời khi chúng tôi được dẫn đến thăm một gia đình vốn cố cựu ở phố núi này. Nghe đâu chủ nhân tham gia vào việc tổ chức, phát triển văn hoá du lịch địa phương. Ông hãnh diện gật gù khi tôi bảo khuôn mặt, đời sống nơi đây đã thay đổi đến chóng mặt. Miệng nhếch cười, ngược mắt về

các người bạn của tôi, ông khoe khách tham quan tăng vùn vụt, nhất là ngoại quốc. Một trong mấy bạn ấy hỏi :

– Nếu muốn xem người dân tộc hành nghề thủ công mỹ nghệ thì đến đâu, cả ngày chúng tôi đã đi sâu vào nhiều làng xóm nhưng không thấy? Sao hiếm vậy ?

Chủ nhà cho biết ngày nay đã khác, địa phương đã dựng được vài cơ sở sản xuất các thứ hàng ấy rồi và đang nghiên cứu phương án thành lập những cửa hàng qui mô, một loại hợp tác xã vừa trưng bày sản phẩm, ngành nghề, vừa bán luôn cho khách những món hàng mà chất lượng được bảo đảm. Ông lại nhìn bạn tôi, nháy mắt :

– Như thế, có phải dễ chịu hơn không ? Quý vị sẽ không bị đám đàn bà con nít kia đi theo nài nỉ mua cái này cái kia. Nhất là chúng tôi sẽ kén chọn, gom về đó những người dẹt đẹp, khảm khéo để biểu diễn tại chỗ, khỏi phải lùng lộn vào các bản xa. Tiện quá đi chứ ?”

Trong khi ông tiếp tục rung đùi và các bạn mình đưa mắt ngó nhau chẳng biết nói gì, thì tôi nhớ lại mấy cửa tiệm to lớn, rộng có khi gần ngàn thước vuông, một thứ siêu thị triển lãm đầy đủ các đồ mỹ nghệ thủ công mà trên đường tham quan bác tài đã dừng xe lại, kêu vào xem. Ở đó, chúng tôi đứng nhìn những người thợ đeo đá, nặn tượng. Ở đó khách tha hồ ngắm các cô thiếu nữ áo dài tha thướt, ngồi xếp hàng yên lặng thêu lụa, không khác gì một bức tranh. Ở đó khách được mời uống cốc trà xanh cùng với những lời mời mọc mua hàng hấp dẫn. Dĩ nhiên, như thế có hơn, rất tiện như ông ta nói. Nhưng sao chỉ vài giây thôi, tôi lại tiếc ngẩn ngơ hình ảnh mấy cô gái năm nào vừa ròn rã khéo chuyện với chúng tôi vừa thoăn thoắt vượt kéo những sợi chỉ màu. Ghép được một viên thêu đầy hoa văn lên thân áo là đứng dậy ướm ngay lên ngực, quay một vòng, cười toe hởi người chung quanh rằng có đẹp hay không? Ủ, cô người Dao ơi, quá đẹp, để cô mặc ngày cưới chồng hay sao? Chồng sẽ đem về lễ cưới mấy con trâu? Mà hôm nay, cô đang dẹt manh thổ cẩm nơi nào, tìm hoài chẳng thấy? Cũng trên một sườn đồi nắng trưa vừa xoá tan sương núi, cây rừng chung quanh trở những bông hoa gì từng chùm trắng óng ánh trời. Chúng tôi đang hỏi nhau có biết tên hoa, thì chợt vọng sau lưng giọng hát trong veo tươi tắn chen lẫn tiếng chim. S. quay ngay người, trở mắt : Nhìn kia, xinh không!

Từ sau tảng đá, một cô gái dân tộc gùi đứa bé nhỏ xíu sau lưng vừa đi vừa hát. Thực ra cô không đi mà đang nhảy chân sáo giữa các bụi hoa tùm cỏ. Khi lại gần, mặt cô trắng hồng sáng rỡ, hai vành môi hồng ngậm một chiếc lá non xanh. Cô ngừng lại, giương mắt ngó chúng tôi nhưng không nói gì. Đứa nhỏ đội mũ vải đỏ tròn xoe có gắn lục lạc. Nó mở hai lòng mắt nhìn huyền ngơ ngác. Cô gái còn rất trẻ và cũng có màu mắt trong vắt như thế. Chúng tôi cùng chào, tôi hỏi :

– Em ở xa không ?

Cô ta lắc đầu không nói, nhưng đưa tay chỉ xuống chân núi thấp thoáng một vài nóc nhà sàn.

– Ở tuốt dưới ấy ? Xa thế mà công em lên tận đây dạo chơi à ?

Đứa trẻ xem chừng chẳng thích đứng yên, cất tiếng o oe. Nhưng cô gái không dỗ nó, cúi xuống nhặt viên đá vẽ những ô vuông ngang dọc, rồi nhảy lò cò ô này qua ô nọ. Bé con lắc lư theo, nín khóc.

Đột nhiên cô ngừng, quay nhìn chúng tôi, mở miệng, cánh lá giữa môi hờ hững rơi bám trên ngực áo. Tiếng Kinh hơi ngọng :

– Không phải em đâu, con đấy !

Cả bọn chẳng được, thốt kêu :

– Úi trời, em mấy tuổi đã có con ?

– Mười bốn.

– Sao cưới chồng sớm thế ?

Cô nhỏ bình thản đáp :

– Tại nó đem cho bố mẹ con trâu.

– Nó ? Chồng em ?

– Ủ, nó.

– Thế em có đi học không ?
Lần này chẳng trả lời ngay, cô cúi người ngắt một chiếc lá khác, định cho vào miệng, nhưng nghĩ sao lại thôi, ngoái cổ ngó đứa bé, mặt trầm hẳn xuống :
– Bây giờ không được học nữa. Cho tâu ăn và đưa nó đi chơi.
Một người trong bọn buột miệng :
– Thế lấy chồng có thích không ?
Mấy người đàn bà chúng tôi chưa kịp lờm anh ta thì cô gái đã đáp tỉnh bơ :
– Nó về nhà là ngủ. Nó khóc nhè, cũng ngủ. Nó không cho tiền.
Phải vài giây chúng tôi mới hiểu rằng từ chồng tới con, ai cô cũng gọi là “nó” cả.
– Thế em muốn nó đưa tiền để làm gì ?
Và cả bọn ngạc nhiên khi người mẹ mười bốn tuổi, gương mặt mịn màng sáng nét thơ ngây đáp ngay :
– Tâu tâu. Tâu tâu trả lại nó, rồi đi học.
Anh bạn bật cười :
– Tuyệt vời, con trâu ! Cái giá của tự do.
Gom một số tiền trong túi, chúng tôi đưa cho cô bảo mua sữa cho con. Cô cuốn tròn lại, đút vào giữa ngực áo, rồi chẳng nói thêm câu gì, cô xốc gùi cất bước. Chúng tôi chào với theo, cô gái chẳng quay lại, tiếp tục co một chân rồi chụm hai chân nhảy lò cò. Cái đầu tròn đội mũ hoa của đứa bé như quả bóng đỏ tưng tưng dưới nắng trời trong suốt.

Sau mấy tháng hè cần khô bỏng lửa, mùa rét năm nay tràn từ bắc xuống căn cắt thịt da. Nó khiến con trâu đột nhiên có chỗ đứng trong thông tin báo chí hằng ngày. Tuy người ta ít nói về số người qua đời vì đói lạnh hơn là về số trâu bò đã chết cồng, nhưng các tường thuật và hình ảnh những đứa trẻ trên miền sương núi tôi từng đi qua cho thấy chúng phải gồng mình thế nào trong giá rét, đã khiến lòng người tái buốt hơn. Như một A Sinh, mong manh trong chiếc áo vải đứt nút không thể cài kín cổ, treo mình ngang sườn đồi để hái lá về cho con vật quý giá nhất của gia đình được đầy bụng. Có mỗi tám chân cũng phải hi sinh đem đắp cho trâu, bằng không nó sẽ chết. Và không thiếu các em nhỏ khác ở bản này thôn nọ đầu trần, áo quần đơn sơ, nhọc nhằn bụng rỗng tê cóng tay chân, phải đường xa đi xin trâu về giữ ấm cho con trâu đang nằm trong chuồng. Ai đó bảo rằng lắm khi súc vật còn sướng hơn người. Sa mù, màu áo màu hoa và thiên nhiên hư ảo bong bênh mây khói liệu đủ quyến dụ, để khách đã qua đây quên bớt những bận lòng ? Để mỉm môi cười khi nhớ lại giọng hát và những bước chân sáo lảng quăng trẻ nhỏ của cô gái gùi con năm nào. Nhưng cô có thật hồn nhiên thế không, chẳng phải lòng cô vẫn canh cánh nỗi niềm về một con trâu giá mà có được đấy sao ?

(Tháng chạp Canh Dần)

Đảo trụ

Chúng tôi ngồi dưới tán cây dẻ xoà bóng, một buổi trưa đầu hè. Dưới chân xa, đồng hoa gai lung linh hắt nắng xanh ngược lên trời. Hơn dặm chim bay mới ra đến biển. Thế mà bỗng nhiên anh ta thốt lên : “Mỗi người đàn bà là một hải đảo !”. Anh ta, một người đàn ông bình thường, không phải tí người làm thơ, không mơ mộng thái quá. Có lẽ tôi cũng đang bốc hơi cùng với nhựa cây và gió nên chẳng lên tiếng đáp hay hỏi lại : Vì sao hải đảo ? Cuối cùng anh ta nhồm người bước khỏi bóng cây, đứng thẳng trên mỏm đá nhô khỏi sườn đồi. Tay che mắt, lại buông thõng một mình: “Xanh ngắt, huyền bí”. Câu cuối cùng này thốt nhiên lời tôi ra khỏi vùng nắng hoa gai lơ lửng, nhướng mắt ra xa, cố tìm. Nhưng phóng tầm nhìn tới đâu, mút mùa đến dùng ống viễn kính cũng chẳng thấy nổi một hải đảo rậm rì cây cối. Nói đúng

hơn, tôi thốt nhận ra một mụn đất trời giữa biển, không xanh ngắt mà xám bạc. Chẳng huyền bí mà trơ hoang. Và đúng hơn nữa thì không phải bây giờ tôi mới thấy hòn đảo trơ cùng xám như thế. Đảo trụi vốn hiện diện trong tôi đã nhiều năm, kể từ ngày tôi gặp “L’île nue”.

Người đàn bà mặc bộ quần áo đen, áo có hình vẽ lập thể như cắt từ một phong màn thô, quần khắn trên tóc, chụp thêm cái nón che nắng, vai gánh hai thùng nước. Tất cả hình ảnh lơ nhờ như qua màn sương mỏng. Nước sánh qua sánh lại mặc dù thiếu phụ cố giữ thẳng bằng trên con đường leo dốc gập ghềnh. Bước chân nặng nhọc, nín thở vì sợ trượt. Cả tấm thân oằn xuống mà vẫn phải nghiêng theo từng bước. Bên phải, bên trái, bước thẳng, rồi xoay sang trái, sang phải. Gồng xuống, nhích lên. Người đàn bà còn trẻ, nhưng chắc chắn đã gánh nước như thế từ bến thuyền lên ngọn đảo từ lâu rồi. Năm này qua tháng khác, thế mà vẫn dò chừng, vẫn cố thể trượt chân trên con đường quen thuộc nhỏ hẹp chông chênh. Có lẽ vì sức người có hạn, đây lại là một thiếu phụ ốm yếu, hơn nữa vì mỗi giọt nước ngọt gánh được về đảo này là từng giọt quý.

Hai vợ chồng ấy lấy nhau từ bao giờ, từ đâu, không ai biết. Gia đình họ có hai đứa con trai chừng 5 và 7 tuổi. Trời còn đêm, hai vợ chồng xuống thuyền chèo vào đất liền mức nước từ một rãnh nước nhỏ đổ vô thùng, đem về đảo. Hai đứa con đợi cha mẹ trong căn nhà tranh đơn sơ, canh giờ nhóm bếp nấu cơm, rồi chạy ra bến lóng ngóng chờ bóng thuyền về lúc rạng sáng để vội vàng dọn bữa ăn. Ăn xong, người vợ lại quăng thùng lên vai, xuống bến cùng đứa con lớn chèo sang thành phố biển bên kia đưa nó đi học và lấy nước về. Ông cha chăm lo tưới bón mảnh đất cằn. Cũng khó nhận ra họ trồng gì trên đấy. Chỉ thấy đất nứt khô, loe ngoe vài cọng như lá khoai èo oạt, cơ hồ bao nhiêu thùng nước họ khổ công gánh về vẫn không đủ cho cây đứng thẳng vươn lên. Cứ nhìn gương mặt lầm lì đăm đăm của ông chồng và vàng trán mệt mỏi của bà vợ là đủ thấy đời sống họ khô rang như đá đảo dưới mặt trời.

Hình ảnh thiếu phụ trên đảo trọc ngay phút đầu đã gọi trong tôi chị Hải của những năm nào từ Tân An lên Sài Gòn trọ học, rồi từ Sài Gòn trở về quê trong căn nhà cũng tiêu điều không kém. Có lẽ vì cùng khuôn mặt đăm chiêu, ánh mắt lo âu thắc thòm, cùng thiếu nụ cười. Chị Hải là một người con gái có duyên như bác Hai, mẹ chị. Nhưng đẹp hơn mẹ nhờ dáng vóc cao, mảnh khảnh, trong khi bác Hai, bạn thân hồi kháng chiến chống Pháp cùng mẹ tôi, thấp người lùn tùn. Tuy vậy bác lanh lợi đi đứng thoăn thoắt như một con thoi. Có thể, bác mới nuôi được ba đứa con sau khi chồng bị lính trong đồn Pháp giết và người em chồng tước đoạt cả gia sản, chỉ để lại căn nhà nhỏ trên mảnh vườn con, bên một bờ lạch Tân An. Hồi chị Hải đậu tú tài một, bác Hai dẫn chị về Sài Gòn, bác bước vào cổng nhà tôi với nụ cười rạng rỡ. Như mọi lần ghé thăm, bác xách theo giỏ trái cây nào mận, nào cam và nhất là những quả ổi đỏ lòng tôi vô cùng ưa thích. Lần ấy, tôi cứ ngẩn người nhìn chị Hải vì chị đã trở thành thiếu nữ, khác hẳn mới đó chị còn mặc quần cộc, tóc kẹp sau lưng bằng kẹp ba lá, leo cây hái trái hay chèo xuống đưa tôi vào vườn dừa sâu hút trong sông lạch. Đây là lần đầu tiên tôi thấy chị mặc áo dài, cái eo nhỏ, gò ngực rộ, tóc vuốt hai bên thật duyên dáng, điểm thu hút nhất là ánh mắt thông minh của chị. Cứ tưởng bác Hai cho chị ở nhà tôi để đi học tiếp, nhưng bác bảo chị sẽ đến nhà một ông chú, cho phải đạo gia đình và kiêm luôn việc kèm bọn con nhỏ của ông ấy. Mẹ tôi thương chị, thấy vậy rất vui, tin chị ở nhà chú được an toàn dù thời đó Sài Gòn còn hiền lành lắm. Thịnh thoảng cuối tuần, chị Hải đạp xe đến nhà tôi. Nhỏ tuổi hơn nhiều nên tôi không thể là bạn cho chị tâm sự hay trò chuyện gì nhiều, chị cũng ít nói. Nhưng tôi biết chị mê cơm xức bác của gia đình mình. Mẹ thấy nhà neo đơn trống trải, thêm tính giao thiệp và dễ dãi thường mời giữ khách, nhiều người họ hàng xa vẫn hay ghé vào, có khi ngồi chơi một buổi, khi ở lại vài hôm hoặc cả tháng. Có lẽ, tôi sẽ xem chị bình thường như họ nếu không có một buổi trưa hâm hấp hơi mưa chị Hải xuất hiện giữa vòm cổng, gương mặt bệch bạc như người chết trôi, hai lọn tóc quăn quít vào nhau, tay xách cái cặp táp quen thuộc nhưng lần này nó căng phình, lòi ra mớ áo quần lượm lượm.

Mẹ cho gọi ông bác sĩ bên kia đường sang nhà. Tôi bị đuổi ra khỏi căn phòng chị nằm, đóng cửa kín mít. Rồi lát sau u Thơ đem ra một mớ bông và vải dính máu gói ghém, cuộn tròn. Mấy hôm sau đó, u Thơ mỗi ngày cạo gió bôi dầu. Không ai cho tôi biết chị bệnh gì, chỉ bảo trúng gió. Khi lành, chị ở lại nhà tôi. Bắt đầu từ ngày ấy, chị không còn là một người đến rồi đi như bà con xa. Khi tôi ngồi học bài ở ngưỡng cửa ra sân sau, chị đến bên cạnh, có lúc đột nhiên chị rùng mình, bàn tay lạnh ngắt nắm vội lấy tay tôi. Từ thềm gạch ấy, chị Hải nhìn nắng long lanh trong vại nước và im lặng. Ánh tinh anh trong mắt chị nhạt đi, trở sang màu mây của cơn mưa sắp đổ, nhưng cuối cùng chị không bao giờ khóc, ít nhất trước mặt tôi. Đúng thế, có lẽ tôi chẳng thể nào nhìn thấy giọt nước trong lòng mắt mỗi của thiếu phụ âm thầm sáng chiều quần người gánh nước lên đảo trụi, cũng như tôi sẽ không thể thấy chị Hải nhỏ lệ, nếu không có ngày xảy ra một sự cố tàn khốc cho hai người đàn bà nhẵn nhụi ấy.

Cũng có đôi ngày mưa trời phải rơi xuống đảo, như phải một lần gia đình thanh bản trên đảo trụi được biết chút hân hoan. Họ mừng vui, mỗi người mặc bộ quần áo tươm tất để lên một con tàu lớn chở hành khách vào đất liền, đem theo cái xô đựng một con cá to mà hai đứa trẻ đã may mắn bắt được. Nhưng dạo quanh mấy tiệm vẫn không bán nổi, có nơi thắng thưởng từ chối, cuối cùng họ bán đại con cá quý cho xong, hẳn với giá rẻ. Sau đó vợ chồng dắt con dạo phố, mua vài áo thun cho hai đứa nhỏ cùng ít vật dụng rồi vào một hiệu ăn mì. Hai đứa bé đã khám phá ra vô tuyến truyền hình với hình ảnh một cô gái xinh tươi xoay tròn trên màn ảnh. Cuối ngày, họ trở về ngọn đảo. Từ trên lan can tàu, tấm váy trắng của thiếu phụ bay bay, y vạt áo dài của chị Hải tung tăng trong thương xá Eden, hôm chị trúng tuyển trường sư phạm Cần Thơ. Mẹ tôi cho tiền hai chị em dẫn nhau đi xi-nê. Chúng tôi xem một phim cao bồi có mấy pha hài kịch. Bấy giờ tôi mới gặp mắt môi chị cười. Chị cười thành tiếng trong bóng tối phòng chiếu phim. Lúc ấy, tôi cứ tưởng từ nay chị sẽ vui, chị sẽ thành cô giáo, bác Hai sẽ đỡ buôn bán vất vả để nuôi anh Trai và chị Bồng, hai người em chị Hải. Chị Bồng gù lưng đi đứng chậm chạp, anh Trai mắc bệnh hen suyễn. Từ chị Hải đi Cần Thơ, chỉ còn bác Hai ghé đến nhà, bao giờ bác cũng đặt giỏ trái cây lên tấm phản, để tôi lục ngay trong đó tìm ổi lòng đảo. Trên mảnh vườn nhà bác, cây ổi tôi yêu quý này trở bông thơm ngát những ngày tôi nghỉ học, theo mẹ về Tân An chơi. Bác Hai thích ngồi bệt xuống nền gạch hoa lau thật bóng, tháo khăn quần đùi để quạt những giọt mồ hôi và hơi nắng. Rồi bác từ từ kể chuyện nhà, chuyện chị Hải đã thi ra trường và vừa đi dạy vừa may quần áo kiếm thêm tiền mua thuốc suyễn cho anh Trai. Bác kể huyền thuyên, cả việc anh Trai hay đau yếu vậy mà đòi lấy vợ, còn chị Hải có người muốn cưới nhưng chị lắc đầu bảo lấy chồng rồi không ai giúp mẹ nuôi em. Một hôm, tôi thốt hỏi :

- Chị Hải có cười không bác Hai ? Bao giờ chị lấy chồng chắc chị sẽ cười bác hả.

Bác không trả lời, nhìn tôi chăm chăm, rồi chẳng nói gì thêm, quán lại chiếc khăn vải lên đầu, nhóm dậy lật đật đi ra cổng. U Thơ gọi với, kêu ở ăn cơm rồi hãy về, bác quay lại đáp nhanh :

- Tui ra cho kịp chuyển xe đò.

Tôi thấy “*L’île nue*” khoảng đầu mười bốn tuổi, qua một anh con trai lớn của bạn mẹ tôi đi Nhật học điện ảnh trở về. Cũng thời gian ấy tôi biết được nguyên do thảm kịch đã đẩy chị Hải chạy đến nhà tôi lúc chị ở trọ nhà ông chú và lên cơn bệnh thập tử nhất sinh. Từ đó, những cơn ác mộng của tôi không còn ma quỷ biến hoá dọa nạt khiến mỗi tối trước khi vào giường tôi từng bắt chước mẹ cắm một nén hương lên trang thờ Phật, chẳng cầu xin gì ngoài đừng nằm mơ thấy ma. Thay vào đấy là các gương mặt hình thù phụ nữ biến dạng méo mó. Áo quần tóc tai của họ phát phơ biến hiện trong mấy con ngõ tối. Tôi cùng họ đuổi tìm những đứa trẻ con, chúng cứ chực rớt xuống hố hay sắp ngã xoài đâm vào mô đất. Thức dậy, tôi nhìn đình màn còn thấy ánh mắt bất lực khổ hận của thiếu phụ đảo trụi cùng chị Hải. Cũng từ đó, tôi để tâm đến những người đàn bà hơn nữa, không hẳn là người khổ cực mà là những người giỏi chịu đựng, âm thầm kiên trì trước hoàn cảnh. Nếu thiếu phụ trên đảo có lúc kiệt nhài sức lực nên đôi lần sơ xảy làm đổ thùng nước quý, để bị ông chồng nổi giận tát cho, thì

chị Hải từng đi bộ mỗi ngày mười mấy cây số đến trường dạy học, phải nhịn đói dành gạo nấu cháo cho mẹ và em vào những năm tháng tôi không còn ở quê hương. Khi tôi trở về sau các năm 80, phố nhà thay đổi, người quen hàng xóm chẳng còn mấy ai nhưng bà già mỗi khuya gánh chè đậu đen trôi nước bột khoai thời nào vẫn còn đó. Bà chưa chết nhưng liệt cả hai chân. Hai lóng chân đã lê gàn suốt đời người trên bao con hẻm và đường phố đêm, dưới cái gánh cũng nặng quằn như của người đàn bà chèo thuyền leo đá đem nước về tưới cây. Từ khi biết bà già bị phù chân mà vẫn phải gánh chè đi bán để nuôi ba đứa cháu nội mồ côi, cha chúng đi lính tử thương, mẹ lấy chồng khác, tôi thường mua cho bà một lượt mấy thứ chè khác nhau. Bóng bà thấp thoáng dưới ngọn đèn vàng vổ, từ đầu đường đi tới. Giọng rao ngọt lịm trong không gian đã bớt ồn xe cộ, cất lên như hát giữa màn mưa đêm. Đến trước cổng, bà đặt gánh xuống, rút chiếc ghế đầu thấp lè tè nhét dưới mông rồi ngừng lên lan can nhà tôi, chờ đợi con bé ló đầu ra. Một lát sau, tôi kẹt cửa với hai ba cái cốc trong tay, bà cười dưới vành nón lá nhỏ nước long tong. Nụ cười móm mém hiền lành, y hệt bà già bán cà-rem, đậu phộng lép trong văn chương Kiệt Tấn. Tôi chỉ can đảm đi qua nhà cũ một lần rồi thôi. Người quen cho biết bà già đậu đen bột khoai nước đường liệt chân đã nghỉ bán chè. Nhưng dù đã xấp xỉ chín mươi, mắt gàn mù còn phải ngồi nặn bánh bán trước cửa, và trồng nuôi những đứa con của chính mấy đứa cháu nội ngày xưa tôi đã nghe bà kể. Con đường nuôi con nuôi cháu nuôi chất của bà chưa chấm dứt. Bà vẫn bước đi, không còn trên đôi dép cao su Nhật Bản mà bằng đầu, tim và hai tay, miệt mài chậm chạp như hình ảnh thiếu phụ ghi chặt dây treo hai thùng nước, gánh lên ngọn đảo xám tro. Tưởng chẳng bao giờ ngừng được, mãi âm thầm tiếp diễn như thế. Tôi cứ ngỡ họ không bao giờ cất tiếng than, kêu gào hay tỏ ra chống đối định mệnh. Nào ngờ.

Mẹ thường đứng đợi tôi ở một góc đường mà tôi không thể nào băng qua dòng xe cộ để chạy sang. U Thơ chia tấm vé số và vận to đài phát thanh, tôi nghe tiếng Trần Văn Trạch hô hào xổ số kiến thiết quốc gia giúp đồng bào ta rõ mồn một, thế mà không cách gì đọc được các con số chòng chành trên bàn tay khô của u, như thể tấm vé đang bênh bồng mặt nước. Nhưng đuối nhất là chạy thế nào cũng không đuổi theo kịp chị Hải suốt con đường từ cái chuồng có con công đang múa ra tới cổng sở thú. Mới đó, hai chúng tôi đang ngồi nghỉ chân, ném bắp rang cho công ăn. Chợt một người mẹ trẻ ẵm đứa bé mới sinh trên tay, tay kia dắt một đứa khác chậm chững biết đi đến gần, định ngồi cùng băng ghế. Thằng bé vấp vào rễ cây vội chụp lấy ống quần chị Hải. Chị tính đưa tay đỡ nó, đứa nhỏ sơ sinh chợt oe lên mấy tiếng. Bà mẹ vội vàng ầu ơ nựng con ngọt ngào. Thế là như bị điện giật, chị Hải run bắn người, đứng dậy, hốt hoảng bước thật nhanh, không nghe tiếng tôi gọi sau lưng. Tôi ôm thằng bé đặt lên ghế rồi chạy theo, chị Hải khuất biến sau các lùm cây, chuồng thú.

Tôi hốt hải tìm chiếc áo cánh sọc vàng của chị giữa mấy anh xe cà-rem, các chị bong bóng, mấy con bé mía ghim. Thoáng chốc đó mà chẳng thấy chị đâu. Đứng khựng trong đám trẻ nít của một lớp tiểu học vừa xuống xe buýt, lau nhau theo sau cô giáo vào viếng thăm cảm viên, tôi vừa sợ vừa giận chị Hải bỏ mình lạc lõng. Cất tiếng gọi, không một âm thanh nào bật ra, ngực uất đau nhói buốt. Tỉnh dậy, toát mồ hôi, rồi thấy mắt mình ướt nước, tôi chợt nhận ra đó là mơ nhưng cũng chính là sự thực trong quá khứ vừa trở lại. Mãi, tôi không thể quên cặp mắt đỏ hoe, cử chỉ chậm chạp rời rã của chị Hải khi chị từ một bụi cây gần cổng sở thú đi ra trưa ấy. Trên vòng xe đạp chở tôi về, thỉnh thoảng chị thò tay ra sau vỗ vỗ tỏ ý xin lỗi. Mười ba mười bốn tuổi, tôi chỉ có thể cảm chứ làm sao thấm được tận tường tâm trạng đau đớn của một người thiếu nữ đã bị tên con trai ông chú cưỡng đoạt, và vì sợ hãi cô ta đã nghe lời một người đàn bà trong xóm đi nạo thai. Nhưng giữa chừng ân hận tủi hổ, cô bỏ chạy. Hòn máu nhỏ xíu chưa kịp định nhân hình đã trút ra trên tay ông bác sĩ bên kia đường nhà tôi. Mẹ bảo u Thơ đem chôn trong một vườn chùa xa, để chị Hải đừng mang tội và không nghĩ tới. Nhưng giọt máu tồn tại mãi trong góc thăm linh hồn chị Hải. Nó ở đó, tan loang ra, hoá băng, đóng thành gương, bắt chị soi vào để nhìn thấy cùng một lúc hình ảnh nạn nhân và tội phạm.

Ít nhất mảnh gương hầy còn đó, sắc sáng cho đến lần tôi gặp lại chị Hải dưới mái một ngôi trường trung học đệ nhất cấp huyện lỵ, gần ba mươi năm sau. Chị vừa được chuyển nhiệm đến đó làm phó hiệu trưởng. Chị già hõm hảnh, tôi chỉ nhận ra từ người đàn bà đang ngồi ghi chép sổ sách bên manh cửa sổ, mỗi một điều quen thuộc là ánh mắt âm u. Dù ngoài song cửa, những nhánh lá tầm ruột xếp đều đang xanh rộ lên dưới nắng. Cơn nắng chói bỏng của một tháng tư khô khốc. Sau khi phát cho chừng mười đứa học trò nghèo nhất mỗi đứa một tô cơm, miếng thịt kho và một con cá mắm, mua bằng tiền đóng góp của chị và hai người bạn đồng nghiệp độc thân của ngôi trường nhỏ xíu này, chị dẫn tôi ra một quán cơm phở gần đấy. Hai chúng tôi ngồi nhìn những chiếc xe đồ chất đầy người và đồ vật lắc lư trên con đường mù mịt bụi. Bụi bốc từ đất khô và từ những bãi gạo trải tênh toang hai lề đường. Xe đạp, xe ba bánh, xe máy, cam-nhông tha hồ cán lên. Tiếng lẹp nhẹp hợp tấu với âm thanh bình bình phát ra từ các miếng tôn cũng bị đè dưới những vòng bánh xe lớn nhỏ. Chị nhìn tôi :

- Ở đây người ta tận dụng hết mọi nguồn năng lực vậy đó em.

Tôi không nói gì, tôi còn bận thu vào mắt lỗ trống nơi hai chiếc răng cửa của chị. Thảo nào giọng nói chị đơn đớt chút gì và khuôn mặt giống chị Bồng hơn. Chị Bồng có vành miệng hơi móm từ thuở bé. Chị Hải nhận ra, nói nhỏ :

- Chị bị gãy hai cái răng cách đây không lâu. Chiều, chị dẫn em về nhà nghe.

- Hồi nãy em đã đến đầu con hẻm vô nhà chị, vẫn thấy trại cưa và tiệm bán nước đá nhưng người ta cất thành nhà lầu mấy tầng, lạ hoắc. May, bà bán thuốc lá chỉ em đến trường này tìm chị.

- Con Bồng vẫn ở căn nhà đó em à. Chị dọn lên đây để canh chừng trường luôn.

- Ủa, trường có gác đan chứ.

- Ông gác đan chết cả năm nay, không ai chịu làm thay. Vả lại, chị đã nổi tiếng...

Chị Hải ngừng ở đó. Ba người đàn ông xe thồ bước vào ồn ào. Tôi đứng dậy, hẹn chị buổi chiều tan trường sẽ gặp lại.

Mặt đường cao hơn mặt đất. Tôi đứng ven bờ nhìn theo chị Hải đi trở về ngôi trường xám xịt mái tôn, khoác mấy cánh cửa sơn xanh lam nham đã lóc hết màu. Dáng chị chẳng còn như xưa, còng xuống, còng giống chị Bồng. Sửa lại cặp kính mát, tôi trực nhớ đã quên hỏi : chị bảo mình nổi tiếng, nhưng về chuyện gì ? Rồi tôi lững thững đi dọc đường cái, dưới hàng dây điện chằng chịt, giăng ngang những tấm biển quảng cáo lớn nhỏ đủ cỡ trồng hai bên bờ. Trên đó nào hình vẽ máy tivi, điện thoại, tủ lạnh, cả hình mỹ nhân tóc vàng uốn lượn cầm chai coca nâu óng, tay kia cái ly sủi bọt mát rượi làm cổ họng khô khan của tôi thêm khát. Bỗng không, chợt nhớ bát cơm trên tay mấy đứa học trò nghèo chị Hải. Xe cộ từ sau lưng vẫn ào ào vượt tới, đẩy tôi lùi lại. Lùi về mấy năm trước, cũng trên con đường làng quê này hai bên quán chợ ọp ẹp, thỉnh thoảng nhô lên một cái chòi với thùng phi nước trên cao. Chiếc xe chở hàng phi phi khói đen sau đuôi, phò phò hơi nóng trên ca-pô ọc ạch chạy tới, ngừng dưới chân chòi. Tài xế xuống xe, tắt máy trả tiền cho người canh chòi xong là nước trong thùng phi đổ ào xuống nắp máy, dội mát cái động cơ nóng nẩy lửa của chiếc xe đáng lẽ phải nằm trong nghĩa địa từ lâu. Mấy năm ấy, không có biển quảng cáo các vật dụng tư gia hiện đại, chẳng coca lầu Thái như bây giờ, chỉ lèo tèo vài tấm bảng vẽ lem nhem mấy gói mì ăn liền. Không có nhắc nhở đề phòng sida mà là dòng chữ khuyến cáo rằng chỉ một con gia đình mới ấm no hạnh phúc. Chị Hải không có gia đình, không dám lấy chồng, không dám hoài thai. Chẳng dám để cho một bàn tay chạm vào da thịt mình.

Sau các quán nước và một vài cửa tiệm bán gạo cùi, đến đồng ruộng xanh rì lá lúa. Gió bỗng bốc lên lay lay màn nắng đứng. Hai người đàn bà tát nước từ một con lạch, đều tay, không ngừng. Khi họ đổ nước sang đám lúa thì thiếu phụ đảo trụ ấy đứng bên nhúng vôi cái gàu đuôi dài của mình vào múc. Hai người đàn bà Việt Nam đội nón lá, còn cái trên đầu thiếu phụ người Nhật đan thô bằng lá cọ. Thế đấy, người đàn bà tôi vẫn giữ mãi hình ảnh ống quần đen bay phàn phật giữa trời biển và đất đá cằn khô lại đang ở nơi này, giữa đồng lúa xanh um. Không nhìn thấy mặt hai người đàn bà Việt giấu dưới vành nón rộng, nhưng hảnh giống thiếu

phụ trên đảo. Nét mặt vẫn im lìm, ánh mắt mãi man mác nhưng sao chúng vẫn đi theo đến tận đồng ruộng này, làm hồn tôi nặng chùng xúc động. Cái cảm xúc ấy ngọt ngào lẫn mặn chát muối. Nó sâu buốt tựa rút từ đời mình ra, hay từ một con người thật mà tôi thân mến, chứ không hề từ một nhân vật hay hình ảnh có được nhờ diễn viên tài ba trong cuộn phim. Thời xem “*L’île nue*”, tôi còn nhỏ quá, đâu ý thức gì về một nước Nhật đang được tán dương với những tiến bộ kỹ thuật vượt trội, cả không về tình hình chính trị bắt đầu gay go do cuộc chiến tranh lạnh giữa những trục đế quốc ở các năm 60 ấy. Và cũng chẳng nhận ra thông điệp của Kaneto Shindo, tác giả cuộn phim : Kêu gọi trở về với đời sống nông dân giản dị để phản kháng cơn mê cuồng hiện đại, thời thượng phô trương mà một số người đã cho đó là ý tưởng của ông khi thực hiện cuộn phim này. Con bé học trò tuổi ấy chỉ tiếp nhận “*L’île nue*” bằng tâm cảm. Dù đây là hư cấu nhưng nào khác gì hiện thực chung quanh, khi động đến thân phận con người.

Với kỹ thuật làm giãn thời gian và xoay chiều ống kính của Shindo, người xem có cảm giác bước chân gánh nước lên đời trong phim còn chậm và nặng nhọc hơn ở ngoài đời nữa. Mỗi cử chỉ trên màn hình cho thấy sự kiên trì của con người trước nỗi bất hạnh. Kiên trì chịu đựng cho đến ngày một ngọn lửa bùng lên giữa đồng rơm khô : Cái chết đã đột ngột xảy ra trong gia đình nhỏ bé trên đảo. Bữa ấy, hai vợ chồng chèo thuyền đi lấy nước như thường lệ, thằng anh lớn bất ngờ đau nặng, ngã lặn ra, chỉ có đứa em nhỏ cuống cuồng bên cạnh. Đến khi cha mẹ về, người cha tát tưởi trở vào đất liền tìm thầy thuốc đưa sang đảo thì đã muộn. Chắc hẳn họ không hiểu tại sao cái chết có thể nhanh chóng và định mệnh khốc liệt đến thế. Ba người còn lại lẳng xẵng đóng quan tài, tiếp đón thầy giáo cùng bạn đồng lớp của con mình sang đảo dự đám tang. Thiếu phụ bấy giờ thay bộ quần áo đen, mặc vào chiếc kimono đẹp nhất trân trọng tiễn đưa con, tề chỉnh mà âm thầm lặng lẽ. Chỉ về sau, khi mọi người đã ra đi, ngọn đảo trở về với cái trần trụi nhứt nhối của nó, lúc ấy trời đất mới chứng kiến sự bùng nổ của một chịu đựng số mệnh đã đến mức tột cùng. Ngày hôm đó, người đàn bà vẫn gánh nước trèo đồi, nhưng khi sắp mức từng gàu tưới vào mỗi chân cây thì nỗi đau không kiềm được nữa, thiếu phụ đã bất cần tất cả, tự tay đổ thóc thùng nước lên lán. Rồi dốc người, nằm xoài ra, úp mặt vào đất nức nở. Những ngón tay giận dữ oán hờn cào quíu vào đất đá, trước lòng mắt thương tâm bất lực của ông chồng.

Cuối chiều đó, tôi quay lại cùng chị Hải về thăm ngôi nhà tôi từng đến những mùa hè xưa. Con ngõ từ đường lộ dẫn vào nhà trước rộng mấy thước nay chỉ còn đủ chỗ cho một chiếc xe máy chạy qua. Tiệm làm nước đá và nhà máy cưa được chủ mới xây cao bốn tầng, họ đã chiếm đất của con hẻm để xây rộng ra. Nhà máy xay bột đóng cửa từ lâu nên con lạch sát bên nhà chị Hải không còn xuồng chở gạo lúa tới cập bến, dần dần khô cạn, chẳng ai đoái hoài, bùn và rác ngập gần lên tới bờ. Miếng vườn nhà chị cũng bị gia đình cán bộ đến mua nhà cũ bên cạnh lấn sang. Qua khỏi cái cổng ọp ẹp, tôi ngó băng quơ lên những căn lầu cao chung quanh. Chị Hải đã vào tới thềm cửa quay trở lại, thở một hơi thật nhẹ :

- Có lần chị nằm mơ mình đang đứng trên sân thượng của một trong mấy ngôi nhà này nhìn xuống. Chị thấy căn nhà nhỏ xíu của mình như một manh chiếu lọt thỏm dưới vực, nó có một sức hút kỳ lạ gọi kêu chị nhảy xuống. Chị còn lưỡng lự thì có tiếng người ta lao xao ồn ào trên các sân thượng còn lại. Họ đang ăn uống nhậu nhẹt và thay nhau ném ly, giầy, đồ ăn thừa xuống cái hồ có manh chiếu tối ấy. Tất cả bay như bướm bướm óng a óng ánh thật đẹp. Chị nghĩ rằng nếu nằm trên tấm chiếu quen thuộc đó giữa xác bướm cũng đã đời, thoải mái. Nhưng cùng lúc ấy, con Bồng kêu thất thanh : Chị Hai ơi, họ đang đóng cột chiếm đất nhà mình. Choàng thức dậy, chị còn mơ mơ nghĩ bụng thôi đành không nhả nhục nữa, phải để thằng Trai đem cái đơn nộp lên huyện. Nếu huyện chẳng giải quyết thì thưa lên tới tỉnh. Nhưng khi tỉnh hẳn, mới nhớ ra thằng Trai chết bệnh hai năm rồi.

Tôi xoay người, vuốt nhẹ cánh tay chị Hải, chưa biết nói gì thì mắt chạm vào nửa thân cây cụt giữa mảnh sân. Dù quanh cái thân còn lại đó đã có cành non đâm ra những tấm lá mong

manh, vẫn hiện rõ ràng những vết dao chặt vào thịt gỗ. Có vết ngang bằng sắc lẹm, có vết sần sùi gồ ghề như phải chém nhiều lần. Tôi ngỡ ngỡ :

- Cây ổi lòng đào đây mà. Tại sao, tại sao ?

Chị Bồng vừa đi giao quần áo về ô lên mừng rỡ. Hai đứa nhỏ con chị loắt choắt, đen đũi nhưng khoẻ mạnh liến thoắng. Chúng vồ lấy cái túi của tôi, mắt sáng lên trước gói kẹo, y như tôi ngày nào lục giỏ mây của bác Hai, lôi ra những quả ổi trong đồ ngoài xanh thơm nức.

Đêm Sài Gòn chường lên. Tôi nằm trong căn phòng khách sạn ngó mấy cánh quạt trần quay tít. Không gian nặng với bầu không khí nóng hầm hập và trong cái nền âm thanh đều đều của quạt máy vu vu cùng xe cộ ngoài đường rào rào, có cả tiếng máy may xanh xạch của chị Bồng. Nhưng đột ngột rít lên tiếng xe phanh trên mặt đường đêm và chan chát phàm phạp những lát dao từ tay chị Hải. Áo quần xốc xếch, chị chạy từ trong nhà mình ra sân, theo sau là tên công an phường. Vấp phải bức cửa, chị ngã xuống, đập miệng vào đồng gạch mới mua về để dựng lại vách đất đã đổ. Nhổ vội ra búng máu cùng hai mảnh răng, rồi chị cố cất tiếng kêu cầu cứu. Gã đàn ông thấy chị sóng xoài liền xắn tới ôm lên, tay chân tiếp tục suồng sã. Chẳng ngờ chị Hải đường cùng, thu hết sức vùng ra chạy tới bên chái nhà lượm con dao cật củi, rượt theo. Làm sao người đàn bà đang tả tơi như thể đuổi kịp hắn. Chị Hải uất hận quay lại chém xối xả vào thân cây ổi giữa sân cho đến gãy lià. Rồi buông dao khuyu xuống, ôm chầm lấy nó mà khóc. Cây ổi không phải chỉ riêng tôi yêu dấu, nó là của chị. Bác Hai từng kể, ngày biết bác thọ thai con đầu lòng, bác trai bảo vợ bỏ kháng chiến về nhà để sinh đẻ an toàn, khi chia tay bác đưa cho vợ một trái ổi lòng đào nhỏ xíu đem theo. Bác Hai đã ươm hạt, cây ổi mọc lên, cùng tuổi với chị Hải.

Buổi chiều Tân An đó, tôi ngồi cạnh chị Hải trên bộ ngựa, nhà chị chỉ có cái phản gỗ cũ xưa này với một tủ thờ bày ảnh vợ chồng bác Hai và anh Trai là đáng giá. Trời bắt đầu nhỏ vài giọt mưa đầu mùa, hơi đất xông lên nồng nồng. Chị Hải chờ hai đứa con chị Bồng say ngủ rồi mới kể lại chuyện tên công an phường lợi dụng nhà chẳng còn người đàn ông nào - anh Trai đã chết, chồng chị Bồng bỏ đi - để liên tục đến chèn ép chị phải bán nhà cho hắn, dọn đi nơi khác. Lần đó thừa dịp chị Bồng vắng mặt, hắn nhào tới túm lấy chị Hải. Người đàn bà ấy làm thế nào chịu nổi lần cưỡng hiếp thứ hai ? Tin chị Hải cầm dao đuổi chém gã đàn ông đã vang đi khắp làng xóm, chị nổi tiếng là người đàn bà gan dạ. Câu chuyện gay cần thế mà giọng chị đều đều như tiếng chị Bồng đập máy may dưới ánh đèn vàng ủa. Thấy tôi mỗi mệ, chị Hải đẩy cái gối kêu nằm xuống nghỉ.

Tôi nhắm mắt, lại thấy cái lỗ trơ hốc ở chân răng, rồi manh chiếu thâm lọt thỏm trong cái hố giữa mấy căn nhà lều, đón những rác rưởi người ta vất từ ba bốn tầng cao, rơi như bướm. Trong không gian choàng tối ấy, đáng lẽ phải có tiếng ễnh ương, côn trùng rên rĩ và lá xao xác ngoài vườn, nhưng không hiểu sao tất cả các âm thanh chung quanh tôi lại hoá thành tiếng biển. Tuy thế, không có hơi thở hồng hộc giận dữ của chị Hải vung dao chặt loạn vào cây ổi, cũng không cả tiếng gào oán hờn cùng hai bàn tay cầm cấu, bóp nát đất đá của thiếu phụ. Tôi nghe từng lớp sóng rạt rào, tràn lên rút xuống chẳng bao giờ ngừng quanh hòn đảo đơn độc, nhỏ bé đến nỗi chỉ là một cái chấm tưởng tượng giữa biển khơi.

Đoản khúc vùng sậy khô

Trạm xe ở sát bìa làng, tiếp giáp với vùng sậy vàng khô có ngọn đong đưa trong gió, ngọn rạp xuống mấy gò đất còn chồi gốc cây đen đũi. Xa và cao hơn nữa, cát vùn trên nền trời đang ửng một sắc xanh xám những thân cây nghiêng vẹo, lòng không, chưa chịu đổ sau trận cháy rừng một năm nào đó. Trong mắt người đàn ông bên kia con đường, cảnh tượng tựa bức tranh vẽ đám hình nhân khổng lồ khiu cong lưng nhún nhảy một vũ điệu Phi Châu. Đã mấy

hôm rồi ông ta đến ngồi đây từng chiều, trên băng ghế gỗ ngoài sân cỏ, sau cái bàn sắt tròn cũng khập khiễng như bà chủ quán thì thọt ra vào. Mớ tóc xoăn xoăn, sợi dây cột cái váy quanh vòng bụng xoắn tít vài vòng rồi thả một đường dài theo vết cà phê hay có thể là một lần xốt cà chua xốt lại. Cổ áo rộng, lệch quá bầu vai bày màu da nâu đỏ như thách đỏ tất cả cơn gió rừng thô bạo. Gương mặt bà ta cũng nở nang cùng tỉ lệ và khác hẳn lưỡng quyền hẹp thó của gã đàn ông, không biết là chồng hay người giúp việc của bà ta, suốt buổi lum khum lau chùi ly tách sau quầy, ít nói. Cũng chẳng hiểu ở đâu ra lăm cốc đĩa vào cái giờ chiều rơi lưng lưng vắng khách này. Tài xế các chuyến xe hàng chạy qua thường chỉ dừng ăn uống lúc rạng ngày, đứng trưa hay khi đêm xuống. Những chiếc xe đồ chờ hành khách liên thị trấn hiếm khi có nhu cầu đỗ lại. Ngoài ra, mỗi mình ông ta với cốc cà phê dưới gốc cây và hai ba người trong quán, lăm lúc tất cả im lặng cơ hồ sự tẻ vắng ngọt ngào đã lất qua từ không gian rừng trại bên kia. Nhưng có khi vắng ra tiếng đối đáp ồm ồm, tiếp theo là giọng cười to rồi bỗng nhiên hát lên, tắc nghẽn của người đàn bà. Một vài lần ông ta nghĩ, đáng lẽ nên vào góp dăm câu cho phải lệ nhưng lại thôi. Thật ra ông chẳng có việc gì khác hơn là ngồi chờ chuyến xe buýt đổ từ con dốc. Chiều nào lúc khoảnh này, nó cũng dừng đúng ngay trạm ấy, cây cột gỗ lém vết lửa, đầu xích xạo tấm bảng nền xanh lợt lợt với tên làng kẻ chữ vàng cam, mọc nghiêng trên mô đất.

■

Mấy ngày nay, con bé ấy hiện ra trong tấm áo len đỏ sau khi chiếc xe đậu lại giây phút rồi tiếp tục trườn đi. Cũng nhờ thứ màu rực rỡ đó ông mới có thể xác định bên cột trạm xe có một người đã đứng. Con bé không nhỏ lắm, sợi tóc dài thường vắt qua trước ngực, cổ lại quấn một chiếc khăn trắng như người lớn, nhưng chẳng biết sao ngay lần đầu tiên người đàn ông đã thấy hình ảnh này mơ hồ, không thực. Phải chăng vì nhân dáng mong manh thanh mảnh ấy hiển lộ quá bất ngờ sau cái thân xe cồng kềnh thô lỗ. Cô gái nhỏ đứng dừng một chốc, mắt thoảng bay qua khỏi con đường, nhưng chắc chỉ là cái nhìn vu vơ. Cứ chỉ vu vơ này sao ông thấy quen thuộc lạ. Chân mang đôi giày cổ cao, cô bé lững thững bước vào vùng sậy khô. Cổ lau vàng ngồng lên lất phất, màu áo đỏ lúc ẩn lúc hiện, trôi lên trượt xuống theo từng gò đất giẫm qua. Có lúc cô nhỏ leo lên đầu một thân cây cháy cụt ngó về phía rừng xanh ở mút xa, rồi lại bước xuống, quanh quẩn tiến sâu hơn vào khu vực những thân đen Phi Châu khiu gầy cong quíu. Buổi đầu nhìn thấy, ông ta hốt nhiên sợ hãi, đứng vụt dậy định chạy sang ngăn cản, nhưng con bé đi đến một biên giới đó thôi rồi dừng lại, ngồi xuống trên mô đất cao. Khoảng cách giờ đã quá xa, ông chỉ còn bắt gặp một chấm đỏ nổi trên màu xám mờ của nền trời lẩn ngoảnh những đường vẽ bởi cây rừng đen cháy.

■

Thời những chấm đỏ của đèn xe thành phố rào rạt đi về, có đêm ôm tay ông đi giữa lòng đường nàng nói, Nếu không có tình yêu em sẽ mất phương hướng, sẽ chạy theo những chấm đèn loạn mù kia. Người đàn ông thuở ấy vô tình, Em đi đâu được khỏi thành phố, ngoài kia là vô định. Nàng buông lơ cánh tay ông, rút cổ sâu trong tấm lụa quàng vai đáp nhỏ vu vơ, Tới một làng ven biển, một mảnh rừng. Kéo nàng vào trên hè phố tối ông chỉ lên cao, Đêm ở biển và rừng chỉ có đom đóm, em hãy nhìn kia, sau những ô cửa tầng lầu ám áp ánh đèn, con người đang yêu nhau đắm thắm. Có phải lúc nào cũng là tình yêu không anh, nàng hỏi, hay họ đang hành hạ nhau dưới tia sáng trần trụi của đêm. Đừng nghĩ thế em, đêm là dịu dàng cùng say đắm. Ngây ngất như mỗi khi ông cúi xuống trên trứng ngực trắng trần và hai cánh chân duỗi dài, nàng xoắn bụng những bờ cát đón chờ triều biển sóng. Ông cố cầm giữ hơi sức căng dưới bụng, nghẹn trong ngực, nứt trên môi để thì thào bên tai nàng, Ngắm họ đi em, tình yêu hai kẻ ấy lịm sâu vào da thịt sau ô cửa một bóng đèn. Nàng nấc lên níu cứng những ngón tay vào đùi ông, Hãy vỡ trong em và mình trôi ra biển, biển tối mênh mông tràn tận đời, đâu cần hải đăng, anh tắt đèn đi. Thành phố có tiếng xe rạt vũng mưa, có keng tàu điện từng chập cùng lũ chim không ngủ nên oang oác rủ nhau đập cánh xạt xào. Cuộn mình,

co cả hai chân sát gần tới ngực, nàng sờ tay trên mi mắt ông, Anh vẫn thức. Ừ, nhìn em ngủ. Không, em đang suy nghĩ. Có được bao giờ phút bên nhau, hãy biết an tĩnh, mình còn cả đời để đặt muôn ngàn câu hỏi. Nhưng anh đi rồi, ai trả lời cho em về sự linh diệu của cuộc đời. Chính bí ẩn là nguồn gốc của linh diệu, em biết không. Bao lần anh cứ hỏi em biết không, nhưng anh nói đi, hạt cát khi lọt vào tận cùng đáy thăm sẽ ra sao. Con sờ sẽ ử lấy hạt cát và quét bồi tinh mật để thành viên ngọc. Anh nhầm, không phải ngọc mà là sự sống, hãy gieo trong em sự sống. Nhưng rồi anh phải đi. Thì em sẽ đem nó về biển hay rừng. Chẳng được đâu, hai vai em gầy guộc quá.

■
Chiều lúc ấy bỗng lên cơn nắng hoang rưng rức. Trên mái tóc nghiêng thêm chiếc mũ mây, dưới tấm áo len một màu váy xanh nhạt. Trông xa, cô gái nhỏ có vẻ vui hơn thường lệ, nháy chân sáo trên các mô đất, thỉnh thoảng dừng ngắt vài ngọn bông lau hình thếp lúa. Rồi lại tung tăng đi tiếp, cánh tay đong đưa, người đàn ông tin rằng cô bé đang hát. Nàng hay cất tiếng hát vào những buổi sáng vừa thức dậy, thong thả chuỗi dưới vòi sen, chơi cùng những bọt xà phòng. Nhưng cũng lắm khi nàng nắc nao giọt lệ, hốt hoảng quay sang tìm cánh tay ông vì một nỗi xúc động thương cảm nào đã đập xuống từ cơn mộng bàng hoàng. Đàn chim vượt ngang khu rừng xanh rồi chấp chiu sà xuống xúm quanh cô bé giữa đám sậy, chẳng vẻ gì sợ hãi. Cô nhỏ chạy đùa với chúng một chốc rồi thoát đi nhanh, sâu vào bãi cây cháy. Lần này thì người đàn ông đứng bật dậy, tách cà phê đổ loang trên mặt bàn chệnh nghiêng. Vội vã chạy sang bên kia bờ đường, đất nhiều ngày thiếu mưa khô khốc. Chẳng thể để con bé vào nơi hiểm nguy ấy, ông thốt lo âu không ngờ. Đùng quá muộn, ông đã đi tìm nàng quá muộn. Có lần nàng nói về tình yêu tinh khôi như thiên nhiên nảy sinh trong trời đất, không chọn lựa chỉ cho đi thật tận cùng và ước ao nhận lại một sự sống nhỏ nhoi để dưỡng nuôi thân phận. Bây giờ ông trở về sau những hành trình hệ lụy của mình để nhận chân mầm sống ấy thì thành phố không còn nàng. Ai đó nói rằng có thể nàng đã đi đến một ngôi làng tiếp giáp với cánh rừng. Lũ chim nghe tiếng chân tức tốc cất cánh rào rào bay vụt, hướng theo dải nắng đang hút về và đọng lại trên tấm tranh cong queo đáng người nhảy múa. Phải chi lao được theo cánh chim, đến ngay bên con bé và giữ nó lại gọn vòng tay. Trong mắt biệt dấu tích nàng và giữa không gian thiêu rụi này thì tấm áo đỏ và bóng dáng nó bỗng đâu xuất hiện, ám áp một thân thuộc lạ lùng. Nhưng cỏ sậy quẩn quít nào dễ đi như ông tưởng khi ngắm nhìn cô nhỏ nhảy chân chim. Đưa bé ấy có thực hay chẳng, sự hiện diện đơn độc trên bãi đất hoang khô này đã là điều không tưởng. Hẳn nó chẳng đến đây mỗi chiều chỉ để dạo chơi, ông từng thấy con bé đứng lặng gần bờ rừng, đầu cúi xuống trầm tư một lúc lâu. Nó làm gì, kiếm gì, nghĩ gì, ông nào biết. Nhưng sao thoát chốc nó đã biến mất trong mắt ông tìm suốt vùng không gian rộng. Ngực người đàn ông chột nhói lên, chân vấp vào rễ cây chẳng bện những cành lau ngã rạp. Bỗng có tiếng hát nhỏ lẫn trong ngọn gió vừa thổi dạt về mấy bóng mây, cô bé từ cây cối cháy nám đang trở lại đây. Tay một nắm cúc dại trắng lấm tấm nhụy vàng, hai túi áo len cũng cắm đầy hoa ấy. Hóa ra vùng mô bãi này vẫn còn mọc lên sự sống. Con bé trở mắt nhìn người đàn ông trước mặt, môi mấp má định nói nhưng chỉ nở nụ cười kéo theo ánh mắt long lanh. Cặp mắt nàng vẫn có đuôi diều cợt và nụ cười thoáng nét tinh nghịch mỗi sáng chột trở mình, leo chập người lên ông khúc khích. Chẳng còn biết mình là ai, ông muốn ngã xuống giữa đám sậy vàng hay qui ngang tầm mắt con bé để nói một câu, nhẹ nhàng thôi. Hay chỉ để bắt lại một nắm gì tươi trẻ từ sự hồn nhiên sáng rõ của nó, mới đi nữa chặng mà niềm yêu đời một sớm một chiều lặn đi với ánh sáng rút nhanh vào chân rừng mù mịt. Nhưng chuyện buýt cuối cùng ngược về làng vừa réo còi ngay dưới dốc, cô nhỏ vội vàng tay chặn mũ tay cầm gấu váy chạy băng băng. Dường như không phải chạy mà lướt bay trên các mô đất, nên nhanh đến nỗi khi ông đuổi theo tới bờ đường thì chỉ kịp nhìn thấy những ngón tay cụp cụp vẫy chào. Thò đầu ra khỏi cửa kính xe, con bé buông xuống cho người đàn ông nắm hoa cúc trắng.

■
Hôm sau mưa bắt ngờ cuốn theo cơn gió nam lồng lộng. Chạy được tới căn quán thì chuyến

xe buýt đã đi qua, ông đứng lại bên trạm đỗ, đưa tay vuốt mái làn nước tuôn xối xả trên mặt, tấm bảng giờ chỉ còn dính vào cột bằng một đầu đinh lác loạn cuồng. Mắt cố tìm bóng con bé trong vùng đất mà gió hất tung mưa, tưởng chừng như sóng đánh. Đám cây cháy sém khô cần vẫn cố chống chọi với đất trời giờ đã đầu hàng, buông xuôi đổ sập trên nhau. Chắc con bé chẳng đại gì ra đây giữa bão tố này, ông lẩm bẩm nhủ lòng đi vào trong quán, thả tấm thân ướt mềm trên nệm ghế. Có vài tiếng lao xao, có mùi rượu nồng và chất gì tuôn vào họng không ngừng. Ông muốn hỏi bà chủ quán một câu về cô gái nhỏ khi bà ta đem tới một tấm khăn rồi chẳng nói chẳng rằng trùm lên đầu ông, kín mít. Cổ giằng ra mà không thoát khỏi, mạng lưới càng lúc càng quấn chặt, xoay xiết quanh đầu. Ông ngất ngư gắng mở mắt nhưng chỉ thấy tung tóe tia lửa, trước sáng rực màu sắc như pháo bông sau bắt chợt tàn đi, trở thành những đốm nhấp nháy nhỏ nhoi của đàn đom đóm ở đầu túa về đập vào mấy khung cửa sổ căn phòng ông giữa thành phố cao. Ông nằm chông chênh trên chiếc giường năm cũ, chăn gối rũ tung lếch lác trên người. Tim nút bật ngọn đèn nhưng bàn tay chỉ quơ vào khoảng không trong bóng tối. Cái lạnh se sắt khắp châu thân, ông vội kéo chăn đắp làn da trống trải. Tấm chăn càng lạnh lẽo, không hơi người, không mùi hương quen thuộc của nàng, thứ hương dâu ngát thơm vào độ chín. Thảng thốt ông gọi tên, chẳng tiếng nàng đáp lại. Chợt cửa mở đầu đó, bên kia đầu giường dáng áo mềm ai bước vào phòng và ánh sáng đèn nhóa lên ngũ sắc. Chưa kịp ngừng cổ trông ra, người ông đã bị phủ ập bởi cả một thân thể mềm đầy, rạo rực. Những tưởng nàng đã về, ông cuống vội dang cánh tay, mở vùng chân nhưng đầu óc thoát chao đi vì mùi hương quá sắc, quá nồng. Biết mình sắp lịm, ông cố mở mắt nhìn, loáng thoáng những sợi tóc xoăn xoăn và môi son đỏ vạch hai đường ngay trên bờ vai nở nang rượm nắng. Hốt hoảng ông vung tay xô tấm thân đè ngợp trên mình, mái tóc cuốn lộn bị hất tung, trong khoảnh khắc lộ ra một mảng da đầu cháy nám sần sùi từ màng tang chạy vệt sau tai. Cặp mắt người đàn bà nhìn ông sắc xanh niêm đau đớn.

■
Nắng mênh mang đã trở về sau trận mưa cuồng bạo, nhưng không gian trước mặt trống vắng, cả lũ chim cũng bỏ đi như thể chẳng còn gì để chúng đùa vui khi cô gái nhỏ bỗng biệt tăm. Ông ta ngồi lặng ở đây, muốn nói với người đàn bà một câu gì, ngay cả chia sẻ nỗi nặng lòng, dù có thể chỉ nhận được cái nhún vai thờ ơ, ai hơi đâu để ý đến trẻ nít, có điên mới thần thơ trong bãi rừng cháy rụi. Thế mà nào ngờ khách đông, bà ta tíu tít bận rộn. Không dừng hai chiều nay người ta ngừng xe vào quán, mùi chim trĩ treo cho thịt sống ôi ương rồi mới nấu, mùi bò hầm nhữn trong rượu vang chen với mỡ nai thui lèo xèo trên hai thanh củi đỏ làm ông lợm giọng. Gã đàn ông mặt hẹp chạy như thoi giữa những bàn ăn, quầy rượu và trực quay nai ngoài sân cỏ. Người đàn bà thỉnh thoảng đi ra, cái nhìn ái ngại lạ lùng bám trên những chiếc ly cạn rượu ông chẳng ngừng cầm lên đặt xuống tựa đang chơi một bàn cờ. Nhưng có tiếng khách gọi, cốc đĩa xôn xao, bà ta vội chạy vào trong quán sau một thoáng nhíu mày. Những sợi tóc càng xoăn hơn trong cơn gió tây bắt đầu thổi mạnh. Không dừng được, tia mắt người đàn ông bắt chợt như vuốt sắc, chỉ muốn cào ngược chúng lên để kiểm chứng hình ảnh buổi chiều giông bão hôm trước là thực hay từ cơn mê sáng.

Trên tấm tranh ông từng đối diện, từ hôm cuộc đi tìm nàng đưa đẩy đến đây, những hình nhân đen đúa phần lớn đã đổ sập trong cơn mưa thác loạn. Màu nền tái đi rồi lan ra, tan loãng ra vô tận. Người đàn ông tưởng mình sắp bị hớp vào một khoảng trống kinh hoàng thì chợt tiếng còi xe gọi rất gần. Không chần chờ nữa, ông hấp tấp chạy ngay sang trạm đỗ mà chiều nay chỉ còn cây cột gãy trụi trên mặt đất, tấm bảng có lẽ đã phiêu du vào khu rừng ấy. Người tài xế thấy ông vẫy tay mới dừng lại, ít ai xuống nơi này ngoài con bé và đôi lần có người đến quán. Thoáng ba bốn hành khách cùng ngó ông, kẻ lạ. Bác lái xe gật gù, Vâng, con bé hết đón xe đến đây ngay từ hôm trời bão. Chỉ về phía những ngôi nhà thấp thoáng ông hỏi, Nó ở làng ấy. Không, cái làng cuối tuốt trên xa. Người đàn ông thần thờ, nói như một mình, Tại sao nó bỏ đi. Bác tài xế vội vàng, Ày, mỗi năm con bé chỉ tới đây độ vài hôm, cứ vào mùa khô này, hình như bố nó đưa về, mà cũng la2 Bác ta chưa dứt lời, một người đàn bà

ngồi hàng ghế giữa bỗng lên tiếng, Không phải cha nó đâu, ông ấy nhận nuôi con bé sau tai nạn đó thôi, vậy mà chịu khó thế đấy, nó là đứa nhỏ sống sót trong trận cháy rừng này đây. Bấy giờ, ông già gầy guộc ngồi gọn lỏm bên cạnh hơi nhòm người lên, nói gộp, Năm đó hạn hán chưa từng thấy, chuyến xe đò liên tỉnh bị nổ máy lật lắn vào bờ rừng, bốc cháy, trên xe không mấy người, có hai mẹ con nó nghe nói tính đến ở vùng mình, đem theo nhiều hành lý, ai cũng cứu được chỉ cô ta không thoát, cơn gió khô phùng lửa cháy loáng một phần rừng. Rồi tự dưng ông già đứng bật dậy trong xe, chỉ sang bên kia đường, Chính bà chủ quán này lúc đó chạy lao qua, cổ lồi hai mẹ con ra khỏi xe, thế là bị lửa xém một bên đầu, suýt chết.

■

Chiếc xe mất dạng đã lâu sau mảnh rừng xanh dưới con dốc, người đàn ông vẫn đứng lặng ở mô đất còn tro gốc cột trạm xe giờ đã gãy đôi nơi vết lửa. Trong sân cỏ, người đàn bà từ quán đi ra với chiếc khay trên tay, hướng mắt tìm kiếm, ngó sang. Bất gặp ông đứng đó, bà ta cũng sững người bên cái bàn chênh chao. Tắm váy và mớ tóc lất theo ngọn gió đang bốc lên, quần xoay những tán dẻ tây giương xòe thật rộng như tận tình che chở cái quán nhỏ đơn độc. Bước chân mộng du, ông băng qua đường, kịp nghĩ mình phải ôm giữ lấy mái tóc ấy để nó đừng bay đi, dù biết chẳng nói được lời gì với bà ta. Vết nám người đàn bà và linh hồn bỗng chốc cháy trụi như cây rừng của ông thì không thể nào bay đi được nữa. Sang đến bờ sân, quay đầu lại, ông ngỡ ngàng, hình như con bé đang bước tung tăng, màu áo rực lên trong tia nắng cuối ngày giữa những nhánh cỏ sậy đứng đưa. Nó cười, nụ cười của nàng một đêm nào khi nói về tình yêu và sự sống.

(từ một lần đi, 2001)

Dấu nứt đêm

Lúc ba ngọn đèn rọi vào khoảnh gọi là sân khấu ấy vụt tắt ngấm trong vài chớp mắt, để lại sáng bừng lên báo hiệu vở kịch chấm dứt, người đàn ông đã đủ thời giờ ngừng lên vòm trời đêm. Một chùm năm ngôi sao ngọn mờ ngọn tỏ vẫn còn đấy, tự bao giờ. Rồi ông cúi xuống vùng ánh sáng đang toả trên khắp người cô ta, nhất là khuôn mặt. Miệng cười nhẹ, cô lùi ra sau cho người nam và người nữ giữ vai chính bước tới, nhận những tràng vỗ tay không âm ĩ mà thân mật. Cuối cùng, chàng đạo diễn với đuôi tóc dài và anh kéo đại hồ cầm từ sau cột gỗ đi ra, nắm tay cô dong tới ngang hàng với cặp diễn viên để gật đầu chào. Thêm một lượt vỗ tay nữa rồi đám khán giả đứng dậy. Người vợ vã bước ngay ra cánh cửa che bức màn mong manh, người lục đục chòng những chiếc ghế vừa ngồi, đẩy vào một góc, quanh mấy cái bàn sắt nhỏ. Thế như khi ngày rạng sáng, thiên hạ lại giờ bàn ghế này ra, vui vẻ bày tách cà phê buổi sớm.

Mùa hè năm nay chắc sẽ ra đi nhanh hơn, ông đoán thế. Khi cái nóng cứ rút cao đến cực điểm lúc đứng trưa, song chỉ đôi giờ là đột ngột bị ngọn gió không biết từ đâu nổi lên cuốn hút, đẩy thốc lên trời, cho thành phố bất chợt dịu mát cuối buổi chiều. Thường như vậy là mùa thu ngập nghe. Hơn bao giờ, từ ngày dọn sang ở bên này con sông ông đã để tâm nhìn trời và ngó không gian. Nửa thành phố bên đây sông mang vẻ u trầm của gạch đá lẫn sự bình dị của một thứ đời sống hòa trộn lẫn giữa người và mặt nước lặng lẽ. Hình như không ai phải chạy đâu xa để kiếm tìm, từ điều thực dụng tới mộng mơ. Cứ thong dong vài bước là có thể vào ngay một cửa hiệu bày bán nghìn thứ linh tinh. Những thứ chẳng ăn nhập với nhau, khó lòng xếp chung theo một hệ thống lô -gích của cuộc sống. Ở tủ kính vài món đồ chơi bên cạnh cái giá lồng mấy cuộn giấy WC, dăm ba cái soong dưới chân tấm cạc- tông dựng hình cô gái đẹp cười tình tứ, tay uốn ngọn mascara chải vành mi cong. Quanh sang góc phố bên

kia là một phòng triển lãm mà tranh dựa chân tường, và trên sàn dờ dang mô hình một phần Âu Châu nằm hai bên một giải sông xanh uốn lượn. Nhiều lần ông đi qua, những mảnh gỗ ép dùng xây dựng nào thành Viên, nào Luân Đôn. vẫn ngổn ngang bừa bộn. Có lẽ người nghệ sĩ, hay chỉ đơn giản là một nghệ nhân thủ công thực hành lắp ráp, thích bỏ những buổi chiều lơ lửng cạnh ly bia, dưới tán cây đầy hương nồng mùa hạ hơn là quì bò trên sàn để dán ghép, hít thở một thứ văn hoá quá xa vời.

Cũng chẳng bao lâu, sau khi đến ở căn phòng trên bụi trúc, ông khám phá ra cái kịch trường nhỏ bé bình dân, sau sân gạch ấy. Chỉ là hàng hiên một căn nhà mái kéo dài ra, lợp thêm vài mảnh, ngăn với vuông sân bằng ba bức tường gạch thô sơ. Khó biết được đó là nơi chốn người ta có thể đến tìm, bắt gặp đôi điều ở ngoài cuộc sống. Không đèn màu rực rỡ, không bảng tên lóe sáng, chẳng có gì gọi hình trừ một tấm bảng đen học trò với nét phấn trắng quệt vội tên vở kịch và ngày trình diễn dựng sát bờ tường. Lắm khi người ta quên ghi cả giờ mở màn. Chắc đâu cần thiết cho chừng ba bốn chục khán giả đường đã quen thuộc nơi chốn. Nào có sân khấu để vén màn, họ diễn trên cùng sàn đất với người xem, đầu những hàng ghế thấp, giữa mấy đọt cột đỡ mái che vốn là thân cây già cỗi. Nhiều lần, lúc chờ đợi vở kịch bắt đầu, ông nhìn ngắm chúng, ở những vết sẹo loang lổ nơi cảnh bị chặt là thân. Trong bóng tối lập lững, vết đứt nhô lên, sần sùi, bệnh hoạn, nhưng có gì cứ rút sâu tầm mắt ông vào đó. Cũng may, một chốc thôi thì ba ngọn đèn đã rực nhóa, người đàn bà áo đỏ từ lúc nào lững lững đứng đấy, đánh thức đám khán giả bằng lời rao sang sảng về bi kịch của bà ta. Rồi người nam diễn viên sau thân cây đi ra, nhập cuộc. Cả hai vừa vụng vãi vừa quẩn lầy nhau trong một tán tuồng khép kín. Những đối thoại lúc rúc cao, buốt xoáy với ánh đèn nhức sáng, phơi trần, lúc bỗng dựng đứt hẳn, ngưng bật, im lặng, không cả hơi thở, chỉ còn tiếng trầm ngân của những sợi giấy đàn.

Cô ta xuất hiện ở màn thứ nhì, khi người đàn bà đã bỏ đi. Cô là đứa con lạc về để vực ông bồng đang cúi gục trên những trang đời viết dở. Viết nhưng trống không, viết để bôi xoá. Bôi xoá nhưng chẳng gạt sạch được những gì thuộc quá khứ. Càng không thể manh lên một vót vát, nói chi phép màu, cho ngày sắp đến. Cúi xuống trên vai người cha với màu áo xanh nhạt khói, gương mặt cô biểu lộ những cảm xúc không phải xót xa mà ánh lên điều gì lấp lánh, tương phản với niềm tuyệt vọng của người đàn ông. Cô di chuyển chậm trên nền gạch, mỗi bước chân, cử động chính xác trong tự nhiên lẫn bất ngờ. Lời nói của nhân vật là những câu rành mạch, đau, sâu và sắc. Tiếng cô cất lên với thanh âm là lạ? Khán giả xì xào cô ta từ nơi khác đến và ban kịch này lần đầu ghé qua đây.

Người đến xem đã đi hết rồi, ông vẫn đứng lại đầu sân, dưới bóng tối phủ cả bức tường gạch rạn nứt của một ngôi nhà hai tầng bọc khoanh một phía. Cạnh bên kia của mảng sân cũng bọc bởi một căn nhà tương tự với những nhánh cây leo bám chặt vào tường, và tuốt trên cao, hai cửa sổ đóng kín. Màu xanh bầu trời sắc lại, thắm hơn với đêm khuya. Ngày còn ở hữu ngạn con sông, chiều tối đi về trong phần thành phố hiện đại, ngập nhòa đèn đóm ấy, chẳng có mấy lần ông để ý nhìn trời. Như thể thực tế của đời sống con người chỉ đọng lại ở tầng lớp sền sệt thấp, có vươn lên thì cao lắm là kích thước vài chục tầng lầu. Nên sao, trăng, mây trời là điều vơi vợi, lững trên đời sống. Có lẽ ông bắt đầu nhìn lên đêm xanh từ hôm đến nhà kịch này. Cũng không hiểu vì lý do gì ông nán lại, sau khi khán giả đã ra về. Rồi sau đó bước theo tiếng còi của cô ấy, chạy suốt từ khoảnh sân ông đang đứng đến con tàu điện. Những chuyến tàu điện đưa ông và bốn người trong ban kịch về nơi họ ở mỗi đêm. Anh chàng nam diễn viên luôn luôn là người đầu tiên bước khỏi khung cửa trống, khi hai mảnh màn đã vén lên. Dừng lại giữa sân chằm điệu thuốc, anh có băng quơ hương mắt về phía ông. Người đàn bà áo đỏ ra sau, đôi mắt sâu còn đọng những vệt chì sậm xanh dù sự hoá trang của những người trong ban kịch này thật đã là đơn giản. Cuối cùng là cô ta và anh nhạc sĩ đại hồ cầm. Luôn luôn, ở lúc ấy, ông thấy mái tóc cô càng ngắn hơn, cái ngắn rất vị thành niên khiến mọi

đường nét trên gương mặt tựa đều thu gọn lại, cùng một lúc trở thành mong manh trong không khí hơi se sắt nửa đêm và dưới bầu trời dường ngút cao hơn. Cặp diễn viên chính vừa đi vừa nói chuyện rào rào đùa dỡn, như thể vở kịch dài gần ba giờ đồng hồ với vồn vẹn ba nhân vật chưa đủ làm họ thấm mệt. Cô ta ít nói nhưng tiếng cười thỉnh thoảng vang lên, trong và nghịch ngợm, đã khiến ông nghĩ đến ánh mắt cùng những vì sao lấp lánh. Ông đi theo họ, con đường mở rộng với đêm. Trạm tàu điện ở cuối phố, hai con tàu với tuyến đường khác nhau. Nhưng ngay buổi đầu ông đã lững thững leo lên cùng một chuyến. Không ngại gì, ông sẽ đổi sang tuyến khác để về đến căn phòng trên bụi trúc. Ông còn cả một đêm trước mặt. Sau nhiều năm tháng, bắt chợt một ngày người ta nhận ra đêm không cùng.

Người đạo diễn luôn ở lại nhà kịch lâu hơn. Cặp diễn viên chính thường hôn nhau bắt chợt, cười rít lên và xuống cùng một trạm. Người đàn bà áo đỏ hay mặc áo thun chần ngoài vở kịch, tóc xoã màu đồng óng, dáng đi đong đưa khêu gợi, có gì già dặn. Nhưng ông đoán đấy chỉ là già hơn tuổi bởi giọng nói còn vang ấm thanh xuân. Anh chàng chơi đàn dáng trẻ sinh viên, là người duy nhất đem âm nhạc vào vở kịch, nhưng tiếng đàn anh đã biết thúc hồi thêm những cuồng nhiệt, đứt đoạn hơn những chia biệt, mệnh mỏng hơn những khoảng trống, và đấy sâu tận cùng cảm xúc khi tiếng nói đã ngừng. Chàng ta đi đứng nhẹ nhàng, đùa nghịch với hai chân, có khi chực đổ cả đàn xuống đất. Bước bên cạnh, mấy lần cô giơ tay níu, giọng cười rúc lên tự nhiên, từng chuỗi. Không hiểu tại sao ông thích nghe chúng, như thể bắt gặp lại tiếng reo của những chiếc phong linh treo từng chùm ở cửa nhà một thời thơ ấu, rung lên khi gió chuyển.

Trên xe, người đàn bà ngồi thẳng người, hai chân mở ra, vững chãi. Trong khi ở ghế đối diện cô hơi dựa vào vai chàng nhạc sĩ. Mắt khép hờ, miệng vén nét cười trẻ thơ trên gương mặt, lặng im nghe ba người kia nói chuyện. Thỉnh thoảng anh đánh đàn gõ nhịp mấy ngón tay trên đùi, tự nhiên huýt sáo hay hát một đôi câu. Khi ba người ấy đã xuống xe điện thì bấy giờ cô đuổi người ra, gác chân thân nhiên lên bờ ghế đối diện. Cử chỉ bất ngờ buông thả. Chẳng còn mấy ai trên xe, ngoài ông ngồi cách hai hàng. Hẳn cô nhận ra ông là người khán giả chăm chỉ và kẻ đã đồng hành mấy đêm nay trên chuyến xe khuya cuối cùng, cho đến lúc cô tới trạm ngừng và bước xuống. Có khi bỗng nhiên ngoảnh lại, cặp mắt lách lên dưới ngọn đèn soi trạm đỗ. Có lúc quay đi vội vã, dáng người biến nhanh vào bóng tối phủ đầy bên kia bờ đường. Cứ nhìn theo thế, cô đơn thoáng từ đâu ngập ngợp, chập chùng. Hình như chẳng phải nó chỉ phủ chụp mình ông mà cả cô ta nữa, nó dập tắt ngúm chuỗi cười reo trong trước đó. Nỗi cô đơn tỏa như lụa quấn lấy đôi chân, ông chực vấp ngã khi bước xuống toa xe. Vuốt những sợi tóc hơi ẩm sương đêm, lao đao, ngây ngất. Có phải sự mỗi một của linh hồn hay chính là thời gian. Đã lâu, ông chẳng còn nghĩ đến ngày và tháng, cuộc sống trật tự yên ổn, già khốc, bao bọc bằng những ràng buộc thân thiết, hệ lụy miên man thành một bức tường kiên cố. Sự yên ổn vây kín đó chẳng những chặn đứng thời gian mà cả không gian. Tất cả kín bưng, không cánh cửa, hoặc giả nếu có thì khác gì cái cửa văn phòng ông từng ngồi đó bao năm, nó mở ra một hành lang trơ rỗng, rồi hành lang lại đâm vào những căn phòng làm việc vuông vức, nghệt thờ khác.

Đêm hôm đó, phần trắng nguệch ngoạc tên vở tuồng mới trên tấm bảng đen. Đám khán giả thêm vài khuôn mặt lạ. Ông vẫn chăm chăm nhìn ngắm vết sẹo chương bảy xù xì trên thân cây già, cho đến lúc tiếng dây đàn búng lên bục bục thay cho những hạt mưa nặng khởi đầu của vở kịch. Chỉ vách tường gạch mỏng ngăn cách không gian này và con đường xe cộ ngoài kia. Nhưng không ai khó chịu vì tiếng ồn của phố, ít nhất là ông, chẳng còn gì hiện hữu ngoài vùng sáng đang khoanh tròn quanh mấy nhân vật. Họ đang tra tấn và thương xót lẫn nhau, trong một định mệnh thân nhiên, phi lý nhưng sát gần cuộc đời như sự thật. Tuy thế chẳng có gì nặng nề, không có đối thoại gay gắt, cố ý nhận chìm người nghe, không có những kêu đau

sướt mượt. Nhưng là những vết xước chậm, từng phân, từng sợi, với ý thức để hiển lộ dần dần mặt dưới vết thương.

Cô ấy giữ vai người đàn bà lúc tỉnh lúc say, khi hiền hoà đến nhút nhát, pha cả ngây thơ, khi lên cơn bặt mạng, phóng túng. Ông rợn người theo với chuỗi cười khăng khắc, và bàng hoàng ở hình ảnh cuối cùng. Cô ta, không, người đàn bà trong vở kịch, đã bị đời quật ngã, nằm tan hoang trên mặt đất, hai ngáng chân dặng ra như tình cờ. Giữa chúng, sự tình cờ rưng trắng bởi màu da trong sâu khuất vừa hé lộ, làm đám người xem lặng thờ, ray rứt thật lâu. Thật lâu, sau khi người kéo đàn đã ngừng cây mã vĩ.

Cũng khuya hôm ấy, cơn giông cuối mùa đổ xuống thành phố, đúng ngay lúc cô ta bước rời con tàu điện. Chiếc váy xanh nhạt và tấm áo trắng mỏng manh lạ, khác hẳn vai trò vũ bão cô vừa bỏ lại. Không nghĩ ngợi, ông xuống theo, cô ấy đang cuống quýt núp dưới một tàn cây rộng. Cùng một lúc, lằn sét xanh xoẹt ngang trời. Không đắn đo, ông chạy tới vội vàng kéo cô rời xa gốc cây, đợt sấm cũng vừa nổ dồn từ bên kia con sông chia đôi thành phố. Những hạt mưa to, nặng đã kịp đáp ướt mái tóc cô và thấm sát manh áo vào khuôn ngực. Cô ta kéo khép hai bờ vai rồi ngừng lên, vừa đủ bắt gặp ánh nhìn của ông rạng ngời sự thẳng thốt. Cùng lúc đó, trong tiếng đập vỡ tung của nước có tiếng vận mình rên xiết rất gần. Hai người quay lại nhìn, cả thân cây cô vừa đứng trú đang quặn quẹo, trĩu gập, những tán lá xoè toang sắp ôm choàng mặt đất. Mắt xoáy vào dấu cành cật cụt mừng trời chỉ chực nứt bung, cô ta thốt kêu lên run rẩy. Những tiếng kêu làm ông bàng hoàng như vừa bị cửa cật xốt xa trên thân thể đồng thời lại được ban tặng một nỗi gì ngập tràn khoái cảm. Cúi ngay xuống, ông ngậm xiết lấy đôi môi đang hé mở trên khuôn mặt dính sát viền tóc mai đắm nước. Ông hôn cô sâu suốt, mê mải hôn lên da thịt nứt rạn đau đớn, hân hoan giao hoà với vết sẹo trên cành cũng vừa toang vỡ. Chung quanh họ, những mảng vỏ cây rung chuyển, bật nứt rồi tróc ra, lỏng lẻo cuốn theo từng vạt gió.

Khi ông rời khỏi căn phòng cô thì đêm đã trở lại trong xanh, mun mát, nhưng nước đọng trên cây còn lững thững rơi. Vài cánh lá bay trong gió đêm rồi chạm vào vai ông, như một lời chào, một san sẻ, trước khi rút xuống trôi dần theo rãnh nước. Đi về hướng dòng sông, ông bước chậm, hít thật sâu khí trời và thích thú với cảm giác mát rượi trên da. Chiếc áo sơ-mi bây giờ buông thõng, hai vạt thông dong, không còn bị quán gọn trong quần bằng sợi thắt lưng tề chỉnh. Sau cơn giông mà mặt nước sông phẳng lặng đến chẳng ngờ, mịn như tấm lưng cô ngã bầy trên chần nệm. Nửa khuya có tiếng sáo từ đâu đưa đến căn phòng ấy, đơn độc nhưng trong vắt, có lúc lại xoáy tròn để lút sâu vào xúc cảm. Ông đã nằm xuống bên cô, bập bênh trong không gian tối, chỉ ánh một vệt đèn đường xuyên qua khung cửa nhỏ. Nằm nghe hơi cô thở, nghe từ làn da cổ và bờ ngực cô ngát một mùi hương gì vừa quen thuộc vừa xa vời như đã có từ thời thơ ấu, rồi bay mất với dòng sông, nay lại bất ngờ trở về. Hốt nhiên chẳng còn những giới hạn vô hình chia đời người thành ba mảng, quá khứ, hiện tại và những gì người ta cứ thấp thỏm đợi chờ nó xảy ra. Ông lặng nhìn gương mặt cô mê thiếp, không thể đếm tuổi đời trên những nét mong manh. Rồi sờ nhẹ tay lên bụng mình, lần đầu tiên, đã từ lâu lắm, ông ý thức được sự căng cứng của sức lực, bắt gặp tràn trề một thứ nhựa cây xanh.

Ông lảng lảng lẫn ngập chìm trong mấy đêm sau. Có khi vào ngồi trong kịch trường nhưng ông không chăm chú nhìn sân khấu, chỉ lắng nghe những giọng nói lúc vang toang, tách bạch, lúc âm u hoà trộn với tiếng đàn. Mắt vẫn hướng về mấy thân cây nhưng lòng nhẹ nhàng, như thể những vết sẹo đã được giữa mài, nhẵn mịn tựa lớp da trên thân thể ông vừa tìm lại được trạng thái phơi phơi đông đầy của cánh đồng cỏ mùa xuân. Sau khi xuống trạm xe, ông lôi cô ấy lẫn vào dãy phố chập chờn bóng cây khuya. Mùa hè nực lên bao mùi hương lạ, suốt con đường ông dẫn cô về căn lầu trên đám trúc sẫm đen. Tiếng cười trong cao bay

giờ nhỏ lại, cúi rúc, khi ông đẩy cô vào một ngách cửa hiệu đóng im, để cúi xuống trên bờ vai, cánh tay, rồi kéo cao chiếc váy trên hai sống chân buông thả. Những cửa tiệm bày linh tinh muôn thứ, bình dị. Đời sống có thể sáng rực lên qua những điều đơn giản, nhưng cảm nhận ấy là trong suốt. Tâm hồn thư thả mở ra, không còn khép kín một thế giới bưng bít. Chẳng còn những căn phòng chỉ có cửa chụm vào một hành lang, mà là không gian tháo tung hết ngăn chia, mà là thời gian không hạn định. Mỗi chiều, từ trung tâm đô thị lều nghêu, tấp nập, ông đạp chuyến xe bằng qua dòng sông, trở về căn phòng đơn độc bên này như lọt vào cõi sống khác, một cố tình bút bung những nút kéo, phong bao. Ông nói với với cô ta điều đó, và cô đã cẩn trọng, dịu dàng, ?ôm lấy khuôn mặt ông bằng hai bàn tay nổi đường gân xanh söt. Ông chẳng biết cô bao nhiêu tuổi, cô cũng không kể cô từ đâu đến. Họ chỉ nói với nhau về những vở kịch, về nỗi đam mê sống với con người thể hiện đầy ắp qua các vai cô diễn và qua từng giờ phút cô chia với ông bao cảm xúc tràn ngập đêm khuya.

Cho đến một buổi chiều, ông nghĩ mình hãy đến nhà kịch ấy sớm hơn, khi nắng chưa hoàn toàn tắt hẳn. Để nhìn tường tận mấy đọt cột trong ánh sáng ngày, mà giờ đây, ông đã có thể bình thần vượt lên những dấu sẹo. Nhưng tới đầu sân nhìn vào, trên tấm bảng đen chỉ còn vạt phấn xoá vội, dường như bằng một miếng giấy khô. Những chiếc ghế lỏng chông sau bức màn mỏng. Quang cảnh trống lạnh, không có ai, không dấu hiệu một vở kịch sẽ được diễn tới nay. Chẳng có gì đã từng hiện hữu, ngoài mấy thân cây nâu già. Lúc ông bước hẳn vào, chúng bỗng rung chuyển, chùng như có sức mạnh gì trên cao đè xuống nên chúng phình ra bất ngờ. Các vết cành chặt đứt lại phù lên, sừng chướng. Ông chao đảo, vội vàng ra khỏi cửa. Hè phố còn đông người, chuyến xe điện bên kia con đường đã tới trạm dừng. Đôi mắt vẫn cố tình kiếm tìm một hình ảnh, ông ngỡ vừa thấy bóng cây đàn lênh kênh đeo theo chàng nhạc sĩ. Hấp tấp chạy tới, nhưng chỉ là một cậu học trò đi học đàn về, sửa soạn lên xe.

Người đàn ông tiếp tục bước trong dòng người, rồi chẳng hiểu nghĩ gì quay trở về nhà kịch, ngồi xuống ở bậc thềm, giữa hai tấm màn vén toang. Gió cuối chiều lác rung những tán lá. Trên cao, mây đang chạy về tụ hết nơi chân trời rắng đỏ, để lại ở khoảng giữa một vùng xanh nhẵn. Phố phường người đi qua lại cách ông một khoảng sân, nhưng cảnh tượng chẳng có một liên hệ gì, không ở trong tầm nhìn của cặp mắt. Những tiếng động cơ xe cộ, tiếng người ta rầm rập ồn ào cũng là ngoài đôi tai. Bao nhiêu náo nhiệt ấy rồi sẽ lắng dần với ánh sáng của ngày tắt ngấm. Khi đó, bầu trời sẫm lại, cùng với ngọn sao hôm sẽ có năm vì sao nam lấp lánh. Rồi sau lưng ông, tiếng đại hồ cầm cất lên mới đầu lắng nhẹ để sau đó kéo mạnh những dòng nhạc rộn ràng. Người ta vội vàng bày mấy hàng ghế, đèn màu trên cột gỗ chớp nháy, sửa soạn chiếu vào nơi mà cô ta sắp bước ra với đầy xúc cảm. Ông tin là như thế.

Tất cả những gì đã xảy ra, các vở kịch, cặp nam nữ diễn viên, anh chàng nhạc sĩ, tiếng đàn trầm hay tiếng sáo reo cao dù có thật hay không, thì ông vẫn tin rằng cô đã thực sự hiện hữu và bất biến. Nên ông ngồi lại đó đợi chờ, đợi cô, đợi đêm xanh trong suốt trên những con đường ông đi cùng với cô, không có tuổi.

(mùa xuân, 2001)

Con đường đôi cát

Mai Ninh



Tác giả Mai Ninh là vợ Cổ Ngự

Tôi rời Hà Nội vào Huế đem theo hơi sương sớm và hình ảnh màu sắc hương hoa của mấy ngày vô tình được sống một thời tiết dịu dàng như sang thu, giữa mùa hè lẽ ra nóng gắt. Phi trường Phú Bài tháng bảy đổ nắng trên đầu, những làn nắng rực rỡ thiêu hủy trong chốc lát không gian tươi mát quán quanh cảnh lá hồ Tây hai bên đường, chị PQ đã chở tôi đi vòng một lần cuối, đôi giờ trước khi lên máy bay. Hôm ấy Hà Nội đầy hoa dành thắp hương đầu tháng âm lịch. Bao gánh hoa chạy rong đường phố, sen hồng sen trắng cúc vàng và cả hoa trang mà tôi ngỡ ngàng khi biết người xứ Bắc gọi là mẫu đơn, thật khác loài hoa đài các yêu quý của nàng vương phi họ Dương thời Đường.

Một giờ đồng hồ, chỉ đủ từ Phú Bài về nhà anh chị bạn ở Nam Giao, thay vội quần áo rồi lên đường đi ngay Quảng Bình. Trên xe, chợt nghĩ mình lại trở ngược ra Bắc, ra Bến Hải, địa danh huyền thoại của ngày thơ thiếu. Đây là chuyến đi tôi biết trước sẽ không dễ dàng gì, chẳng dễ dàng cho chính tôi, không phải do con đường đưa đến đó. Dù thế, khi chị bạn hỏi mọi thứ sẵn sàng chưa, tôi đáp gọn: "Có gì đâu, em chỉ có gói này là phải đem theo". Gói tiền hơn mười bảy triệu đồng VN đóng góp của các bạn giao cho cầm về, đem tới huyện Lệ Thủy - Quảng Bình.



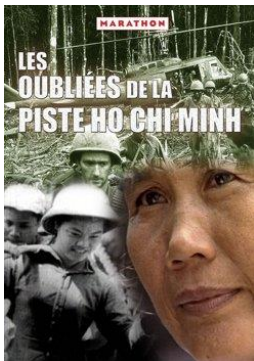
"Khi xưa, tôi thích..." (Ảnh Đơn Hồng Oai)

Thả người trên nệm xe, tôi chấp chờn trong tiếng anh Thái Ngọc San từ tôn giới thiệu phong cảnh, nơi chốn. Anh San, đại diện báo Thanh Niên ở Huế đã vui lòng tổ chức giúp cho cuộc thăm viếng tôi từng mong mỏi làm được trong chuyến về VN lần này. Trừ một vài đoạn đang sửa chữa, quốc lộ số 1 đã mất những hố lầy, ổ voi của một năm chín ba, chín tư tôi qua đây để đến La Vang, Cửa Tùng. Xe có máy lạnh, quên hơi nóng còn hừng hực trên tàn phượng đỏ, tôi cố giữ hồn thanh thản, ngó ra mặt sông lặng, bóng núi xanh, rừng bạch đàn và nhìn lên những tán cây tím màu tím tím của hoa bằng lăng giờ đã vào độ cuối. Tuy thế, thỉnh thoảng tôi ngồi bật thẳng dậy như bị chạm vào một lưới dao ký ức để hỏi về, động tới các dấu tích chiến tranh. Dấu sao vẫn không thể quên : mình đang trên quãng đường năm nào được mệnh danh tử lộ. Rồi cố dấu dự cảm buồn nhiều hơn vui về cuộc gặp gỡ ở Lệ Thủy sáng

sớm ngày mai, tôi cười với câu chuyện người đàn ông ít nhất bảy vợ sống chung đê huê khi xe ngang qua vùng "đất cằn Quảng Trị". Anh San bảo nói là bảy vợ chứ thực ra hơn nhiều vì số con cái cháu chắt ông ta bây giờ đủ lập thành một ngôi làng, và người đàn ông có phước này luôn luôn được vợ con nuôi nấng. Thế là tôi miên man nghĩ về chuyện đàn ông đàn bà Việt Nam cho đến khi xe dừng lại bên đường, dọc hai bờ là vài quán ăn nhà sàn dựng trên mặt nước. Một bên là sông, một bên hồ nhân tạo nuôi cá. Đặc sản ở đây là cháo cá dọn trên những chiếc bàn thật thấp, thực khách ngồi chiếu. Chàng thanh niên tài xế vợ vàng ngã người xuống võng, hai ba chú bé tiến lại bắt đầu làm massage, xoa nắn thành thạo, hai bàn tay chụp vào, vỗ lên sống lưng người khách những nhát kêu rảng rặc nhịp nhàng. Suốt một ngày dài di chuyển, tôi cũng thêm được đám lưng nhưng chỉ có dịch vụ đấm bóp cho đàn ông trong các quán này. Một lần nữa, thấy phụ nữ VN thua thiệt. Tôi ngồi ngó ra bờ sông, không bóng dáng cá tôm, chỉ một ráng trời hoe đỏ của buổi chiều đang là xuống, bàng bạc mặt nước.

Tối hôm ấy chúng tôi đến Đồng Hới, thị xã của Quảng Bình. Đồng Hới, ngày nào tượng trưng một địa danh bom lửa, với tôi, thiếu nữ Saigon, nó xa tưởng chừng chẳng bao giờ mình đến đó. Đồng Hới trước mặt đèn đuốc đã lên, chiếu sáng những ngôi nhà lều. Tôi ngạc nhiên khi biết mấy con đường trong thị xã trồng đầy cây hoa sữa, loài hoa cứ ngỡ chỉ thuộc về mùa thu Hà Nội, và thêm nữa : dân chúng, chính quyền địa phương đang khổ sở với mùi thơm đã đi sâu vào âm nhạc, thi ca VN đó. Cây trồng quá nhiều, đến mùa hoa, hương nồng quá độ làm dân hàng phố bị say, khó ngủ, đau đầu.

Trao đổi sơ qua với người đại diện tỉnh đoàn thanh niên Quảng Bình, tôi được biết hiện có độ 10.000 phụ nữ cựu thanh niên xung phong (TNXP) ở đây, trong số ấy khoảng 1.000 chị sinh sống rất khó khăn. Điều chính quyền và các hội đoàn thanh niên địa phương làm được cho họ còn rất giới hạn : xây được trên dưới 200 ngôi nhà tranh (7 triệu đồng/nhà), một số chị được cấp "Kỷ niệm chương" tương ứng với trợ cấp 1 triệu rưỡi đồng, nhưng chỉ một lần duy nhất. Buổi tối, tôi cùng chị bạn ngồi đếm và bỏ vào 8 phong thư, mỗi phong trên hai triệu đồng. Cảm bì thư quá nhẹ trên tay, tôi ngậm ngùi, thật chẳng bao nhiêu. Bảy trong tám người phụ nữ cựu TNXP tôi sẽ gặp sáng mai ở xã Hương Thủy, huyện Lệ Thủy (một chị nay ở Hà Tĩnh) là bảy trường hợp điều đứng nhất, theo thông tin các bạn tôi được biết trước đây.



Con đường Đồng Hới – Hương Thủy sáng sớm đã rực nắng, 60 cây số nộn nạo trong ruột, tôi không thể xua đuổi ý nghĩ : mình sẽ gặp, nghe và thấy những gì ? Nhờ sự liên lạc báo tin trước của anh San, tôi mới được chính thức đến đây để có gặp gỡ này. Vừa bước vào căn phòng họp của ngôi trường tiểu học, tôi đã thấy ngay rằng những cảm giác dự đoán trước : sẽ buồn bã, hoá ra chỉ là bèo bọt. Bảy khuôn mặt đáng người khác biệt. Bảy khuôn mặt vô cùng giống nhau ở màu da rạm cháy, ở nếp hằn của hoàn cảnh, đời người đang ngược nhìn tôi. Phút giây, khi chạm phải màn nước long lanh trong trũng mắt người đàn bà nhỏ choắt cheo, cả thân thể run lập cập, hai cánh tay không ngừng giật giật, tôi biết mình sẽ khó nói

được ra lời. Tôi cúi xuống, tôi là ai mà người đàn bà ấy nhìn tôi bằng cái nhìn sâu thẳm, u buồn đến thế ?

Không ngờ việc thăm viếng mà khởi đầu tôi nghĩ là giản dị lại thành một đón tiếp khá thể thức. Cũng may, sau khi các lãnh đạo và đại diện tỉnh - huyện giới thiệu mục đích buổi gặp gỡ và tôi nói đôi lời về cuốn phim "Les oubliées de la piste Hồ Chí Minh" ("The girls who opened the road"), nguyên nhân đưa tôi thay một số bạn trong hội văn hoá Trịnh Công Sơn cùng vài người bạn khác về đây và trao phần quà, tôi đã được chuyện trò với từng chị phụ nữ bị lãng quên ấy. Những gì các bạn tôi đã thấy qua cuốn phim, ở cách lớp học này mười ngàn cây số chỉ là mảng bọt nổi trên bề mặt. Người làm phim đã tế nhị khi đưa ra hình ảnh hay chẳng ?

Lần lượt mỗi chị nắm tay tôi và kể chuyện. Trước nhất, người phụ nữ nhỏ bé gầy hao đã rụng lệ nhìn tôi khi mới đến là chị Võ Thị Cúc bị *parkinson* nặng, 7 năm ra chiến trường từ 1965, bom chấn thương đầu năm 68, muốn đứng phải có người nâng vịn, sống một mình và dù tình cảnh bần cùng như thế chị vẫn còn chờ xin vào chế độ, nghĩa là xin hưởng trợ cấp 1 triệu rưỡi đồng, hay may hơn nếu được công nhận thương binh sẽ có phụ cấp 100.000 đồng hằng tháng. Chị Trần Thị Dương cao lớn hơn tất cả, nhưng chẳng vì thế mà may mắn hơn : nhiễm độc tố da cam 67, 68, không gia đình, liệt chân tay, mất một mắt. Một chị khác, cũng nạn nhân của chất hoá học này là chị Nguyễn Thị Nhạn, nay bị bệnh thần kinh. Chị Võ Thị Cảnh từng lập gia đình nhưng chồng mất đã 20 năm để lại 5 đứa con, chị bảo chúng tôi sống như "hạt gạo trên sàng". Người phụ nữ mang tên Võ Thị Tình dáng vóc không khỏe hơn chị Cúc bao nhiêu là người kể chuyện nhiều nhất, chồng chết vì ung thư, họ có 5 con trong đó một đứa bị điên vì trúng độc da cam. Sáu mẹ con không nhà, trú ngụ chân đồi cát, nhưng chị bảo sẽ dùng số tiền hôm nay nuôi súc vật kiếm lời. Người bên cạnh nghe vậy thốt lên : "Trước hết tôi sẽ mua gạo nấu nồi cơm ăn một bữa được no đã". Chị Tình và chị Nguyễn Thị Liễu có chung chứng đau đầu, chị Liễu từng bị đất phủ trong những lần bom dội nên đầu ê ẩm kinh niên. Mỗi khi có tiếng động mạnh hay tia nắng chói, đầu hai chị đau điếng. Chị Liễu bảo tôi là bom đạn bung bung mãi trong tai, trong óc dù đã bao năm tháng.

Trước mắt tôi, bây giờ là những gương mặt héo hon, mái tóc muối sương khô rang thừa thớt, vành môi tái tím lại như cổ kìm hãm không để thoát ra nhiều hơn lời than thở và nỗi lo âu dằng dặc. Nhưng sao trong tôi, ngay lúc này vẫn còn hiện ra các nụ cười sáng rỡ của tuổi trẻ một năm nào, 65, 66 hay 69 của đoàn TNXP mà cuốn phim đã ghi lại. Thời ấy, khi các chị lao ra chiến địa cũng mười bảy mười tám tuổi như tôi ngày nhận học bổng của chính phủ Pháp, rời quê nhà du học. Miền Nam tôi sinh ra và lớn lên khoảng độ đó cũng có các thanh niên xung phong. Bên này hay bên kia vĩ tuyến 17 đều là máu và nỗi đau của những người mà đa số hy sinh mạng sống và tuổi trẻ cho một niềm tin. Tôi viết đa số vì bảy phụ nữ ngồi đây khi trả lời câu hỏi của tôi có người xác nhận : Nếu lịch sử lặp lại chị vẫn sẵn sàng tình nguyện ra chiến trường khuôn đạp đắp mô, nhưng cũng có chị bảo rằng chỉ do hoàn cảnh đưa đẩy: Lấy chồng vừa hai ngày, anh lên Cao Bằng học tập, ở nhà mẹ chồng hành hạ, thế là chị đi xung phong.

Rồi cuối cùng tôi cũng phải đứng lên. Dù thế nào cũng chẳng thể hỏi han cho đủ về trước kia, về sau này. Lao khổ của các chị trước và sau có khác nhưng họ vẫn phải tiếp tục bước trên con đường không có được một chút bóng râm. Nắng mười giờ chói chang trên sân trường đang vắng bóng học trò. Bỗng dung tôi thềm nghe đến kỳ lạ tiếng trẻ thơ cười. Chuyến xe trở ra Đồng Hới quanh sát chân Trường Sơn để cho tôi biết đoạn đường Hồ Chí Minh mới mở, sau này nó sẽ chia sẻ số lượng xe cộ cùng quốc lộ 1. Xe vào làng Lệ Thủy với đồng lúa xanh đầy sông rạch mà chị bạn và anh San không ngớt khoe rằng đây là nơi sơn thủy hài hoà, đời sống sung túc so với nhiều nơi khác. Dẫu tôi nghe nói, trong cuộc chiến vừa qua, sau mỗi cuộc oanh tạc máy bay dù ở đâu cũng đảo về đội bom xuống Lệ Thủy một lần. Hình như hai người bạn còn kể về con người và quê hương họ nhiều lắm, cả về tục lệ đưa thuyền sau mùa

gặt mỗi năm vào ngày 2 tháng 9 trên sông Kiên Giang, với người phụ nữ đa mưu can đảm có một không hai, dám làm tất cả để bảo vệ danh dự làng mình nên được thờ trong miếu Bà thuộc thôn Anh Xá. Trong một mùa hội đua xưa, hai làng địch thủ đồng tài đồng sức khó phân thắng bại, nên Bà phải nghĩ mưu kế hạ địch thủ : Bà bèn mặc quần rộng, cột thắt lưng thật lỏng rồi ra đứng giữa sông, quay về hướng thuyền địch, khi thuyền chèo gần tới, liền tháo băng dây quần. Nghe đâu làng Bà chiến thắng vinh quang nên tôi đoán ngay ấy Bà còn xuân sắc lắm. Lại một típ người phụ nữ VN. Hơn cả bạn đi, con đường trở về Huế chao rúng trong hơi nóng của ngọn gió Lào, thứ nóng làm cháy cong cả những tàu lá chuối. Lòng mắt tôi lạc đi trên đồng ruộng cây cối. Chẳng còn nhìn ngắm màu phượng, chẳng ngó tìm hoa bằng lăng, không cả thả mắt chạy trên ngọn bạch đàn xanh bạc lung linh, như hôm qua. Nắng lỏng mặt đường, nắng phá hồn tôi, chừng như cơn gió Lào đang hất tung cát bụi vào mặt. Con đường xe chạy không hề ngang qua "chang chang đồi cát nắng trưa Quảng Bình", vậy mà tôi nhìn thấy chị Tình đang gánh chổi gồng người leo dốc, chân lún trong cát xoáy. Chị đã cho biết, mỗi ngày chị gánh chổi nặng nề băng đồi đem bán, 5 cây thì lời một ngàn đồng, phải bán được 30 cây mới đủ 6 ngàn mua gạo nuôi 5 đứa con. Nhưng chẳng quản gió, không ngại nắng vãi trên lưng, chỉ là ánh sáng gắt trên nền cát lại lóe cháy vết thương trong cặp mắt mầng đầu vốn chẳng lành lặn của chị.

Khi xưa, tôi thích những bức hình của các nhiếp ảnh gia VN hay chụp người đàn bà quang gánh giữa đồi cát bao nhiêu. Họ bước đi trên những lượn cát uốn vòng mềm mại, bóng in chân trời. Bây giờ tôi sợ, đấy chỉ là nghệ thuật không là thực tế, ít nhất thực tế tôi vừa để lại, sau tôi.

Paris, tháng 8, 2004.

Phụ đính II:

Miên, một bước đi dài hơn thế kỷ Phan Huy Đường

Văn xuôi Việt Nam sở trường ở truyện ngắn, có nhiều truyện hay. Văn xuôi Việt Nam có một số tiểu thuyết hay. Văn xuôi Việt Nam chưa hề có tác phẩm như *Cá voi trầm sát*¹¹. Đây là một tác phẩm đậm nhân tình, sâu sắc, độc đáo. Đây không là tác phẩm dễ hiểu, dễ đánh giá. Phải đọc với tâm hồn khắc khoải của con người vừa tự do vừa triu mến. Đây là và không là truyện ngắn. Đây là và không là tiểu thuyết. Đây là truyện ngắn đích thực : ngắn, cô đọng, có nội dung đặc thù. Mỗi truyện mở một ngưỡng cửa vào đời của một con người. Đây là tiểu thuyết đích thực : *một tác phẩm, một cốt truyện khắc khoải, một đời hỏi thách thức, một đam mê*. Đây là tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên thiết kế thành công bằng truyện ngắn. Đọc một lần, chưa cảm hết ý nghĩa và vẻ đẹp độc đáo của nó. Đọc lần thứ hai mới thấy quy mô phong phú của tác phẩm. Đọc lần thứ ba mới thấm thía từng câu văn. Vì sao ?

Mỗi truyện long lanh vẻ đẹp riêng. Ta cảm nhận ngay khi vừa đọc. Chạm lại, mỗi truyện biến thành một cánh hoa. Một đoá hoa kỳ dị nở tung, lung linh màu sắc, cả về nội dung lẫn hình thức. Những tia sáng lung linh ấy là những hình thái khác nhau của tình yêu, tình người. Màu sắc cánh hoa này tô điểm màu sắc cánh hoa [kia](#), nội dung truyện này soi sáng nội dung truyện kia. Nhấn quan nhân vật này điểm cho nhân vật kia thêm một nét người. Đọc lần thứ hai, ta cảm nhận điều đó, thấy toàn cục và thấy những liên hệ cấu thành tác phẩm. Và ta chợt hiểu : thế giới *thật* hình thành qua thế nhìn, hành động của nhiều người khác nhau. Với ý thức ấy, đọc lần thứ ba, ta mới thấy công phu dựng tiểu thuyết của tác giả : câu văn này trong

truyện này mở đường cho câu văn kia trong truyện kia. Thí dụ, câu nói băng quơ, nhập nhằng của *Thanh* ở đầu tác phẩm mở đường cho *Băng* nhập cuộc ở cuối tác phẩm. Kỹ thuật dựng truyện kinh điển^[2] này lại mở ra lối kể bất ngờ : câu nói nhập nhằng của *Thanh* trở thành tương lai mờ mờ của *Miên* nhưng, xuôi dòng văn, định mệnh ấy xuất hiện dưới dạng quá khứ : một cái bóng, đã qua, đã mất, đã nhòa đi tới mức không còn nét mặt ! Một con người sợ định mệnh hơn là khao khát yêu.

Mỗi truyện mở một ngưỡng cửa vào đời của một phụ nữ Việt Nam, qua nhiều thế hệ. Đi hết vòng những thân phận ấy, cửa khép kín một nắm mồ sâu hơn một thế kỷ, thế kỷ vây hãm ta. Muốn thoát thân, phải đương đầu với cõi chết, rút mình khỏi những lệ thuộc văn hoá, tư tưởng, truyền thống. Để làm chính mình, để làm người. Để... yêu. Nhưng trên đời này, ai dám yêu người đàn bà như thế ? Ai đáng cho người đàn bà như thế yêu ? Đến bao giờ mới có được ? Đó là câu hỏi ngầm day dứt xuyên suốt tác phẩm, khiến ta không thể không hoang mang.

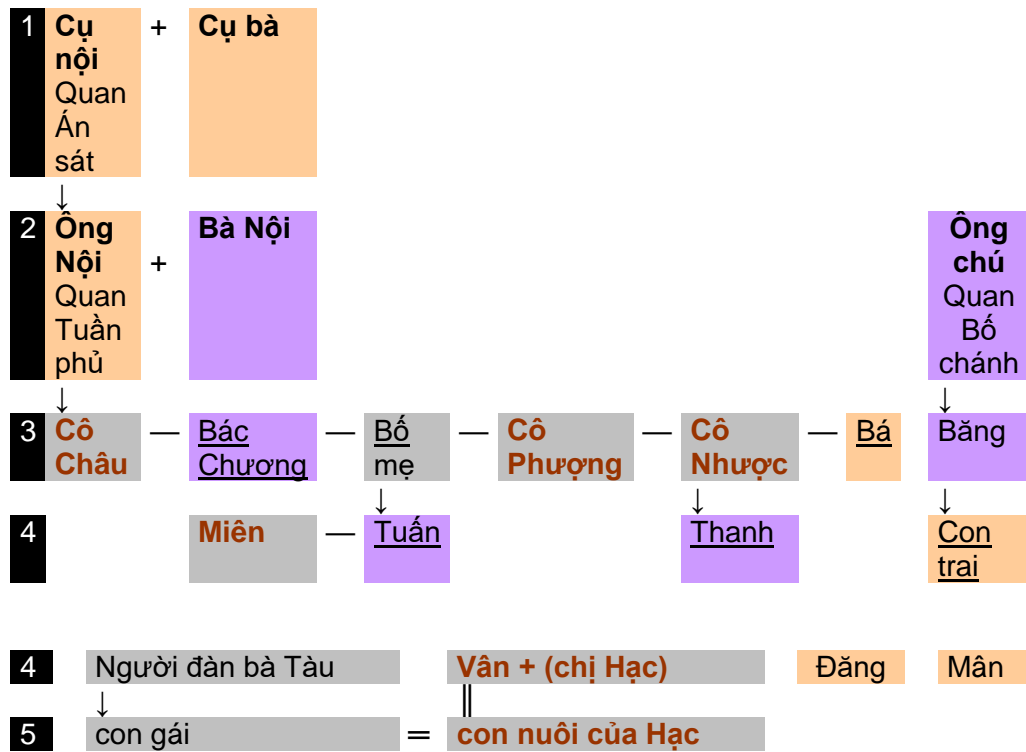
Tác phẩm bắt đầu bằng hành trình vào cõi chết, cõi chết tương lai soi sáng cõi chết quá khứ. *Miễn* một mình vào nhà thương, lên bàn mổ, mạng sống mong manh. Trong *lúc con người thực sự cô đơn*, người đàn bà thấy gì, thêm gì, nhớ gì ? Thấy *người tôi trông, một trống rỗng nhẹ nhàng, không vướng bận*. Thấy điều quen thuộc trong đời mình đã là *cõi đời khác, lạ và xa. Thêm gửi một hơi đất hơi sương, nhớ tám phần u già hờ áo ngời quạt cho mình ngủ buổi trưa hè oi bức*. Thêm và nhớ những quan hệ nhục cảm sơ sài nhất của đời người, quan hệ sống với vật chất : hơi đất hơi sương, quan hệ sống với tình người : u già. Chuyện còn lại là *cõi đời khác, lạ và xa*. Vậy còn là cõi đời trung thực của mình không ? Và khi thân xác mình *chợt nhỏ nhoi, lỏng lẻo, trần trụi, da thịt lạnh lẽo bắt đầu xa lạ*, thuốc mê đẩy người đàn bà *roi hăng vào một dòng sông trắng*. Trắng ? Như trang giấy trắng ? Từ vô ngôn trở về vô ngôn ? Dòng sông đó là *lịch sử căm* của năm thế hệ xuyên qua một gia đình VN, trôi theo một thế kỷ đảo điên, di cư, di tán, lang thang từ Hà Nội tới Sài Gòn, rồi tới Pháp. Trên bờ sông, đám đàn ông thấp thoáng, nhập nhòa không rõ nét, *không nói nên lời*, chỉ biết *vọng tiếng xô xao, một thứ âm thanh rền rền u khuấy*, nhưng cũng đủ để là những *mạch nước gom thành dòng sông đưa đẩy tôi đi*. Đám đàn bà *rì rầm với nhau về những người đàn ông ở bờ đối diện và về một cõi đời*. Họ *thầm lặng nhưng chắc chắn họ có vạn điều để kể...Tôi cũng muốn kể với những người đàn bà thân thiết này về mình, như kể rong ruổi đường xa có lúc muốn dừng lại, lắng nghe tiếng thầm thì của một dòng sông, rơi bóng trên nó và gửi lại lòng nước chút nỗi niềm nặng trĩu. Tôi muốn thúc hối họ hãy rời nơi đây, hãy xuống tận hạ nguồn để gặp biển xanh thang*.

Chỉ nội vài trang, tác giả hồn nhiên phác hoạ ngay được quy mô, bối cảnh, nội dung, nhân vật, thế nhìn, hoài bão của tác phẩm : thân phận làm người Việt trong thế kỷ khô khốc này sẽ do mấy thế hệ đàn bà thuật lại, mỗi người theo cá tính, quan điểm sống, cuộc đời đích thực của mình. *Qua tác phẩm, những tiếng rì rầm kia sẽ hoá thành lời*.

Nhập truyện như thế, quá hay.

Truyện ngắn *mở đầu và kết thúc* tiểu thuyết *không có tựa !* Kết thúc mỗi tình cuối cùng của *Miên* với *Băng*. *Băng* giờ đã thành cái bóng [...] em nhìn vào, nhìn thấy mà chẳng còn đau đớn. Mỗi tình hạnh phúc đau đớn cực độ kia đã từng khiến *Miên* thấy mình được trở về một chốn quê nhà. Nhưng người đàn bà cả gan *roi ống kính sâu suốt vào mỗi mảnh đời của từng người thân, thu chụp lọc bắt những gì kín ẩn làm nên con người, định mệnh của họ* không ghi được hình ảnh nào về người yêu. Mỗi tình đó cũng *không nhất thiết phải thuật thành lời*. Như thế, cuộc hành trình xuyên qua những cõi chết *chưa có tên gọi*. Cửa mờ mờ ra một thế giới *chưa thể thành lời*, thế giới văn chương, một nhân giới *chưa có thực, nhưng đã có thể cảm nhận ngay trong lòng mình* và, do đó, phải *đòi, đòi làm người, làm người đàn bà Việt Nam*. Vì : *Dù vậy, em nghĩ chị vốn bén nhạy, hẳn đã cảm nhận được mọi điều, em tin là như thế*.

Nhập truyện như thế, đã quá hay. Kết truyện như thế, càng hay hơn.
Tất cả, để còn giữ nổi lòng tin vào những điều đẹp đẽ.
Hành văn đến thế, ta đành than : tuyệt !
Nào, hãy liếc qua sơ đồ không đầy đủ các nhân vật :



chú thích

| | | | | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------|
| nhân vật xuất hiện trong truyện đầu | nhân vật xuất hiện trong truyện 2 | nhân vật xuất hiện sau | nhân vật chủ thể của ngôn ngữ | chết yếu |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------|

Các truyện, tựa và chủ thể của ngôn ngữ

0. không, Miên, Tôi
1. *Ngày Ngâu Đổ* : Miên, Tôi
2. *Chim Khuyên Lựu Đỏ* : Châu, Tôi
3. *Ngược Dòng* : Nhược, nhiều ngôi kể
4. *Cổ Ám* : Phượng, Tôi
5. *Nến Trong Kể Liếp* : Miên, Tôi
6. *Sao Rơi Về Đất* : Miên, Tôi
7. *Chim Hào Hút* : Vân, Tôi
8. *Vực Năng* : con nuôi, nhiều ngôi kể
9. *Cuộc Trầm Sát Của Loài Cá Voi* : Mân, Tôi
10. không, Miên, Em

Ngay trong đoạn nhập truyện, các nhân vật chính đã có mặt. Qua truyện *Ngày ngâu đổ*, hầu hết các nhân vật đã xuất hiện. Đủ thấy công phu dựng truyện : truyện ngắn tối kỵ có quá nhiều nhân vật vì dễ bị loãng.

Saga gia đình này bắt nguồn từ rất xa, xa đến mức những thế hệ đầu hầu như không có tên tuổi, chỉ là những *chức năng* gia đình và xã hội : *Cụ quan Án sát, Ông, Bà quan Tuần phủ, Ông chú quan Bộ chánh, Bố Mẹ*. Quá khứ truyền thống của ta, một nhân giới trong đó con người chỉ là mắt xích trong quá trình phát triển tự nhiên của một loài sinh vật, không có lý

do tồn tại nào cao hơn nổi giống nổi dòng, người đàn bà phải đẻ con trai mới đáng kể. Đặc biệt, các bà vợ thường không có tên : vợ các quan lớn, vợ người Nam Bộ của bác Chương, Cô ba, Mẹ của Miên, Người đàn bà Tàu, con gái người đàn bà Tàu... Chính trong thế giới ấy cất lên tiếng nói của sáu người đàn bà : Cô Châu, cô Phượng, cô Nhược, Miên, Mân, con gái nuôi của chị Hạc. Vân, người đàn ông duy nhất có tiếng nói chủ thể, không thuộc gia đình Miên và, theo truyền thống, là kẻ đại bất hiếu : là con trai duy nhất trong gia đình mà không sinh được con trai để nối giống. Đường như chàng chỉ hiện diện để công nhận đàn ông bất lực trước khả năng yêu phong phú, vị tha của đàn bà. Sáu người đàn bà đều cất lời ở ngôi **Tôi**. Sáu lời khẳng định của sáu con người, sáu thân phận, sáu thể nhìn cuộc đời chung, qua những thời điểm lịch sử khác nhau, qua những môi trường văn hoá khác nhau, dựa vào cùng quá khứ đương đầu với những tương lai khác biệt, kết thành một nỗi đau : làm người. Hơn thế, không chỉ có sáu nhãn quang tạo ra bộ mặt thật nhăn nheo của cuộc sống. Mỗi nhãn quan còn đối thế nhìn, đối ngôi kể, đột ngột và tinh xảo, từ nó tới tôi, từ tôi về nó, nhìn đời, nhìn mình như nhìn đời và cái mình của người khác.

Saga gia đình này bắt nguồn từ rất xa, từ rất gần. Xa như Trung Quốc, nơi người thanh niên Việt, quan Tuần phủ, tự ý lấy vợ, một công nương Tàu chân còn bó, thích làm thơ và lỡ yêu người anh họ nên bị đày ải làm con dâu không chính thức của một gia đình phong kiến Việt Nam. Gần như ta với ta, những đứa con lai nói giọng tiếng Tàu với giọng Ziao Chỉ, như mẹ chồng hành hạ con dâu, như nỗi đau của Kiều. Đặt tên ấy cho Người đàn bà Tàu lưu lạc qua Việt Nam, dù cố ý hay không, chẳng thể vô tình.

Câu chuyện xuất phát từ lời nguyện của quan Bố chánh : tất cả con cháu trai của công nương Tàu sẽ chết yểu. Câu chuyện kết thúc với lời nguyện ngược lại của cô Nhược : tất cả con cháu trai của quan Bố chánh sẽ chết yểu. Và thế thật. Gánh chịu những lời nguyện ấy, những người đàn bà lên tiếng với khát khao yêu phong phú đa dạng của họ.

Lời nguyện không có trong tự nhiên. Nó là ngôn ngữ, sản phẩm đặc thù của con người để ứng xử với nhau. Con người tiếp cận thế giới, cảm nhận cuộc sống, suy nghĩ về kiếp người xuyên qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ ấy, nó học lại của tha nhân. Bước vào nhân giới, con người chỉ là quá khứ của con người. Chính vì thế tương lai duy nhất của con người là con người. Chính vì thế định mệnh duy nhất của con người cũng là con người trong cả ba nghĩa : là quá khứ, nó lệ thuộc con người, là hiện tại, nó đơn độc tự do, là tương lai, nó tự tạo. Chính vì thế, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, ai cũng có thể bước qua mọi lời nguyện. Muốn làm điều ấy, phải có gan đập tan lời nguyện, đả phá ngôn ngữ, tái sinh và tái tạo tiếng nói của con người. Tóm lại, phải dám hành hạ văn chương, dám hành văn.

Trong tự nhiên, tình cờ có sinh có tử, không có lời nguyện, không có định mệnh. Trên cơ sở ấy – vì chúng ta cũng là một loài sinh vật – con người sáng tác cho chính mình một thế giới có ngôn ngữ có lời nguyện có định mệnh vì đó là một thế giới có văn hoá, một nhân giới. Trong văn hoá của ta, lời nguyện kia tạo ra định mệnh họ. Trong một nền văn hoá mẫu hệ, chắc gì người ta thêm để ý tới lời nguyện và định mệnh đó ?

Một lời nguyện khủng khiếp nhất, khát máu nhất, lời nguyện chiến tranh ám ảnh day dứt tác phẩm này.

Sáu người đàn bà họ dĩ nhiên là sản phẩm của những lời nguyện. Nhưng họ đã lên tiếng, xưng **Tôi**. Họ không còn là sản phẩm thụ động của lịch sử và xã hội nữa. Từ quá khứ chung, mỗi người đã lựa chọn, tự tạo định mệnh của chính mình. Lựa chọn quật cường, có ý thức, Miên gánh cả quá khứ bước qua lời nguyện, mở cửa tương lai. Con bé Tàu lai, Hạc xin ngoài chợ về nuôi và mang sang Pháp, lựa chọn « hồn nhiên » hơn, nhưng không kém đau đớn, nhân đạo. Đứa « đầm con » ngáo ngổ, bất kính ai, cố tìm lại quá khứ, gia đình của mình. Quá khứ và gia đình ấy không là bố mẹ đẻ. Là tình thương tự do tự nguyện – có thật trong đời mình – của người mẹ nuôi. Không phải ai cũng lựa chọn như thế. Có người lựa chọn nuôi dài quá khứ, công nương Tàu chẳng hạn : triệt để duy trì nghi lễ của gia đình chồng mặc dù gia đình ấy bạc bẽo với mình. Ở đây lóe lên mâu thuẫn muôn thuở trong thân phận đàn bà.

Khi cần bảo vệ sự sống và hạnh phúc, nhất là của con, người phụ nữ ít mặc cảm thành kiến hơn đàn ông, dám vượt qua mọi giáo điều truyền thống. Nhưng chính tình thương ấy khiến người phụ nữ trở thành kẻ đầu tiên, cơ bản nhất, nhét con vào khuôn phép xã hội, nhồi truyền thống vào nó, từ món ăn, cách mặc cho đến lối xưng hô, lạy lục, chào hỏi, nói năng : đó là cách « tự nhiên » nhất để con được yên thân ở đời. Tình mẫu tử cũng có thể biến thành cạm bẫy đầm thắm « giết » người... Không ai thương và hận mẹ hơn con.

Gắn với lời nguyên có một tội lỗi, văn hoá nào cũng nghiêm cấm : tình dục giữa người thân trong gia đình gần. Dường như điều này có cơ sở sinh học, dù chưa là kiến thức khoa học cũng là nghiệm sinh lâu đời của loài người : nội hôn dễ đưa tới hủy hoại giống nòi. Từ đó sinh ra những cấm kỵ nặng nề đến mức trở thành điều kiêng nói đến (tabou) mà Freud phát hiện, tìm hiểu cách đây mới khoảng trăm năm. Trong văn hoá Trung Quốc mà ta thừa hưởng, nỗi sợ đó biến thành một nhân sinh quan ngộp thở : *nam nữ thụ thụ bất thân*, cấm tiết mọi quan hệ nhục cảm giữa người khác giới tính ngay từ buổi thiếu thời. Khốn nỗi, quan hệ nhục cảm lại là nhân tố cấu tạo con người. Ta cảm nhận thể giới và tha nhân xuyên qua giác quan của ta. Những cảm nhận ấy chính là những *giá trị của sự sống*^[43]. Thiếu chúng, không thể nên người^[44]. Không có giác quan, ta mù, điếc, câm, v.v.^[45] ta lãnh cảm hoàn toàn, không có cả khả năng bập bẹ một lời, nói chi tới tán dóc triết học, mỹ học, đạo đức, tình yêu, văn chương, nghệ thuật ! Nếu thế mà ta còn khả năng sinh đẻ, ta đáng gọi là máy đẻ. Trong cuộc sống thực, điều ấy không thể thực hiện được. Nhất là ở Việt Nam, nơi bố mẹ thường ôm con ngủ, anh chị em quây quần trong căn phòng chật hẹp, chị ấm em, bạn bè gác chân lên nhau ngủ, nơi con người nện người trong ôm ấp, ve vuốt, gãi cù, nô đùa vật lộn với nhau hàng ngày. Đó là một phần nhân cách của nó, cắt bỏ đi sẽ tạo ra những con người què quặt, miên man thiếu hụt chính mình. Què quặt đến mức tình bạn đượm chút âu yếm, ve vuốt giữa đàn bà với đàn ông là chuyện không thể hình dung được, phải nghi ngờ. Tình nam-nữ quy về quan hệ chiếm hữu, thống trị, giao cấu để nối dài giống nòi. Tình người quân tử thực sự như nước mùa thu : trong vắt, lạnh và nhạt. Người bị cắt, xén, gọt, tĩa, xoá nhiều nhất, khốc liệt nhất, chính là người đàn bà^[46]. Những trái bom nổ chậm ấy đã tới ngày nổ tung. Thế giới đã mở toang, phụ nữ đời nay đã đòi hỏi chỗ đứng chính đáng, cần thiết của mình giữa nhân loại, với tư cách cá nhân bình đẳng với nam giới về mọi mặt kể cả nhục dục. Cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ của thế kỷ 20 là cuộc cách mạng sâu rộng đậm nhất trong lịch sử loài người. Nó bắt người đời phải xem lại, định lại quan hệ cơ bản nhất của con người, quan hệ tái tạo con người, không chỉ giới hạn ở chuyện giao cấu, quan hệ nam-nữ. Để làm chuyện ấy, không có mô hình, không có tiền lệ, chỉ còn nỗi khắc khoải yêu của muôn đời cấm yêu. Chưa có tiểu thuyết Việt Nam nào nêu nỗi khắc khoải vừa cũ kĩ vừa cực mới ấy rõ ràng, phong phú, chân tình như tác phẩm này. Mời các bạn thanh niên, nam và nữ, những người chủ của tương lai còn khao khát yêu, đọc và suy ngẫm.

Tài dựng truyện đến thế, câu chuyện hiện đại, phong phú, đa dạng như thế, hoài bão lớn thế, nhưng viết thế nào cho độc giả *hiếu và cảm* ? Đây là điều thú vị nhất của tác phẩm này : nghệ thuật hành văn.

Đặc điểm nổi bật trong văn phong Mai Ninh là nó có hai bộ mặt tương phản.

Chính xác, trong sáng, mạch lạc, khúc chiết. Chấm, phẩy : ngoạ mục. Rất *cô đọng*, đọc có thể mệt nhoài. Văn của người làm khoa học chính xác. Văn *kính điển*^[47], hình thành ở Pháp trong thế kỷ 17, thịnh vượng suốt thế kỷ Khai Sáng, xuất hiện ở Việt Nam trong những năm khai sinh tiếng Việt ngày nay : 1930-1945. Không phải ai cũng viết thành văn được. Trong tiếng Pháp, phải cỡ Gide, Camus, Saint-Exupéry mới *vượt* được nó. Chính vì họ dùng nó để nói nhiều điều rất mới với thời đại của họ. Tiếng Pháp hơn đời ở khía cạnh đó : tính duy lý hình thức hun đúc qua mấy thế kỷ, từ Montaigne tới Voltaire. Tiếng Việt ngày nay thừa hưởng phần nào gia tài ấy. Những trào lưu văn học *lãng mạn, tượng trưng, siêu thực, dadaïsme, tiểu thuyết mới*^[48], v.v. đều là những hình thái phản kháng sự áp đảo ngộp thở của ngôn ngữ duy lý

hình thức. Không ai có thể xoá bỏ nó. Nó là kích thước không thể thiếu trong ngôn ngữ của con người, từ cổ tới kim. Phải chăng vì thế có nhà phê bình lý luận văn học phán văn Mai Ninh có lúc hơi Tây? Than ôi, khả năng lôgic hình thức đầu của riêng Tây Âu! Tạo cho tiếng Việt khả năng biểu đạt nó là chuyện đáng mừng. Thiếu nó, khó mà tiếp thu khoa học, kỹ thuật của Tây Âu. Thiếu nó, đến bao giờ ta mới hết ăn nói hàm hồ để rõ ràng, chính xác, mạch lạc với nhau trong những lĩnh vực cần loại quan hệ ấy? Thiếu nó, thứ văn chương mù chữ, hỗn loạn, kịch cỡm, lem nhem sẽ tiếp tục ồ ạt lấn áp văn đàn Việt Nam. Chưa kể đến những thứ văn chương linh tinh lòe đời đang khuếch trương ngay ở nhà ta nhờ ta dốt nát. Đương nhiên, trong tiếng Việt cũng như tiếng Pháp, loại ngôn ngữ đó không thể nói lên tất cả những bộ mặt của kiếp người. Nó không cần văn chương. Văn chương cần nó, nhưng không thể giới hạn ở nó, phải vượt nó.

· có một nỗi đau khó hiểu miên man ám ảnh chữ nghĩa : *sự hiện diện lung linh, không nắm bắt được của một con người*. Gọi là *sự vắng mặt* cũng được. Cảm nhận sự vắng mặt ấy nghĩa là đã phát hiện sự hiện diện kia. Ở đây, *sự hiện diện* của con người chính là *sự vắng mặt*! Ở đây *hương khói mờ nhân ảnh*. Ở đây, con người thấp thoáng sau hương khói bàn thờ, trong gương mặt lơ mơ ám ảnh dòng văn. Món này, người trong nghề phê bình văn chương gọi là *sự lùi lại để tạo khoảng cách nghệ thuật, khoảng cách thơ*⁹¹, lời cá triết lý của Husserl, Heidegger, Sartre, thậm chí Derrida ra ví von. Vì... lẫn lộn quan hệ giữa người với vật thể và quan hệ giữa người với người. Tại sao cảm nhận kia chỉ thể hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật thôi? Viết thế nào mới thể hiện được? Không thể bàn, sẽ quá dài. Chỉ xin nói: văn Mai Ninh thực hiện điều đó một cách *đặc biệt*. Có *khoảng cách nghệ thuật* thật, nhưng rất *miên man, ám ảnh* như *mát mát, thiếu hụt* điều gì. Như thế, không là cái *recul esthétique* trong văn *kinh điển* hay nỗi miên man trong *văn lãng mạn, văn nổi loạn* của thế kỷ 20. Là văn của người làm khoa học – cứ coi nghệ thuật dựng truyện, cấu trúc câu văn cũng thấy – nhưng không chấp nhận chỉ là thể khi hạ bút hành văn.

Cấu trúc giải thích của câu văn là ưu điểm và nhược điểm cơ bản của văn *kinh điển*. Mỗi khi câu văn giới hạn ở đó, nó có sự trong sáng mạch lạc của lôgic hình thức, của quan hệ giữa người với người xuyên qua quan hệ chung của họ với thế giới vật chất và *thế thôi*. Nó không thể hiện được quan hệ tổng hợp toàn diện giữa người với *thế giới*¹⁰¹. Khi tôi muốn anh hiểu một khái niệm miêu tả quan hệ chung của chúng ta với thế giới vật chất, để anh hiểu rõ tôi muốn nói gì, tôi mời anh vào labô, cùng thực hiện một thực nghiệm. Nhưng khi em muốn anh *thấy* nền trời hôm nay xanh đến thế nào, em nắm tay anh, kéo anh ra đứng giữa đất trời, cùng em ngắm vũ trụ. Và em... thủ thỉ... hành văn... Tội nghiệp anh quá, anh chết mất... chịu sao thấu?

Văn Mai Ninh vượt văn *kinh điển* :

Đã *mất Thanh*. Sau những cái tát *cuồng nộ* của ông bố khi bắt gặp tờ thư anh đang ngồi viết cho tôi, *Thanh* xách xe chạy *điên* ra đường. Chẳng bao giờ tôi tưởng nổi, *đau xe* nào khiến anh mất phương hướng giữa bày xe cộ *hoảng loạn*, đã lao thẳng, bay vút qua chiếc xe *jeep* đang trước rồi đáp xuống, *úp hôn* mặt đường rướm nhựa. Đứng trưa.

Đoạn văn tả những giây phút cuối đời của *Thanh* biểu hiện chính xác, mạch lạc những quan hệ vật chất của con người, ai cũng hiểu được. *Trên cơ sở đó*, tác giả đã khéo lồng những quan hệ *nhục cảm* và *giá trị*¹¹¹: những từ gạch dưới, như *úp hôn*... cái chết, và *mất*. Ai mất cái gì? Dĩ nhiên là *Miên mất Thanh*. Nhưng không đơn thuần chỉ *Miên mất* và cũng không đơn thuần chỉ *mất Thanh*. *Miên mất* một cuộc-đời-có-thể của mình. Tùy *Thanh* hiện hữu hay không ở đời, cuộc đời *Miên* sẽ khác. Cũng vì thế, cuộc đời chung của con người *mất Thanh*, *mất* chính mình. *Thanh mất* đi, đời chỉ còn một ngọn nắng. Tàn nhẫn quá. Văn đã tàn nhẫn, phải tàn nhẫn tới cùng, tàn nhẫn tới tận nội dung ngữ giác của chữ nghĩa. Thế mới là tình, là hành hạ văn chương, là hành văn.

Câu văn đã súc tích lại dài để khiến độc giả ngộp thở. Ngộp thở quá lâu, mất khả năng cảm xúc, như người say đờn hết thấy đau¹²¹. May thay, thỉnh thoảng tác giả « búa » một câu thật ngắn gọn khiến luồng cảm xúc ồ ạt *đọng lại trong ngôn ngữ*, xoáy vào hồn người. Luồng

âm nhạc miên man kia bỗng đọng lại trong im lặng. Im lặng của ta. Khi ta chân tình đọc văn. Chính nó là nền tảng của mọi âm hưởng. *Đứng trưa*. Đoạn cuối có mấy câu như thế, rất hay. Trong văn Mai Ninh, chủ thể của ngôn ngữ được minh định rõ ràng, độc đáo : đó là con người, một con người với bảy bộ mặt. Thú vị !

Con người nên người nhờ ngôn ngữ. Con người lệ thuộc con người vì ngôn ngữ. Con người giải phóng con người bằng ngôn ngữ. Con người làm người khi làm chủ thể của ngôn ngữ. Giải phóng con người hay nô lệ hoá nó thể hiện ngay trong văn phong. Hạ bút viết một câu văn, ta nên thả mình xả láng, thể hiện chính mình, kể cả cái mình vô thức, lệ thuộc. Nhưng khi sửa, khi ta nhìn lại chính ta, ta nên ý thức : ta viết như thế để làm gì, với ai, vì ai ? Tại sao làm được ? Xin chớ ngại biện bằng những triết lý, mỹ học linh tinh : tôi viết cho tôi, vì tôi và... vài người tri kỷ. Nếu thế thật, đừng bao giờ xuất bản tác phẩm của mình và nhớ đốt hết trước khi đi châu Diêm Vương. Làm Kafka đâu dễ thế^[13].

Có rất nhiều hình thái thực hiện điều trên. Ở đây, xin chỉ nêu : *Ai làm chủ thể của ngôn ngữ và làm như thế nào ?* Sáu người đàn bà trực tiếp kể lại thân phận làm người của mình, nói lên những điều xưa nay đến chết vẫn chỉ có thể *rủ rĩ* cùng nhau bên *dòng sông trắng*.

Đột nhiên ta hiểu vì sao tác phẩm miên man này cố sức giải phóng con người mãnh liệt. Muốn giải phóng con người, từng người phải nói thẳng với mọi người, rõ ràng, mạch lạc, những xiềng xích trói buộc nó từ tiềm thức tới ý thức, giải phóng nó khỏi ngôn ngữ nó dùng để tư duy, cảm nhận, thể hiện chính mình trong nhân giới, phải tái sinh, tái tạo ngôn ngữ. Muốn tạo cho nhân giới một hình thái yêu đương chưa có tiền lệ, phải tha thiết tìm người, tìm mình, miên man cải tạo và sáng tạo ngôn ngữ. Ở đây ta mới thấy nghệ thuật dựng tiểu thuyết bằng truyện ngắn lợi hại như thế nào. Tác giả đã phát huy ưu điểm tuyệt đối của truyện ngắn : một nội dung, một hình thức, tập trung, cô đọng. Từ truyện này qua truyện khác, tác giả thay đổi cách hành văn, thể hiện được từng con người cá biệt trong tư cách làm chủ thể của ngôn ngữ. Chỉ văn chương đích thực mới làm trọn vẹn được. Trong bút pháp của Mai Ninh nội dung hành văn đồng nhất với nội dung cơ bản của truyện. Thế gọi là văn phong của một con người.

Tuy có bảy người cất tiếng xưng *Tôi* nhưng xét cho cùng đây đâu phải tác phẩm chung của bảy nhà văn ! Đây là tác phẩm của *một* con người. Bảy thân phận làm người kia là bảy nét mặt có-thể của một con người. Bảy tiếng nói kia là bảy gương hồn có-thể của một tâm hồn. Điều đó khả thi vì xuyên qua ngôn ngữ con người thực sự là *toàn bộ quan hệ xã hội của mình*^[14], quan hệ với người đời xưa, người đời nay, người của mai sau, vì tiếng Việt là hồn đích thực của mọi người Việt, vì tiếng Việt chỉ hiện sinh qua ta, vì ta là tiếng Việt. Ta nghiệm sinh điều ấy khi lướt qua một đoạn văn lòng ta quặn thắt, mắt ta nhòa đi. Cái ta này, chính là *Miên*. *Miên* là sáu đời phụ nữ Việt Nam phá mở cát bụi, là người mở và khép vở bi kịch. Nếu ta không nữa chừng khép sách lại, cái ta này cũng đã trở thành một phần nhân cách của ta. Sức cảm hoá, tính cách mạng của văn chương ở đó. Những thế lực vật chất, tinh thần, kể cả tôn giáo, thống trị con người đều bất lực trước nó. Đức giáo hoàng Pie XII cấm đọc tác phẩm của Sartre nhưng tác phẩm ấy cứ lan tràn thế giới, tuôn về Roma. Mọi nẻo đường đều dẫn tới Roma...

Sao lại có thể như thế ? Rất dễ hiểu, cực khó làm.

Rất dễ hiểu : khi từ *tôi* vang trong đầu độc giả, dĩ nhiên *tôi* ấy là độc giả. Chứ *tôi* nào bây giờ ? Điều đó có nghĩa : độc giả đã cho tác giả mượn cái *tôi* của mình để tái tạo nhân vật. Nhà văn vận dụng ngôi *tôi* là người *kêu gọi* tha nhân mở tâm hồn mình, cho tác giả nhập vào nó, cùng nhau sáng tác một tác phẩm nghệ thuật. Tại sao điều ấy khả thi là vấn đề triết học hóc búa không thể dài dòng ở đây. Độc giả *đáp lời* bằng cách tiếp tục đọc hay... khép sách lại, điều ta thường làm, chỉ liếc qua giá sách cũng thấy.

Cực khó làm : dù sao độc giả cũng chỉ cho mượn tạm cái *tôi* của mình một cách hơi bị *đặc biệt* : độc giả không bao giờ quên hẳn chính mình được. Làm sao ta tin nổi ta là một tiểu thư Hà Nội ở tuổi dậy thì khi ta chỉ là một thằng *Tây con lỗ mãng* ? Để độc giả có thể cho mượn cái *tôi* của mình, nhân vật phải có điều gì *đồng nhất* với cái *tôi* ấy. Điều ấy là cốt lõi của văn

chương, tôi gọi là *tình người*. Chỉ có thể thực hiện qua *văn phong*. Văn phong thiếu điều ấy, độc giả khẹp cái *tôi* lại, nhân vật vong mạng. *Văn phong là tình người đọng lại trong ngôn ngữ qua bút pháp của một con người.*^[15]

Òi, phải chi ta được gặp *Miên*. Biết đâu, nàng sẽ cho ta một gương mặt có-thể của chính ta ? Còn nhiều điều đáng bàn. Qua văn Mai Ninh, nhiều vấn đề văn chương kinh điển bỗng lộ một lần mới mới. Nội cái sướng của đàn bà do chính đàn bà mô tả cũng đáng một bài luận văn. Mời bạn đọc tự khám phá. Cứ đọc, sướng vô cùng.

Cuộc hành trình vượt mớ xuất phát từ rất xa, từ Trung Quốc, nôivăn hoá thống trị văn hoá ta. Lịch sử đưa đẩy nó rất xa, tới tận nôivăn hoá Tây Âu đã từng ảnh hưởng văn hoá ta, nước Pháp, nơi *cá tính* và *cá nhân* con người bị khẳng định tới mức *cô đơn tuyệt đối* của cái *Tôi mất xác*^[16], nơi *Miên* khắc khoải làm người của hôm nay. Tóm lại, đi từ bết tắc tới bết tắc. Nhưng *Miên* đã biết kết thúc hành trình, vươn qua nắm mớ trong lá thư gửi người bạn gái, ở ngôi sâu sắc, phong phú, độc đáo, đậm dục, âu yếm nhất của tiếng Việt : *em*.

Từ lâu lắm, từ thuở nào tôi không nhớ nữa, tôi ít khi xưng *anh* với người khác, thấy điều ấy hiện nay cần thiết. Nhưng tôi vẫn đau đầu thiếu hụt, mất mát một điều gì. Khẹp áng văn này, tôi bỗng thêm nghe một tiếng *em*. Hè hè... văn chương !

08-2004

^[1] Nhà xuất bản Trẻ, Việt Nam, 2004

^[2] Được vận dụng điều luyện trong truyện Tam Quốc.

^[3] *Qualités de la vie*. Khái niệm triết của riêng tôi, định nghĩa trong *Penser librement*, Chronique sociale, Pháp, 2000.

^[4] Sinh học hiện đại đã phát hiện : những quan hệ nhục cảm tác động trực tiếp vào quá trình hình thành cấu trúc của bộ óc.

^[5] trong tiếng Việt không có từ nào biểu đạt tình trạng đó đối với những giác quan còn lại, khả năng cảm nhận bằng mũi, lưỡi và da thịt. Đủ thấy những *tabou* ấy nặng đến thế nào.

^[6] Trong truyện có một người mẹ mài dao thiên đũa con gái hai tuổi, đúng theo tục lệ của một dân tộc Châu Phi.

^[7] *classique*.

^[8] *romantisme, symbolisme, surréalisme, dadaïsme, nouveau roman*

^[9] *recul esthétique, distanciation poétique*

^[10] *Monde*, khái niệm của riêng tôi, định nghĩa trong *Penser Librement*, Chronique sociale, Pháp, 2000.

^[11] *Valeur*, khái niệm của riêng tôi, định nghĩa trong *Penser Librement*, Chronique sociale, Pháp, 2000.

^[12] Có tác giả cố ý viết như vậy để thực hiện một mục đích khác : làm tan rã ngay cả ý thức của độc giả, đẩy nó vào một thế giới lơ lửng giữa thực-thể và hư-vô. Một đỉnh cao nghệ thuật hành văn này là tiểu thuyết *La route des Flandres* của Claude Simon, nhà văn Pháp cuối cùng được giải Nobel văn chương.

^[13] Bản thân Kafka trước khi chết cũng chỉ yêu cầu Max Brod huỷ bỏ tác phẩm chưa đăng, không tự tay huỷ bỏ.

^[14] Karl Marx.

^[15] Vì thế văn hay vẫn hay ngay cả sau khi bị dịch.

^[16] *Je pense, donc je suis. Tôi tư duy, vậy tôi có thực.* Descartes.